

SỨC MẠNH XÃ HỘI VÀ TỰ DO CHÍNH TRỊ

Gene Sharp

**Boston: Extending Horizons Books,
Sargent Porter Publishers, 1980**

Nguyễn Văn Thái, PhD., chuyển ngữ

2

Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị

ĐI TÌM NHỮNG PHƯƠNG CÁCH KIỂM CHẾ CHÍNH QUYỀN

Một trong những vấn đề tổng quát khẩn trương nhất về chính trị ngày nay là làm thế nào để kiểm chế những hành động của các chính quyền hiện đại. Quyền lực không được kiểm soát của những chính quyền này đe dọa chúng ta ở nhiều mặt -- trắng trợn hơn cả là qua những hình thức bạo ngược và chiến tranh. Những phương tiện truyền thống nhằm kiểm chế các nhà cai trị -- như những hạn chế hiến định, các cuộc bầu cử, sự tự chế bởi chính các nhà cai trị, và cách mạng bạo động -- đã từng chứng tỏ

là có những giới hạn và bất lợi đáng kể, dù chúng có đem lại những đóng góp khác. Trong những trường hợp quá khích đòi hỏi cần có sự kiềm chế thì chúng ta không thể chỉ trông cậy vào những phương tiện truyền thống như là những giải pháp duy nhất. Nếu chúng ta không muốn trở thành chỉ là những cái đinh ốc chính trị bất lực, hay là bị tiêu diệt, thì chúng ta phải tìm cho được và ứng dụng những phương tiện hữu hiệu để kiềm chế quyền lực của các nhà cai trị.

Nếu chúng ta phải khám phá, phát triển, và ứng dụng những phương tiện kiềm chế như thế thì chúng ta cần phải *suy nghĩ* về vấn đề này. Để thực hiện điều này, chúng ta phải trở lại với mức thảo luận căn bản hơn nhiều về quyền lực chính trị so với những cuộc thảo luận thông thường ngày nay về những vấn đề chiến tranh, chuyên chế, và áp bức. Chúng ta cần xác định vị trí và xét đến các yếu tố của vấn đề quyền lực chính trị không được kiểm soát và xét định những tương quan giữa những yếu tố đó. Khi làm điều này thì chúng ta phải cẩn thận đừng chấp nhận một cách vô thức những quan điểm mà người ta thường có về quyền lực chính trị. Những quan điểm này sẽ áp đặt những giới hạn lên sự suy tư của chúng ta, điều có thể ngăn chặn chúng ta thành công trong việc sáng tạo những phương tiện kiểm soát hữu hiệu. Thay vì như vậy, khi chúng ta tìm hiểu và xét nghiệm những thực tế xã hội và chính trị liên hệ đến quyền lực chính trị, chúng ta cần phải cố gắng -- một cách có ý thức -- vượt quá những lần ranh quan niệm bị áp đặt bởi sự tự động chấp nhận những giả định truyền thống. Chúng ta cần tìm tòi xem những phương tiện khác kiềm chế các nhà cai trị có có sẵn hay không hay là cần phải được sáng tạo cộng thêm vào với những phương tiện kiểm soát mà người ta đã từng trông cậy vào, trong quá khứ.

Ngay cả trước khi có thể bắt đầu suy nghĩ về những phương cách kiềm chế quyền lực chính trị trong những trường hợp quá khích, chúng ta cần phải nhìn ngay vào quyền lực chính trị. Quyền lực chính trị là gì, và bản chất của nó là gì? Đây là những câu hỏi nền tảng cho việc xét định những phương tiện có thể được sử dụng để kiểm soát quyền lực chính trị khi những người nắm giữ quyền lực không muốn bị kiềm chế. Những quan điểm khác nhau về quyền lực chính trị và về bản chất của quyền lực chính trị sẽ đưa đến những nhận định tương ứng về các giải pháp có thể có đối với những người muốn áp dụng kiểm soát.

Thường thường người ta cho rằng quyền lực của một "nhà cai trị" (dĩ nhiên là bao gồm không những chỉ những vị lãnh đạo hành pháp, mà còn các nhóm lãnh đạo và tất cả những cơ chế chỉ huy cơ cấu Nhà Nước nữa) như là một núi đá hoa cương: rắn chắc, đồ sộ và nhất quán, bền vững, hoặc gần như là vĩnh cửu. Theo lối nhìn này thì một quyền lực như thế chỉ trong những trường hợp cực đoan mới chịu bị khuất phục bởi một

số phương tiện kiểm soát có thể có được mà thôi. Người ta có thể thực hiện kiểm soát bằng cách thay đổi “quyền sở hữu” hay “quản trị” của cơ cấu Nhà Nước. Điều này có thể thực hiện được một cách hợp pháp (như bằng bầu cử) hay bất hợp pháp (như bằng đảo chánh). Cả hai phương cách này đều để lại cấu trúc và quyền lực sẵn có gần như là nguyên vẹn cho “sở hữu chủ” hay “quản trị viên” mới. Hoặc người ta có thể hăm dọa hay là thực thi một cuộc tấn công bùng nổ trực tiếp có tầm cỡ (như là một cuộc cách mạng bạo động hay một cuộc chiến tranh quốc tế) nhằm phá vỡ ít nhất là phần nào cái cơ cấu hùng mạnh đó. Người ta thường có cái quan niệm phổ quát là để chống lại một nhà cai trị không muốn chấp nhận những giới hạn hay tự nguyện thoái vị thì chỉ có những phương tiện huỷ hoại như thế mới có khả năng làm suy yếu hoặc loại bỏ quyền lực của một chế độ như thế mà thôi.

Cội Nguồn Quyền Lực của Các Nhà Cai Trị Có Thể Bị Cắt Đứt

Một quan điểm thay thế khác về quyền lực của các nhà cai trị hầu như là hoàn toàn đối nghịch lại. Quyền lực chính trị của nhà cai trị không được quan niệm như là một núi đá hoa cương đòi hỏi một khả năng kiểm soát bùng nổ. Theo lí thuyết khác biệt này, nhà cai trị (hay nhóm cai trị) là một con người (hay một nhóm người). Nhà cai trị trong con người ông ta không có quyền lực gì hơn bất cứ con người nào khác. Nhận định này thật quá sơ đẳng nên thường không bao giờ được chú ý đến. Tuy nhiên, nhìn nhận được điều này dẫn đưa đến những nhận thức và giải pháp mới. Nếu nhà cai trị trong thân xác của chính ông ta không có quyền lực gì hơn bất cứ cá nhân nào khác, thì quyền lực cai trị của ông ta phải đến từ bên ngoài ông ta. Quyền lực này do đó phải có cội nguồn từ xã hội, và vị trí của những cội nguồn này cần phải được xác định. Những cội nguồn này bao gồm sự chấp nhận quyền cai trị của nhà cai trị (“quyền hành”), những tài nguyên kinh tế, nhân lực, khả năng quân sự, kiến thức, các kĩ năng, guồng máy hành chánh, cảnh sát, các nhà tù, toà án, và những điều tương tự. Mỗi một cội nguồn này lần lượt sẽ liên hệ chặt chẽ với, hay là trực tiếp lệ thuộc vào mức độ hợp tác, khuất phục, vâng phục, và sự hỗ trợ mà nhà cai trị có thể thủ đắc được từ người dân của mình. Những người này bao gồm quần chúng nói chung và những “trợ tá viên” được trả lương và các nhân viên của ông ta. Sự lệ thuộc này, trong một số trường hợp, có thể giúp người dân giảm bớt việc cung cấp các nguồn quyền lực,

hoặc rút hẳn những nguồn này đi, bằng cách giảm bớt hay rút lui sự hợp tác hay vâng phục cần thiết của họ.

Nếu sự chấp nhận, sự khuất phục hay sự hỗ trợ của các “trợ tá viên” được trả lương và các nhân viên và cả của quảng đại quần chúng được rút lui phần nào hay toàn bộ thì các cội nguồn của quyền lực kết cuộc sẽ bị siết lại, và do đó quyền lực hữu hiệu của nhà cai trị sẽ bị suy yếu đi. Việc làm suy yếu này nói một cách tổng quát sẽ tỉ lệ với mức độ mà việc cung cấp các nguồn sức mạnh được siết lại. Nếu việc rút lui sự chấp nhận, sự khuất phục, và sự hỗ trợ có thể duy trì được dù cho bị nhà cai trị trừng phạt vì bất tuân (“chế tài”) thì ngày tàn của chế độ đang thấy trước mắt. Do đó, vị thế và quyền lực chính trị của tất cả các nhà cai trị đều lệ thuộc vào sự tuân phục, khuất phục, và hợp tác của người dân. Đây là một tóm lược hết sức cô đọng của một phân tích¹ dài hơn rất nhiều (và phần nào ít đơn giản hơn). Tuy nhiên, nói là quyền lực của nhà cai trị không những không vững chãi và nhất quán và không vĩnh cửu, mà ngược lại phải luôn luôn dựa trên cấu trúc phức tạp và mong manh của những liên hệ về con người và về cơ chế thì cũng đủ. Những ngụ ý của nhận định này đã hiển nhiên, mặc dù những vấn đề thực tiễn lớn lao trong việc thực thi việc rút lui sự hỗ trợ vẫn còn đòi hỏi nhiều quan tâm nghiêm chỉnh.

Nguyên tắc rút lui các nguồn sức mạnh khỏi các nhà cai trị khi được áp dụng một cách thực tiễn có thể cung cấp những phương tiện hữu hiệu cần cho cuộc đấu tranh áp đặt kiểm soát lên những nhà cai trị không muốn bị kiểm chế. Những phương tiện chống lại loại nhà cai trị này thường nằm trong những thành phần cốt yếu của khả năng tổng quát của xã hội kiểm chế các nhà cai trị của mình.

Cấu Trúc của Xã Hội Ảnh Hưởng Đến Khả Năng Kiểm Soát

Một thành phần rất quan trọng trong khả năng đó là những điều kiện cơ chế và cấu trúc của xã hội. Điều này nói đến sự hiện hữu hay là vắng bóng của những tổ chức khác nhau, số lượng của các tổ chức, mức độ tập quyền hay tản quyền của những tổ chức này, các thủ tục làm những quyết định nội bộ, và mức độ về sức mạnh nội tại và sự sinh động của chúng. Một trường hợp quá khích sẽ là một xã hội mà trong đó mọi tổ chức đều là một phần của cơ cấu tập trung của Nhà Nước hay là chịu lệ thuộc một cách hữu hiệu vào nhà Nước hay là bị Nhà Nước kiểm chế. Cực đoan khác là một xã hội mà trong đó tất cả mọi nhu cầu của xã hội

đều được một số lớn các tổ chức độc lập khác nhau đáp ứng và trong đó có sự hiện hữu của những hình thái chính quyền, nhưng không có Nhà Nước trung ương tập quyền (“Nhà Nước” ở đây nói đến một hình thái chính quyền cụ thể sở hữu, ngoài những yếu tố khác, một bộ máy bàn giấy thường trực, một hệ thống quân sự thường trực và một lực lượng cảnh sát thường trực, sử dụng những phương tiện kiểm chế bằng bạo lực, được hỗ trợ bằng một hệ thống nhà tù). Tuy nhiên, những điều kiện cực đoan về cơ cấu hết sức trung ương tập quyền hay tản quyền như thế thường hiếm khi hay không bao giờ có. Hầu như tất cả các xã hội chính trị đều có một cấu trúc đầu đó ở giữa hai thái cực này. Mức độ của khả năng tập trung lại hay phân tán quyền lực hữu hiệu trong xã hội, mức độ mà theo đó khả năng được tập trung vào Nhà Nước hay được phân tán cho các tổ chức độc lập của xã hội, là một vấn đề quan trọng.

Tình trạng cơ cấu của xã hội ảnh hưởng đến khả năng của xã hội kiểm soát quyền lực của các nhà cai trị theo hai cách. Nếu quyền lực được phân tán rộng rãi giữa những tổ chức độc lập mạnh và năng động, thì tình trạng đó sẽ hỗ trợ rất nhiều trong những trường hợp khẩn trương cần đòi hỏi đấu tranh để kiểm chế nhà cai trị. Quyền lực này sẽ tăng cường khả năng của người dân và các tổ chức trong việc rút lui những nguồn sức mạnh của nhà cai trị để áp đặt sự kiểm chế. Hơn nữa, tình trạng cơ cấu sẽ đặt để những biên giới rộng lớn cho quyền lực tiềm năng của ông ta mà muốn vượt quá những biên giới này ông ta không thể không thực hiện những thay đổi về cơ cấu hay quyết định gia tăng sự hỗ trợ năng động của người dân và của các tổ chức của họ.

Bất cứ nhà cai trị nào cũng không khẩn thiết sẽ nới rộng việc sử dụng quyền lực, sự thống trị và sự kiểm soát của mình đối với xã hội một cách xa hay sâu đến mức mà tình trạng cơ cấu cho phép. Thiếu động lực thúc đẩy, sự tôn trọng những giới hạn hiến định, những niềm tin về đạo đức hay tôn giáo, hoặc sự tuân thủ những lí thuyết hay triết lí chính trị có thể làm cho nhà cai trị cố tình kiềm hãm mình không sử dụng toàn tiềm năng quyền lực mà tình trạng cơ cấu của xã hội đã cung ứng sẵn cho ông ta. Tuy nhiên, nếu quan điểm của nhà cai trị thay đổi, nếu hoàn cảnh làm ông ta thấy là cần phải có những hành động quá khích hơn, nếu những nhu cầu của cá tính làm cho ông ta trở nên khát vọng quyền lực hơn, hay là nếu có một người hay một nhóm người bằng cách tiềm quyền giành lấy vị thế của nhà cai trị, thì lúc bấy giờ nhà cai trị có thể đẩy mạnh việc sử dụng tiềm năng quyền lực tới đa đến những giới hạn đã được quyết định bởi những tình trạng cơ cấu xã hội. Nhà cai trị có thể ngay cả tìm cách làm suy yếu hoặc tấn công các tổ chức mà nhờ vào sức mạnh của chính mình đã ấn định các giới hạn đó.

Tất cả những điều này, do đó, gọi lên cái ý là, thêm với những điều luật của hiến pháp và những giới hạn tự chế của chính nhà cai trị, cần phải có một kĩ thuật đấu tranh để kiềm chế những nhà cai trị không muốn bị kiểm soát, và một tình trạng cơ cấu xã hội đưa ra những giới hạn hữu hiệu cho tiềm năng quyền lực của các nhà cai trị để thiết lập một sự kiểm soát hữu hiệu đối với quyền lực của những nhà cai trị hiện đại.

Có một kĩ thuật đấu tranh dựa trên quan điểm về bản chất của quyền lực nói trên (quyền lực có những nguồn gốc có thể bị siết lại bằng cách rút lui sự hợp tác và tuân phục). Kĩ thuật này được gọi là hành động bất bạo động. Hành động bao gồm phản đối bất bạo động có tính biểu tượng; bất hợp tác kinh tế, xã hội, và chính trị; và can thiệp bất bạo động dưới hình thức tâm lí, vật chất, xã hội, kinh tế, và chính trị.² Kĩ thuật này một khi đã được làm cho tinh tế, được phát triển, và được thực thi trong nhiều hoàn cảnh cụ thể khác nhau, có thể tạo thành linh hồn của giải pháp đáp ứng nhu cầu về một kĩ thuật đấu tranh nhằm kiềm chế các nhà cai trị không muốn tự nguyện chấp nhận những giới hạn cho quyền lực của mình. Cần có nhiều nghiên cứu, phân tích, và tìm hiểu về chánh sách, và phát triển về bản chất và tiềm năng của kĩ thuật kiềm chế này.

Tuy nhiên, chương này chủ yếu tập trung vào vai trò của cấu trúc xã hội nằm bên dưới việc quyết định những giới hạn về tiềm lực của nhà cai trị. Trọng điểm của cuộc thảo luận này là xét định những hậu quả dài hạn của việc tập trung tương đối tiềm lực của xã hội vào Nhà Nước, so với những hậu quả dài hạn của việc phân tán tương đối quyền lực vào những tổ chức phi Chính phủ của xã hội như là một tổng thể.

Có lúc, dù không xảy ra thường xuyên, cá nhân có thể ảnh hưởng sâu đậm đến diễn biến của những biến cố xã hội và chính trị nhờ sức mạnh thuyết phục của bản thân, nhờ những liên hệ của mình với những nhân vật giữ những chức vụ then chốt trong cơ cấu, và nhờ khả năng của mình sử dụng những loại hành động bất bạo động nào đó. Một vài hành động cá nhân của Mohandas K. Gandhi minh xác khả năng này. Tuy nhiên, những trường hợp này hiếm hoi, nhất là để chống lại những nhà cai trị nhất quyết cai trị theo ý muốn của mình mà không chịu bị giới hạn. Trong những trường hợp như thế thì quyền lực của họ chỉ có thể bị cắt đi một cách đáng kể hay là bị phá huỷ bằng cách siết chặt các nguồn sức mạnh của họ mà thôi. Tuy nhiên việc siết lại như thế không thể thực hiện được với những cá nhân biệt lập. Những cội nguồn quyền lực của nhà cai trị thông thường chỉ bị đe dọa một cách đáng kể khi khi sự hỗ trợ, hợp tác, và tuân phục bị giữ lại cùng một lúc bởi một số lớn người dân, nghĩa là, bởi các nhóm xã hội và các tổ chức. Do đó khả năng của các cơ chế này rút lại những nguồn mà họ cung cấp là then chốt. Khả năng này do nhiều nhân tố khác nhau tác động, bao gồm kĩ năng của người dân trong việc

áp dụng kĩ thuật đấu tranh, và cả nhu cầu tương đối của nhà cai trị về các nguồn sức mạnh mà các cơ chế này có thể cung ứng.

Có hai điều tổng quát có thể xảy ra lúc này. Quyền lực có thể quá bị tập trung vào Nhà Nước, và người dân quá bị phân hoá, đến độ không có được những nhóm hay tổ chức xã hội tầm thước có khả năng rút lui được các nguồn sức mạnh của nhà cai trị, và do đó kiềm chế được những hành động của nhà cai trị. Mặt khác, nếu trong xã hội có được ở một mức độ khả quan những nhóm có khả năng hành động độc lập, do đó có khả năng kiềm chế, thì sự hiện diện và sức mạnh của những tổ chức đó sẽ gia tăng xác suất thành công một cách đáng kể cho một cuộc đấu tranh nhằm kiềm chế quyền lực của nhà cai trị. Các nhóm và tổ chức có khả năng hành động độc lập như thế được gọi là những “*tụ điểm* (nơi chốn) của quyền lực”.

“Quyền lực” ở đây dĩ nhiên là nói đến quyền lực chính trị, một loại sức mạnh xã hội. Quyền lực chính trị ở đây được định nghĩa như là toàn bộ những phương tiện, ảnh hưởng, và áp lực – bao gồm quyền hành, các hình thức thưởng thường và chế tài – có sẵn để sử dụng cho việc tranh thủ các mục tiêu của người nắm giữ quyền lực, nhất là của các cơ chế chính quyền, của Nhà Nước, và của các nhóm chống lại cả hai. Quyền lực chính trị có thể được đo lường bằng khả năng kiểm soát hoàn cảnh, con người, hay là các tổ chức, hay là khả năng động viên người và các tổ chức cho một sinh hoạt nào đó. Quyền lực có thể được sử dụng để làm cho một nhóm có được khả năng tranh thủ một mục đích, để thực thi hay thay đổi các chính sách, để khuyến dụ những người khác hành động khi những người sử dụng quyền lực ước muốn dẫn thân vào đối lập, để duy trì hệ thống, những chính sách, và những liên hệ hiện hành, hay là để sửa đổi, phá huỷ, hoặc thay thế các quan hệ quyền lực trước đây. Chế tài – có thể là bạo động hay bất bạo động -- thường là yếu tố then chốt của quyền lực. Không luôn luôn cần phải áp dụng khả năng sử dụng trừng phạt để được hữu hiệu. Chỉ khả năng áp dụng trừng phạt và sử dụng những thành phần khác của quyền lực cũng đủ để tranh thủ mục tiêu rồi. Trong những trường hợp như thế thì quyền lực cũng không kém gì hơn là khi quyền lực được áp dụng cùng với trừng phạt.³

Vai Trò của Những Tụ Điểm Quyền Lực Được Phân Tán Trong Việc Kiềm Chế Quyền Lực Chính Trị

Hình thái chính xác và bản chất của những tụ điểm quyền lực (hay là những nơi mà quyền lực được tìm thấy, quy tụ, hay biểu hiện) biến đổi từ

xã hội này đến xã hội khác, từ hoàn cảnh này đến hoàn cảnh khác. Tuy nhiên, chúng thường bao gồm các nhóm và tổ chức xã hội như là gia đình, các giai cấp xã hội, các nhóm tôn giáo, các nhóm văn hoá và quốc tịch, các nhóm ngành nghề, các nhóm kinh tế, các làng, thành phố, đô thị, tỉnh lỵ và vùng, các cơ quan nhỏ của chính phủ, các tổ chức thiện nguyện, và các chính đảng. Rất thông thường đó là những nhóm xã hội và tổ chức truyền thống, ổn định, và chính thức. Tuy nhiên, đôi lúc, các tụ điểm quyền lực có thể được tổ chức một cách ít chính thức hơn, và ngay cả có thể vừa mới được tạo ra hay là được hồi sinh trong tiến trình tranh thủ một mục tiêu nào đó hay là chống đối lại nhà cai trị (như những hội đồng công nhân trong thời gian cuộc Cách Mạng Hung Gia Lợi năm 1956). Vị thế của những nhóm hay tổ chức này như là những tụ điểm sẽ được quyết định bởi khả năng hành động độc lập, sử dụng sức mạnh hữu hiệu, và điều động được sức mạnh hữu hiệu của người khác, như của nhà cai trị, hoặc của một tụ điểm hay nhiều tụ điểm quyền lực nào đó.

Khả năng của những tụ điểm này trong việc kiểm chế những hành động của nhà cai trị lúc bấy giờ sẽ chịu ảnh hưởng của (1) mức độ hiện hữu của những tụ điểm này, (2) mức độ chúng có thể hành động độc lập, (3) những nguồn quyền lực mà chúng kiểm soát, (4) mức độ sức mạnh xã hội mà chúng kiểm soát, và (5) đôi khi, những nhân tố khác nữa. Nếu tất cả những nhân tố này đều có thật nhiều, thì các tụ điểm có thể tự do cung ứng những nguồn quyền lực mà nhà cai trị cần đến, hay thay vì như vậy, những tụ điểm này có thể chọn siết chặt lại hoặc cắt đứt những nguồn quyền lực mà nhà cai trị đòi hỏi.

Các Tụ Điểm Quyền Lực Đặt Những Giới Hạn Cho Khả Năng Quyền Lực của Nhà Cai Trị

Cơ cấu quyền lực của xã hội như là một tổng thể bao gồm cả hai thứ: những liên hệ giữa những tụ điểm quyền lực với nhau lẫn những liên hệ này với nhà cai trị. Cơ cấu quyền lực của xã hội, nghĩa là, những liên hệ này, trong dài hạn sẽ quyết định các lãnh vực và sức mạnh của quyền lực hữu hiệu tối đa của nhà cai trị.⁴ Khi quyền lực được phân tán một cách hữu hiệu trong khắp cả xã hội giữa những *tụ điểm* như thế thì quyền lực của nhà cai trị rất có thể bị kiểm chế và giới hạn. Tình trạng này được gắn liền với “tự do” chính trị. Ngược lại, khi những tụ điểm như thế đã bị làm suy yếu một cách trầm trọng, đã bị phá vỡ một cách hữu hiệu, hay là sự hiện hữu độc lập và tự quản trong hành động đã bị một vài loại kiểm soát áp đặt phá huỷ thì quyền lực của nhà cai trị rất có thể không bị kiểm chế.

Tình trạng này được gắn liền với “chuyên chế”. “Khi người ta nhìn thấy và cảm nhận được chỉ có một quyền hành duy nhất của con người thì tình trạng này xa rời với tự do hơn cả”, Bertrand de Jouvenel đã viết như thế.⁵

Khi những *tụ điểm* quyền lực quá nhiều và quá mạnh để nhà cai trị có thể thực hiện được sự kiểm soát vô giới hạn hay phá huỷ chúng, thì nhà cai trị vẫn có thể thủ đắc được những nguồn quyền lực mà ông ta cần từ những *tụ điểm* này. Tuy nhiên, muốn làm như vậy, nhà cai trị phải làm cho những nhóm xã hội và tổ chức có cảm tình với ông ta, với những chánh sách và biện pháp của ông ta, và với chế độ của ông ta như là một tổng thể, để cho họ sẵn lòng chịu khuất phục, hợp tác, và cung ứng các nguồn quyền lực cho ông ta. Để thực hiện điều này, ông ta phải điều chỉnh hành vi và chánh sách của mình để giữ được thiện ý và sự hợp tác của những người tạo nên các nhóm và tổ chức của xã hội. Đây là một loại kiểm soát gián tiếp mà những *tụ điểm* quyền lực có thể thi hành đối với nhà cai trị. Nếu nhà cai trị không cố gắng điều chỉnh hoặc điều chỉnh không thành công, thì ông ta sẽ làm mất lòng dân chúng mà ông cai trị, lúc bấy giờ những *tụ điểm* mạnh của xã hội có thể, bằng một cuộc đấu tranh công khai, rút lui những nguồn quyền lực mà họ kiểm soát và nhà cai trị đòi hỏi. Theo phương cách này dân chúng hành động qua các nhóm và tổ chức có thể áp đặt kiểm soát đối với một nhà cai trị có tham vọng độc đoán hay ngay cả làm cho chế độ tan rã và quyền lực của nhà cai trị tan biến.

Điều ngược lại cũng đúng. Khi các nhóm xã hội và các tổ chức mất đi khả năng quyết định và hành động độc lập, mất đi sự kiểm soát đối với các nguồn quyền lực, hay là đã bị làm suy yếu đi rất nhiều hoặc bị phá vỡ, thì sự mất mát như thế sẽ đóng góp đáng kể vào việc làm cho quyền lực của nhà cai trị vô giới hạn và không thể kiểm chế được. Trong những trường hợp không có nhiều những *tụ điểm* quyền lực và người dân chỉ là một khối những cá nhân phân hoá không có khả năng hành động tập thể, thì quyền lực của nhà cai trị ít bị người dân kiểm chế hơn cả.

Những Tấn Công Có Chủ Ý và Những Hậu Quả Không Dự Tính Có thể Làm Suy Yếu Các *Tụ Điểm* Quyền Lực

Những nguyên nhân hoàn toàn khác nhau có thể làm suy yếu hoặc phá vỡ các *tụ điểm* quyền lực của xã hội. Những chánh sách của nhà cai trị có chủ ý tấn công sự độc lập của những *tụ điểm* này, làm suy yếu sức mạnh của chúng, hay ngay cả phá vỡ chúng chỉ là một trong những điều có thể xảy ra. Những kết quả tương tự có thể xảy ra tiếp theo như là

những hậu quả phụ không dự tính do sự điều hành những chính sách xã hội, kinh tế, và chính trị hoặc do những động lực khác.

Nơi nào cuộc tấn công có chủ ý thì có thể là nhà cai trị cảm thấy các nhóm và tổ chức như thế là những đối thủ cạnh tranh, và nhìn nhận là các nhóm và tổ chức đó áp đặt giới hạn lên quyền lực và tham vọng toàn năng của mình. Lúc bấy giờ nhà cai trị có thể chủ ý tìm cách phá vỡ sự độc lập của chúng và ngay cả giải tán các cơ chế. Nhà xã hội học người Đức Georg Simmel lí luận là ước muốn “bình đẳng hoá” người dân của những nhà cai trị không phải là vì ưu tiên đạo đức về bình đẳng, mà thực ra chỉ vì mong muốn làm suy yếu những nhóm người có khả năng giới hạn quyền lực của các nhà cai trị. Một bộ phận nào đó có thể biến mất khỏi hàng ngũ của những nhóm xã hội và tổ chức của xã hội, nhất là nếu cơ chế này không có khả năng đối kháng hữu hiệu chống lại những nỗ lực của nhà cai trị. Tuy nhiên, thông thường hơn thì nhóm hay tổ chức này vẫn tiếp tục tồn tại một cách chánh thức, nhưng sẽ thiếu hẳn những phẩm chất đem lại độc lập và khả năng kiểm soát các nguồn quyền lực. It quá khích hơn thì nhóm vẫn tiếp tục tồn tại với sự độc lập và quyền hạn bị giảm đi rất nhiều nhưng không bị triệt tiêu. Một nhà cai trị muốn có quyền lực vô giới hạn và không bị thách thức có thể cố thay thế một *tụ điểm* bằng một tổ chức do hệ thống của ông ta kiểm soát chặt chẽ.

Khi những cuộc tấn công vào các tụ điểm quyền lực của xã hội như thế được nhìn nhận như là những nỗ lực nhằm nâng cao quyền lực vị kỉ của nhà cai trị, để áp đặt một thể chế độc tài, hay là để nới rộng sự kiểm chế của một thể chế đã áp bức sẵn, thì những tấn công này đã được nhìn thấy một cách phổ quát là thật đáng quan ngại. Tuy nhiên, đây không phải luôn luôn là trường hợp. Khi nhóm hay tổ chức bị tấn công bị nhiều người cho là áp bức, trực lợi, hoặc phản xã hội, hay là bị thất sủng vì những lí do khác, thì một cuộc tấn công vào tổ chức này bởi một nhà cai trị áp dụng những tài nguyên hùng hậu hơn của Nhà Nước thường được chấp nhận một cách rộng rãi và được xem như là tiến bộ và ngay cả giải thoát nữa. Điều này không phủ định chút nào quan điểm trên đây cho rằng việc làm suy yếu hay phá vỡ những tụ điểm quyền lực sẽ làm gia tăng quyền lực của nhà cai trị đang chỉ đạo Nhà Nước.

Những *tụ điểm* bị tấn công có thể đã vận hành ngược lại hay thuận theo sự hưng thịnh của xã hội như là một tổng thể; trong cả hai trường hợp, những tụ điểm này đã siết lại khả năng quyền lực của nhà cai trị. Điều này không có nghĩa là những nhóm hay những tổ chức sinh hoạt làm hại đến dân chúng hay những thành phần của dân chúng nên được chấp nhận một cách thụ động và được phép tiếp tục những hành vi trong quá khứ. Không phải là việc kiểm chế hay loại bỏ những cơ chế như thế, điều sẽ tạo ra vấn đề; mà chính là cái phương cách nhằm đạt được hay loại bỏ

kiểm chế sẽ đưa đến việc làm gia tăng khả năng của nhà cai trị trở thành độc tài và áp bức. Vấn đề sẽ được tạo ra khi guồng máy Nhà Nước thi hành việc kiểm chế hay loại bỏ và những *tụ điểm* quyền lực mới không được thành lập, hay là những *tụ điểm* hiện hành khác không được tăng cường; những *tụ điểm* này ít nhất cũng nằm ngoài vòng kiểm soát của nhà cai trị giống như những *tụ điểm* bị tấn công. Về điểm đặc biệt này thì việc tụ điểm cũ bị khuất phục bởi luật pháp dân chủ phóng khoáng, bởi nghị định của một nhà chuyên chế, hoặc do tuyên cáo của của một lãnh đạo cách mạng, không quan trọng mấy. Trong nhiều hệ thống khác nhau, hậu quả nói một cách tổng quát đều như nhau. Hậu quả là vừa gia tăng tầm cỡ và những khả năng của guồng máy Nhà Nước vừa làm suy yếu hay cắt bỏ đi một nhóm hay một tổ chức có khả năng chống lại và giới hạn khả năng quyền lực của nhà cai trị đang chỉ huy cơ cấu Nhà Nước.

Bao giờ *tụ điểm* quyền lực còn bị làm suy yếu đi rất nhiều hay bị phá vỡ *mà không có một sự gia tăng cân bằng sức mạnh bởi những nhóm hay tổ chức hiện hành hay tạo nên những tổ chức mới độc lập với Nhà Nước*, thì kết quả theo một nghĩa nào đó sẽ giống y như nhau: nghĩa là quyền lực của nhà cai trị sẽ gia tăng và khả năng của người dân trong việc giới hạn hay kiểm chế quyền lực này sẽ bị giảm thiểu. Điều này không những chỉ áp dụng cho nhà cai trị hiện tại đang chỉ đạo Nhà Nước. Một nhà cai trị như thế thực ra có thể có những mục đích nhân bản và không có ước muốn trở nên độc tài. Kết quả cũng còn được áp dụng cho những nhà cai trị tương lai thừa hưởng tiềm năng quyền lực đã được nói rộng, có thể ít nhân bản hơn những vị tiền nhiệm rất nhiều, và có thể đã thực sự giành được sự kiểm soát guồng máy Nhà Nước bằng cách tiếm quyền, như một cuộc đảo chánh chẳng hạn. Cũng cùng một tiến trình tổng quát đã vận hành trong những hoàn cảnh rất khác biệt trong việc đập tan giới quý tộc và các lãnh chúa phong kiến thời Cách Mạng Pháp và trong việc phá vỡ những nghiệp đoàn thương mại độc lập và các chính đảng tại Nga cộng sản dưới thời Lenin và Stalin, và cả tại Đức Quốc Xã dưới thời Hitler. Kết quả của những trường hợp này là gia tăng việc tập trung quyền lực của xã hội, bành trướng khả năng quyền lực của Nhà Nước, giảm thiểu những giới hạn đã có thực và những kiểm chế của dân chúng đối với khả năng quyền lực hữu hiệu của nhà cai trị.

Những Nhân Tố Khác Có Thể Ảnh Hưởng Đến Các Nhà Cai Trị Nhưng Không Kiểm Chế Được Họ

Điều này không có nghĩa là sẽ có một tương quan toán học chặt chẽ giữa mức độ quyền lực được phân tán vào các *tụ điểm* này hoặc tập trung vào Nhà Nước và mức độ quyền lực của nhà cai trị có thể bị kiểm chế hay chuyên chế. Như đã có nói trước đây, những nhân tố khác cũng có thể ảnh hưởng đến hành vi thực sự của nhà cai trị, bao gồm những giới hạn tự áp đặt mà ông ta chấp nhận trong việc hành sử quyền lực của mình và bất cứ những giới hạn nào được thiết lập bởi các thủ tục cơ chế, như là các cuộc bầu cử, các điều khoản hiến pháp, và những phán quyết tư pháp, *với điều kiện là nhà cai trị sẵn lòng tuân thủ.*

Tuy nhiên, phân tích này không có nghĩa là sức mạnh tương đối và tình trạng nội tại của những *tụ điểm* như thế sẽ đặt ra những giới hạn khắt khe cho việc hành sử quyền lực của nhà cai trị. Ông ta không thể vượt qua những giới hạn này mà tuyệt nhiên không hề để ý đến ý kiến của người dân. Những giới hạn này trong những hoàn cảnh như thế chỉ có thể vượt qua được nếu có sự thoả thuận và hỗ trợ của các nhóm xã hội và tổ chức của xã hội chứ không thể đối nghịch lại sự chống đối rõ ràng của họ được. *Điều kiện của những tụ điểm quyền lực của xã hội phần lớn sẽ quyết định khả năng dài hạn của xã hội trong việc kiểm soát quyền lực của nhà cai trị.* Một xã hội mà trong đó các nhóm và các tổ chức có sức mạnh xã hội đáng kể và có khả năng hành động độc lập thì sẽ có khả năng kiểm chế quyền lực của nhà cai trị, và do đó có khả năng chống lại chuyên chế, hơn là một xã hội mà trong đó mọi người dân đều bất lực.

Các Hình Thái Cơ Chế Là Thứ Yếu Đối Với Sự Phân Phối Quyền Lực Thực Thụ

Khuôn khổ cơ chế chính thức và các thủ tục của chính quyền vẫn quan trọng trong bối cảnh của nhận định này, nhưng tình trạng cơ cấu nằm bên dưới, trong dài hạn, sẽ lấn át những dàn xếp chính thức về chính trị. Chính sự phân phối quyền lực trong toàn cơ cấu xã hội như một tổng thể quyết định quyền lực thực thụ của nhà cai trị, dù cho những nguyên tắc đã từng được công khai thừa nhận cho hệ thống hay cho những hình thái cơ chế của hệ thống là gì.

Dù cơ cấu chính trị chính thức của chính quyền có thể hết sức độc tài, nhưng nếu nhiều quyền lực hữu hiệu được phân phối giữa những nhóm xã hội và tổ chức khác nhau, thì xã hội nội tại có lẽ sẽ mạnh đủ để duy trì một hệ thống chính trị tương đối “tự do” và mạnh đủ để giới hạn và kiểm chế quyền lực hữu hiệu của nhà cai trị. Ngay cả một chính thể chính thức “chuyên quyền” do đó cũng có thể phải chịu những giới hạn và kiểm chế khắt khe. Ngược lại, nơi nào mà các tụ điểm chính trị yếu, thì xã hội có lẽ sẽ không thể ngăn chặn được sự thống trị của một chính thể độc tài, dù nguồn gốc của chính thể này là từ trong hay ngoài nước. Một xã hội có được một hiến pháp dân chủ nhưng thiếu những *tụ điểm* quyền lực mạnh vì vậy sẽ rất yếu thế trước một nhà độc tài có thể có, trong lúc một chế độ “dân chủ” hiến định có thể có quyền lực hầu như là vô giới hạn và không bị kiểm soát. Nếu để cách quãng một thời gian thì mức độ phân tán hay tập trung quyền lực trong khắp xã hội có thể vào một lúc nào đó sẽ được phản ánh trong những dàn xếp chính trị chính thức của xã hội.

Những Tụ Điểm Quyền Lực Mạnh Có Thể Kiểm Chế Các Nhà Chuyên Chế

Những thí dụ từ các nền quân chủ phong kiến Pháp và Nga sẽ minh xác là quyền lực của các nhà cai trị trên lí thuyết là vô giới hạn vẫn có thể bị kiểm chế như thế nào khi quyền lực được phân tán giữa những *tụ điểm* khác nhau trong khắp xã hội.

Nhà phân tích chính trị quan trọng người Pháp của thế kỉ thứ mười chín Alexis de Tocqueville gợi ý là trong số những “chướng ngại vật trước đây đã từng chặn đứng sự hưng hãn của chuyên chế”⁷ là ba điều sau đây: (1) tôn giáo, trước đây đã có lần giúp các nhà cai trị và những người bị trị “định nghĩa những giới hạn tự nhiên của độc tài,”⁸ (2) sự tôn trọng đối với những nhà cai trị, không có sự tôn trọng này, khi đã bị những cuộc cách mạng đập tan, đã cho phép các nhà cai trị rơi trở lại vào “những quyền rũ của quyền lực độc đoán”⁹ mà không cảm thấy nhục nhã, và -- điều mà chúng ta lưu tâm hơn cả -- (3) sự hiện hữu của những *tụ điểm* quyền lực hữu hiệu trong toàn xã hội, như là các tỉnh, các quý tộc của các thành phố, và các gia đình.¹⁰

Trước Cách Mạng Pháp, dưới *chế độ cũ*, vào đúng lúc khi mà “các luật lệ và sự thoả thuận của người dân đã đầu tư vào các vị quân vương với một quyền hành hầu như là vô giới hạn”¹¹, thì “quyền lực của một phần của thân dân cũng đã là một chướng ngại vật không thể vượt qua được đối với sự chuyên chế của nhà vua rồi...”¹² Trong số các cội nguồn của

cái quyền kiểm chế này, de Tocqueville nói tiếp, là “những đặc quyền của giới quý tộc...quyền hành của các tối cao pháp viện, ... những đặc quyền của các tỉnh, đã giúp ngăn chặn búa rìu của quyền hành quân vương và duy trì được tinh thần đối kháng trong nước.”¹³ Trong thời đại đó, người dân rất khẩn khít với nhau; nếu một người bị tấn công một cách bất công thì những người khác sẽ giúp đỡ.¹⁴ Các tỉnh và thành phố tương đối độc lập, và “mỗi nơi đều có ý muốn riêng của mình, đối nghịch với ý muốn chung chịu khuất phục.”¹⁵ Các quý tộc có khá nhiều quyền lực và ngay cả sau khi đã mất hết quyền lực, họ vẫn tiếp tục gây nhiều ảnh hưởng. Họ “dám đơn phương đối diện với những nỗ lực của công quyền.”¹⁶ Khi mà cảm tình gia đình mạnh, thì “người chống đối áp bức không bao giờ cô đơn” trái lại còn tìm được sự hỗ trợ trong số bà con, bạn bè từ đời này sang đời khác, và trong số các khách hàng.¹⁷ Ngay cả khi những người này yếu thì người ta vẫn có được lòng tin vào tổ tiên và hi vọng vào con cháu mình.¹⁸ Những điều này cùng với những ảnh hưởng khác của các *tư điểm* quyền lực độc lập trong xã hội đóng góp vào việc giới hạn quyền lực chính trị thực thụ của nhà cai trị mà trên lí thuyết có sức mạnh toàn năng.

Triết gia chính trị người Pháp đương thời Bertrand de Jouvenel mô tả tình trạng này bằng những ngôn từ tương tự. Tại nước Pháp ở thế kỉ thứ mười bảy, trên lí thuyết vị quân vương có toàn quyền sinh sát, nhưng thực ra, quyền lực chính trị của ông ta hết sức bị giới hạn. Sự giới hạn này đã được gây nên bởi những phương cách không phải chỉ vì những biến đổi về kĩ thuật giữa thời đại đó và thời đại chúng ta mà thôi.

Đâu đâu... người ta cũng phủ nhận cái quyền của vị quân vương muốn đưa ra luật lệ gì tùy thích; người ta không tin là ước muốn của ý quân vương có sức mạnh bất buộc, dù những ước muốn đó là gì. Mọi người đều biết rằng một sắc lệnh của một quyền lực trần tục không có tính bắt buộc về mặt đạo đức chỉ vì hình thức của nó, nếu tuân chỉ theo sắc lệnh đó không thoả mãn được một số điều kiện.

Nói cách khác, vị quân vương, hay là phát ngôn nhân của ông ta, ít tự do trong *ché độ cũ* hơn là bây giờ, và chỉ huy ít độc đoán hơn.¹⁹

Tương tự như thế, nhà xã hội học người Ý thuộc thế kỉ thứ hai mươi đã lí luận như sau:

Vị thủ lãnh của một nhà nước phong kiến có thể làm điều sai quấy đối với bất cứ ai trong số những bá tước của ông, nhưng ông không bao giờ là chủ nhân tuyệt đối của tất cả những vị này. Họ có sẵn một số sức mạnh quân chúng để sử dụng... và luôn luôn có thể hành sử cái quyền chống đối có thực trên thực tế của mình.” Cá nhân những bá tước này, đến lượt họ, ý thức được là có một giới hạn cho sự độc đoán mà họ có thể hành sử đối với quân chúng thần dân của họ. Sự phi lí về phần họ có thể khiêu khích một sự bất ổn tuyệt vọng dễ dàng đưa đến nổi loạn. Vì thế, hoá ra là tại những quốc gia thực sự phong kiến, việc cai trị của các chủ nhân ông có thể đầy bạo lực và độc đoán từng lúc, từng hồi, nhưng nói chung thì việc cai trị này hết sức bị giới hạn bởi phong tục.²⁰

Dù rằng hiến pháp tự nó đã độc tài trong thời phong kiến, nhưng quyền lực hỗn hợp của các nhóm xã hội và các tổ chức trong khắp xã hội, và ảnh hưởng của những giới hạn không nắm bắt được đối với quyền lực của nhà cai trị, đã vận hành để kiềm chế quyền lực của các vị quân vương. “Các ông vua có quyền, nhưng không có phương tiện và ước muốn làm điều gì tùy thích,” Tocqueville viết.²¹ Một số trong các nhóm này, như giới quý tộc chẳng hạn, có thể chống đối tự do cá nhân. Tuy vậy, ông lí luận là sự độc lập và quyền lực của họ đã làm cho sự yêu chuộng và tình trạng tự do được sống động.²² Chính sự hiện hữu của nhiều loại quyền hành và nhiều chủ nhân đòi hỏi sự trung thành của người dân – thay vì một vị duy nhất – đã cho phép người dân có được một mức độ lựa chọn nào đó cũng như khả năng xoay xở. Trong một hoàn cảnh như vậy, thì Simmel cho rằng người dân “thủ đắc được một sự độc lập nào đó đối với mỗi vị, còn riêng về cảm nhận riêng tư, thì có lẽ ngay cả đối với tất cả các vị ấy.”²³

Có một hoàn cảnh tương tự tại Đế Quốc Nga dưới chế độ Nga hoàng vào thế kỉ thứ mười chín. Nhà sử học đáng kính của xã hội này và của những phong trào cách mạng của xã hội này, Franco Venturi, đã viết: “...quyền lực ghê gớm mà Nicolas I, nhà độc tài số một trong số những quân vương Âu châu đương thời, nắm giữ, thực ra hết sức bị giới hạn khi quyền lực này động chạm đến những nền tảng của cơ cấu xã hội Nga.”²⁴ Ví dụ, Nga hoàng, trước cuộc giải phóng nông nô, đã tìm những phương tiện để cải tiến số phận nông dân, nhưng ông đã gặp phải sự chống đối từ những nhóm và những giai cấp mà ông cần sự hỗ trợ và sự đồng ý để thực hiện những thay đổi mà ông muốn.²⁵ Nhà Nước thực ra không có khả năng can dự vào những quan hệ giữa nông dân và các quý tộc. Đây chỉ là “một bằng chứng nữa về sự yếu kém của nền độc tài của Nicholas I; quyền lực này chỉ mạnh ở trong tình trạng tĩnh, và yếu ngay khi có ý muốn hành động.”²⁶

Sự đối kháng có tiềm năng sinh động chống lại những kế hoạch của Nga hoàng nổi lên từ cả nông dân lẫn từ quý tộc. Nông dân sống trong những điền trang tư nhân hầu như là thống nhất trong việc tin rằng mặc dù họ thuộc quyền sở hữu của các quý tộc và các địa chủ, nhưng đất đai thì lại thuộc quyền sở hữu của chính các nông nô. Do đó họ bác bỏ bất cứ nỗ lực nào “đem lại tự do” cho bản thân họ mà lại dâng đất cho quý tộc. Một nỗ lực như thế có thể đưa đến cách mạng với thành phần nông nô vừa cố giữ lấy phần đất của họ vừa đòi hỏi hoàn toàn được giải phóng khỏi thuế khóa.²⁷ Viễn tượng này thật quan ngại vì nông dân có những tổ chức tự quản của họ, các *nông hội* [*obshchina* và *mir*], nghĩa là những tụ điểm quyền lực hữu hiệu. Họ kinh nghiệm về hội họp, về thảo luận, về

làm quyết định, và về việc cùng hành động với nhau, những khả năng có một lịch sử lâu dài. Venturi phức trình như sau:

Nhà Nước do những cải cách của Peter Đại Đế thiết lập nên trước đó đã không bao giờ bám rễ được trên toàn quốc. Song song với Nhà Nước vẫn có một hệ thống tự quản địa phương tồn tại từ thời trung cổ với những nhóm có tổ chức của các nông gia và các nhà thương mại.²⁸

“Chính qua những tổ chức này, những tổ chức duy nhất mà nông dân có sẵn để sử dụng, mà xã hội nông dân đã tự vệ được.”²⁹ Do đó, chính quyền Nga hoàng đã tìm cách kiềm chế các *nông hội* [obshchina]³⁰.

Dù sự đối kháng của các quý tộc chống lại cải cách đã từng được thổi phồng ở Tây Phương, sự chống đối này vẫn có ý nghĩa. Sự chống đối của họ, Venturi viết, đã đặt Nga hoàng vào “thế yếu.”³¹ Các quý tộc, cũng vậy, lo sợ một cuộc cách mạng nông dân, và sự chống đối của họ đã được tăng cường bởi sự cảm nhận là Nga hoàng ước muốn thay đổi nhiều hơn là sự thực. “Sự đối kháng của giới quý tộc tỉ lệ với sự yếu kém của nền chuyên chế...”³² Những quý tộc, như là những cá nhân cũng như nhóm, dĩ nhiên là quá mạnh nên Nga hoàng không thể lờ đi hoặc dẹp tan được.

Nông dân sợ bị tước quyền sở hữu đất đai, và các quý tộc thì sợ bị tước quyền sở hữu nông nô của mình. Cả hai nhóm đều có khả năng hành động tập thể và tạo nên được những *tụ điểm* quyền lực quan trọng không thể làm ngơ được. Những *tụ điểm* quyền lực này do đó đã giới hạn và kiềm chế quyền lực của vị Nga hoàng mà trên lí thuyết có quyền lực toàn năng.

Những thí dụ của Pháp và của Nga này chỉ là những minh xác về khả năng tổng quát của những *tụ điểm* quyền lực thuộc bất cứ loại nào, nếu mạnh đủ và độc lập, trong việc kiềm chế quyền lực của một nhà cai trị bất kể trên lí thuyết ông ta có quyền lực vô giới hạn như thế nào đi nữa. Nhưng những thí dụ này không nên được cắt nghĩa như là những lời tạ tội cho chế độ phong kiến. Dù Tocqueville đã từng bị kết án là người biện hộ cho chế độ phong kiến, trong trí óc của ông ta, ông rất rõ ràng là sự kiềm chế do những *tụ điểm* quyền lực ở Pháp thời *chế độ cũ* thực hiện không phải là kết quả của chính hệ thống quý tộc. Đúng ra là khả năng kiềm chế có được là do sự phân tán quyền lực hữu hiệu trong khắp xã hội, mà trong trường hợp này là đặc thù của hệ thống quý tộc. Sự phân tán quyền hành giữa những nhóm và tổ chức của xã hội như thế cũng có thể vận hành trong những hệ thống khác, và sẽ đem lại kết quả kiềm chế tương tự đối với nhà cai trị. Khả năng kiềm chế do sự phân tán quyền lực đem lại.

Tocqueville nhận định là tác dụng của quyền lực phân tán đối với quyền lực của những nhà cai trị vượt quá chính trị nội bộ. Tác dụng này còn có tiềm năng bao gồm khả năng tiến hành những cuộc chiến tranh quốc ngoại mà không cần sự hỗ trợ của thần dân, và ngay cả khả năng của một một nhà cai trị xâm lược chinh phục một quốc gia có một cơ cấu quyền lực phân tán.

Một dân tộc vĩ đại thuần quý tộc không thể chinh phục các láng giềng của mình, cũng không thể bị láng giềng của mình chinh phục, mà không gặp nhiều khó khăn. Dân tộc này không thể chinh phục được các láng giềng vì những lực lượng của dân tộc này không bao giờ có thể tập hợp lại và thống nhất với nhau trong một thời gian lâu dài được; dân tộc này không thể bị chinh phục, bởi vì kẻ địch sẽ gặp phải ở từng bước tiến những trung tâm kháng chiến nhỏ ngăn chặn cuộc xâm lăng. Chiến tranh chống lại hàng ngũ quý tộc có thể được so sánh với một cuộc chiến tại một quốc gia đầy đồi núi; phe bại trận liên tục có những cơ hội để tái phối trí lực lượng và kháng cự ở một địa điểm mới.³³

Trong lúc các *tụ điểm* quyền lực hữu hiệu có thể áp đặt những giới hạn và kiềm chế lên quyền lực của nhà cai trị, nhưng nếu những *tụ điểm* này yếu, không có, hoặc bị phá huỷ thì quyền lực của nhà cai trị cũng theo mức độ đó mà không bị kiềm chế.

Phá Huỷ Những *Tụ Điểm* Quyền Lực Có Thể Hỗ Trợ Chuyên Chế

Không có những nhóm xã hội và những tổ chức quan trọng nắm quyền lực thì hết sức khó mà thực hiện việc kiềm chế hữu hiệu nhà cai trị bằng cách điều phối các nguồn quyền lực cần thiết của ông ta. Điều này áp dụng cho bất cứ hệ thống nào, bất kì bản chất và học thuyết chính thức công nhận là gì. Nếu một nhà cai trị -- dù là một vị vua, những đại diện của một tập đoàn đầu sỏ về kinh tế, hay là một nhóm những người tuyên xưng cách mạng -- cố tình làm suy yếu hoặc phá vỡ những *tụ điểm* quyền lực mà không tạo nên những *tụ điểm* khác ít nhất cũng mạnh như những *tụ điểm* cũ thì kết quả sẽ là làm suy yếu đi những giới hạn đối với quyền lực của nhà cai trị. Điều này đúng dù cho triết lí chính trị hay là những dàn xếp hiến pháp chấp nhận là gì đi nữa.

Tocqueville lí luận đây là điều đã xảy ra trong thời gian đánh đổ *ché độ cũ* tại Pháp. Trước kia các tỉnh và thành phố có thể chống lại nhà cai trị. Tuy nhiên, cuộc cách mạng đã phá bỏ những miễn lệ, những tập tục, truyền thống, và ngay cả danh xưng, và ép những thứ này phải tuân thủ cùng một thứ luật lệ. Vì vậy, “đàn áp tập thể không còn khó khăn như khi đàn áp những đơn vị này như là những đơn vị cá biệt nữa.”³⁴ Trong lúc

tình cảm gia đình trước đây đã hỗ trợ cá nhân chống lại nhà cai trị, nay việc làm suy yếu hay phá vỡ tình cảm gia đình đã để lại cá nhân đơn độc trong một xã hội liên tục thay đổi.³⁵ Trước kia, giới quý tộc có thể thách thức và kiểm chế nhà vua. Khi giai cấp này bị đánh đổ thì quyền lực của họ trở nên tập trung vào những người mới chiếm vị thế của nhà cai trị.³⁶

Tôi nhận thấy là chúng ta đã phá tan những thực thể độc lập có thể đơn phương chống lại chuyên chế; nhưng chính Chính quyền lại thụ hưởng những đặc quyền mà các gia đình, các công ti, và cá nhân đã bị tước bỏ; sự yếu kém của toàn thể cộng đồng do đó chịu sự chi phối của một nhóm nhỏ công dân. Nhóm này, dù đôi khi áp bức, nhưng thường thì bảo thủ.³⁷

Vì vậy, Tocqueville nói, cách mạng Pháp đã lật đổ cả “quyền lực độc tài lẫn những khả năng kiểm chế các lạm dụng của quyền lực này...khuyh hướng của [cuộc cách mạng] là lật đổ và trung ương tập quyền ngay tức khắc.”³⁸ Sự đánh tan giới quý tộc và giai cấp thượng lưu đã làm cho việc trung ương tập quyền dưới thời Napoléon³⁹ có thể thực hiện được. Cũng tương tự như thế, Jouvenel đã nêu lên việc tập trung quyền lực thời hậu cách mạng và sự đập tan những tụ điểm quyền lực như là những hành động đặt nền móng cho Nhà Nước độc tôn.⁴⁰ Đặc biệt, ông đã nêu lên việc phá huỷ giai cấp trung lưu như là “nguyên nhân gần nhất của những chế độ độc tài đương đại”,⁴¹ và lí luận có phần nào chi tiết là cuộc cách mạng trong quá khứ một cách tổng quát đã đóng góp vào sự gia tăng quyền lực cho chính quyền trung ương.⁴²

Cần phải nhấn mạnh là không phải chỉ xoá bỏ những giai cấp áp bức và thiết lập bình đẳng tương đối là sẽ dẫn đến trung ương tập quyền. Thực ra thì như Tocqueville viết, chính là “cách thức bình đẳng được thiết lập.”⁴³ (“Bình đẳng” ở đây, dĩ nhiên, được dùng trong nghĩa hết sức là tương đối) Thông thường sự “bình đẳng” này được tranh thủ bằng cách phá bỏ những tụ điểm quyền lực hiện hữu (như giới quý tộc Pháp chẳng hạn) *mà không tạo ra những nhóm xã hội và tổ chức có đủ độc lập và sức mạnh để chống lại nhà cai trị tại trung ương*. Hơn nữa, như chúng ta sẽ thấy, những phương tiện đấu tranh bạo động và những chế tài bạo động mà Nhà Nước trông cậy vào để đem lại sự “bình đẳng” như thế đã thường xuyên đóng góp vào việc gia tăng tập trung quyền lực vào Nhà Nước. Chính những loại thay đổi đặc biệt này nhân danh phong trào đem lại bình đẳng đã tạo nên một đóng góp đáng kể vào những hình thái hiện đại của chuyên chế.

Khi những *tụ điểm* quyền lực phân tán bị tiêu huỷ mà những tụ điểm mới có cùng tầm quan trọng và sức mạnh không được tạo ra, thì kết quả có khuyh hướng sẽ là một xã hội bao gồm những cá nhân tương đối bình đẳng, nhưng phân hoá, và bất lực.

Những cá nhân này lúc bấy giờ sẽ không có được những nhóm và những tổ chức với những thành viên mà họ có thể tham khảo ý kiến, nhận lãnh sự hỗ trợ, hoặc phối hợp để hành động. Những cá nhân phân hoá, không thể cùng hành động chung với nhau, không thể hợp nhất để thực hiện một sự phản đối có ý nghĩa, để, bằng cách bất hợp tác, rút lui những nguồn sức mạnh mà nhà cai trị cần, và, trong một vài trường hợp, can thiệp để phá vỡ hiện trạng. Những cá nhân này do đó sẽ không có khả năng giới hạn hay kiềm chế quyền lực chính trị đang được sử dụng bởi nhà cai trị hiện tại, hay bởi bất cứ một nhà cai trị mới nào có thể giành được quyền kiểm soát guồng máy Nhà Nước và tự đặt mình vào đỉnh cao lãnh đạo.

Tiến trình làm suy yếu và phá vỡ các nhóm và các tổ chức có khả năng chống lại Nhà Nước, với kết quả là sự suy yếu của xã hội, và sự bất lực của những cá nhân công dân, đã được Tocqueville nhận ra rõ ràng trong những giai đoạn mới phát triển. Ông nêu rõ là trong lúc người dân của một nước dân chủ có thể cảm thấy kiêu hãnh là mình bình đẳng với bất cứ công dân nào khác, nhưng đó không phải là toàn bộ bức tranh. Khi một người so sánh mình như là một cá nhân với con số khổng lồ những công dân khác, thì “ông ta bỗng nhiên cảm thấy mình bị ngập lụt trong một sự cảm nhận về sự vô nghĩa và yếu đuối của mình.”⁴⁴ Cá nhân có khuynh hướng “biến mất giữa đám đông và dễ dàng lạc lối giữa sự mờ mịt thường lệ...”⁴⁵ Không còn là thành viên của một nhóm có khả năng hành động độc lập thực thụ và chống đối lại nhà cai trị, người dân cá biệt chỉ trở thành một người trong đám đông những công dân khác cùng yếu đuối và lệ thuộc như nhau. Mỗi người chỉ có “sự bất lực bản thân để đối chọi lại với lực lượng có tổ chức của Chính Quyền.”⁴⁶ Trong những hoàn cảnh như thế, “mọi người đều đơn độc ... và sẽ bị dẫm đạp lên một cách vô tội vạ.”⁴⁷ Tại những quốc gia dân chủ, do đó, Nhà Nước “tự nhiên mạnh hơn” ở những nơi khác.⁴⁸ Bất kì những sắp xếp hiến pháp là gì, khả năng của xã hội này trong việc duy trì tự do đích thực sẽ yếu đi một khi bộ máy Nhà Nước đã bị chiếm, dù là bằng bầu cử, bằng tiếm quyền, bằng đảo chánh, hay bằng xâm lược bởi một nhà chuyên chế có thể có. “Có cách gì mà chống lại được chuyên chế trong một quốc gia khi mà mọi người dân riêng tư đều bất lực và công dân không được kết hợp lại với nhau bằng một ràng buộc chung?”⁴⁹ Điều này thực sự xảy ra đến tầm mức nào dĩ nhiên biến đổi tùy theo tiến trình này được nới rộng đến mức độ nào. Tình trạng sẽ không đến nỗi nào trầm trọng nếu các nhóm và các tổ chức được tự lập phần nào còn tồn tại, đã được hồi sinh, hay mới được tạo dựng nên. Và người dân trong một vài lãnh vực giới hạn của cuộc sống của mình có thể còn giữ được khả năng ảnh hưởng đến các biến cố, còn về những vấn đề rộng lớn hơn ảnh hưởng đến xã hội như

một tổng thể và các chánh sách của chính quyền, thì họ có thể cảm thấy mình không có khả năng thực hiện bất cứ sự kiểm chế hữu hiệu nào cả. Ngay cả trong những nền dân chủ hiến định, cái cảm giác bất lực của người dân bình thường trong việc ảnh hưởng đến những diễn trình thực sự của những biến cố chính trị có lẽ được cảm nhận sâu đậm và rộng rãi ngày hôm nay nhiều hơn rất nhiều so với thời Tocqueville.⁵⁰

Tình trạng này đã được Karen Horney và Eric Fromm, ngoài những người khác, lưu ý chúng tôi. Có một sự xung khắc cơ bản, Horney viết, “ở giữa cái được cho là tự do cá nhân và tất cả những giới hạn thực sự của ông ta.... Kết quả đối với cá nhân đó là một sự lưỡng lự giữa cảm nhận về quyền lực vô giới hạn trong việc quyết định về thân phận của mình và cảm giác hoàn toàn bất lực của mình.”⁵¹ Tương tự như thế, Eric Fromm cảnh cáo: “...trong chính xã hội của chúng ta, chúng ta phải đối diện với cũng cùng cái hiện tượng vùng đất phì nhiêu cho sự trỗi sinh của Phát xít ở bất cứ nơi nào: đó là sự vô nghĩa và bất lực của cá nhân.”⁵² “Dù với lớp sơn lác quan và sáng kiến, con người hiện đại bị ngập lụt trong sự cảm nhận sâu xa về sự bất lực làm cho anh ta nhìn chòng chọc vào những thảm hoạ đang xảy ra như thể là anh ta đang bị tê liệt.”⁵³

Những lí do mà các nhà phân tích cung cấp để cắt nghĩa tình trạng này khác nhau. Tuy nhiên, trong ý nghĩa chính trị thì tất cả đều liên hệ đến vị thế quyền lực yếu kém của cá nhân biệt lập đối diện với nhà cai trị hùng mạnh, thuộc bất cứ loại nhà cai trị nào. Cá nhân không cảm thấy mình là thành phần của các nhóm xã hội và các tổ chức có đủ quyền lực và độc lập về hành động để đối kháng hữu hiệu và cùng nhau kiểm chế quyền lực của nhà cai trị, bởi vì các nhóm xã hội và tổ chức độc lập của xã hội yếu kém, bị đặt dưới vòng kiểm soát, hoặc không hiện hữu. Trong những xã hội hiện đại có một sự phân hoá tương đối nơi người dân đã xảy ra. Mức độ điều này xảy ra, và giai đoạn phát triển của điều này, biến đổi tùy theo quốc gia, tùy theo hệ thống chính trị, và tùy theo những lực vận hành để tạo nên hay ngăn chặn tiến trình đó. Những biến đổi này quan trọng, và thường thì hết sức quan trọng. Và, có những lúc tiến trình này có thể được đảo ngược, hoặc do những hệ quả không dự tính của những thay đổi trong cơ cấu của xã hội hay là do những thay đổi có chủ ý nhằm tạo ra hay tăng cường các tổ chức độc lập. Trong những nền dân chủ hiến định Tây phương, sự độc lập và quyền hạn tương đối của các nhóm xã hội và các tổ chức lớn hơn rất nhiều so với những chế độ toàn trị mà trong đó sự phân hoá đã đạt đỉnh điểm của thời điểm đó của lịch sử. Vào thời thanh trừng của Stalin, chẳng hạn, “không ai có thể tin người khác được hay là cảm thấy an toàn dưới sự bảo vệ của bất cứ tổ chức hay cá nhân nào mà từ trước đến nay họ từng tin cậy.” Leonard Schapiro đã viết. “Sự ‘phân

hoá' của xã hội, mà vài người đã nhìn thấy như là một sắc thái đặc thù của toàn trị, đã được hoàn tất trong những năm khủng bố."⁵⁴

Sự phân hoá có chủ ý như thế là kết quả từ những biện pháp của nhà cai trị nhằm làm suy yếu hoặc phá vỡ những *tụ điểm* quyền lực quan trọng, mà về phương diện cơ cấu, đã được đặt nằm giữa cá nhân và nhà cai trị. Một nhà cai trị mong muốn làm cho chế độ của mình hoàn toàn mạnh có thể chủ ý khởi sự những biện pháp nhằm đạt mục đích này. Điều này đã xảy ra cả trong thời Đức quốc xã⁵⁵ lẫn trong thời Liên bang Xô viết.⁵⁶ "Độc tài... không bao giờ được an toàn trong việc tiếp tục tồn tại," Tocqueville viết, "hơn là khi có thể giữ được con người tách rời nhau, và mọi ảnh hưởng của nền độc tài đều được sử dụng vào mục đích này."⁵⁷ Hoặc là, nhà cai trị có thể tìm cách duy trì sự thống trị của mình, không phải bằng cách phá huỷ những *tụ điểm* quyền lực mà bằng cách sửa đổi những sức mạnh của những *tụ điểm* này để đặt mình vào vị trí chớp bu. Simmel đưa ra ý kiến là nhà cai trị có thể khuyến khích "những nỗ lực của các giai cấp hạ lưu được điều hướng đến sự bình đẳng trên pháp lí qua những quyền lực trung gian như thế."⁵⁸ Điều này sẽ gây dựng một *tụ điểm* quyền lực mạnh đủ để cân bằng ảnh hưởng của "những quyền lực trung gian" đối với nhà cai trị, do đó tạo ra được một lực cân bằng tương đối, và do đó giúp nhà cai trị duy trì được sự thống trị trên toàn thể.⁵⁹

Sự phân hoá tương đối của người dân cũng có thể tiếp diễn như là một kết quả không dự tính của những chính sách khác hay là những thay đổi xã hội, được thiết kế không phải để phân hoá dân chúng cũng không phải để đóng góp vào quyền lực vô giới hạn cho nhà cai trị. Điều này đặc biệt có khuynh hướng xảy ra ở nơi nào mà những nhà cải cách hay những nhà cách mạng sử dụng guồng máy Nhà Nước để kiểm chế một số nhóm xã hội hay kinh tế nào đó, như là giới quý tộc, các địa chủ, hay các nhà tư bản chẳng hạn, và ở nơi nào mà Nhà Nước được sử dụng như là công cụ chính yếu để kiểm soát sự phát triển kinh tế và chính trị của xứ sở. Việc tập trung quyền lực vào Nhà Nước có thể thành công trong việc kiểm chế một nhóm nào đó mà các biện pháp đã được định chế hoá để chống lại. Tuy nhiên, những hậu quả dài hạn khác sẽ tiếp theo sau do sự tập trung quyền lực này vào việc kiểm chế hay phát triển đó. Trông cậy vào Nhà Nước để đạt những mục đích này không những sử dụng sự tập trung quyền lực hiện có vào Nhà Nước mà còn đóng góp vào sự phát triển quyền lực này một cách tuyệt đối cũng như đối chiếu với các tổ chức khác trong xã hội. Hơn nữa, sự trông cậy vào Nhà Nước này không những không tăng sức mạnh cho dân chúng và các tổ chức độc lập của họ mà còn có khuynh hướng làm suy yếu những tổ chức này một cách tuyệt đối và tương đối. Ví dụ, thiết lập sự kiểm soát của Nhà Nước đối với nền kinh tế có thể cung cấp cho nhà cai trị hiện tại hay tương lai những phương

tiện để “giữ người dân mà ông ta cai trị phải lệ thuộc mật thiết hơn,” như Tocqueville đã từng nói.⁶⁰ Việc thiết lập quyền Nhà Nước sở hữu nền kinh tế, chẳng hạn, đã cung ứng cho những chế độ cộng sản cái khả năng áp dụng một sổ đen khổng lồ chống lại những người bất đồng ý kiến chính trị. Khả năng này vượt xa khả năng của các nhà tư bản trước đó đã dùng những danh sách như thế một cách ít hiệu năng hơn rất nhiều để làm cho những người tổ chức các nghiệp đoàn thương mại không kiếm được việc làm.

Việc tập trung quyền lực hữu hiệu vào Nhà Nước không những cung cấp cho nhà cai trị những phương tiện để trực tiếp kiểm soát dân chúng. Sự tập trung này sẽ còn có khuynh hướng đưa đến nhiều áp lực và ảnh hưởng tâm lí đối với người dân, điều không những chỉ làm giảm khả năng của họ kiểm chế nhà cai trị, mà ngay cả việc họ mong muốn làm như vậy. Cá nhân chịu ảnh hưởng quá khích của quần chúng và thường bị áp lực phải chấp nhận những ý kiến mà không có cơ hội để suy xét có luận lí,⁶¹ nhất là áp lực dưới hình thức biện minh cho đạo đức, ý thức hệ, lòng yêu nước, và kiến thức chuyên môn. Những người có ý đồ cùng nhau hành động để thay đổi xã hội, hay là để thách thức sự toàn năng của nhà cai trị thường được xem là nguy hiểm và phản xã hội.⁶² Dân chúng càng lúc càng chấp nhận là đúng, và ngay cả là bổn phận của nhà cai trị phải “hướng dẫn cũng như cai quản mỗi một cá nhân riêng tư.”⁶³ Chủ thuyết này nguy hiểm cho tự do, và cho sự duy trì và phát triển của những kiểm chế đối với quyền lực chính trị của nhà cai trị.

Bất kể những cái lợi ngắn hạn được biểu thị, những kết quả dài hạn của việc trông cậy vào quyền lực tập trung của Nhà Nước để giải quyết những vấn đề của xã hội có thể là thảm họa cho tương lai chính trị của xã hội đó.

Sự Phân Phối Quyền Lực Thực Thụ Có Thể Ảnh Hưởng Đến Các Hình Thái Cơ Chế Của Chính Quyền

Cấu trúc quyền lực thực thụ của xã hội về dài hạn có khuynh hướng giúp quyết định hình thái cơ chế chính thức của chính quyền. Một cơ cấu quyền lực được phân tán trong xã hội như là một tổng thể có nhiều *tụ điểm* quyền lực hữu hiệu sẽ có khuynh hướng tạo nên một hình thái dân chủ hơn. Trái lại một xã hội với nhiều cá nhân bị phân hoá và quyền lực tập trung vào trong tay Nhà Nước sẽ tạo dễ dàng cho một hình thái chính quyền độc tài. “Cái mà chúng ta gọi là hiến pháp chỉ là câu chuyện đấng

quang của cơ cấu xã hội mà thôi; và nơi nào mà những cơ chế hạ tầng hết sức khác nhau thì cơ cấu thượng tầng cũng phải khác biệt,” F.C. Montague viết.⁶⁴ Tương tự như thế, Mosca lí luận là những giới hạn thực thụ về quyền lực của nhà cai trị, hay sự thiếu vắng những giới hạn này, sẽ đưa đến việc chính thức thừa nhận những giới hạn đó trong hiến pháp và luật pháp.⁶⁵ Những *tụ điểm* quyền lực có thể mạnh đến nỗi nhà cai trị phải thừa nhận sự lệ thuộc của ông ta vào những tụ điểm này bằng cách thay đổi cơ chế. “Cho nên buổi họp của quốc hội, ngay từ ban đầu, đã mang đặc tính thiết yếu là”, Jouvenel viết, “đó là một hội nghị của nhiều giới chức, lớn và nhỏ, mà nhà vua không thể ra lệnh và cũng không hoà đàm được.”⁶⁶ Ngược lại, nơi nào mà các nhóm xã hội và các tổ chức tương đối thiếu vắng hoặc yếu, không thể chống lại nhà cai trị tại trung ương và không thể kiểm soát các nguồn sức mạnh của ông ta, thì cơ cấu chính trị chính thức có thể thay đổi không còn dân chủ nữa trên danh nghĩa và công khai trở thành hết sức tập trung và độc tài.

Những thay đổi về cái khuôn khổ chính thức của chính quyền để phản ánh sự phân phối quyền lực thực sự và tình trạng cơ cấu của xã hội như là một tổng thể thường chỉ được thực hiện sau một quãng cách thời gian. Có thể là một thời gian dài trong những điều kiện thích hợp. Những hình thái bên ngoài của một hệ thống chính trị có thể tiếp diễn lâu dài sau khi sự phân phối quyền lực trong xã hội -- điều mà nguyên thủy đã giúp tạo ra những hình thái đó của chính quyền -- đã biến đổi đi rất nhiều rồi. Guồng máy chính thức của nền dân chủ hiến định có thể vẫn tiếp diễn một thời gian sau khi sự phân tán hữu hiệu về quyền lực giữa các nhóm và các tổ chức của xã hội đã được thay thế bằng sự tập trung hữu hiệu về quyền lực vào tay của nhà cai trị. Nếu như thế thì tiềm năng quyền lực của nhà cai trị có thể không bị kiềm chế trong cách hành xử như thể là hiến pháp thực sự độc đoán vậy. Mặc dù hiến pháp cũ có thể vẫn tiếp tục lâu dài sau khi những điều kiện tạo nên hiến pháp đã thay đổi, tình trạng này có thể sẽ hết sức bất ổn. Trong một xã hội mà các nhóm xã hội và các tổ chức phi Chính Phủ yếu, đã bị nhà cai trị kiềm chế, hay vì lí do nào khác không thể hành động độc lập và chống lại nhà cai trị, và dân chúng hoặc không muốn chống đối những việc tiếm quyền hoặc cảm thấy bất lực trong việc chống đối, thì một hình thái chính quyền thực sự độc đoán có thể được chấp nhận một cách dễ dàng. Hình thái này có thể được đưa vào như một dàn xếp “tạm thời” để đáp ứng một nhu cầu khẩn trương đặc biệt, hay như một sự thay đổi vĩnh viễn. Trong trường hợp sau này, sự thay đổi có thể xuất hiện từ những thay đổi dần dà về hiến pháp, những chuyển hướng về thực hành, về những quyết định tư pháp, về lập pháp, và những điều như thế. Thay vì như thế, sự thay đổi có thể đi theo sau một vụ tiếm quyền, những cuộc đảo chánh, hay ngoại xâm. Đôi khi sự

thay đổi trực tiếp đến từ những “đòi hỏi” cần cho sự điều động một cuộc chiến hữu hiệu tại quốc nội hay chống ngoại xâm.

Trường hợp ngược lại cũng có thể xảy ra. Một loại chính quyền chính thức là độc tài có nguồn gốc đã từ lâu có thể vẫn tiếp tục tồn tại trong một thời gian sau khi các nhóm xã hội và các tổ chức phi Nhà Nước của xã hội từng hiện hữu trong hệ thống đó đã trưởng thành về sức mạnh và trong khả năng hành động độc lập; và có lẽ sau khi những nhóm và tổ chức mới có cùng những đặc tính như thế đã xuất hiện. Trong trường hợp như thế, khi mà hiến pháp chính thức vẫn độc đoán, thì trên thực tế các *tụ điểm* quyền lực sẽ kiểm chế được nhà cai trị đến một mức khả quan. Nghĩa là, xã hội trên thực tế đã trở nên dân chủ hơn là hình thái chính thức của quyền còn tồn tại cho thấy. Cũng trong trường hợp này, những tương quan quyền lực đã được thay đổi này và điều kiện cơ cấu mới với thời gian sẽ có khuynh hướng được chính thức thừa nhận bởi một sự thay đổi về hiến pháp.

Trong cả hai trường hợp, tình trạng cơ cấu của xã hội và sự phân phối thực sự quyền lực hữu hiệu trên phương diện thực hành có khuynh hướng sửa đổi sự vận hành về cách thức hành sử quyền lực của nhà cai trị khác với những điều khoản chính thức của hiến pháp và khác với cơ cấu chính quyền.

Đôi khi có thể có một sự bất phù hợp giữa tình trạng cơ cấu của xã hội và cơ cấu chính thức của chính quyền khi một nhà cai trị -- nhất là dưới hình thức một đảng chính trị được ý thức hệ điều hướng -- giành quyền kiểm soát Nhà Nước để áp đặt một nền độc tài nhằm uốn nắn trở lại cơ cấu nền tảng của xã hội. Sự thành công hay thất bại của nỗ lực này lúc đó sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tình trạng cơ cấu của xã hội: các nhóm xã hội và các tổ chức có mạnh đủ để chống lại những nỗ lực của nền độc tài không, quá yếu để có thể thành công hay ngay cả chỉ cố thử xem có thành công hay không, hay là các nhóm và tổ chức này có sẵn lòng hỗ trợ sự suy sụp của chính mình để phục vụ mục tiêu của nhà cai trị hay không.

Kiểm Soát Quyền Lực Chính Trị Như Là Kết Quả Của Sức Mạnh Nội Tại

Do đó, mức độ mà quyền lực của nhà cai trị bị kiểm soát bởi người dân chủ yếu tùy thuộc vào sức mạnh nội tại của trật tự xã hội và của chính người dân. Quan điểm này trái ngược với những cất nhắc về những phương cách kiểm chế quyền lực đang được yêu chuộng hiện nay. Ngày

nay thông thường người ta đặt hầu như hoàn toàn tin tưởng vào hiến pháp chính thức, vào lập pháp, và vào những quyết định tư pháp để thiết lập và bảo toàn tự do. Người ta cũng thường cho rằng chỉ những ý định, những hành động, và những chánh sách của một nhà độc tài hay một kẻ áp bức (dù đó là một cá nhân hay một nhóm người) mới đưa đến độc tài hay áp bức. Thêm nữa, thông thường người ta cũng cho rằng chỉ cần lật đổ nhà độc tài hay kẻ áp bức là đem lại tình trạng tự do. Tuy nhiên, theo sự phân tích này thì những quan điểm này sai lầm. Tệ hơn nữa là những quan điểm đó có khuynh hướng đưa đến những chánh sách không có khả năng đem lại những kết quả mong muốn.

Quan điểm cho rằng quyền lực của nhà cai trị rút cuộc là hậu quả của tình trạng của chính xã hội không có gì độc đáo và cũng không có gì mới. Quan điểm này đã từng được bàn cãi bởi nhiều lí thuyết gia chính trị và những nhà quan sát suốt hàng bao nhiêu thế kỉ nay.

William Godwin, một tư tưởng gia chính trị người Anh cuối thế kỉ thứ mười tám, chẳng hạn, có ý nghĩ là đặc tính của những thể chế chính trị phần lớn được quyết định bởi tình trạng hiểu biết về xã hội và chính trị của người dân. Nếu sự hiểu biết này bị giới hạn thì các thể chế sẽ không được hoàn hảo theo mức độ đó. Nếu sự hiểu biết này rộng lớn, thì những thể chế được chấp nhận sẽ được cải tiến, và những thể chế bị khước từ sẽ mất hiệu lực vì thiếu hỗ trợ.⁶⁷ Những thay đổi về ý kiến của công chúng do đó khẩn thiết phải đi trước những thay đổi về xã hội và chính trị, nếu những thay đổi này muốn được lâu bền.⁶⁸ Trình độ ấu trĩ hay trưởng thành của quần chúng, sẽ được phản ánh qua hệ thống chính trị, Godwin viết, tạo nên một chế độ độc tài hay một hoàn cảnh tự do. Sự yếu kém nội tại sẽ làm cho một dân tộc dễ dàng biến thành con mồi ngon cho kẻ chinh phục, trong khi đó nỗ lực áp bức một dân tộc đã được chuẩn bị cho tự do sẽ có khuynh hướng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi mà thôi.⁶⁹

Niccolo Machiavelli, một tư tưởng gia “hiện thực” người Ý của thế kỉ thứ mười sáu và là cố vấn cho các quân vương, nêu lên sự thiếu khả năng duy trì tự do của những người không quen thuộc với việc tự quản có trách nhiệm.⁷⁰ Ông ấy viết đó là một tình trạng giống như tình trạng của một con vật được nuôi dưỡng trong sự giam cầm nên khi được trả tự do không thể tự chăm lo cho mình được. Nó trở thành con mồi cho người đầu tiên tìm cách phục hồi nó vào tình trạng trước kia.⁷¹ “Bởi vì không phải là danh tánh cũng không phải là đẳng cấp của nhà độc tài đã làm La Mã trở thành nô lệ mà chính sự mất quyền hành mà người dân đã bị tước bỏ bởi sự lâu dài của nền cai trị của ông ta.”⁷² Mức độ tuân phục thụ động đã quen thuộc dưới một vị quân vương cũ, hay ngược lại sự sinh động và tham dự của người dân vào một nền cộng hoà, Machiavelli lí luận, sẽ quan trọng

trong việc quyết định sự dễ dàng hay khó khăn tương đối mà một nhà cai trị mới sẽ gặp phải khi có ý muốn định vị cho mình.⁷³

Bá tước de Montesquieu, triết gia chính trị người Pháp của thế kỉ mười tám được chú ý về những quan điểm của ông về tầm quan trọng của sự phân chia các quyền lực trong chính quyền, cũng đóng góp vào sự hiểu biết về mối quan hệ giữa sức mạnh nội tại của xã hội và loại chính quyền mà xã hội này có. Montesquieu nhấn mạnh tầm quan trọng của “đức hạnh” (được định nghĩa như là lòng yêu nước và yêu bình đẳng) trong việc duy trì tự do và chính quyền của dân.⁷⁴ Ông thêm rằng: “Tập tục của một dân tộc bị nô lệ là một phần của sự nô lệ của họ, những tập tục của một dân tộc tự do là một phần của sự tự do của họ.”⁷⁵ Mosca trích dẫn, trong số những nhân tố cần có để có thể chống lại, và kiềm chế được nhà cai trị, là sự hiện diện của “những lực lượng xã hội có tổ chức” không bị nhà cai trị kiểm soát.⁷⁶ Tocqueville lí luận là “sự đam mê và thói quen tự do” đóng góp vào sự bảo toàn quyền tự do. Mặt khác, ông viết, “Tôi không thể quan niệm được có gì được chuẩn bị cho sự nô thuộc tốt hơn là, trong trường hợp bại trận, một dân tộc dân chủ mà không có những cơ chế tự do.”⁷⁷ Jouvenel liên kết tình trạng tự do với sự cảnh giác sinh động của dân chúng,⁷⁸ và khẳng định là khi mà các phẩm chất của quyền dân chủ hiện hữu ở một mức độ cao thì sự tự do này xuất phát từ “chính sự khẳng quyết của con người về những quyền của chính mình...”⁷⁹

Thực là ý nghĩa khi những quan điểm của Mohandas K. Gandhi, chiến lược gia bất bạo động và là nhà lãnh đạo phong trào quốc gia Ấn Độ, hoàn toàn phù hợp với những lí thuyết gia này trên quan điểm về sự liên hệ giữa sức mạnh xã hội và quyền lực chính trị. Gandhi liên tục lí luận là tự quản đích thực (*swaraj*) không phải chỉ là một vấn đề về những sắp xếp chính quyền và cá tính của nhà cai trị. Thay vì như vậy, dân chủ được đặt cơ sở trên sức mạnh nội tại của xã hội.⁸⁰ Ông cho là sự nô thuộc của người Ấn vào sự cai trị của người Anh là vì tình trạng yếu kém của chính Ấn Độ.⁸¹ Bởi vì “xét cho cùng thì dân tộc nào, chính quyền đó,” chính quyền tự quản có thể “chỉ đến từ những nỗ lực của chính mình.”⁸² Trước khi tự quản có thể được thiết lập thì người dân phải bỏ đi cái “cảm giác bất lực”; họ không thể hành động để thay đổi cơ cấu chính trị mà không tự tin được.⁸³ “Một hiến pháp toàn hảo áp đặt lên trên một tình trạng nội tại vữa nát thì sẽ giống như một ngôi mộ sơn phết màu trắng.”⁸⁴ Do đó, một cuộc cách mạng bất bạo động không phải là một chương trình giành giật quyền lực, mà là một chương trình “biến đổi những tương quan đưa đến kết quả là một sự bàn giao quyền lực êm đẹp.”⁸⁵ Gandhi lí luận là một Ấn Độ được tăng cường nội lực, tự túc, và tự tin sẽ được an toàn không bị ngoại xâm, ngay cả không cần vũ khí.⁸⁶

Những Hàm Ý Của Sự Phân Tách Này Đối Với Sự Kiểm Soát Quyền Lực Chính Trị

Có thể rút ra ít nhất là ba kết luận từ cuộc thảo luận này về các phương tiện có thể giúp kiểm chế quyền lực chính trị:

1. Những xã hội mà không có những tự điểm quyền lực và người dân tương đối bị phân hoá thì, dù cho có những hiến pháp chính thức, cũng dễ bị chế ngự bởi chuyên chế và những hình thái khác của quyền lực chính trị không bị kiểm soát.

2. Trong những trường hợp như thế thì thay thế người, hay nhóm người đang giữ vị thế nhà cai trị sẽ không đủ để thiết lập sự kiểm chế hữu hiệu đối với quyền lực của bất cứ ai giữ vị thế đó.

3. Để sự kiểm chế hữu hiệu đối với quyền lực của nhà cai trị có thể thực hiện được, quyền lực phải được chuyển giao và phân tán một cách hữu hiệu giữa những nhóm xã hội và các tổ chức trong khắp xã hội.

Bây giờ chúng ta hãy xét từng điểm một một cách chi tiết.

Hiến Pháp Không Đủ Để Kiểm Chế Quyền Lực Của Nhà Cai Trị

Chúng ta đã thấy là trong nỗ lực kiểm chế quyền lực của nhà cai trị, những hình thái thể chế về chính quyền là thứ yếu so với sự phân phối quyền lực thực sự trong toàn xã hội. Thêm nữa, việc làm suy yếu hay phá vỡ các *tự điểm* quyền lực có khuynh hướng làm gia tăng một cách đáng kể những khó khăn của người dân trong việc kiểm chế nhà cai trị của họ. Ngay cả một hiến pháp dân chủ -- từng đặt những giới hạn cho những quyền lực được hợp pháp hoá của chính quyền, thiết lập những thủ tục đều đặn cho việc hành sử của chính quyền và cho sự lựa chọn nhà cai trị, và bảo đảm một số tự do và quyền của người dân -- cũng không đủ để đảo ngược khuynh hướng đó. Nơi nào mà xã hội yếu và nhà cai trị dân chủ mạnh thì những giới hạn hiến định truyền thống bất thành văn hay thành văn đối với những quyền lực của chính quyền hay những hàng rào ngăn chặn các đặc quyền của nhà cai trị sẽ không có khả năng cản trở một chế độ phản dân chủ giành lấy kỉ cương của chính quyền, như bằng một cuộc đảo chánh hay một cuộc xâm lăng chẳng hạn. Trong cùng hoàn cảnh xã hội có cơ cấu yếu thì dân chúng cũng không có khả năng ngăn chặn được những nhà cai trị đã từng được chọn lựa bằng những phương

tiện hiến định cứ từ từ nói rộng quyền hạn của mình vượt quá những giới hạn hợp pháp, hoặc áp đặt tiếm quyền hành pháp. Khi một nhóm người có sức mạnh muốn vi phạm “luật lệ” của một nền dân chủ thì các điều khoản hiến định và luật pháp tự chúng không thể ngăn chặn sự tiếm quyền được.

Tuy nhiên, một xã hội có cơ cấu mạnh với khả năng quyền lực hữu hiệu được phân tán giữa các nhóm và các tổ chức của xã hội sẽ có tiềm năng điều chỉnh những nguồn quyền lực của nhà cai trị và đấu tranh hữu hiệu để duy trì hay phục hồi một hệ thống chính quyền dân chủ. Nhận định này về những đòi hỏi về cơ cấu của những hệ thống dân chủ hiến định ngày nay không được công nhận một cách thoả đáng, ngay cả bởi những người chống đối độc tài hăng say lẫn những người cổ võ tự do. Thay vì vậy, các nhà dân chủ đủ loại thấy là một hiến pháp phác hoạ cơ cấu và phạm vi thích hợp để cho chính quyền điều hành Nhà Nước là then chốt cho việc thiết lập và bảo toàn một xã hội chính trị dân chủ. Tuy nhiên, dù có những hiến pháp như thế, một số lớn nền dân chủ hiến định đã từng bị thay thế bởi những chế độ độc đoán hoặc độc tài có nguồn gốc quốc nội hay hải ngoại. Điều này hẳn đủ để chứng minh là khi một nhóm người có sức mạnh không sẵn lòng tuân thủ hiến pháp thì các điều khoản và hạn chế tự chúng không đủ để kiềm chế những quyền lực của nhà cai trị. Xã hội còn cần phải có khả năng kiềm chế những nhà cai trị không muốn tự nguyện tuân theo những giới hạn được thiết lập bởi hiến pháp.

Một xã hội mà nội lực yếu và quyền lực được tập trung vào Nhà Nước, thì những ngăn chặn hiến định không thể cản trở một sự giành quyền lực phản dân chủ được. Trong những tình trạng như thế thì người dân cũng không có khả năng ngăn cản được một nhà cai trị đã được chọn lựa một cách hợp hiến cứ từ từ thực hiện những nói rộng bất hợp pháp về quyền lực của mình, hoặc đình chỉ ngay cả hiến pháp – có lẽ bằng cách lấy cơ khủng hoảng quốc gia. Người dân làm được gì, chẳng hạn, khi một tổng thống đã được bầu cử, được sự ủng hộ của các lực lượng quân đội, tuyên bố tình trạng Khẩn Trượng để giải quyết một cơn khủng hoảng nào đó, giải tán quốc hội, huỷ bỏ các cuộc bầu cử, bắt bớ các nhà lãnh đạo đối lập, và áp dụng kiểm soát báo chí, truyền thanh, và truyền hình?

Để đáp ứng lại những hoàn cảnh như thế, người dân phải có khả năng chống lại quyền lực của nhà cai trị bằng quyền lực của chính mình. Muốn làm được như vậy, họ phải có khả năng đấu tranh hữu hiệu. Điều này đòi hỏi phải có những *tụ điểm* quyền lực hữu hiệu trong khắp cơ cấu xã hội.

Tuy nhiên, điều kiện cần thiết này có thể không có được. Các tổ chức phi Nhà Nước của xã hội có thể yếu kém và đã chịu những kiểm soát của chính quyền. Không còn nhóm nào có thể đánh bại được sự tiếm quyền

mà còn giữ được hay phát huy được khả năng hành động độc lập hay đối kháng lại nhà cai trị. Những sinh hoạt bình thường của toàn thể xã hội có thể đã được quán chặt vào với guồng máy Nhà Nước rồi. Đời sống kinh tế của những đại bộ phận dân chúng có thể đã trực tiếp hoặc gián tiếp lệ thuộc vào chính guồng máy này. Người ta có thể đã trở nên có thói quen phó thác những vấn đề của họ cho “chính quyền” thay vì chính mình tự giải quyết lấy. Nếu tình trạng này xảy ra thì xác suất đối kháng tiềm quyền rất là nhỏ -- đối kháng thành công, lại càng nhỏ hơn rất nhiều. Cơ cấu của xã hội và sự phân phối khả năng quyền lực hữu hiệu trong những thời buổi bình thường, và cách thức khả năng này giải quyết những vấn đề xã hội và kinh tế, sẽ ảnh hưởng hết sức mạnh mẽ và ngay cả quyết định khả năng chống lại các nỗ lực áp đặt độc tài.

Trong hoàn cảnh này, những động lực của những người mà chánh sách và hành động đã từng làm suy yếu các *tự điểm* quyền lực của xã hội và tăng cường quyền lực của guồng máy Nhà Nước không còn ý nghĩa nữa. Những người tiềm quyền sẽ không thấy là công việc của họ khó khăn hơn đơn thuần chỉ vì những thay đổi đó đã được thực hiện bởi một chính quyền thành tâm tìm cách sửa đổi những bất công, đẩy mạnh an sinh, hay nâng cao khả năng hữu hiệu về quân sự và quản trị để ngăn cản hay đánh bại những đe dọa quân sự của quốc tế, hoặc những cuộc tấn công của quân khủng bố trong nước hay của quân du kích.

Trong những nền dân chủ hiến định, những nhóm khác nhau đã thường xuyên có khuynh hướng trao cho Nhà Nước những trách nhiệm lớn lao hơn đối với xã hội như là một tổng thể, và nhiều quyền lực hơn đối với xã hội. Hầu như tất cả mọi nhóm đều trông cậy vào khả năng quân sự của Nhà Nước để giải quyết những nguy cơ ngoại xâm. Những nhà cải cách xã hội và những nhà cách mạng đủ loại đã từng trông cậy vào Nhà Nước để thực hiện những thay đổi mà họ mong muốn và để xử trí với những nhóm mà họ thấy là có trách nhiệm về những tệ đoan xã hội hay chống lại những thay đổi mong muốn. Sự trông cậy vào Nhà Nước này đã được biện minh theo ý nghĩa dân chủ với lí do là lập pháp và những cơ quan quyết định chính sách khác đã thực thi kiểm soát dân chủ vì lợi ích của toàn thể xã hội. Trong những trường hợp này, các nhóm xã hội và các tổ chức như là gia đình, các nghiệp đoàn thương mại, các nhóm tôn giáo, và các công ti kĩ nghệ vẫn tiếp tục tồn tại bên ngoài Nhà Nước. Tuy nhiên, sự độc lập *tương đối* và sức mạnh thì đã hầu như luôn luôn bị làm suy yếu đi rất nhiều so với sức mạnh kiểm chế nhà cai trị của những *tự điểm* này trong những thời kì trước đó. Đôi khi sự độc lập và sức mạnh của những nhóm và tổ chức này đã bị xói mòn vì những lí do ít cao quý hơn. Trong lúc những hậu quả của sự xói mòn như thế và của sự nô thuộc vì bất cứ động lực nào sẽ khác nhau tùy theo trường hợp, trong

khía cạnh duy nhất này, những hậu quả này sẽ như nhau: tiềm năng quyền lực của nhà cai trị gia tăng trước sự tồn thất của xã hội.

Khi mà các *tụ điểm* quyền lực bị làm suy yếu và tiềm năng quyền lực của nhà cai trị được bành trướng, thì cơ hội thay đổi hiến pháp và hình thái của chính quyền về hướng độc tài đã được thiết lập. Một sự thay đổi tức khắc không khẩn thiết phải xảy ra, và thường thường thì có lẽ không xảy ra. Ít ra thì cái về bên ngoài – và thường thì có phần nào thực sự -- dân chúng kiểm soát chính quyền thông thường vẫn được duy trì trong một thời gian. Khi điều này xảy ra thì sự kiểm soát thường tùy thuộc vào chính sự sẵn lòng của nhà cai trị muốn tuân theo một số tiêu chuẩn hay là giới hạn đòi hỏi bởi hiến pháp, các luật lệ, truyền thống, hay là phạm trù luân lí. Tuy nhiên, ngay cả một nhà cai trị được dân bầu vẫn có thể không muốn tuân thủ những giới hạn như thế. Hay là, quyền lực của nhà cai trị có thể được nới rộng từ từ theo một loạt những phương cách nhỏ giọt và có vẻ vô tội để không ai màng lưu ý hay là thấy bị quấy rầy. Hoặc kỉ cương của chính quyền có thể đột ngột bị giằng khỏi tay của một nhà cai trị có chủ ý hành sử một cách tự chế bởi một nhóm người hăng say muốn sử dụng toàn lực tiềm năng quyền lực của địa vị. Trong những trường hợp như thế thì nhà cai trị một khi đã kiểm soát guồng máy Nhà Nước sẽ có trong tay toàn bộ bộ máy chính quyền và hệ thống kiểm soát dân chúng và các tổ chức của họ đã từng được đào luyện trong những thời gian “bình thường,”⁸⁷ dù với những động lực rất khác nhau. Quan chúng lúc bấy giờ sẽ yếu so với nhà cai trị và ít có khả năng đối kháng hữu hiệu hơn là khi mà các tổ chức xã hội chưa bị làm suy yếu và quyền lực của Nhà Nước chưa được gia tăng.⁸⁸

Trên cơ sở phân tích của ông về những hậu quả chính trị của việc làm suy yếu những tụ điểm quyền lực độc lập trong các xã hội dân chủ, Tocqueville tiên đoán là nếu quyền lực tuyệt đối được tái thiết lập trong những xã hội như thế thì quyền lực này sẽ “mang một hình thái mới và xuất hiện với những sắc thái mà ông cha chúng ta không biết được.”⁸⁹ Ông tiên đoán điều này hơn một thế kỉ trước sự thịnh hành của những hệ thống toàn trị thời Liên Bang Xô Viết Stalin và Đức Quốc Xã.

Kinh nghiệm của chúng ta đối với sự thiếu thoả đáng đã được chứng minh của những giới hạn hiến định đối với quyền lực của các nhà cai trị và sự khốc liệt của đe dọa chuyên chế hiện đại, cả hai đều trầm trọng đủ để thúc đẩy chúng ta nhìn vượt quá những điều khoản hiến pháp và luật lệ để tìm thêm những phương tiện kiềm chế các nhà cai trị không muốn chấp nhận những giới hạn đó.

Theo lí thuyết dân chủ thì quyền của người dân dùng đến cách mạng bạo động chống lại những nhà chuyên chế đã từng được công nhận. Để chống lại những đe dọa ngoại xâm, các nền dân chủ hiến định đã thông

cậy vào lực lượng quân sự. Bây giờ thì đã có cơ sở làm cho chúng ta không được thoả mãn về sự thoả đáng của những phương tiện giải quyết khủng hoảng đó. Cả cách mạng quân chúng bạo động lẫn chống cự những kẻ xâm lược bằng quân sự đều có thể gây trở ngại thực tiễn cho thành công. Khi người dân không được vũ trang cố làm một cuộc cách mạng bạo động chống lại một nhà cai trị được vũ trang đầy đủ thì hầu như là họ luôn luôn ở vào thế bất lợi trầm trọng rất dễ đưa đến thất bại có thể tiên đoán được. Chống lại một cuộc đảo chánh đã tấn công một chính quyền hiến định, họ cũng không thể hơn được, vì thường thì các lực lượng quân đội đã khởi xướng và ủng hộ đảo chánh. Trong trường hợp ngoại bang xâm lược thì nhà cai trị xâm lược của một Nhà Nước ngoại bang thường đã quyết định là chế độ của ông ta về quân sự rõ ràng là mạnh hơn nước bị tấn công, do đó tự vệ chống lại bằng quân sự hết sức khó có cơ hội thành công.

Chiến tranh du kích thường được xem như là để thay thế cho những phương tiện này. Tuy nhiên, chiến tranh du kích có những giới hạn nghiêm trọng gây ra bởi khuynh hướng có nhiều tổn thất lớn lao, những viễn tượng mù mờ về sự thành công, thường xuyên đòi hỏi những cuộc đấu tranh hết sức lâu dài, và những hậu quả về cơ cấu. Chế độ bị tấn công tức khắc được làm cho trở thành độc tài hơn, và chế độ tiếp theo một cuộc đấu tranh dù thành công vẫn còn độc tài hơn nữa vì tác dụng tập trung quyền lực của những lực lượng quân sự được bành trướng và vì sự làm suy yếu hay phá vỡ những *tụ điểm* quyền lực của xã hội trong thời gian đấu tranh.*

Do đó, cần phải nhìn vượt quá cả những sắp xếp chính thức của hiến pháp lẫn những khuyến khích bạo động để tìm kiếm những phương tiện giúp dân chúng trong những cơn khủng hoảng thực thi được sự kiểm chế hữu hiệu đối với các nhà cai trị, ngoại bang hay quốc nội.

Nếu vào thời gian khủng hoảng như thế mà xã hội không có được những nhóm xã hội và tổ chức mạnh có khả năng hành động độc lập, có thể sử dụng sức mạnh hữu hiệu, và có khả năng kiểm chế nhà cai trị tại trung ương, thì sự trông cậy vào những dàn xếp hiến định chính thức không mà thôi để đặt những giới hạn cho nhà cai trị có thể đưa đến tai họa. Tocqueville cảnh báo một cảnh ngộ khốn cùng trong một hoàn cảnh như thế:

...các quốc gia dân chủ...dễ dàng đem tất cả lực lượng sẵn có ra mặt trận, và khi một quốc gia giàu có và đông dân thì sẽ sớm chiến thắng; nhưng nếu lỡ bị chinh phục, và lãnh thổ bị xâm lăng, thì sẽ có ít tài nguyên để sử dụng; và nếu địch chiếm thủ đô thì sẽ

* Để thảo luận đầy đủ hơn những vấn đề về cách mạng bạo động, đảo chánh, và chiến tranh du kích, Y/C xem chương Mười Hai, "Tăng Cường Khả Năng Quân Chúng", Tiểu Chương: Chế Tài và Xã Hội.

mất nước. Điều này có thể cắt nghĩa rõ ràng được: vì mỗi thành viên của cộng đồng đều là từng người bị cô lập và hết sức bất lực, không có ai trong toàn thể cộng đồng có thể tự bảo vệ lấy mình được hay là đưa ra được cho người khác một ý kiến để kết hợp nhau lại. Không có gì mạnh trong quốc gia dân chủ ngoài Nhà Nước; khi sức mạnh của Nhà Nước bị đập vỡ bằng cách đánh gục quân đội, và sức mạnh nhân dân sự bị tê liệt vì thù địch bị chiếm cứ, thì tất cả những gì còn lại chỉ là một đám đông không có sức mạnh và chính quyền, không có khả năng chống lại một sức mạnh có tổ chức đã tấn công quốc gia này.... (S)au một thảm họa như thế, không những dân chúng không có khả năng tiếp tục chiến đấu, mà người ta có thể ý hội được là dân chúng không còn có ý hướng chiến đấu nữa.⁹⁰

Chỉ Thay Đổi Các Nhà Cai Trị Cũng Không Đủ Để Thiết Lập Được Kiểm Soát Lâu Bền

Bây giờ thì hẳn đã phải rõ ràng là thiết lập một sự kiểm soát thực sự và lâu bền đối với quyền lực của những nhà cai trị không thể đạt được bằng cách chỉ thay đổi nhà cai trị này bằng một nhà cai trị khác để chiếm giữ đỉnh cao của chỉ đạo. Đòi hỏi cần phải có những thay đổi nền tảng hơn. Tuy nhiên, trong những nền dân chủ hiến định, hầu hết tranh luận chính trị đều tập trung vào việc ai phải là người điều khiển cơ cấu chính trị chính thức. Nếu chúng ta quan tâm đến việc thực thi những nguyên tắc dân chủ thì câu hỏi căn bản đúng ra phải là: loại trật tự xã hội và chính trị nào về dài hạn đáng được mong muốn và có khả năng giải quyết vấn đề kiểm chế quyền lực chính trị?

Chủ yếu chú trọng vào người và vào phe nhóm hơn là vào cơ cấu một phần là do thiếu suy nghĩ sáng suốt. Chúng ta thường không phân biệt giữa nhà chuyên chế và điều kiện và hệ thống của chuyên chế.⁹¹ Từ điểm này diễn biến tiếp theo là trong lúc những nỗ lực lớn lao đã được thực hiện để lật đổ một nhà chuyên chế, thì người ta ít hoặc không chú ý đến việc thay đổi điều kiện đã tạo nên chuyên chế. Vào những lúc khi mà người ta tìm những phương tiện đấu tranh năng động để đánh lại một nhà chuyên chế quốc nội hay quốc ngoại xâm lược, thì lại ít hay không chú ý đến việc chú ý lựa chọn những phương tiện đấu tranh không những chỉ có cơ hội đem lại hiệu năng tức thời mà còn, về lâu về dài, giúp thiết lập một khả năng kiểm chế vững chắc đối với quyền lực của bất cứ nhà cai trị nào. Trong một vài trường hợp, trái lại, những phương tiện chiến tranh được sử dụng thực sự tỏ ra là đã làm cho việc kiểm chế dài hạn khó khăn hơn.

Chúng ta cũng không phân biệt được giữa những cuộc bầu cử của dân chúng để chọn người hay đảng chiếm giữ vị thế lãnh đạo và điều kiện mà theo đó người ta có cơ hội tham gia năng động vào xã hội chính trị.⁹²

Kết quả là người ta chú trọng rất nhiều vào những cuộc bầu cử định kì. Tuy nhiên, người ta ít hoặc không chú trọng đến nhu cầu quyền lực cần được phân tán trong các nhóm xã hội và các tổ chức, cũng như việc tăng cường khả năng của người dân làm những quyết định quan trọng cho chính mình và duy trì sự kiểm soát hữu hiệu đối với quyền lực của nhà cai trị.

Một sự thay đổi về nhân vật hay đảng phái chiếm giữ vị thế cai trị có thể có hoặc có thể không đem lại sự khác biệt. Đôi khi sự khác biệt có thể lớn lao, có thể tốt hơn cũng như xấu hơn. Việc thay đổi có đem lại sự khác biệt hay không, và nếu có thì sự khác biệt đó là gì, có vẻ biến đổi tùy theo những nhân tố như là: (1) mức độ tự chế của nhà cai trị; (2) những mục đích xã hội và chính trị của ông ta; và (3) những phương tiện được sử dụng để có được địa vị cai trị, để duy trì địa vị này, và để thực thi các chính sách. Nếu có những khác biệt giữa nhà cai trị cũ và nhà cai trị mới thì chính ba nhân tố này tạo ảnh hưởng chứ không phải chỉ là sự thay đổi về nhân vật chiếm giữ vị thế cai trị, ngay cả không phải là sự thay đổi về khả năng của dân chúng ảnh hưởng đến sự lựa chọn nhân vật mới. Một sự thay đổi như thế hay một ảnh hưởng như thế đều không khẩn thiết minh chứng khả năng của dân chúng *kiểm chế* được nhà cai trị nếu ông ta *không muốn* bị kiểm chế. Những hoàn cảnh mà trong đó các nhà cai trị không muốn tuân thủ các biện pháp chế tài và các giới hạn cho việc hành sử quyền lực của họ rất có tính quyết định và nguy hiểm, và khẩn trương đòi hỏi phải có những giải pháp.

Thường thường người ta có sự nhầm lẫn giữa khả năng của người dân lựa chọn nhà cai trị của họ ảnh hưởng đến các chính sách và thực hành chính trị của một nhà cai trị sẵn lòng chịu ảnh hưởng với khả năng thực sự *kiểm chế* được việc hành sử quyền lực của một nhà cai trị nhất quyết tiến hành bất chấp chế tài. Sự nhầm lẫn này có thể tạo ra ảo tưởng về kiểm soát dân chủ lớn hơn là thực tế. Ảo tưởng này giúp nhà cai trị dễ dàng nói rộng sự kiểm soát và quyền lực của ông ta, trong lúc người dân trở nên tự mãn hơn và ít lưu tâm hơn đến việc khẳng định quyền kiểm soát của họ và ít muốn chống đối hơn.⁹³ Sự nhầm lẫn này còn giúp tạo ra cái ấn tượng là có nhiều khác biệt giữa những người tranh giành vị thế cai trị hơn là thực tế. Nhận xét của Tocqueville vẫn có giá trị: “Những người đồng thời của chúng ta do đó ít bị chia rẽ hơn nhiều; họ liên tục tranh cãi là quyền lực tối thượng nên được phó thác cho ai, nhưng họ sẵn sàng đồng ý về các bổn phận và quyền của quyền lực tối thượng đó.”⁹⁴

Bởi vì mức độ khả năng sử dụng quyền lực của nhà cai trị thực sự được thi triển sẽ biến đổi tùy theo những nhân tố liệt kê nêu trên, nên một sự thay đổi nhà cai trị có thể đưa đến một sự thay đổi ngắn hạn tùy theo mức độ và cách thức quyền lực của nhà cai trị đó được áp dụng. Tuy

nhiên, điều rất quan trọng là một sự thay đổi về nhân vật chiếm giữ vị thế cai trị tự nó không làm giảm đi *khả năng* sử dụng quyền lực của bất cứ ai đang là nhà cai trị mà không bị kiểm chế bởi dân chúng. Sự thay đổi này sẽ chỉ kèm theo một sự thay đổi nhà cai trị nếu cả những *tư điểm* quyền lực trong khắp xã hội lẫn khả năng của người dân chống lại nhà cai trị đã được tăng cường trước khi thay đổi nhân vật, hay là trong thời gian của những nỗ lực nhằm đạt được sự thay đổi đó. Nếu không thì sẽ không có sự thay đổi nào về tiềm năng chuyên chế đã xảy ra. Do đó một sự tăng trưởng về khả năng tự do của xã hội là cần thiết nếu muốn chấm dứt chính sự chuyên chế cũng như chế độ của một nhà chuyên chế nào đó.

Bởi vì một cuộc cách mạng do tự do tạo nên trở thành một xác định của tự do [Montesquieu đã viết]. Một quốc gia tự do có thể có một vị cứu tinh; một quốc gia nô lệ chỉ có thể có được một kẻ áp bức khác mà thôi. Bởi vì bất cứ người nào có khả năng lật đổ ngai vàng của một vị quân vương toàn quyền lực sẽ có đủ sức mạnh để chính mình trở thành toàn quyền.⁹⁵

Ngay cả khi có vẻ như là đã có vài thay đổi về hình thức bên ngoài và về hiến pháp của hệ thống chính trị, sự thay đổi thực sự có thể bị giới hạn hơn là cái vẻ bên ngoài đó nếu cơ cấu quyền lực nằm bên dưới vẫn y nguyên. Sự thay đổi từ quân chủ đến cộng hoà, Jouvenel nói, duy trì toàn bộ Nhà Nước quân chủ y như cũ, trong lúc địa vị của nhà vua bị cắt đi bởi những “Đại biểu của Quốc gia,”⁹⁶ “[M]ột khi nguyên tắc chủ quyền không bị kiểm soát và không bị giới hạn của ý chí con người đã được chấp nhận, thì chế độ kết quả trong bản chất vẫn như y như cũ, trước mắt bất cứ nhân vật nào, có thực hay giả tưởng, đã tạo ra ý chí chủ quyền này.”⁹⁷ Bởi vì điểm này mà những hệ thống tỏ ra là bị chống đối hơn cả, nhưng trao quyền lực không bị kiểm chế tương đương cho người hay nhóm chiếm giữ vị thế của nhà cai trị, lại có rất nhiều điểm tương đồng.⁹⁸

Trong một hệ thống có cơ cấu vững chắc mà theo cơ cấu này một nhóm giữ vị địa vị cai trị và một nhóm khác ở vị thế nô thuộc, Simmel viết là trừ phi có “một sự thay đổi căn bản về hình thái xã hội” xảy ra, thì ngay cả “giải phóng được những người nô thuộc thường vẫn không đưa đến tự do cho người dân... mà chỉ đưa đến sự trở dậy của những người nô thuộc lên giai tầng cai trị mà thôi.”⁹⁹ Trừ phi khi “sự giải phóng những người nô thuộc này” đã được đi trước hay kèm theo bởi sự phá vỡ sự tập trung quyền lực hữu hiệu và quyền lực được phân tán trong khắp xã hội và bởi việc tăng cường khả năng cho các tổ chức của xã hội so với nhà cai trị, thì chỉ sự thay đổi những nhân vật trong vị trí của nhà cai trị không mà thôi sẽ không làm tăng khả năng của người dân trong việc kiểm chế khả năng quyền lực của nhà cai trị. Điều này đúng dù vị thế của nhà cai trị vẫn tiếp tục được chiếm giữ bởi cùng một nhân vật trong một thời gian lâu dài, hay là nhân vật ở vị thế này được thay đổi định kì nhưng cấu trúc quyền lực

của xã hội chủ yếu vẫn không thay đổi.¹⁰⁰ Nếu quyền lực chính trị của những nhà cai trị cần phải được kiểm chế, thì rõ ràng là đòi hỏi cần phải có một vài thay đổi căn bản.

Tản Quyền Là Thiết Yếu Cho Việc Kiểm Chế Được Lâu Bền

Thiết lập khả năng lâu bền trong việc thực hiện kiểm soát hữu hiệu quyền lực chính trị -- nhất là trong những cơn khủng hoảng -- đòi hỏi phải tăng sức mạnh cho xã hội, thiết thời cho nhà cai trị. Điều này có nghĩa là việc thiết lập một sự kiểm soát như thế đòi hỏi một sự chuyển giao đích đáng quyền lực hữu hiệu cho các nhóm xã hội và các tổ chức. Những *tụ điểm* quyền lực này lúc bấy giờ có thể đóng những vai trò quan trọng trong sinh hoạt bình thường của xã hội, và cũng còn có khả năng sử dụng sức mạnh hữu hiệu, và kiểm soát được việc cung cấp những nguồn sức mạnh cho nhà cai trị.

Việc các nhóm và các tổ chức này cần được phép gợi ý cho nhà cai trị, và giúp ông ta điều hành các chánh sách của mình thì không đủ. Họ cần phải có khả năng làm những quyết định độc lập và thi hành những quyết định này. “Làm sao,” Tocqueville hỏi, “mà một quần chúng không quen thuộc với tự do trong những vấn đề nhỏ nhặt, mà lại có thể sử dụng tự do có chừng mực trong những ưu tư lớn được?”¹⁰¹ Vì vậy, việc thiết lập khả năng thực thi kiểm soát hữu hiệu đối với quyền lực chính trị của các nhà cai trị đòi hỏi những thay đổi xã hội, ngược với những khuynh hướng quan trọng trong chính trị hiện đại.

Ở nơi nào mà những *tụ điểm* của những khả năng như thế còn tồn tại, thì bảo toàn và cải tiến những tụ điểm đó bình thường là một vấn đề quan trọng. Hay là, nếu vì một lí do nào đó mà những tụ điểm này không thích hợp, thì điều quan trọng là cần phải tạo ra những nhóm và những tổ chức thay thế. Nơi nào thấy cần phải làm suy yếu hay xoá bỏ một số nhóm và tổ chức hiện hành đang có những sinh hoạt bất hảo -- ví dụ như áp bức những thành phần khác trong dân chúng -- thì điều quan trọng là phải thực hiện điều này bằng những phương tiện không tạo tập trung thêm quyền lực vào nhà cai trị và làm suy yếu một cách tương đối sức mạnh của dân chúng. Trong những trường hợp như thế thì cần phải thay thế những *tụ điểm* cũ bằng những nhóm tự nguyện mới, các hiệp hội, và các tổ chức có những khả năng sức mạnh độc lập hữu hiệu. Những *tụ điểm* mới này lúc bấy giờ sẽ giúp làm cho sự tự do cá nhân của những người dân được an toàn hơn mà không làm suy giảm tính bình đẳng của họ.¹⁰²

Nếu tự do cần được bảo toàn, thì mỗi một công dân đều cần phải “phối hợp với những công dân khác để bảo vệ tự do này...”¹⁰³

Nhiều -- có lẽ là hầu hết -- các nhà cai trị đều ngăn cản hoặc tích cực chống lại sự chuyển nhượng quyền lực hay tăng sức mạnh cho các nhóm và các tổ chức tự nguyện của xã hội. Chỉ ý nghĩ này không mà thôi cũng có thể bị xem như là phản động rồi. Tuy nhiên, có lúc cũng có nhà cai trị thực sự tin vào những nguyên tắc dân chủ và do đó ngay cả khuyến khích và tạo dễ dãi cho tiến trình chuyển nhượng quyền lực. Tuy nhiên, một mình chính quyền không thể thực thi tiến trình này được; tiến trình này đòi hỏi sáng kiến sinh động, sự tham gia, và sự chấp nhận trách nhiệm bởi các nhóm, các hiệp hội, và các tổ chức của xã hội. Trong hầu hết những trường hợp khác, việc phát triển và tăng cường những *tự điểm* như thế có thể thực hiện được một cách khá độc lập chỉ bằng những nỗ lực tự nguyện không mà thôi, như Gandhi đã hình dung sự tạo dựng ra một xã hội tản quyền trong chương trình kiến thiết của ông ta.¹⁰⁴ Hơn nữa, các nhóm hiện hành còn có thể đóng góp vào việc tản quyền như thế bằng những cuộc đấu tranh nhằm đạt được -- tương đối nhiều hơn -- tự do hành động, tự quyết, hay là địa phương tự quản cho cộng đồng, cho thành phố, và cho vùng; và hoàn toàn tự trị cho những quốc gia bị ngoại bang cai trị.

Những phương tiện đấu tranh được sử dụng trong những hoàn cảnh như thế và loại chế tài tối hậu mà xã hội và các *tự điểm* trong những cơn khủng hoảng trông cậy vào, cũng sẽ quan trọng trong ảnh hưởng đến việc tản quyền hay tập quyền trong xã hội chính trị đó, như chúng ta sẽ xét định chi tiết hơn. Những phương tiện khác nhằm đạt được tản quyền có thể được tạo ra và những phương tiện cũ có thể được làm cho tinh xảo hơn. Nhưng dù những phương tiện dùng để đạt đến mục đích đó có thể khác nhau như thế nào đi nữa, thì sự chuyển giao quyền lực hữu hiệu trong khắp cơ cấu xã hội như là một tổng thể vẫn là một trong những điều kiện cho khả năng lâu bền ngăn chặn chuyên chế và những biểu hiện khác về quyền lực chính trị không được kiểm soát.*

Để thiết lập được kiểm soát hữu hiệu đối với các nhà cai trị, cả hai câu hỏi về tổ chức xã hội và các kĩ thuật hành động (bao gồm cả những chế tài tối hậu) đều có ý nghĩa. Trong khi tìm cách giải quyết vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị, và cố kiếm những phương tiện tạo nên loại xã hội làm cho công việc kiểm soát đó được dễ dàng, chúng ta phải tìm những câu trả lời cho những câu hỏi sau đây:

* Cuộc thảo luận về tản quyền có tính cơ chế này được mở rộng đầy đủ hơn ở Chương Mười Hai, “Tăng Cường Khả Năng Quản Chúng,” Tiểu Chương: Vạch Chiến Lược Cho Việc Tăng Cường Khả Năng.

1. Làm thế nào để người ta có thể tổ chức một xã hội tự do theo những phương cách bảo toàn và cải tiến được khả năng duy trì tự do?

2. Làm thế nào để người ta có thể tạo những thay đổi xã hội và chính trị theo những phương cách vừa giải quyết vấn đề đặc biệt nói trên vừa tạo dễ dàng, chứ không phải tạo trở ngại, cho việc kiểm soát quyền lực chính trị trong dài hạn?

3. Làm thế nào để một xã hội giải quyết được những trường hợp đặc biệt về quyền lực chính trị không được kiểm soát (như trường hợp áp bức, chuyên chế, và chiến tranh) bằng những phương tiện vừa giải quyết vấn đề tức thời vừa giúp kiểm soát và phân tán -- chứ không tập trung -- quyền lực chính trị trong dài hạn?

Những câu hỏi này và những câu hỏi khác như thế liên hệ mật thiết với kĩ thuật hành động được sử dụng để tạo thay đổi và với loại chế tài được trông cậy vào để duy trì hệ thống xã hội. Như thế là vì bản chất của các chế tài được áp dụng trong các cuộc tranh chấp và trong việc thi hành pháp luật có một liên quan nhân quả mật thiết với mức độ tập trung hoặc phân tán quyền lực trong xã hội. Chúng ta cần có một nhận định sâu sắc hơn về sự liên hệ này giữa những chế tài và cơ cấu.

Những Chế Tài Chính Trị Và Sự Phân Phối Quyền Lực Hữu Hiệu

Hai loại chế tài tổng quát thay thế cho nhau có thể được gọi là bạo lực chính trị và đấu tranh bất bạo động. Hai loại này có thể có những hệ quả rất khác nhau đối với việc tập trung quyền lực tương lai trong xã hội. Tạm gác một bên các câu hỏi khác liên quan đến hành động bạo động và bất bạo động trong chính trị, chúng ta hãy ngắn gọn xét là bằng cách nào mà việc chọn loại này hay loại kia trong hai loại chế tài dùng làm kĩ thuật kiểm chế một nhà cai trị hay một tổ chức lại có thể ảnh hưởng lớn lao đến khả năng dài hạn của người dân kiểm soát quyền lực chính trị.

Bạo Lực Chính Trị Đóng Góp Vào Việc Tập Trung Quyền Lực

Người ta đã từng công nhận một cách phổ quát là những cuộc cách mạng bạo động và chiến tranh thường được đi kèm và nối tiếp bởi một sự tăng trưởng tập trung quyền lực vào nhà cai trị. Sự công nhận này không phải chỉ được giới hạn vào những người chống đối bạo lực chính trị và trung ương tập quyền. Tuy nhiên, ngay cả khi những nhà phê bình hệ thống xã hội và chính trị đã được ổn định – như Karl Marx chẳng hạn – có nhận định này, thì họ vẫn hiếm khi hỏi *tại sao* trung ương tập quyền lại liên quan đến bạo lực chính trị. Hơn nữa, họ hiếm khi đặt câu hỏi xem bạo lực chính trị có phù hợp với việc thiết lập kiểm soát hữu hiệu lâu bền đối với quyền lực của những nhà cai trị hay không. Trái lại, thường hay xảy ra là những người này dù biết một cách sắc bén những khuynh hướng đương đại về trung ương tập quyền nhưng lại thúc đẩy những chính sách và biện pháp hình như đã bảo đảm là sự tập trung quyền lực vào nhà cai trị và những khó khăn trong việc kiểm chế quyền lực này sẽ được *gia tăng*. Cả hai người, Karl Marx và Vladimir Lenin đều làm như vậy. Người ta đã ít chú ý đến mối liên hệ rất có thể có giữa kĩ thuật hành động được trình bày trong đấu tranh và mức độ mà theo đó quyền lực hữu hiệu được phân tán giữa những nhóm xã hội và các tổ chức hay là được tập trung vào vị thế của nhà cai trị.

Marx nói đến Nhà Nước của Pháp như là “một tổ chức bàn giấy và quân sự vĩ đại” và như là một “bộ phận kí sinh ghê rợn...” Tất cả những biến động “trong nước Pháp từ cuộc Cách Mạng Pháp lần thứ nhất đến cuộc đảo chánh của Louis Napoléon đã kiện toàn guồng máy này thay vì đập nát nó đi. Các đảng phái lần lượt tranh giành ngôi vị bá chủ xem việc sở hữu cơ cấu Nhà Nước đồ sộ như là chiến lợi phẩm chính yếu của kẻ chiến thắng.”¹⁰⁶ Lenin -- người có ý định sử dụng guồng máy Nhà Nước trung ương tập quyền ở Nga cho những mục đích riêng của mình -- vào năm 1917 đã nhắc nhở đến đoạn văn này của Marx như là “một bước tiến vượt bậc” trong thuyết Mác-xít: “... tất cả những cuộc cách mạng đã từng xảy ra cho đến ngày hôm nay đã giúp kiện toàn bộ máy nhà nước, trong lúc lẽ ra phải đập nát nó, cho vỡ ra từng mảnh.” Lenin tuyên bố: “Kết luận này là luận đề chính yếu và nền tảng trong lí thuyết Mác-xít về Nhà Nước.”¹⁰⁷ Tuy nhiên, lí thuyết cách mạng căn bản theo trường phái Jacobin [cực tả] và sự thực hành của ông rất khác xa với quan điểm này, dù ông ta trình bày chúng như là phù hợp với nhau.

Tiếp theo sau một cuộc cách mạng bạo động mà trong đó một nhóm người mới đã giành được sự kiểm soát Nhà Nước, thì những nhà cai trị

mới đôi khi được xem trong một thời gian như là nhân đạo hơn và ít áp bức hơn chế độ trước kia. Tuy nhiên, không có gì bảo đảm là họ sẽ tiếp tục như thế. Lenin đã không làm như vậy. Và cũng chẳng có một hàng rào cản trở nào được thiết lập trong hệ thống của ông ta nhằm ngăn chặn người nào khác chẳng may chiếm được vị thế của nhà cai trị sau Lenin khỏi hành sử một cách chuyên chế hơn nhiều, như Stalin đã làm.

Việc làm suy yếu các nhóm, các hiệp hội, và các tổ chức của xã hội, và sự tập trung quyền lực hữu hiệu vào trong tay nhà cai trị do đó đã không – và không thể -- đem lại cho người dân một sự tăng trưởng về khả năng kiểm chế quyền lực của bất cứ nhà cai trị nào trong tương lai không muốn bị kiểm chế. Tiến trình này, Jouvenel lí luận, đặt nền móng cho “Nhà Nước Độc Tôn.”¹⁰⁸

Mặc dù hậu quả trung ương tập quyền của chiến tranh đã rất là hiển nhiên trong thế kỉ thứ hai mươi, nhưng khuynh hướng này hẳn cũng đã được chứng minh trước đây rồi.¹⁰⁹ Những thay đổi về kĩ thuật và sự khác biệt giữa dân sự và các lực lượng quân sự gần như đã bị xoá bỏ đã đánh nổi khuynh hướng này. Sự động viên hữu hiệu nhân lực và các tài nguyên khác vào guồng máy chiến tranh có hiệu năng, sự cần thiết của việc thiết kế và điều khiển tập trung, hậu quả tác hại của sự bất đồng ý kiến và kiểm soát không trọn vẹn, và sự gia tăng sức mạnh đòi hỏi phải sẵn có cho nhà cai trị, tất cả đều đóng góp vào khuynh hướng mạnh mẽ của chiến tranh hiện đại tập trung càng ngày càng nhiều quyền lực hữu hiệu trong tay nhà cai trị.

Những loại bạo động chính trị khác cũng có thể đóng góp vào tiến trình trung ương tập quyền này. Những phát triển hiện đại về kĩ thuật và tổ chức chính trị có vẻ đánh nổi những khuynh hướng của bạo lực chính trị tập trung khả năng quyền lực hữu hiệu.¹¹⁰ Trong số những nhân tố này thì có:

1. Chỉ đạo tập trung và kiểm soát các chuẩn bị cho bạo động chính trị và cho việc tiến hành bạo động chính trị nói chung là cần thiết, nếu bạo lực muốn được áp dụng một cách có hiệu năng.

2. Điều này đòi hỏi một sự kiểm soát tập trung về vũ khí (và các tài nguyên vật chất khác), về các chiến binh hiện dịch, và về các nhóm và các tổ chức mà những điều này lệ thuộc vào.

3. Sự kiểm soát như thế (như ở nhân tố 1 và 2) có nghĩa là quyền lực gia tăng trong thời gian đấu tranh cho những người hành sử sự kiểm soát đó, bao gồm cả khả năng áp dụng bạo lực thể xác để duy trì sự kiểm soát.

4. Sau một cuộc đấu tranh thành công bằng bạo lực chính trị, nhóm nắm quyền điều động cuộc đấu tranh có khuynh hướng giữ lại khả năng quyền lực đã được tích lũy trong thời gian đấu tranh. Hay là, nếu một

cuộc đảo chánh xảy ra, thì những người khác, hay một phần của nhóm người nguyên thủy, sẽ giành nắm lấy khả năng quyền lực đã được cơ chế hoá đó.*

5. Sự chiếm cứ Nhà Nước cũ, được tăng cường bằng khả năng quyền lực mới thêm vào vừa được tăng trưởng, sẽ có nghĩa là một sự gia tăng toàn bộ về khả năng quyền lực hữu hiệu cho những nhà cai trị tương lai so với những các nhà cai trị cũ.

6. Khả năng quyền lực này cũng có thể được gia tăng trong thời gian đấu tranh bởi sự phá huỷ hay việc làm suy yếu những *tư điểm* quyền lực, đưa đến kết quả là người dân sẽ tương đối bị suy yếu so với nhà cai trị.

7. Chế độ mới phát sinh từ bạo lực bắt buộc sẽ phải trông cậy vào bạo lực, và do đó vào trung ương tập quyền, để tự bảo vệ mình chống lại kẻ thù từ trong và ngoài nước.

8. Ở một xã hội mà trong đó người dân cũng như nhà cai trị đều xem bạo lực như là loại quyền lực hữu hiệu duy nhất và là phương tiện đấu tranh thực sự duy nhất, và trong đó nhà cai trị có một khả năng bao la trong việc sử dụng bạo lực chính trị, thì người dân có khuynh hướng cảm thấy bất lực.

Những nhân tố này và các nhân tố khác giúp làm giảm đi khả năng của người dân kiểm soát quyền lực của nhà cai trị ở một xã hội dựa vào bạo lực chính trị như là phương thức chế tài và là phương tiện đấu tranh tuyệt hảo.

Những Chế Tài Bất Bạo Động Đóng Góp Vào Việc Phân Tán Quyền Lực

Hành động bất bạo động tỏ ra là có một hiệu quả dài hạn khác hẳn đối với việc phân phối quyền lực trong xã hội. Không những kĩ thuật này không có những hậu quả trung ương tập quyền của bạo lực chính trị, mà còn tỏ ra đóng góp rất nhiều vào việc phân tán quyền lực hữu hiệu trong khắp xã hội. Điều này về dài hạn lại có khuynh hướng làm cho việc dân chúng kiểm soát nhà cai trị hành sử quyền lực được dễ dàng hơn. Việc áp dụng phổ quát hành động bất bạo động thay vì bạo lực chính trị tỏ ra đã phân tán khả năng quyền lực trong dân chúng vì những lí do sau đây:¹¹¹

* Để có một phân tích sâu rộng về một số hậu quả của bạo động chính trị đã được cơ chế hoá, Y/C xem Chương Mười Một, "Phạm Trù Xã Hội", và Chương Mười Hai, "Tăng Cường Khả Năng Quản Chúng."

1. Mặc dù lãnh đạo mạnh có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc khởi động một phong trào đấu tranh bất bạo động, nhưng khi cuộc xung đột phát triển và lãnh đạo nguyên thủy bị bỏ tù hoặc bị đối phương thủ tiêu, thì tiếp tục một nhóm lãnh đạo trung ương thường không còn cần thiết, và, thực ra, không thể duy trì được nữa. Trong những trường hợp khác mà lãnh đạo tiếp tục được, thì những người tham gia vẫn phải cần tự lực nhiều hơn, và trong những hoàn cảnh cùng cực thì hoàn toàn không có lãnh đạo. Nhất là khi bị đàn áp gắt gao thì hiệu năng của đấu tranh bất bạo động đòi hỏi những người tham gia phải có khả năng hành động mà không lệ thuộc vào một nhóm lãnh đạo trung ương.

2. Phong trào không thể bị trung ương kiểm chế bởi luật lệ về việc phân phối vũ khí và đạn dược cho các chiến binh, vì trong đấu tranh bất bạo động không có vũ khí vật chất. Thay vào đó, những người hoạt động lệ thuộc vào những phẩm chất như là lòng can đảm, khả năng duy trì kỷ luật bất bạo động, và kỹ năng áp dụng kỹ thuật này. Những phẩm chất và kỹ năng này có khuynh hướng phát huy khi được sử dụng. Vì vậy, thực hành giúp phát triển tự lực nhiều hơn là trường hợp của binh lính phải trông cậy vào việc tái cung cấp trang bị, đạn dược, và lệnh từ các sĩ quan chỉ huy.

3. Những lực có tác dụng trung ương tập quyền của bạo lực chính trị không có trong đấu tranh bất bạo động. Mức độ lệ thuộc vào những người lãnh đạo bất bạo động được giảm thiểu khi chiến dịch tiến hành. Nếu những người này tiếp tục như là những nhà lãnh đạo, thì chỉ vì quyền hành có tính đạo đức của họ được người ta tự nguyện chấp nhận, chứ không phải vì khả năng áp đặt ý muốn của họ bằng đe dọa hoặc sử dụng bạo lực đối với chính những người tham gia.

4. Ở nơi nào mà những người lãnh đạo trong tiến trình đấu tranh không tích lũy khả năng sử dụng bạo lực chính trị, thì sẽ không có những phương tiện đàn áp được cơ chế hoá sẵn sàng để áp dụng chống lại những người ủng hộ mình và những người khác trong thời hậu đấu tranh.

5. Ở nơi nào mà sau một cuộc đấu tranh bất bạo động, một vài trong số những người lãnh đạo nhận lãnh những chức vụ Nhà Nước, gồm cả chức vụ của nhà cai trị, như trường hợp sau một cuộc đấu tranh giành độc lập quốc gia, thì đúng là họ có sẵn trong tay để sử dụng những khả năng cảnh sát và quân đội của Nhà Nước này, nhưng những khả năng này sẽ không được gia tăng bởi những lực lượng quân sự của chính họ đã từng được tích lũy và bởi khả năng xúc tiến bạo lực chính trị.

6. Các nhóm xã hội và các tổ chức trong khắp xã hội sẽ không bị làm suy yếu hay phá vỡ bởi bạo lực chính trị, hay chịu khuất phục trước những đòi hỏi của bạo lực. Trái lại, trong đấu tranh bất bạo động, những *tụ điểm* quyền lực này có huynh hướng được tăng cường. Kinh nghiệm

làm việc gần gũi với nhau trong đấu tranh, chúng tỏ tự lực nhiều hơn, và giành được kinh nghiệm trong những phương tiện khẳng định khả năng tiếp tục và đối kháng của mình chống lại sự đàn áp và tập đoàn hoá của đối phương, trong một cuộc đấu tranh bất bạo động thành công, có khuynh hướng tăng cường những *tự điểm* như thế rất nhiều. Gandhi thường mô tả một chiến dịch đấu tranh bất bạo động như là một phương tiện theo đó người ta sẽ phát huy sức mạnh làm cho họ có khả năng tiến đến việc đạt được những mục đích chính trị của mình.¹¹²

7. Người ta không thể trông đợi một chiến dịch bất bạo động nhằm một mục tiêu chính trị cụ thể sẽ tức khắc được tiếp nối bởi sự kiện xã hội chính trị đó hoàn toàn chối bỏ bạo lực trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên, đó là một bước tiến theo chiều hướng đó. Chiều hướng này có thể, hoặc có thể không, được tiếp nối bởi những hình thức chế tài bất bạo động thay thế cho những chế tài bạo động.

Những thay đổi do bạo lực chính trị đem lại có khuynh hướng đòi hỏi bạo lực phải được tiếp tục để bảo vệ những thay đổi đó. Những thay đổi “được cho” mà không cần nỗ lực có thể bị cất đi một cách dễ dàng. Tuy nhiên trong tiến trình tranh thủ những thay đổi bằng đấu tranh bất bạo động, quần chúng cũng phát huy khả năng bảo vệ những thay đổi này một cách bất bạo động.¹¹³ Những thay đổi do đấu tranh bất bạo động đạt được do đó lâu bền hơn. Những thay đổi như thế cũng còn đóng góp vào việc giải thoát dân chúng trong vùng đó khỏi “sự cần thiết” phải lệ thuộc vào bạo lực chính trị để duy trì cơ cấu xã hội.¹¹⁴

8. Trong lúc đeo đuổi một cuộc đấu tranh bằng bạo lực chính trị, người dân có khuynh hướng cảm thấy mình tương đối bất lực khi họ so sánh khả năng sức mạnh của chính mình với quyền lực của nhà cai trị, một tình trạng khác hẳn có thể đã bộc phát trong thời gian của một cuộc đấu tranh bất bạo động thành công. Trước tiên, họ có thể đã kinh nghiệm một sự biến đổi sức mạnh *tiềm năng* của họ thành sức mạnh *hữu hiệu* hay sức mạnh thực sự qua đấu tranh bất bạo động thành công. Kinh nghiệm như thế sẽ đem lại cho họ tự tin, tài nguyên, và kỹ năng làm phong phú khả năng thay đổi xã hội và kiểm soát quyền lực hữu hiệu của nhà cai trị trong tương lai. Loại huấn luyện tại “mặt trận” như thế này giúp gia tăng khả năng của người dân áp dụng kỹ thuật này trong những cơn khủng hoảng tương lai, đóng góp vào việc chuyển giao quyền lực hữu hiệu và khả năng quyền lực cho xã hội,¹¹⁵ và làm phong phú khả năng của xã hội như là một tổng thể trong việc kiểm chế những nhà cai trị có nguồn gốc trong nước hay ngoài nước muốn tìm cách áp đặt ý muốn của mình chống lại ý muốn của nhân dân.

Nếu hợp lí thì cuộc thảo luận ở phần này có nhiều hệ quả thực tế quan trọng. Ngay cả nếu chúng ta giả dụ là hệ quả của ngắn hạn của hai loại

chế tài ngang nhau, thì về dài hạn, việc chọn lựa loại này hay loại kia sẽ có những hệ quả khác hẳn nhau cho xã hội.*

Nhu Cầu Suy Tư

Chương này là một nỗ lực nhằm cung ứng những dàn bài tổng quát cho những suy tư về sự liên hệ giữa khả năng quyền lực của nhà cai trị và sự phân phối thực sự khả năng quyền lực trong khắp cơ cấu xã hội. Ảnh hưởng của những chế tài và phương tiện đấu tranh khác nhau đối với việc phân phối khả năng quyền lực cũng đã được khai phá. Những nguy hiểm của quyền lực chính trị không được kiểm soát nghiêm trọng đến độ bắt buộc phải có những giải pháp cho vấn nạn này. Tuy nhiên, không phải mọi đề nghị giải quyết vấn đề đều đem lại những kết quả như nhau khi đưa vào thực hành. Những đề nghị trong quá khứ nhằm kiểm chế quyền lực chính trị đã đem lại thành công hết sức giới hạn, tỏ ra là bất lực, hoặc ngay cả phản tác dụng. Ngay cả khi “thành công,” những nỗ lực trong quá khứ thường xuyên tỏ ra là đã đóng góp vào việc làm suy giảm khả năng kiểm chế quyền lực trong dài hạn hẳn phải thúc đẩy chúng ta tìm kiếm những giải pháp thoả đáng hơn. Việc tìm kiếm này đòi hỏi, ngoài những điều khác, là chúng ta cần phải suy nghĩ về bản chất của vấn đề và những đòi hỏi của một giải pháp thoả đáng.

Những cố gắng suy nghĩ lại về những vấn đề dai dẳng như thế đôi khi thật phiền phức. Chúng ta thường bị rơi vào một cảm giác không được hài lòng. Sự thoả đáng của những “giải pháp” truyền thống bị nghi ngờ, trong lúc sự phân tích thay thế về bản chất của vấn đề lẫn “giải pháp” thay thế đề nghị, cả hai đều chưa được phát triển đầy đủ. Tuy nhiên, sự khó chịu như thế có thể hữu ích nếu nó thúc đẩy chúng ta suy tư và đóng góp vào nỗ lực giải quyết vấn đề trước mặt.

* Để thảo luận thêm về các hệ quả dài hạn của các chế tài bạo động và bất bạo động, và của việc thay thế các chế tài bạo động bằng những chế tài bất bạo động, Y/c xem Chương Mười Hai, “Tăng Cường Khả Năng Quản Chúng,” Tiểu Chương: Vạch Chiến Lược Cho Việc Tăng Cường Khả Năng.

Ghi Chú

1. Gene Sharp, **Chính Trị Của Hành Động Bất Bạo Động** (Boston, Nhà Phát Hành Porter Sargent, 1973), Chương Một.
2. Như trên., Chương Hai - Mười Bốn để xem phân tích về bản chất của đấu tranh bất bạo động.
3. Về một vài định nghĩa liên hệ về quyền lực, xem Robert M. MacIver, **Màng Lưới Chính Quyền** (New York: McMillan Co., 1947), tt. 82 và 83; Martin J. Hillenbrand, **Quyền Lực và Đạo Đức** (New York: Columbia University Press, 1949), tt.4-5; Jacques Maritain, **Con Người và Nhà Nước** (London: Hollis & Carter, 1954), t. 114; và Harold D. Lasswell, **Quyền Lực và Nhân Cách** (New York: W.W. Norton & Co., 1948), t. 12.
4. MacIver viết: "Chính quyền sử dụng quyền lực nào và sử dụng cho những mục đích nào tùy thuộc vào những sức mạnh khác (những tụ điểm quyền lực), vào cách thức những sức mạnh này được điều chỉnh hữu hiệu với nhau trong đấu tranh và xung đột, trong sự đồng quy và phân rẽ, của những ý đồ tranh giành quyền lực." MacIver, **Màng Lưới Chính Quyền**, t.91)
5. Bertrams de Jouvenel, **Chủ Quyền: Điều Tra Về Công Ích** (Chicago: University of Chicago Press, 1959 và Cambridge tại the University Press, 1957) t. 71.
6. Georg Simmel viết: "Động lực chính của nhà cai trị trong việc cân bằng những khác biệt về hệ đẳng phát xuất từ sự kiện là những liên hệ về sự thống trị và nô thuộc mạnh mẽ giữa những người dân của ông ta trên thực tế và về tâm lí đã cạnh tranh với chính sự thống trị của của ông ta. Vả lại, một sự áp bức quá mức đối với một số tầng lớp nào đó bởi những tầng lớp khác cũng nguy hiểm cho nền độc tài cũng giống như một quyền lực quá lớn của những tầng lớp áp bức này." (Georg Simmel, **Xã Hội Học của Georg Simmel** [Dịch, biên tập, và có Dẫn Nhập bởi Kurt H. Wolff; Glencoe, Illinois: The Free Press, 1950], t. 198.)
7. Alexis de Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ** [Dịch bởi Henry Reeve, C.B.; London: Longmans, Green and Co., 1889), vol. I, t. 332.
8. Như trên
9. Như trên, t. 333.
10. Như trên.
11. Như trên, t.332
12. Như trên, t.6.
13. Như trên, t.332.
14. Như trên, tập II, t.296.
15. Như trên, tập I, t.333.
16. Như trên.
17. Như trên, t.334.
18. Như trên.
19. Jouvenel, **Chủ Quyền**, t.200.
20. Gaetano Mosca, **Giai Cấp Cai Trị (Những Yếu Tố Của Khoa Học Chính Trị)** (Dịch bởi Hannah D. Kahn; biên tập và duyệt lại với Dẫn Nhập bởi Arthur Livingstone; New York và London: McGraw-Hill, 1939), t. 141.
21. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập I, t.332.
22. Như trên.
23. Simmel, **Xã Hội Học Của Georg Simmel**, t.232.
24. Franco Venturi, **Những Nguồn Gốc Của Cách Mạng** (New York: Alfred A. Knopf, 1960, và London: Weidenfeld and Nicolson, 1960), t.66.
25. Xem như trên.
26. Như trên, t.67.
27. Như trên, tt.68-69.
28. Như trên, t.198.
29. Như trên, t.70.

30. Như trên, t.71.
31. Xem Như trên, tt.72-73.
32. Như trên, t.72.
33. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.258.
34. Như trên, tập I, t.333.
35. Như trên, t.334.
36. Như trên, t.9.
37. Như trên.
38. Như trên, t.93.
39. Như trên, tập II, t.271.
40. Bertand de Jouvenel, **Quyền Lực: Bản Chất và Lịch Sử Phát Triển** (Dịch bởi J.F. Huntington, Boston: Beacon Paperback, 1962, và London: Batchworth Press, 1952 [1945], tt.244-246.
41. Như trên, t.295.
42. Xem như trên, tt.185-200.
43. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.272.
44. Như trên, t.9; xem thêm t.47.
45. Như trên, tập I, tt.333-334.
46. Như trên, t.334.
47. Như trên, tập II, t.296.
48. Như trên, t.258.
49. Như trên, tập I, t.92.
50. Xem, ví dụ, Karen Horney, **Cá Tính Loạn Thân Kinh Của Thời Đại Chúng Ta** (New York: W.W. Norton, 1937), t. 289; và Eric Fromm, **Thoát Khỏi Tự Do** (New York: Rinehart and Co., 1941), tt.240 và 153-254. Ấn bản Anh: **Sợ Tự Do** (London: Roudledge and Kegan Paul, 1960), tt.207 và 220.
51. Horney, **Cá Tính Loạn thân Kinh Của Thời Đại Chúng Ta**, t.289.
52. Fromm, **Thoát Khỏi Tự Do**, t.240 và **Sợ Tự Do**, t.207.
53. Fromm, **Thoát Khỏi Tự Do**, tt.255-256 và **Sợ Tự Do**, t.220.
54. Leonard Schapiro, **Đảng Cộng Sản Và Liên Bang Sô-Viết** (London: Eyre and Spottiswoode, 1960), T.431.
55. Về *Gleichschaltung* [Cưỡng Bách Đoàn Ngũ Hoá] thời Đức Quốc Xã, xem Franz Neumann, **Con Quái Vật Không Lò: Cơ Cấu và Thực Hành Của Chủ Nghĩa Quốc Xã 1933-1944** (New York: Octagon Books, Inc. 1963); và Arthur Schweitzer, **Kinh Doanh Lớn Trong Thời Đệ Tam Quốc Xã** (London: Eyre and Spottiswoode, 1964).
56. Xem Leonard Schapiro, **Những Nguồn Gốc Của Chuyên Chế cộng Sản: Đối Lập Chính Trị Trong Nhà Nước Sô-Viết: Giai Đoạn Một 1917-1922** (London: G. Bell and Sons. Ltd., 1956), và Schapiro, **Đảng Cộng Sản Và Liên Bang Sô-Viết**.
57. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.93.
58. Simmel, **Xã Hội Học Của Georg Simmel**, t.199.
59. Xem như trên, t.198.
60. Tocqueville, **Nền Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.284.
61. Như trên, t.9.
62. Như trên, t.93.
63. Như trên, t. 265.
64. F.C. Montague, Dẫn Nhập vào Jeremy Bentham, **Một Mảnh Của Chính Quyền** (Biên Tập bởi F.C. Montague. London: Humphrey Milford, 1931 [1891]), t.48.
65. Mosca, **Giai Cấp Cai Trị**, t.141.
66. Jouvenel, **Quyền Lực**, t. 206.
67. Xem Willian Godwin, **Điều Tra Về Công Lí Chính Trị và Ảnh Hưởng Đối Với Đạo Đức và Hạnh Phúc** (Ấn bản hai; London: GG. And J. Robinson, 1796), tập I, tt.275-276.
68. Xem như trên, tập I, tt.257-261 và 304, và tập II, tt.221-222 và 224.
69. Xem như trên, tập I, t.108 và 254-255, và tập II, t.153.

70. Nicolo Machiavelli, **Những Thuyết Minh Về Nicolo Machiavelli** (“Những Bài Thuyết Minh Về Mười Cuốn Sách Đầu của Titus Livy”) (London: Roulledge and Kegan Paul, 1950), tập I, t.252.
71. Như trên, tt.252-253.
72. Như trên, t.289.
73. Machiavelli, **Ông Hoàng** (London: J.M. Dent & Sons [Everyman Library], 1948), t.38.
74. Baron de Montesquieu, **Tinh Thần Luật Pháp** (New York: Hafner Publishing Co.,1959), tập I, tt.20-23 và 38.
75. Như trên, t.307.
76. Mosca, **Giai Cấp Cai Trị**, t.34.
77. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.260.
78. Jouvenel, **Quyền Lực**, t. 277.
79. Như trên, t.293.
80. Xem M.K. Gandhi, **Bất Bạo Động Trong Hoà Bình và Chiến Tranh** (Ahmedabad: Navajivan Publishing House, 1949), Tập II, tt.187-188. Ở đây ông đưa ra ý kiến là một xứ Ấn Độ nội bộ yếu đến mức bị dằn xé bởi những cuộc nổi loạn thì sẽ làm mỗi cho một nhà cai trị mới từ nước ngoài. Xem thêm N.K. Bose, **Những Nghiên Cứu về Thuyết Gandhi** (Calcutta: Indian Associated Publishing Co., 1947), tt. 62-63.
81. Xem Gandhi, “Hind Swaraj hay là Ấn Độ Tự Trị” (sách mỏng, Ahmedabad: Navajivan, 1958), tt.38-41; và Gene Sharp, “Gandhi về Lí Thuyết Nô Bộc Tự Nguyện,” trong **Gandhi như Một Lí Thuyết Gia Chính Trị** (Boston: Porter Sargent Publishers, 1979).
82. Gandhi, **Bất Bạo Động Trong Hoà Bình và Chiến Tranh** (Ahmedabad: Navajivan, 1948), tập I, t.36.
83. Như trên, t.12.
84. Bose, **Tuyển Tập Của Gandhi** (Ahmedabad: Navajivan, 1948), t.118. Xem thêm như trên, tt. 121 và 123; Gandhi, **Bất Bạo Động Trong Hoà Bình và Chiến Tranh**, tập I, t.351; và Gandhi, **Satygraha** (Ahmedabad: Navajivan, 1951), t.283.
85. Gandhi, **Bất Bạo Động Trong Hoà Bình và Chiến Tranh**, tập II, t.8.
86. Xem như trên, tập I, tt.103-104.
87. Xem Jouvenel, **Quyền Lực**, tt.22-23.
88. Xem Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập I, t.93 và tập II, t.258.
89. Như trên, tập I, t.332 và t.334, và tập II, tt.288-290 và 294.
90. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.258.
91. Xem Montesquieu, **Tinh Thần Luật Pháp**, tập I, t.21.
92. Jouvenel, **Quyền Lực**, t.220 và Hannah Arendt, **Về Cách Mạng** (New York: Viking Press, 1963).
93. Montesquieu, **Tinh Thần Luật Pháp**, tt.21-22.
94. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập II, t.226.
95. Montesquieu, **Tinh Thần Luật Pháp**, tập I, t.309.
96. Jouvenel, **Quyền Lực**, t.101.
97. Jouvenel, **Chủ Quyền**, t.199.
98. Như trên.
99. Simmel, **Xã Hội Học Của Georg Simmel**, t.274.
100. Như trong lí thuyết của Pareto về sự tuần hoàn của giới thượng lưu. Xem Wilfredo Pareto, **Trí Ốc Và Xã Hội** (New York: Harcourt Brace and Co., 1935), tập IV, tt.17871798.
101. Tocqueville, **Dân Chủ Tại Mỹ**, tập I, t.92.
102. Xem như trên, tập II, tt.295-296.
103. Như trên, t.97.
104. Xem GeneSharp, “Lí thuyết Chương Trình Xây Dựng của Gandhi,” trong cuốn **Gandhi Như Là Một Chiến Lược Gia**, Chương Năm.
105. Bạo lực chính trị ở đây nói đến bạo lực thể xác hay là sự đe dọa bạo lực thể xác được sử dụng để xúc tiến những mục đích chính trị, dù là bởi Nhà Nước, bởi các nhóm phi chính phủ, hay bởi những cá nhân, bao gồm tù đày, hành quyết, nổi loạn, chiến tranh du

- kích, chiến tranh quy ước, ám sát, đảo chánh, nội chiến, đánh bom, khủng bố, và những hành động cảnh sát hay quân sự chống lại các nhóm đối lập.
106. Karl Marx, **Ngày 18 Brumaire [Cách Mạng] của Louis Bonapart**, tt.238-239, trong David Ferbach, biên tập, Kark Marx: **Các Tác Phẩm Chính Trị**, tập II, Những Điều Tra Từ Cuộc Đày Ái (New York: Vintage Books, Random House, 1974).
 107. V.I.Lenin, **Nhà Nước Và Cách Mạng** (New York: International Publishers, 1974), t.25.
 108. Xem Jouvenel, **Quyền Lực**, tt.18-22 và 244-246.
 109. Xem Quincy Wright, **Một Nghiên Cứu Về Chiến Tranh** (Chicago: University of Chicago Press, 1942), tập I, tt.232-242, 302 và đặc biệt là 311; Bronislaw Malinowski, "Một Nghiên Cứu Nhân Chủng Học Về Chiến Tranh," Tập San Mỹ Về Xã Hội Học, tập XLVI, số 4, nhất là t. 545; và Malinowski, **Tự Do Và Văn Minh** (New York: Roy Publishers, 1944), nhất là tt.265 và 305.
 110. Bảng liệt kê sau đây về các nhân tố xuất hiện dưới dạng thức tương tự trong Gene Sharp, **Chính Trị Của Hành Động Bất Bạo Động**, tt.800-802.
 111. Bảng liệt những nhân tố này cũng xuất hiện dưới dạng thức tương tự như trên, tt.802-806. Xem Phần Ba, "Những Động Năng Của Đấu Tranh Bất Bạo Động" để có phân tách và dữ kiện hỗ trợ cho các nhận định này.
 112. Xem Gandhi, **Satyagraha [Sức Mạnh Chân Lí]**, t.356 và Gene Sharp, **Gandhi Tung Vũ Khí Sức Mạnh Đạo Đức** (Ahmedabad: Navajivan, 1960), tt.72 và 100.
 113. Xem Sharp, **Gandhi tung Vũ Khí Sức Mạnh Đạo Đức**, t.125 và Gandhi, **Bất Bạo Động Trong Hoà Bình và Chiến Tranh**, tập II, t.340.
 114. Xem Richard Gregg, **Sức Mạnh của Bất Bạo Động** (Ấn bản sửa đổi hai, New York: Schocken, 1966, và London: James Clark, 1960), t.146.
 115. Bose đã viết là kinh nghiệm trong đấu tranh bất bạo động làm cho người ta "tự lực. Và khi quyền lực đến với cách mạng thì sẽ được phân phối đều trong quần chúng; bởi vì, với bất bạo động, bất cứ người đàn ông, đàn bà, hay con nít nào cũng có thể hữu hiệu với điều kiện là họ có trái tim vững chắc. Với bạo động, không thể được như vậy; những người đã sử dụng bạo động hữu hiệu hơn cả sẽ là người thắng thế." Bose, **Những Nghiên Cứu về Thuyết Gandhi**, t.148).

4

Đối Diện Độc Tài Bằng Tự Tin

Sự nghiêm trọng của vấn đề của những nền độc tài, của những nguy hiểm mà chúng đem lại, và của nhu cầu cần có những phương tiện hữu hiệu để đối đầu với những nền độc tài này, đều đã gia tăng từ Đệ Nhất Thế Chiến. Những nền độc tài bình thường – dù tàn bạo suốt mấy ngàn năm – đã bị những chế độ của Hitler và Stalin bỏ xa. Với những phát triển này độc tài toàn trị đã trở thành một đối thủ ghê gớm hơn rất nhiều. Những nhà cai trị toàn trị này đã cố nuốt chửng và kiểm chế toàn diện đời sống của mỗi một người dân và tất cả mọi mặt của xã hội. Mức độ kiểm soát cá nhân, vận tải, truyền thông, vũ khí, và toàn bộ các hệ thống xã hội, kinh tế và chính trị, đã vượt rất xa những nền độc tài truyền thống. Quyền lực trở nên tập trung. Adolf Hitler và Joseph Stalin nay đã là người thiên cổ; hệ thống Quốc Xã chỉ còn là một chứng tích cho các sử gia, và

hệ thống Xô-viết thì đang chuyển biến. Tuy nhiên, vẫn nạn mà những nền độc tài đặt ra cho những ai tin tưởng vào nhân phẩm và tự do vẫn tiếp tục lớn mạnh.

Việc các chính phủ và nhóm chính trị nhắm mục đích cướp Chánh Quyền sẵn sàng đối xử tàn ác với đối lập và những người vô tội không hề thuyên giảm. Thực ra điều này có thể đã gia tăng. Người ta đã rất thường xuyên cho rằng nạn diệt chủng đã được chôn vùi một cách an toàn dưới những đồng gạch vụn của Berlin. Nhiều chủ thuyết và ý thức hệ khác nhau, và sự sợ hãi những người khác, đã cung cấp cho các nhóm chính trị và các chế độ một lí giải và một sự “biện minh” cho những chính sách và hành động mà không có sự lí giải hay biện minh đó thì sẽ được xem như là chính sự bạo tàn trần trụi. Những tiến bộ mới đây về kĩ thuật truyền thông, vận tải, về tàng trữ và thu hồi dữ kiện, về tổ chức chính trị, về theo dõi bằng điện tử, kiểm soát tiềm thức của quần chúng, và khả năng giết người, đã gia tăng khả năng của các chính quyền hiện đại trong việc thiết lập và duy trì những nền độc tài hữu hiệu.

Những Nguy Hiểm Của Những Nền Độc Tài Mới

Những nền dân chủ hiến định phóng khoáng hiện nay đều không toàn hảo, nhưng rõ ràng là được yêu chuộng hơn là những chế độ độc tài đang bành trướng càng ngày càng nhiều. Dầu vậy những vấn đề nghiêm trọng trong những nền dân chủ như thế đã gây nghi ngờ về sự trường tồn của chúng. Những khiếm khuyết nội tại, những kiểm soát hết sức tập trung, và quyền quyết định “bởi một nhóm nhỏ lãnh đạo thường gây nghi ngờ về sinh lực và tính hữu hiệu của những tiến trình dân chủ. Điều này đúng ngay cả tại những quốc gia thường kiêu hãnh về những truyền thống và thể chế dân chủ của mình. Nhiều người cảm thấy bất lực và không có khả năng kiểm soát đời sống của chính mình và ảnh hưởng đến những quyết định chính trị lớn lao. Người ta vẫn tiếp tục thực hiện những cuộc tấn công trực tiếp dưới nhiều dạng thức khác nhau vào các cơ cấu dân chủ. Liên Bang Hoa Kỳ cũng không ngoại lệ; vụ “Watergate” là một nỗ lực khuyh đảo những tiến trình bầu cử tự do hiến định của Hoa Kỳ. Tại nhiều quốc gia những cuộc đảo chánh nội bộ do các nhóm chính trị và quân đội, những hoạt động của cảnh sát và nhân viên nước ngoài, khủng bố chính trị, và những cuộc chiến tranh du kích bởi thiểu số tiếp tục tấn công các hệ thống dân chủ, với ý đồ thay thế các hệ thống này bằng những nền độc tài. Các nhóm sử dụng những phương tiện này theo nhiều

chủ thuyết khác nhau và trương lên đủ mọi lá cờ chính trị. Sự phát triển tại nhiều quốc gia và hệ thống những tổ chức tình báo mạnh, những cơ chế điệp viên nước ngoài, và những bộ phận cảnh sát trung ương của chính quyền tạo nên tiềm năng cho những cơ quan này, hay là một vài khu vực của những cơ quan đó, thách thức và tấn công chính quyền hợp pháp, thay vì phục vụ ý muốn của chính quyền.* Các lực lượng quân đội đã liên tục làm điều này tại hàng chục quốc gia khi họ tung ra những cuộc đảo chánh.

Những điều kiện xã hội nằm bên dưới các cấu trúc của xã hội cũng đã thay đổi. Các hệ thống xã hội, kinh tế, và chính trị đủ loại đã thay đổi rất nhiều kể từ sự xuất hiện của dân chủ hiến định tại tất cả những quốc gia mà dân chủ có một lịch sử lâu dài. Những tổ chức “quần chúng tự nguyện” của xã hội, và ngay cả những chính quyền địa phương và toàn quốc hay tỉnh thị đều càng ngày càng lệ thuộc vào hành chánh tập trung. Những công ti liên quốc gia hùng mạnh đang nắm sự kiểm soát những nền kinh tế quốc gia bên ngoài những quốc gia đó, và đang sử dụng sự kiểm soát này để thao túng các chính quyền nhằm phục vụ quyền lợi tài chánh của họ. Tất cả những tình trạng này đều đối nghịch lại với tự do.

Trong tương lai, những nhà chuyên chế sẽ có khả năng sử dụng những phương tiện kiểm soát tinh tế hơn, nhưng không ít quý quái hơn bằng những phương pháp như là điều kiện hoá, khiếm động tâm lí, và dược liệu do khoa học hiện đại cung cấp để giữ cho người dân khuất phục và “sung sướng.” *Thế Giới Mới [Brave New World]* của Aldous Huxley có thể không xa lắm; những nền độc tài sử dụng các phương tiện tâm lí như thế có thể vượt bỏ xa chủ nghĩa toàn trị. Còn có những dấu hiệu khác nữa về các nguy hiểm tương lai. Sự suy sụp đang bành trướng và ngay cả sự đặc lực phá huỷ những xã hội truyền thống và các nền văn hoá bản địa tại những phần đất trên thế giới phát xuất từ chủ nghĩa thực dân của châu Âu đang tạo nên tình trạng sa đọa, rối loạn tâm thần, đạo đức, và bản ngã; và phân hoá xã hội. Tình trạng này, nhất là khi được kết hợp với những bất bình chính đáng, sẽ nuôi dưỡng đủ loại phong trào quần chúng, xã hội, tôn giáo, và chính trị. Những phong trào này là điềm báo trước cho một vị cứu tinh chính trị mới hay là cho một chủ thuyết cứu rỗi trực tiếp dẫn đưa đến nô lệ chính trị.

Nếu người ta không sớm tìm được những phương tiện hữu hiệu để đánh đổ các nền độc tài, và thay đổi những điều kiện làm cho độc tài có thể xảy ra, thì công việc ngăn chặn và chống lại độc tài càng nhanh chóng

*Về khả năng của những cơ quan này chuyển đổi qua những mục đích khác, Xem Chương Mười Một, “Phạm Trù Xã Hội.”

trở nên khó khăn hơn. Tương lai vì vậy sẽ là một tương lai mà trong đó từ “tự do” sẽ không có ý nghĩa, hay là chỉ là một cái gì còn sót lại của một giấc mơ đã bị bỏ quên.

Nhiều nền văn hoá và quốc gia có truyền thống yêu tự do và chống mọi chuyên chế, dù rằng thực hành không hẳn luôn luôn sánh kịp lí tưởng. Chống độc tài chính trị là nguyên tắc căn bản của Mỹ trước khi Hiến Pháp được chấp thuận rất nhiều. Việc tạo nên những cơ cấu chính trị mới trên lục địa này, những cuộc đấu tranh của thuộc địa chống lại chuyên chế mà người ta cảm nhận được, và việc thảo ra các khuôn mẫu căn bản cho những chính quyền mới đều được thúc đẩy bởi niềm tin vào tự do con người, dù có thể đã có những động lực khác nữa. Các tổ phụ thuộc địa đã tin vào một phạm trù luân lí và chính trị nhằm chống lại những nền độc tài đương đại và ngăn chặn sự thiết lập những nền chuyên chế mới (dĩ nhiên là đồng thời họ thường mù mắt trước chính những áp đặt các điều kiện chuyên chế đối với những người Mỹ bản địa đã bị họ cướp đất đai, và đối với những người Phi châu mà họ đã bắt làm nô lệ, cũng như trước sự áp bức những người đàn bà của chính họ.)

Kể từ thời gian những người định cư Âu châu giành được độc lập, các chính sách của chính quyền Hoa Kỳ và những liên minh với nước ngoài chưa bao giờ theo đúng sự cam kết về tự do này và chống lại chuyên chế cả. Tuy nhiên, niềm tin này vẫn là căn bản đối với nhiều người Mỹ. Những thoả hiệp được thực hiện trong những chính sách thực tiễn thường được nhận thức là cần thiết trước đe dọa độc tài lớn lao hơn. Người ta nói rằng Đệ Nhất Thế Chiến là “để làm cho thế giới được an toàn hơn cho dân chủ.” Đệ Nhị Thế Chiến, nhiều người tin tưởng, là để đánh bại ba chế độ độc tài bành trướng, để giải phóng các dân tộc bị chinh phục, và, nhất là, để đánh bại hệ thống Quốc Xã -- một trong những hình thái độc tài quá khích nhất mà người ta biết được. Chiến Tranh Lạnh đã chính thức nhắm đến chặn đứng sự bành trướng của các hình thái độc tài Cộng sản. Ngay cả những hoạt động của Hoa Kỳ có tính can dự nhiều hơn cả vẫn được những người bên vực biện minh là cần phải có để chống lại những đe dọa độc tài còn nghiêm trọng hơn. Mặc dù đôi khi các nhà phê bình, với biện giải hợp lí, đã nêu lên những động lực khác, nhưng chúng ta vẫn phải đối diện với những nguy hiểm thực sự đối với tự do, do đủ loại độc tài mang lại.

Những Thiếu Sót Của Các Giải Đáp Truyền Thống

Không có một giải đáp dễ dàng cho vấn đề độc tài. Không có những phương cách an toàn, không cần nỗ lực theo đó những người sống dưới

những nền độc tài có thể tự giải phóng, hay theo đó những người khác có thể tự bảo vệ mình khỏi những nguy hiểm tương lai. Chúng ta cũng không có một phương thức đơn giản mà theo đó chúng ta có thể ngăn chặn được sự phát triển của những nền chuyên chế mới. Thụ động khi đối diện với những đe dọa như thế rõ ràng là sẽ không bảo đảm an toàn được. Đúng ra thường thường thì ngược lại. Dù sao thì thụ động không phải là một phản ứng hữu hiệu, cũng không dân chủ đối với thách thức này. Tất cả mọi đường lối hành động nhằm hỗ trợ giải phóng và bênh vực tự do đều hiểm nghèo, và có cơ gây nên đau khổ, và cần thời gian để vận hành. Và cũng không có hành động nào lại có thể bảo đảm thành công trong mọi trường hợp được.

Vậy thì làm thế nào để chúng ta đương đầu với các nền độc tài? Câu trả lời bộc phát của những người tin vào tự do là các bạn phải đánh và đập tan chúng. Nếu quốc gia của bạn là nạn nhân của một chế độ độc tài, từ trong nước hay là ngoài nước, các bạn đánh lại. Nếu quốc gia của bạn bị một Nhà Nước độc tài tấn công, các bạn chống cự lại. Nếu người dân của một nhà chuyên chế nổi loạn, các bạn sẽ giúp đỡ họ. Nếu quốc gia của bạn có cơ bị một nền độc tài tấn công thì bạn phải chuẩn bị trước để đánh tan cơ nguy đó, hi vọng rằng khi trở nên đủ mạnh bạn có thể ngăn cản được cuộc tấn công. Đây là những câu trả lời thông thường của hầu hết những người tin vào tự do và chống lại chuyên chế trên khắp thế giới. Trong lúc những câu trả lời tổng quát này có thể trên nguyên tắc vẫn có giá trị như bao giờ, nhưng những thay đổi trong kĩ thuật quân sự và tổ chức chính trị ngày nay đã cho thấy điều cần thiết là phải áp dụng điều gì trước kia đúng nhưng theo những phương cách hết sức khác với những gì thường xảy ra trong những thời gian trước.

Để giúp chúng ta có khả năng đối đầu với những nền độc tài, chúng ta đã tạo ra những hệ thống quân sự khổng lồ có những khả năng huỷ diệt cho đến nay còn ngoài sức tưởng tượng. Chúng ta đã tự tổ chức để điều động cũng cùng những sinh hoạt phản dân chủ chống lại các lực lượng độc tài như chính những lực lượng này đã từng làm. Chúng ta đã hỗ trợ một nhóm độc tài này để chống lại một nhóm độc tài khác. Và chúng ta đã than vãn về những xói mòn của các nền tự do và các tiến trình dân chủ tại những quốc gia khác và tại chính quốc gia mình.

Bất chấp những biện pháp này, có ít dấu hiệu cho thấy là những khuynh hướng phản dân chủ này đang được làm chậm lại, nói gì đến kiềm chế hay xoay ngược trở lại. Thực ra thì những chính sách của chúng ta ngay cả đã có thể giúp cho sự củng cố của những nền độc tài cũ và sự xuất hiện những nền độc tài mới. Vấn đề không phải là làm thế nào để đạt được “chung sống hoà bình” với những nền độc tài cực đoan. Vấn đề là làm thế nào để tái khẳng định sự kiểm soát của người dân đối với những

nền độc tài này, ngay cả đối với các hệ thống toàn trị: làm thế nào để đánh bại và phân huỷ chúng.

Mĩa mai thay, đúng ngay vào lúc trong lịch sử mà nhu cầu lớn nhất là cần có những phương tiện hữu hiệu chống chuyên chế, thì những phương tiện tối hậu truyền thống trong những xung đột quốc tế -- chiến tranh -- đã, vì kĩ thuật hiện đại, trở thành một sự lựa chọn hết sức nguy hiểm. Tuy nhiên, nếu người ta không tìm được những phương cách thay thế hữu hiệu thay vì chiến tranh trong những xung đột như thế, thì người ta sẽ cứ tiếp tục đe dọa và sử dụng chiến tranh bất chấp nguy hiểm.* Cũng tương tự như thế, còn có những nguy hiểm nội tại rất nghiêm trọng trong các nỗ lực nổi dậy chống lại những nền độc tài trong nước. Những nguy hiểm này liên quan đến sự tập trung và tính huỷ diệt của vũ khí quân sự, đến sự phí tổn cực kì của những nội chiến nói chung, và đặc biệt là của chiến tranh du kích nói riêng, trong những tổn thất và huỷ hoại xã hội, và các hậu quả về cơ cấu của sự bạo động như thế.[†] Những phương tiện trong quá khứ thường thiếu sót ngay cả khi chúng đánh đổ được một nền độc tài nào đó, bởi vì chúng đã để cho những nền độc tài khác nổi tiếp, làm cho sự tăng trưởng của những nền độc tài này được dễ dàng, hay là đóng góp vào việc phát triển của những nền độc tài mới. Những thiếu sót của các phương tiện hiện tại trong việc đương đầu với các nền độc tài nghiêm trọng đến nỗi chúng ta có bốn phận phải xét định làm cách nào để đưa ra những phương tiện thay thế. Chúng ta đòi hỏi những chính sách mới, những đường lối hành động và những quan niệm về giải phóng và phòng thủ hầu mong đối diện với những nguy hiểm của các nền độc tài hiện đại và đương đầu với chúng. Quan niệm người ta phải lựa chọn giữa chiến tranh huỷ diệt đại chúng và thụ động khuất phục chuyên chế là sai lầm.

Sự hiểu biết của chúng ta trong quá khứ về bản chất của vấn đề những nền độc tài hiện đại, các phong trào toàn trị, nạn diệt chủng, và tiếm quyền chính trị, còn thiếu sót. Tương tự như thế, sự hiểu biết của chúng ta về những phương tiện đấu tranh có thể có để chống lại những điều này, và ngăn cản sự phát triển của chúng đã không toàn vẹn. Với một sự hiểu biết không đầy đủ làm nền tảng cho những chính sách của chúng ta, thì không lạ gì các chính sách đó tỏ ra là không hữu hiệu.

Những giải pháp khác, dĩ nhiên, cần phải được đánh giá một cách công bằng. Ví dụ, khi cân nhắc những chính sách thay thế thì điều quan trọng là phải so sánh những kết quả xấu nhất có thể có của mỗi giải pháp,

* Xem Chương Mười, "Tìm Một Giải Pháp Cho Vấn Đề Chiến Tranh."

[†] Xem Chương Mười Hai, "Tăng Cường Khả Năng Quân Chúng," Tiểu Chương: Chế Tài Và Xã Hội.

cũng như những kết quả tốt nhất, chứ không phải (như thường xảy ra) chỉ kết quả tốt nhất của một chính sách với kết quả xấu nhất của một chính sách khác. Hơn nữa, không những chúng ta chỉ phải xét định xác suất thuận lợi hay bất thuận lợi cho một số kết quả nào đó của các chính sách hiện hành mà thôi; chúng ta còn cần phải lưu ý đến bản chất của những kết quả đó nữa, bao gồm những biện pháp sửa sai và bổ túc để phản công lại những kết quả đó. Những thiếu sót trong các chính sách hiện hành và những chính sách mới được đề nghị cần phải được xét định toàn bộ, cũng như những xác quyết về những sức mạnh và hiệu quả của mỗi chính sách. Bằng cách sử dụng các phương tiện so sánh, chúng ta có thể đánh giá một cách công bằng.

Ít Hơn Là Toàn Năng

Khả năng của chúng ta khám phá và phát triển những phương cách trước tiên là để ngăn chặn các nền độc tài, và đập tan chúng một khi chúng hiện hữu, có thể được gia tăng nếu chúng ta có thể xác định được vị trí của những đặc tính của các hệ thống đã từng gây nên những khó khăn cho các nhà độc tài, cản trở những nỗ lực bảo toàn các hệ thống của họ, hay là cản trở họ thực thi ý muốn của mình. Thật là kì lạ, trong lúc người ta chú ý rất nhiều đến những phương tiện đàn áp của cảnh sát và các khả năng quân sự của các nền độc tài, nhưng lại hầu như không hề chú ý đến các nhược điểm của chúng. Thực vậy, chúng ta luôn luôn cho là chính quyền có hiệu năng, hữu hiệu, hùng mạnh, và bền vững hơn là sự thực. Tất cả mọi nền độc tài, ngay cả những nền độc tài toàn trị, đều vẫn chứa đựng những nhược điểm cố hữu mà, với thời gian, dù không có những nỗ lực có chủ ý làm trầm trọng thêm, cũng sẽ có khuynh hướng làm cho hệ thống ít hữu hiệu và ít độc tài hơn. Trong một vài trường hợp, những nhược điểm này có thể làm cho nền độc tài tan rã.

Các nền độc tài, ngay cả những nền độc tài toàn trị, cũng không hoàn toàn vững như bàn thạch đâu, và chắc chắn là không toàn năng và vĩnh cửu được. Thực ra chẳng có gì hoàn toàn mới mẻ khi nói rằng các nền độc tài không luôn luôn đạt được những mục tiêu của mình. David Riesman và Karl W. Deutsch đều có nêu lên sự kiện này trong những năm 1950.

Năm 1952 David Riesman viết là chúng ta thường hay đánh giá quá cao khả năng của những nhà toàn trị trong việc “tái cấu trúc nhân cách con người.”¹ Trong lúc trước những áp lực người ta có thể đóng một số vai trò nào đó và tuân thủ theo bề ngoài, nhưng họ cũng có thể vô cảm hay ngay cả bất cần đối với những quyền rũ và nỗi sợ ý thức hệ. Họ có

thể chối bỏ cái “đạo đức” của nhà độc tài mà lẽ ra tất cả mọi người đều chấp nhận. Người ta có thể rút lui khỏi chính trị -- một tiến trình “tự nhân hoá.” Thay vì bị quyết định bởi các chủ thuyết và chương trình của hệ thống, hành vi của người dân có thể được thúc đẩy bởi sự tham lam. Thối nát và ngay cả tội ác có thể lan tràn. Người ta có thể cố ý hành động hăng say quá đáng để hỗ trợ các sắc chỉ của hệ thống với mục đích phá rối hệ thống, như là bằng cách kết án mọi người trong Đảng đi chệch hướng. Những xung khắc về quyền lực có thể phát xuất từ trong lòng chế độ hay trong Đảng.² Những phản ứng như thế, Riesman viết, “chỉ là một sự đối kháng dai dẳng không anh hùng đối với những nỗ lực toàn trị” muốn biến đổi con người thành một hình ảnh mới.³ Ông ta viết là ngay cả sự kinh sợ cũng không thể “phá vỡ được mọi ràng buộc về tổ chức giữa những nạn nhân của nó.”⁴ Những giới hạn như thế về hiệu lực của những sự kiểm soát ảnh hưởng tại hại đến các hệ thống đó. Tuy nhiên sự thiếu thực tế của chính chúng ta trong sự hiểu biết về những giới hạn này cũng ảnh hưởng đến chúng ta, vì nó đã dẫn đưa chúng ta đến “hèn nhát một cách quá đáng hay hung hăng một cách quá đáng....”⁵ Thay vì như vậy, chúng ta có bốn phận “tìm ra những phương cách để lật đổ những chế độ này mà không cần phải có chiến tranh....”⁶

Trong quá khứ chúng ta thường cho rằng các nền độc tài, nhất là trong những hình thái cực đoan, khác với những hệ thống chính quyền khác hơn là sự thật. Ngược lại với ý nghĩ thông thường, một nhà cai trị toàn trị, cũng giống như tất cả những nhà cai trị khác, đều phải lệ thuộc vào người dân. Tất cả mọi nhà cai trị đều phải lệ thuộc vào sự hợp tác, sự khuất phục, và tuân phục của người dân để có những vị thế và quyền lực của họ. Quyền lực của họ được rút ra từ những nguồn gốc trong xã hội, như là các tài nguyên kinh tế, khả năng quân sự, kiến thức, kĩ năng, quản trị, và quyền hành. Tất cả những điều này lại liên hệ chặt chẽ với, hay là trực tiếp lệ thuộc vào, mức độ hợp tác, khuất phục, tuân phục, và hỗ trợ mà nhà cai trị tương lai có thể tranh thủ được từ người dân của mình -- cả từ bộ phận nhân viên toàn thời gian nói chung và các trợ tá lẫn từ dân chúng như là một tổng thể. Sự khuất phục này có thể được tác động bởi việc sử dụng sự khiếp sợ, nhưng ở bên dưới, thì dù sao vẫn có sự lệ thuộc của nhà cai trị vào người dân. Nếu sự giúp đỡ và khuất phục của một hay cả hai nhóm người này bị rút lui, thì quyền lực của nhà cai trị sẽ bị làm suy yếu đi một cách nghiêm trọng. Nếu sự rút lui này có thể duy trì được bất kể mọi thứ trừng phạt, thì ngày tàn của của chế độ đang thấy trước mắt.⁷ Nguyên tắc này áp dụng ngay cho cả những nhà cai trị toàn trị. Sự lệ thuộc này có thể mang một ý nghĩa trọng đại đối với giải pháp sau này cho vấn đề của chúng ta.

Hầu hết người ta cho rằng quan điểm này là xằng bậy. Họ tin rằng đe dọa nhiều đủ, gieo kinh hãi, trừng phạt, tàn ác, giết chóc, và khủng bố, nhà độc tài có thể áp đặt ý muốn của mình lên bất cứ đám dân nào mà không cần cho họ có sự chọn lựa hay cơ hội để thay đổi hoàn cảnh. Quan điểm về tuân phục và hợp tác bị áp đặt được tác động bởi những biện pháp đàn áp rất thiếu sót. Nó ngụ ý đây là tương quan một chiều. Trong lúc trên bề mặt thì có vẻ là như vậy, nhưng thực tế thì căn bản hoàn toàn khác. Trong những hoàn cảnh đặc biệt, chế độ thực sự không thể áp đặt được ý muốn của mình. Điều này có thể xảy ra vì có quá nhiều người đồng loạt thách thức chế độ, vì những nhà quản trị của chế độ từ chối giúp đỡ, hay là các nhân viên đàn áp không tuân lệnh áp dụng trừng phạt. Trong một vài trường hợp, tất cả những điều này đều xảy ra cùng một lúc.

Năm 1953 Karl W. Deutsch đã áp dụng quan điểm lệ thuộc hỗ tương giữa áp đặt và tuân phục cho những hệ thống toàn trị. Đoạn văn này hết sức quan trọng:

Việc... áp đặt những quyết định (bởi chính quyền toàn trị) lệ thuộc phần lớn vào những tập quán tuân thủ của dân chúng. Tuân thủ và áp đặt lệ thuộc hỗ tương; chúng thúc đẩy nhau, và những tỉ lệ thúc đẩy này tạo thành một chuỗi liên tục. Ở cuối một đầu chuỗi, chúng ta có thể tưởng tượng một hoàn cảnh mà trong đó mọi người theo thói quen đều vâng phục tất cả những chỉ thị và quyết định của chính quyền toàn trị, mà không cần sự áp đặt; ở cuối đầu kia, chúng ta có thể tưởng tượng một hoàn cảnh mà trong đó không có ai tự nguyện tuân phục bất cứ quyết định nào của hệ thống toàn trị, và mọi người đều bị ép buộc phải vâng phục trước họng súng, hoặc trong những điều kiện thực sự luôn luôn bị đe dọa hay là luôn luôn bị giám sát.

Trong trường hợp thứ nhất, ép buộc thi hành sẽ hết sức ít tốn kém và đúng ra, không cần thiết; trong trường hợp thứ hai, thì lại quá sức tốn kém và thực ra thì không có chính quyền nào có thể tồn tại được, trên căn bản như thế...Đâu đó giữa hai thái cực hoàn toàn tuân phục và áp đặt mọi nơi là lãnh vực của chính quyền hữu hiệu. Ở đây đa số cá nhân trong đa số trường hợp tuân phục các quyết định của chính quyền theo thói quen mà không cần phải được giám sát trực tiếp.⁸

Những xét định này áp dụng cho toàn trị vì chúng áp dụng cho tất cả mọi loại chính quyền, nhưng khi áp dụng cho toàn trị thì chúng nói lên một nghịch lí. Quyền lực của toàn trị chỉ mạnh khi không cần phải được sử dụng quá thường xuyên. Nếu quyền lực toàn trị cần phải được dùng luôn luôn để chống lại toàn dân, thì quyền lực đó chắc sẽ không còn mạnh được lâu. Bởi vì những chế độ toàn trị cần nhiều quyền lực để đương đầu với người dân hơn là những là những loại chính quyền khác, những chế độ như thế có một nhu cầu lớn hơn về những tập quán tuân phục phổ quát và đáng tin cậy của người dân; lớn hơn là nhu cầu đòi hỏi để có thể trông cậy vào sự hỗ trợ năng động của ít nhất là những thành phần quan trọng trong dân chúng trong trường hợp cần đến.⁹

Có những vấn đề nghiêm trọng trong việc biến nhận định tổng quát này thành những hành động đối kháng cụ thể có chủ ý để xói mòn hay phá vỡ hệ thống toàn trị. Ví dụ duy trì được sự rút lui hỗ trợ dù bị đàn áp gắt gao bởi cảnh sát và quân đội vẫn còn trung thành không phải là dễ. Vì những chính sách hiện tại về việc đương đầu với các nền độc tài tự chúng có

những vấn đề, những khó khăn về những giải pháp có thể có không là lí do để ngưng khai phá tiềm năng của những giải pháp đó để đương đầu với các nền độc tài hiện đại.

Những Nhược Điểm Của Các Nền Độc Tài Cục Đoan

Trên cơ sở của điều mà chúng ta biết về những hệ thống Quốc Xã và Cộng Sản, và của một số những nền độc tài nhẹ hơn, thì chúng ta có thể nêu lên những nhược điểm cụ thể của những nền độc tài này. Đây là những nhân tố mà với thời gian, ngay cả khi không có những nỗ lực có chủ ý làm gia tăng thêm những nhược điểm đó, sẽ tạo ra những thay đổi mà theo những mức độ khác nhau sẽ làm biến đổi những khả năng và đặc tính của nền độc tài. Ví dụ, những nhược điểm này sẽ đưa đến những kết quả như sau:

- hạn chế tự do hành động của chế độ;
- thúc đẩy chế độ quan tâm đến các nhu cầu và ước vọng của dân chúng;
- giảm thiểu tàn bạo và đàn áp;
- đóng góp vào việc chế độ trở nên bớt giáo điều trong hành động;
- giảm thiểu mức độ chính quyền kiểm soát xã hội hữu hiệu;
- phá vỡ huyền thoại chính quyền biết tất cả mọi sự;
- nói một cách nhẹ nhàng nhất, làm cho hệ thống trở nên “được phóng khoáng hơn” hay ngay cả được dân chủ hoá; và
- nói một cách cục đoan, thì làm cho hệ thống tan vỡ.

Sau đây là một vài nhược điểm của các nền độc tài cục đoan, bao gồm cả những hệ thống toàn trị:

1. Sự hợp tác của một số đồng người và nhiều nhóm khác nhau cần có để điều hành một hệ thống có thể bị hạn chế hoặc rút lui.
2. Tự do hành động của chế độ có thể bị giới hạn bởi những chính sách trong quá khứ mà các điều kiện và hậu quả vẫn còn tiếp diễn.
3. Hệ thống có thể đã trở thành thông lệ trong lối điều hành, do đó điều độ hơn và ít có khả năng chuyển biến hoàn toàn các sinh hoạt để phục vụ những đòi hỏi giáo điều và đột ngột thay đổi chính sách.
4. Việc phân phối nhân viên và tài nguyên cho những công tác hiện hành sẽ giới hạn sự cung ứng nhân viên và tài nguyên cho những công tác mới.

5. Chỉ huy trung ương có thể nhận từ cấp dưới thông tin không chính xác và không đầy đủ dựa vào đó để làm những quyết định, bởi vì những cấp dưới có thể sợ không làm hài lòng cấp trên.
6. Ý thức hệ có thể hao mòn, và các huyền thoại và biểu tượng của hệ thống trở nên bất ổn.
7. Bám chặt vào ý thức hệ có thể dẫn đưa đến những quyết định có hại cho hệ thống bởi vì người ta không chú ý đủ đến những điều kiện và nhu cầu thực sự.
8. Hệ thống có thể không có hiệu năng gây nên bởi sự suy thoái về khả năng và hiệu lực của hành chính, hay bởi kiểm soát quá mức và quá nhiều giấy tờ; hậu quả là các chánh sách và điều hành bình thường của hệ thống có thể trở nên vô hiệu.
9. Đủ loại xung khắc nội bộ của hệ thống có thể tác động tai hại và ngay cả phá rối sự điều hành của hệ thống.
10. Giới trí thức và sinh viên có thể trở nên bồn chồn trước những điều kiện, những hạn chế, tính giáo điều, và sự đàn áp.
11. Quần chúng với thời gian có thể trở nên vô cảm và nghi ngờ.
12. Những khác biệt vùng, giai cấp, văn hoá, hay quốc gia có thể trở nên trầm trọng.
13. Đẳng cấp trong quyền lực sẽ luôn luôn bất ổn ở một mức độ nào đó, và có lúc hết sức bất ổn.
14. Có những bộ phận cảnh sát chính trị hay những lực lượng quân sự có thể có đủ sức mạnh tạo áp lực để đạt những mục đích của chính họ, hay ngay cả để hành động chống lại các nhà cai trị đã ổn định.
15. Trong trường hợp một nền độc tài mới, thì nền độc tài này đòi hỏi phải có thời gian mới được ổn định một cách vững chắc, điều tạo ra một khoảng thời gian rất dễ bị nguy hiểm.
16. Sự tập trung quá độ quyền làm quyết định và quyền chỉ huy có nghĩa là sẽ có quá nhiều điều chỉ do một số quá ít người quyết định nên khó tránh được lỗi lầm.
17. Nếu chế độ, để tránh một vài trong số những vấn đề này, quyết định phân tán quyền làm quyết định và quản trị, thì điều này sẽ đưa đến sự xói mòn những kiểm soát trung ương hơn nữa, và thường đưa đến việc tạo dựng nên những trung tâm quyền lực mới trải rộng khắp nơi; những trung tâm này tìm cách bành trướng sức mạnh của mình thiệt hại cho trung ương.

Những nhược điểm này của các nền độc tài cực đoan dĩ nhiên không có nghĩa là sự phân huỷ sẽ xảy ra nhanh chóng, hay ngay cả chưa chắc sẽ xảy ra, dù cho có những nhân tố khác đang vận hành trong hoàn cảnh.

Những hệ thống độc tài thường ý thức được ít nhất một vài nhược điểm của mình và sử dụng những biện pháp để sửa chữa những nhược điểm đó. Thêm nữa, trong những hoàn cảnh thích hợp, ngay cả những chế độ hết sức vô hiệu năng và bất tài vẫn thường có thể xoay sở để sống còn trong một thời gian rất lâu dài và như Riesman đã nói, người ta có thể “nhằm lẫn giữa những thúc đẩy xằng bậy hay ngay cả những tình cờ của ‘hệ thống’ với thiên tài đầy âm mưu.”¹⁰

Tuy nhiên, chúng ta hẳn phải học hỏi được nhiều hơn là những gì chúng ta hiện biết được về các nền độc tài và về các hình thái đối lập và đối kháng thay thế chống lại những nền độc tài này. Với kiến thức này, những người sống dưới các nền độc tài có thể làm trầm trọng thêm một cách có chủ ý các nhược điểm cố hữu như thế để thay đổi hoàn toàn hay là phân huỷ hệ thống. Trong những nỗ lực như thế, sự lệ thuộc hỗ tương giữa ép buộc thi hành và các tập quán tuân phục đặc biệt quan trọng. Những hình thái đấu tranh bất bạo động được dựa trên khả năng của quần chúng giữ lại sự tuân phục và hợp tác của họ. Việc giữ lại này làm cho những nguồn quyền lực cần có của nền độc tài có thể bị hạn chế hay bị cắt đi.

Đối Kháng Với Chuyên Chế Mà Không Có Chuẩn Bị

Có thể sẽ có những vấn đề nghiêm trọng trong những cuộc đấu tranh bất tuân và bất hợp tác như thế chống lại các nền độc tài cực đoan. Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta không có sẵn một giải pháp mà không có những khó khăn và nguy hiểm. Những vấn đề của loại đấu tranh này cần phải được nhìn trong viễn tượng những giới hạn hiện tại của đủ loại bạo lực chính trị nhằm đối kháng và đánh tan các nền độc tài. Nghiêm chỉnh khai phá tiềm năng tương lai của bất tuân và bất hợp tác nhằm làm gia tăng những nhược điểm của các nền độc tài để kiềm chế và đánh tan chúng cần phải bắt đầu bằng cơ sở của sự hiểu biết về các nền độc tài, về bản chất của đấu tranh bất bạo động, và về lịch sử của những cuộc đấu tranh bất bạo động chống độc tài trước đây. Mặc dù vẫn chưa đủ, nhưng tất cả những điều này cần thiết cho một sự khởi đầu. Những thí dụ về đấu tranh bất bạo động chống lại những áp bức nhẹ nhàng hơn do đó cũng có ý nghĩa: người ta sẽ không thể hiểu được làm thế nào để điều động một cuộc đấu tranh bất bạo động lớn lao chống lại một hệ thống toàn trị, hay là đâu là tất cả những vấn đề, những nhược điểm, ưu điểm, nếu không trước tiên nghiên cứu việc đấu tranh chống lại những trở ngại nhỏ. Lịch sử tổng quát của kĩ thuật này do đó có ý nghĩa. Hiểu nhiều về các loại phương pháp cụ thể, các nguyên tắc chiến lược, những điều kiện căn bản

để có hiệu lực, và các động năng và phương thức đấu tranh bất bạo động là quá trình cần thiết cho việc khai phá này.* Không có quá trình này thì không thể tán thưởng đầy đủ những đặc tính tổng quát và các khả năng của kĩ thuật này. Chúng bao gồm:

- đấu tranh bất bạo động sử dụng sức mạnh và phản công lại sức mạnh của đối phương như thế nào;
- việc sử dụng kĩ thuật này đập vỡ hấp lực của tuân thủ và của sợ hãi như thế nào;
- Các vai trò của đối kháng biểu tượng và tâm lí;
- nhiều phương cách theo đó bất hợp tác kinh tế và chính trị sử dụng và ảnh hưởng quyền lực;
- Sự cần thiết duy trì kỉ luật bất bạo động để áp dụng nhu thuật chính trị nhằm mục đích phản công lại đàn áp bạo động và sử dụng nhu thuật chính trị để hỗ trợ các nhà đối kháng;
- những sức mạnh liên tục thay đổi của cả hai phe đối nghịch trong một cuộc đấu tranh bất bạo động;
- những phương cách đấu tranh vẫn có thể tiếp tục sau khi bất cứ lãnh đạo nổi tiếng nào đã bị bắt;
- những tiến trình kêu gọi thêm hỗ trợ trong thời gian đấu tranh từ những thành viên trong quần chúng, từ chính phe đối phương, và từ các thành phần thứ ba; và
- Những phương thức tạo thay đổi có thể đưa đến thành công (phương thức sử dụng hiếm khi là phương thức cải hoá, thường hơn là phương thức thích nghi, đôi khi là cưỡng ép bất bạo động, và ngay cả phân huỷ chế độ của đối phương).

Trong một số trường hợp quan trọng, đấu tranh bất bạo động đã từng được áp dụng chống lại những hệ thống toàn trị, hoặc đơn độc hoặc hỗn hợp cùng với bạo động chính trị. Trong lúc chưa có hệ thống toàn trị nào bị lật đổ vĩnh viễn bởi đấu tranh bất bạo động, nhưng có nhiều đối kháng như thế đã xảy ra hơn là người ta thường công nhận. Những trường hợp này khẳng định là đấu tranh bất bạo động chống lại các nền độc tài cực đoan, bao gồm cả những hệ thống toàn trị, là một điều có thể thực hiện được. Mức độ thành công và thất bại của những trường hợp này biến đổi, một phần tùy theo tiêu chuẩn ấn định. Trong nhiều trường hợp loại đấu

* Xem những thảo luận dẫn nhập về một vài khía cạnh này ở Chương Chín, “Sự Tương Đương Chính Trị Với Chiến Tranh – Phòng Thủ Dựa Trên Dân Sự,” Tiểu Chương: Kiểm Soát Quyền Lực Chính Trị Và Điều Động Đấu Tranh Công Khai, và Chương Mười, “Tìm Một Giải Pháp Cho Vấn Đề Chiến Tranh.” Tuy nhiên, đòi hỏi cần hiểu sâu hơn. Về điểm này, xem Gen Sharp, *Chính Trị Của Hành Động Bất Bạo Động* (Boston: Porter Sargent Publisher, 1973).

tranh này đem đến những khó khăn kinh khủng cho chế độ. Đôi khi đấu tranh ép buộc chế độ phải có những nhượng bộ và ít ra cũng thắng được một phần nào.

Những trường hợp sau đây nằm trong số những trường hợp quan trọng hơn:

- việc bắt tuân dân sự, bắt hợp tác chính trị, và cứu những người Do Thái bởi Phong Trào Đối Kháng Na-Uy trong thời Đức Quốc Xã chiếm đóng 1940-1945;
- sự bất hợp tác chính trị, những cuộc đình công lao động, đối kháng tâm lí, việc cứu những người Do Thái, và vụ tổng đình công tại Copenhagen, bởi Phong Trào Đối Kháng Đan Mạch, 1940-45;
- việc bất hợp tác chính trị, phát hành số lượng lớn các nhật báo chui, quần chúng dùng căn cước mới, đối lập tôn giáo, và những cuộc đình công lớn vào những năm 1941, 1943 và 1944 bởi Phong Trào Đối Kháng Hoà Lan, 1940-1945;
- những cuộc diễn hành phản đối, những vụ đình công, và biểu tình ngòi, trước những xe tăng trong vụ Nổi Dậy Đông Đức, tháng Sáu, năm 1953;
- những cuộc đình công trong các trại tù nhân chính trị (đặc biệt ở tại Vorkuta) tại Liên Bang Sô-Viết năm 1953;
- những buổi xuống đường, những vụ tổng đình công, thách thức chính trị, việc thành lập các hội đồng công nhân, và việc thiết lập một chính quyền toàn quốc thay thế hội đồng liên bang trong thời gian cuộc Cách Mạng Hung Gia Lợi năm 1956-57;¹¹
- áp lực quần chúng và những cuộc xuống đường nhằm giải phóng chính trị và về những bất bình kinh tế tại Ba Lan năm 1956 và 1970-71;
- phát truyền đơn, những cuộc biểu tình công cộng, và biểu tình ngòi bởi những nhà hoạt động dân quyền Sô-Viết và bởi những người Do Thái Sô-Viết tại Liên Bang Sô-Viết muốn được phép di cư trong những năm 1960 và 1970;
- Sự từ chối hợp tác, những buổi xuống đường, đòi phát thanh đối kháng, những buổi phát hình, sự thách thức chính quyền và Đảng, sinh viên phản đối, và các nỗ lực nhằm xói mòn tinh thần của quân đội Sô-Viết tại Tiệp Khắc năm 1968-69 chống lại sự xâm lược Sô-Viết và những biện pháp nhằm tái áp đặt một nền độc tài Cộng Sản cứng nhắc.*

* Muốn có một thiên điều tra ngắn gọn, có tham khảo, về Phong Trào Đối Kháng Tiệp Khắc và Slovak. Xem Chương Chính, "Sự Tương đương Chính Trị Với Chiến Tranh – Phòng Thủ Dựa Trên Dân Sự.

Tất cả những trường hợp này xảy ra mà không có chuẩn bị trước. Những cuộc đấu tranh này được xúc tiến bởi những người có ít hay không có một sự hiểu biết thực sự về kĩ thuật bất bạo động, những động năng và những đòi hỏi của kĩ thuật này, ngoại trừ sự hiểu biết thủ đắc được qua kinh nghiệm hết sức giới hạn hoặc là nghe người ta nói lại. Do đó, thật là hợp lí nếu chúng ta tìm hiểu xem thử bằng cách sử dụng kiến thức được gia tăng về kĩ thuật này cộng thêm (nơi nào có thể được) huấn luyện cao cấp cùng với những chuẩn bị khác dựa trên kiến thức sâu sắc về những nền độc tài cực đoan và những nhược điểm của chúng, chúng ta có thể làm trầm trọng những nhược điểm này rất nhiều và gia tăng hiệu lực của đấu tranh bất bạo động chống lại những hệ thống toàn trị.

Những Khó Khăn Của Đối Kháng Dưới Chế Độ Toàn Trị

Nhiều vấn đề khó khăn xuất hiện ngay khi ta vừa bắt đầu nghĩ một cách nghiêm túc đến việc tiến hành đấu tranh bất bạo động trong một phong trào giải phóng chống lại một hệ thống toàn trị. Bởi vì những biến đổi tùy theo hoàn cảnh sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tiến trình của cuộc đấu tranh chống hệ thống, nên chúng ta cần phải biết hoàn cảnh cụ thể càng rõ càng tốt để giải quyết những vấn đề đó. Những biến đổi này sẽ được bộc lộ bởi những câu trả lời cho những câu hỏi như sau đây:

Chế độ toàn trị vừa mới được thiết lập hay đã được thiết lập từ lâu rồi? Dân chúng đã bao giờ có kinh nghiệm nào hay thực hành nào trước đây được xem như là huấn luyện cao cấp hay là chuẩn bị cho đấu tranh bất bạo động hay không? Đã có tài liệu thông tin, phân tích, và giáo dục về đấu tranh bất bạo động được phân phát và đọc, theo lối *zamizdat** chưa? Những nhóm và tổ chức độc lập (những *tự điểm* quyền lực) không nằm dưới sự kiểm soát của Nhà Nước hay Đảng còn tồn tại hay vừa mới được thiết lập đến được mức độ nào? Hệ thống toàn trị có nguồn gốc trong nước hay ngoài nước, hoặc hỗn hợp như thế nào? Chế độ từ nguyên thủy có được thiết lập với sự hỗ trợ của ngoại bang hay không, hay là chỉ được ngoại bang hỗ trợ bây giờ? Hệ thống từ nguyên thủy phát khởi như thế nào: được phát khởi bởi một vụ đảo chánh, bởi chiến tranh du kích, bởi ngoại xâm, bởi diễn biến tiệm tiến, hay bằng cách nào khác? Các nhà quản trị, các quan chức, công chức, cảnh sát, và quân đội trung thành với hệ thống và mẫn nguyện đến mức độ nào trong chức vụ hiện tại của họ?

* Từ tiếng Nga chỉ những tập tài liệu và bài vở in ấn và phát hành bất hợp pháp.

Có còn các nhóm hay tổ chức quan trọng tồn tại, như là nhóm lao động, tôn giáo, văn hoá, vãn vãn, trong hiện tại hay có tiềm năng trong tương lai chống lại hệ thống hay không? Những thái độ của đại chúng đối với hệ thống như là một tổng thể, đối với những bất bình cụ thể hay những điểm hỗ trợ tích cực là gì, và họ nhìn về tương lai như thế nào?

Những Vấn Đề Đấu Tranh Đòi Hỏi Nghiên Cứu

Ngoài quá trình hiểu biết hoàn cảnh cụ thể được phát hiện bởi những câu hỏi trên, chúng ta còn cần một kiến thức rộng lớn hơn về những vấn đề của đấu tranh bất bạo động chống lại những nền độc tài cực đoan và những giải pháp sẵn có cho những người đối kháng. Ở đây, nghiên cứu cao cấp, phân tích, và thiết kế chiến lược có thể cung ứng những nhận định hữu ích cho việc sử dụng sau này trong những cuộc đấu tranh thực sự. Sau đây là những câu hỏi mà chúng ta cần nghiên cứu để hỗ trợ việc thiết kế cao cấp:

1. Đối diện với sự kiểm soát của hệ thống về truyền thông và ấn hành và phân phối tài liệu, thì làm sao người ta có thể phổ biến thông tin và sự hiểu biết về đấu tranh bất bạo động? Tài liệu bất hợp pháp, những buổi phát thanh đặt căn cứ ở nước ngoài, và “giáo dục bằng thí dụ” qua những hành động nhỏ có kế hoạch, hay là bằng những hành động tự phát có thể đóng được vai trò nào?
2. Đối diện với cảnh sát chính trị hữu hiệu, làm thế nào người ta có thể giải quyết vấn đề lãnh đạo cho đấu tranh bất bạo động? Phong trào bí mật, những cá nhân và các nhóm nhỏ làm gương, những hành động tự phát “không có lãnh đạo”, hay những hướng dẫn “vô danh” hay qua đài phát thanh có vai trò gì?
3. Đối diện với cảnh sát chính trị, với kiểm duyệt, và những hình thức kiểm soát khác, làm thế nào để người ta có thể lập kế hoạch cho hành động và đối kháng, và phổ biến sự hiểu biết về những kế hoạch và hướng dẫn như thế đến những người được trông đợi là sẽ thi hành những kế hoạch đó? Vai trò của những thông tin “chui”, của những hành động tự phát, và của sự đồng thuận về những loại vấn đề cần phải chống đối, là vai trò gì?
4. Những vấn đề cụ thể liên hệ đến những động năng của đấu tranh bất bạo động đang vận hành dưới những nền độc tài cực đoan cần phải được giải quyết như thế nào? Những vấn đề này, ví dụ, có thể liên quan đến sự thiếu vắng những quyền tự do dân sự, không sử dụng được những phương tiện truyền thông công cộng. Những vấn đề khác có thể dính liền với nền tảng ý thức hệ vững chắc của

các hệ thống; điều này gợi ý về một vai trò nhỏ hơn cho những nỗ lực “cải hoá” các nhà lãnh đạo và các tín đồ, và một vai trò lớn hơn cho những hành động huy động tăng thêm hỗ trợ cho phong trào đối kháng, hoặc cho những hành động hạn chế hay cắt đứt những nguồn sức mạnh của nhà cai trị.

5. Làm thế nào để người ta có thể phá vỡ được lòng tự tin nơi nhà Lãnh Đạo và Đảng, và tạo được bất mãn sâu rộng? Làm thế nào để người ta có thể, ở những giai đoạn thích hợp, biến sự bất mãn này thành sự rút lui hợp tác và thách thức chế độ?
6. Làm thế nào để người ta có thể tiếp cận vấn đề ý thức hệ toàn trị một cách tốt đẹp nhất? Cách nào là cách hữu hiệu nhất, chất vấn nó, cắt nghĩa lại, phê bình, hay phủ nhận nó? Ý thức hệ chính thức mang lại ý nghĩa và hướng đi cho đời sống của cá nhân đến mức độ nào? Cung ứng một ý thức hệ cạnh tranh rõ ràng, với một nhãn quan khác về đời sống có tốt hơn không, hay là không làm như vậy, mà khuyến khích người ta phát triển đủ loại nhãn giới và những triết lí mà họ thấy tốt đẹp hơn cả?
7. Trong những hoàn cảnh chính trị như thế, làm thế nào để đối lập và đối kháng có thể được tổ chức và điều hành một cách hữu hiệu: hết sức công khai, như trường hợp những người Do Thái Nga và phong trào dân quyền trong những năm 1960 và 1970, hay là bí mật, như nhiều trường hợp kháng chiến chống lại những đảng viên Đức Quốc Xã? Những hàm ý thực sự và những hậu quả của hai lập trường này là gì? Điều này phức tạp hơn là khi mới nhìn qua.
8. Làm thế nào để người ta có thể quyết định một chiến lược đối kháng công hiệu hơn cả trong cơn khủng hoảng và trước khi khủng hoảng xảy ra? Quyết định trước những nơi và điều kiện cho phong trào đối kháng mà không có những chỉ dẫn cụ thể có lợi không? Trong những điều kiện nào nên thực hành một chiến lược hoàn toàn bất hợp tác? Còn khi nào thì nên áp dụng bất hợp tác có chọn lựa tại những điểm và những vấn đề đặc biệt quan trọng?
9. Trong những giai đoạn đầu của những nền độc tài cực đoan đang tiến đến toàn trị, thì làm thế nào để người ta có thể ngăn chặn được “sự phân hoá” của dân chúng và sự phá huỷ những tụ điểm quyền lực của xã hội? Ở những giai đoạn đã phát triển của của hệ thống toàn trị khi mà sự phá huỷ những cơ chế độc lập đã đi rất xa, thì làm thế nào để người ta có thể tạo ra và tăng cường những nhóm và tổ chức mới ngoài sự kiểm soát của hệ thống?

* Xem thảo luận về các tụ điểm quyền lực ở Chương Hai, “Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị.”

10. Làm thế nào để người ta có thể giải quyết những vấn đề do bầu khí sợ hãi trong xã hội toàn trị áp đặt lên phong trào đối kháng? Dựa vào kinh nghiệm quá khứ, và vào phân tích, trong những điều kiện nào người dân có thể gạt bỏ được sự sợ hãi như thế hay là vẫn hành động thách thức dù sợ hãi? Trong một bầu không khí chính trị đầy sợ hãi tột cùng, thì những hành động thách thức mạnh dạn được thực hiện một cách không sợ hãi sẽ có tác dụng gì? Tác dụng như thế nào và tại sao?
11. Làm thế nào để những người đối kháng có thể chịu đựng được đàn áp gắt gao trong lúc vẫn tiếp tục thách thức? Đàn áp có thể gồm có tù tội, giam giữ trong các trại tập trung, hành quyết, trả thù những người không tham gia, dùng dư luận để trị, lưu giữ như những trường hợp bệnh tâm thần, hạn chế thực phẩm, nước uống, cung cấp nhiên liệu, chuyên viên khiêu khích, và trục xuất có chọn lọc hay ô ạt từng đoàn. Những phản ứng khác của hệ thống đối với các thách thức bất bạo động có thể gây những vấn đề gì cho những người đối kháng? Những phản ứng này có thể gồm có: (a) những biện pháp kiềm chế nhẹ nhàng được áp dụng để tránh tạo ra những người tuân tiết ví chính nghĩa hay là đem lại sức mạnh quá mức cho đối lập, hay là (b) đàn áp và khủng bố hết sức gắt gao được áp dụng để phục hồi hợp tác, tuân phục, và khuất phục, vì sự rút lui của họ được xem như là một sự đe dọa nghiêm trọng nhất có thể có đối với hệ thống. Những vấn đề này có thể được giải quyết như thế nào? Có thể nào đạt được một sự cân bằng giữa nhu cầu hành động để tranh thủ ngay những mục tiêu cấp thời và khả năng của người dân thách thức và chịu đựng hậu quả trừng phạt hay không?
12. Có nên chấp nhận sự hỗ trợ từ bên ngoài cho phong trào đấu tranh hay không – như những buổi phát thanh, bí mật đưa tài liệu vào nước, các cơ quan đầu não cho các nhà lãnh đạo lưu vong, và bất hợp tác của quốc tế về kinh tế và chính trị với chế độ độc tài? Điều này có thể có lợi cho phong trào đấu tranh hay không? Hay là, ngoại viện sẽ làm mất chính nghĩa của phong trào bằng cách để cho những người kháng chiến bị gán cho cái nhãn hiệu “tình báo viên cho ngoại bang”? Sự hỗ trợ như thế có thể đóng góp vào việc lệ thuộc vào, hay sự kiểm soát bởi các nhóm hay các chế độ ngoại bang hay không? Làm thế nào để một phong trào đối kháng chống lại một nền độc tài cực đoan có thể hoàn toàn độc lập với tất cả mọi giúp đỡ từ bên ngoài trong cuộc đấu tranh quốc nội của chính mình, trong lúc vẫn chấp nhận những hỗ trợ từ bên ngoài qua các vụ cấm vận và chế tài ngoại giao, chẳng hạn? Lập trường này có

- thể đưa đến những vấn đề nào và làm thế nào để những vấn đề này có thể giải quyết được?
13. Sự tuân thủ quá mức và sự lệ thuộc lẫn nhau trong lòng hệ thống toàn trị có làm gia tăng một cách bất tương xứng tác dụng của những hành động thách thức và đối kháng, làm cho những hành động rất giới hạn trở nên có ý nghĩa không? Hay là, ngược lại, sự tuân thủ quá mức này làm cho người ta có thể kết án những người đối kháng là những người mang bệnh tâm thần, những người phản xã hội, hay là điệp viên của ngoại bang, và có thể dễ dàng cô lập những hành động đó.
 14. Sự kiện thách thức bất bạo động có thể gây những phản ứng khác nhau trong các thành phần dân chúng khác nhau, trong các loại nhân viên và giới chức khác nhau mang những hàm ý nào đối với chiến lược và các chiến thuật đối lập, và đối với đường hướng của phong trào? Ví dụ, phản ứng có thể khác nhau đối với những Đảng viên hoàn toàn trung thành, những Đảng viên “uyển chuyển”, những người theo Đảng có lí tưởng nhưng thiếu sự hiểu biết thực sự, những tầng lớp xã hội khác nhau, những khu vực tôn giáo, quốc gia, hay văn hoá khác nhau của dân chúng, những thành viên của các ngành và cấp bậc khác nhau của các lực lượng quân đội, những thành viên của cảnh sát chính trị, và thượng cấp.
 15. Làm sao để người ta có thể duy trì được các nhu yếu phẩm của cuộc sống, như là thực phẩm, nước uống, nhiên liệu, và sự cần thiết của công ăn việc làm và tiền bạc, chống lại việc Nhà Nước hạn chế các thứ này như là một hình thức đàn áp để kiềm chế những người đối kháng?
 16. Làm thế nào để chiến lược đối kháng có thể nhắm một cách có chủ ý đến việc làm gia trọng những nhược điểm cố hữu tìm thấy trong hệ thống, do đó gây phương hại cho hệ thống tận gốc rễ theo những phương cách làm cho hệ thống khó phản công lại được?
 17. Đối kháng có thể nào được thiết kế nhằm tạo xung khắc, hay làm trầm trọng những xung khắc hiện hữu, giữa các cấp cai trị của hệ thống không? Những xung khắc nội bộ như thế có thể giúp ích cho phong trào đối kháng hay không, dù cho những người đối kháng hiếm khi hoặc chưa bao giờ biết đến những xung khắc này ngoại trừ trường hợp họ đã tạo được những thay đổi lớn về nhân viên, chánh sách, hoặc về cơ cấu?
 18. Làm thế nào để người ta có thể khuyến khích vô hiệu năng có chủ ý, lơ là trong việc thi hành bổn phận, và có lẽ rất cùng sẽ là nổi loạn trong hàng ngũ những giới chức, quan chức, các nhà quản trị, cảnh sát, và quân lính? Những hiệu quả khác nhau nào đối với các

khả năng đó có thể được tạo nên bởi thụ động, bởi hành động bạo động, và bởi hành động bất bạo động? Làm thế nào để việc không cung cấp hay là từ chối cung cấp thông tin cho trung ương, việc chuyển đạt lệnh xuống cấp dưới, việc thi hành các chánh sách và chỉ thị, và ngay cả việc thi hành đàn áp, có thể được thiết kế ở tầm mức lớn đủ để có thể gây thảm hại cho nền độc tài?

Mười tám câu hỏi này minh xác nhiều vấn đề thực tiễn đòi hỏi được tra cứu nếu chúng ta muốn học hỏi làm thế nào để đập vỡ các nền độc tài cực đoan, bao gồm cả những hệ thống toàn trị. Nỗ lực tìm những giải pháp cho các nền độc tài cực đoan và khai phá tiềm năng của đấu tranh bất bạo động chống lại những nền độc tài này phải được dựa trên cơ sở nhận thức đầy đủ các loại vấn đề nghiêm trọng liên hệ. Tuy nhiên, nếu sự nghiên cứu và phân tích đòi hỏi được thi hành ở một tầm mức đầy đủ và có phẩm chất cần có, thì chúng ta có thể thủ đắc được kiến thức đòi hỏi để giúp người ta thiết kế được những chiến lược đấu tranh bất bạo động hữu hiệu để kháng cự và đập vỡ các nền độc tài cực đoan.

Sử Dụng Kiến Thức Cho Tự Do

Sự tiếp tục và hồi sinh của dân chủ chính trị đòi hỏi là chúng ta phải có những biện pháp có chủ ý phong phú hoá nền dân chủ đó và phản công lại những phát triển và lực lượng giới hạn hay gây nguy hiểm cho dân chủ. Những biện pháp này gồm có cả việc gầy dựng có ý thức những điều kiện xã hội và chính trị cần thiết nằm bên dưới, lẫn sự cải tiến những cơ chế dân chủ, những thủ tục hiến định, và luật pháp. Khẩn thiết cần phải có một sự xét định các phương tiện dân chủ để sửa sai những bất công xã hội và kinh tế. Như thế bởi vì công lí phải được liên kết chặt chẽ với tự do và dân chủ, và bởi vì đã có nhiều cuộc tấn công vào chính quyền dân chủ nhân danh công lí. Cũng cần đòi hỏi phải có những biện pháp cho hành động khẩn trương chống lại những đe dọa độc tài từ trong và ngoài nước đối với những nền dân chủ hiện hành.

Tạo ra những phương tiện như thế đòi hỏi một công trình nghiên cứu tầm cỡ về bản chất của những nền độc tài. Công cuộc nghiên cứu này phải bao gồm cả những phương tiện kiểm soát lẫn những nhược điểm của độc tài, để đối lập có thể tập trung vào những điểm dễ bị tấn công. Nghiên cứu còn cần phải chú trọng vào bạo động chính trị dưới mọi hình thức và tác dụng của nó đối với các hệ thống chính trị, đối với những phương cách khác thay thế cho bạo động trong những cuộc đấu tranh nghiêm trọng quốc nội và quốc tế chống lại các nền độc tài, và đối với nạn diệt chủng. Chúng ta cần biết nhiều hơn về những điều kiện mà trong đó

nạn diệt chủng có thể xảy ra và về những nỗ lực trong quá khứ nhằm làm hao mòn hay đánh bại nạn diệt chủng. Đòi hỏi cần phải có nhiều hiểu biết hơn về khả năng tồn tại của tự do chính trị và những khả năng chọn lựa các hình thái cơ cấu và thủ tục dân chủ có sinh khí, và về những điều kiện nằm bên dưới có thể là những yêu cầu cho một nền dân chủ chính trị hiện hành. Khả năng chống lại những tấn công của độc tài có thể được phong phú hoá nhờ kiến thức rộng lớn hơn về những cách thức tấn công và những điều kiện để thành công cho đủ mọi hình thái tiềm quyền.

Chúng ta cũng cần phải chú ý đến những phương cách cấu tạo và chuẩn bị xã hội của chúng ta để trong tương lai chúng ta sẽ có nhiều khả năng tránh tạo nên những nền độc tài hơn và có nhiều khả năng đương đầu với những nền độc tài này hơn khi đối đầu với chúng. Sau đây là một vài câu hỏi về chính sách dài hạn mà chúng ta nên xét đến:

1. Chúng ta nên kiến tạo những cơ chế xã hội, kinh tế, và chính trị của chúng ta như thế nào để làm cho hệ thống tự do và dân chủ được dễ dàng, và làm cho việc áp đặt bất cứ một nền độc tài nào từ trong hay ngoài nước trở nên rất khó khăn hoặc không thể xảy ra được.
2. Chúng ta nên tổ chức các khả năng đối kháng của dân chúng như thế nào để làm cho họ có thể đánh bại được các nỗ lực tiềm quyền ở trong nước hay là nền cai trị của ngoại bang có thể xảy ra.
3. Chúng ta nên giúp đỡ dân chúng ở những nơi khác trên thế giới như thế nào – mà không gây bạo động nguy hiểm trong nước đó hay chiến tranh thế giới -- để họ có thể bảo vệ nền độc lập của họ và các khả năng duy trì hay tranh thủ những hệ thống chính trị dân chủ và công lí xã hội mà không cần phải làm thay cho họ, và không cần thống trị hoặc dùng mách khéo để điều động họ.
4. Dân chúng nên hành động ở trong nước như thế nào để xói mòn một cách hữu hiệu một nền độc tài đã được ổn định – như là bằng cách tập trung đối kháng vào những nhược điểm cố hữu của nền độc tài, làm trầm trọng thêm những vấn đề nội tại, tạo bất đồng trong lòng chế độ, thay vì dùng những phương tiện thống nhất chế độ và thúc đẩy dân chúng hỗ trợ chế độ.
5. Chúng ta phải tạo ra những phương thức thay thế cho đấu tranh quân sự hiện đại như thế nào để có thể cung cấp phòng thủ tự lập hữu hiệu, ngay cả cho những quốc gia nhỏ bé.
6. Chúng ta nên tạo ra những phương cách như thế nào để cải tiến các xã hội, gia tăng công lí, và phân phối quyền lực đồng đều trong dân chúng mà không sử dụng những phương tiện độc tài.

Sự khảo cứu và những nghiên cứu chính sách này có thể phát hiện một vài ngõ cụt mà người ta có thể tránh né trong tương lai. Tuy nhiên,

công việc này rất có thể cung cấp những giải pháp chính trị mới có ý nghĩa nền tảng có thể đóng góp vào việc làm hồi sinh dân chủ chính trị, tạo ra những chương trình phòng ngừa độc tài, và giới thiệu những chính sách mới, hữu hiệu hơn cho việc bảo vệ hiến pháp và quốc gia.

Chúng ta cần không những chỉ tận hiến mình một lần nữa cho những nguyên tắc chính trị về tự do và dân chủ; chúng ta còn cần phải tìm cho ra và tạo nên những chính sách và phương tiện hành động mà khi đối diện với những nguy hiểm của những nền độc tài hiện đại sẽ giúp cho những nguyên tắc này tồn tại, được thực thi, và có sinh khí trở lại trên lí thuyết cũng như trong thực hành. Điều này có thể giúp chúng ta có khả năng đối đầu với những đe dọa của những nền độc tài với niềm tin là chúng ta có thể chịu đựng nổi những tấn công và chiến thắng độc tài.

Ghi Chú

1. David Riesman, "Một Vài Nhận Xét Về Những Giới Hạn Của Quyền Lực Toàn Trị," trong David Riesman, *Sung Túc Để Làm Gì? Và Những Luận Đề Khác* (Garden City, N.Y.: Double Day, 1964), tt.81 và 89.
2. Như trên, tt.81,82.
3. Như trên, t.92.
4. Như trên, t.81.
5. Như trên, t.92.
6. Như trên.
7. Để có một sự trình bày đầy đủ hơn về lí thuyết quyền lực, xem Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* (Boston: Porter Sargent Publisher, 1973), Chương Một, "Bản Chất và Kiểm Soát Quyền Lực Chính Trị."
8. Karl W. Deutsch, "Những Rạn Nứt Của Tầng Độc Thạch," trong Carl J. Friedrich, biên tập viên, *Toàn Trị* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1954), tt.313-314.
9. Như trên, tt.314-315.
10. Riesman, "Một Vài Nhận Xét Về Những Giới Hạn Của Quyền Lực Toàn Trị," T.81.
11. Để tham chiếu các trường hợp trong số những trường hợp thượng dẫn, xem Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*.

Đòi Hỏi Cần Phải Có Gì Để Bứt Gốc Áp Bức

*Những Vấn Đề Chiến Lược
Của Phong Trào Đấu Kháng Nam Phi*

Làm thế nào để nhổ tận gốc áp bức một cách hữu hiệu mà tổn thất tối thiểu và lợi ích dài hạn tối đa cho những người được giải phóng vẫn là một vấn đề chưa có giải pháp thoả đáng. Người dân Nam Phi đã từng chờ đợi giải đáp này từ lâu. Mặc dù chương này là một tổng lược được nhuận lại của bốn bài viết được xuất bản năm 1963, với chỉ một vài thay đổi và thêm thắt mà thôi, nhưng những điểm chính yếu, vào năm 1980 -- mười bảy năm sau đó -- vẫn còn có ý nghĩa như khi những bài này được viết ra, dù có một số dấu hiệu mới rất giới hạn về sự uyển chuyển của Chính Quyền.

Dù cho cuộc xung đột tại Nam Phi được giải quyết theo phương cách nào đi nữa, thì nhiều người trên khắp thế giới vẫn sẽ tiếp tục trong nhiều năm nữa đối diện với vấn đề tổng quát về việc làm thế nào để nhổ tận gốc áp bức. Hi vọng rằng chương này sẽ nêu ra những câu hỏi và gợi ý về

những đường hướng để cho những người đang còn tìm kiếm những câu trả lời thoả đáng cho câu hỏi là đòi hỏi cần phải có gì để chằm dứt áp bức.

* * *

Tình hình tại Nam Phi hiện nay tỏ ra tuyệt vọng. Chính Quyền, được Đảng Hợp Nhất “đổi lập”* ủng hộ, đã từ bao nhiêu năm nay gia tăng độc tài đối với dân chúng mà đa phần không phải là người Âu châu. Mọi phương tiện tạo thay đổi đều bị chặn lại. Những cơn nước lụt đang nhanh chóng dâng lên. Đối với Nam Phi không có con đường thoát nào mà không kéo theo nhiều đau khổ nghiêm trọng và đẫm máu. Nếu không có ai làm gì, thì tình hình sẽ trở nên xấu hơn, và sự đau khổ liên miên của người dân và bạo lực của Chính Quyền sẽ gia tăng, cuối cùng sẽ đóng góp vào một sự bùng nổ kinh rợn. Dù cho những phương tiện đối kháng bạo động hay bất bạo động được sử dụng, thì người dân không phải là dân Âu châu vẫn sẽ gánh chịu đau khổ lớn lao. Bất cứ ai chống đối đấu tranh trên cơ sở là đấu tranh sẽ đưa đến đau khổ là hoàn toàn không hiểu biết tình hình. Vấn đề là làm thế nào để đấu tranh cho hữu hiệu để thay đổi hoàn cảnh, và sự đau khổ có giúp đem lại một xã hội tự do, nhân bản hay không.

Chương này là một nỗ lực đóng góp vào sự hiểu biết về vấn đề này, và do đó chiếu rọi phần nào ánh sáng vào giải pháp cho vấn đề đó. Mục đích của tôi, do đó, không phải là “phán đoán” hay là “kết án” hay là “dạy dỗ” mà là đóng góp một vài ý nghĩ vào công việc đi tìm một giải pháp. Vấn đề của Nam Phi là một vấn đề của toàn thể nhân loại. Tất cả chúng ta đều cần học hỏi nhiều từ kinh nghiệm của Nam Phi.

Trong khi đi tìm một đường hướng hành động, chúng ta phải chấp nhận sự kiện là bất kì dù người ta làm điều gì đi nữa, thì vẫn sẽ có một nhóm người Nam Phi nòng cốt sẽ không bao giờ tự nguyện bỏ chính sách phân biệt và kì thị chủng tộc. Người ta cũng còn phải chấp nhận sự kiện là nhiều người Nam Phi gốc Âu châu quá tận tụy với vị thế quyền lực và giàu sang của họ nên họ sẽ tiếp tục phản công lại bất cứ sự thách thức nào, bằng bất cứ phương tiện gì, với một sự cứng rắn càng ngày càng gia tăng. Do đó, người ta phải thấy được là họ sẽ phản ứng bằng đàn áp gắt gao, và sự huỷ bỏ phân biệt và kì thị chủng tộc và sự thống trị của người Âu châu chỉ có thể đến sau một cuộc đấu tranh trường kì mà thôi.

* Đảng Hợp Nhất sụp đổ năm 1977, kết quả bất đồng nội bộ. Hai đảng mới được thành lập: Đảng Cộng Hoà Mới và Đảng Nam Phi. Những đảng viên khác của Đảng Hợp Nhất trước kia nay theo Đảng Cải Tiến Tiến Bộ, được đổi tên thành Đảng Liên Bang Tiến Bộ hiện là đảng lớn thứ nhì trong nước.

Chỉ nói chuyện đạo đức về cách làm thế nào để đương đầu với vấn đề này sẽ không đủ. Đòi hỏi phải có một đường hướng hành động. Thêm vào những phương pháp hành động cụ thể trong những trường hợp rõ rệt, cần phải chú ý đến các chiến thuật vận hành trong những giai đoạn được xác định của cuộc đấu tranh, và đến chiến lược toàn bộ để điều hướng diễn tiến của đấu tranh.

Việc xét định một vài trong số những vấn đề chiến lược toàn bộ cần bao gồm ba lãnh vực sau đây:

1. Làm thế nào để đạt được sức mạnh tối đa và dẫn thân vào công cuộc đấu tranh của những người không phải là người Âu châu, nhất là những người châu Phi.*

2. Làm thế nào để tách rời một vài người trong số những người Âu châu để họ ngưng hỗ trợ những người thuộc Đảng Quốc Gia Phi châu và sự thống trị của người Âu châu, và thúc đẩy họ có hành động hỗ trợ những người không phải là người Âu châu.

3. Làm thế nào để đem những áp lực tối đa của quốc tế tác động lên Chính Quyền Nam Phi hướng đến thay đổi phù hợp với sự tự quyết của người dân Nam Phi như là một tổng thể và với sự phát triển tương lai của họ.

Có hai kĩ thuật đấu tranh chính có thể được áp dụng bởi những người Nam Phi không phải là người Âu châu: một hình thức bạo động cách mạng nào đó, hay là bất hợp tác rộng lớn và thách thức không bạo động – nghĩa là, đấu tranh bất bạo động. Bạo động có lẽ sẽ theo mẫu tổng quát của cuộc đấu tranh tại Algérie, một loại chiến tranh du kích khủng bố. Một mẫu chính xác cho đấu tranh bất bạo động để thay thế thì không có, dù có những kinh nghiệm và tư tưởng để rút tỉa từ bên trong cũng như bên ngoài quốc gia Nam Phi.

* Mặc dù tập quán lâu đời khi nói đến những người có nguồn gốc Âu châu thì người ta gọi là người “da trắng” và những người châu Phi thì gọi là người “da đen,” nhưng tôi đã chống điều này. Những từ này là sản phẩm của một xã hội kì thị chủng tộc, và việc làm cho chúng ta không thấy sự thực của muôn vàn vẻ đậm nhạt khác nhau của màu da trở thành một điều không thể tránh được -- điều này làm cho việc kì thị chủng tộc vì hai màu da hết sức khó khăn -- mà chỉ thấy rõ ràng hai nhóm biệt lập mà thôi. Điều đó làm cho kì thị chủng tộc, và những tập quán về thành kiến, kì thị, nô lệ, cách li, và chánh sách phân biệt và kì thị chủng tộc đối với người da màu Phi châu là một điều có thể nghĩ tới được, do đó có thể xảy ra được. Việc nhìn thấy thực tại đằng sau những ngôn từ của chúng ta thường đem lại những hậu quả nghiêm trọng khi nó là kết quả của những thiên kiến sai lầm, bóp méo thực tại, và là tiên phong cho những thực thi tai họa.

Từ “không phải là người Âu châu” được Phong Trào Hợp Nhất sử dụng để chỉ những người Phi châu, những người da màu tỉnh Cape, người Ấn, và người Á đông.

Tái Xét Định Hiệu Năng Của Bạo Động

Quả lắc đã nghiêng hẳn về phía bạo động. “Từ mọi phía hiện nay đều có một sự chấp nhận định mệnh về chuyện không thể tránh được bạo động,” Colin Legum đã viết như thế trong tờ *The Observer*. “Khoảng thời gian dài hỗ trợ cho những phương pháp đấu tranh bất bạo động (như đã được biểu hiện qua Chủ tịch Lithuli) của Quốc Hội [Quốc Gia Phi] đã qua rồi. Tất cả mọi bàn thảo bây giờ là về các chiến thuật bạo động, không còn là về sự thích hợp của bạo động nữa.”¹ Đắng cay, bực bội, bất lực đã nung nấu đến mức độ mà một sự bùng nổ bạo động trở nên hầu như không thể tránh được. Sự thất bại trong quá khứ của đấu tranh bất bạo động nhằm đạt những chiến thắng lớn đã đưa đến việc từ bỏ phương tiện này. Việc Chính Quyền cố ngăn chặn tất cả mọi hình thức phản đối đưa đến cái cảm giác có thể hiểu được là người ta phải đánh trả lại.

Mặc dù ủng hộ bằng miệng thì rất là phổ biến, nhưng những đáp ứng của thế giới đối với những khẩn cầu của những người không phải là người Âu châu về tẩy chay kinh tế và về khai trừ Chính Quyền Nam Phi về chính trị, ngoại giao, và văn hoá, thì thật là ít ỏi; cho nên những người không thuộc gốc Âu châu đương nhiên trở nên vỡ mộng đối với tiềm năng của những phương tiện như thế. Mặc dù có một vài cử chỉ có thiện ý, nhưng phong trào bất bạo động của thế giới đã không cung ứng được sự hỗ trợ lớn lao nào, dù là dưới hình thức thúc đẩy thế giới tẩy chay, hay là bằng cách cung cấp thông tin hữu ích hoặc những phân tích về những vấn đề của đối kháng, hoặc những tham vấn viên (nơi nào muốn có) để đóng góp vào việc xét định những vấn đề chiến lược và chiến thuật trong một cuộc đấu tranh bất bạo động hữu hiệu.

Mặc dù dĩ nhiên là không đầy đủ, nhưng những nỗ lực có ý nghĩa và đầy hi sinh nhằm áp dụng đấu tranh bất bạo động đã được thực hiện bởi những người không thuộc gốc Âu châu. Không ai có thể phủ nhận là nếu người ta tin là có thể có được một lối thoát hoà bình, thì họ đã chọn lối thoát đó.

Tuy nhiên phương thức giải thoát giáo điều bằng bạo động đã có quá nhiều người theo nên không thể đề bạt một sự xét định công bình về những đường hướng hành động thay thế trừ phi sự thoả đáng của bạo động bị thách thức trên căn bản chiến lược, và trừ phi một số phẩm chất của đấu tranh bất bạo động được duyệt xét. Việc xét định những điểm lợi và hại của đấu tranh bạo động và bất bạo động thường khó, bởi vì sự thiếu kiên nhẫn đối với sự phân tích có tính trí óc về những vấn đề cách mạng hay vì sự chán nản có lí do chính đáng về sự tổng quát hoá mơ hồ và việc giảng luân lí thường được tuôn ra bởi những người bên vực cho những phương tiện bất bạo động.

Có nhiều lí do quan trọng để không chấp nhận việc không thể tránh được của phong trào đối kháng trông cậy vào bạo động để đạt chiến thắng. Trút bỏ cảm xúc hận thù vào những hành động bạo động thì không đủ, chẳng đủ gì hơn việc lòng tự trọng phát huy nơi người thách thức chính quyền nhờ hành động bất bạo động. Còn cần phải xét đến phương cách mà theo đó đường hướng hành động đề nghị sẽ đóng góp vào sự thành công của phong trào nữa.

Thừa nhận những khó khăn và nguy hiểm của một cuộc đấu tranh tương lai bằng đối kháng bất bạo động, và sự thiếu sót của phong trào bất bạo động trong quá khứ, tự nó không phải là một luận chứng thuận lợi cho việc dùng bạo động. Còn cần phải xét định những khó khăn và những nguy hiểm của một cuộc đấu tranh tương lai cả bằng chiến tranh du kích lẫn khủng bố, và còn bằng những loại đấu tranh bất bạo động mới có thể có. Nếu người ta thực hiện một cuộc xét định có trách nhiệm về những giải pháp thay thế thì sự duyệt xét này cần phải bao gồm một sự so sánh về những cái lợi và hại của từng kĩ thuật đấu tranh, và một sự xét định xem những cái bất lợi của mỗi kĩ thuật có thể vượt qua được hay không hay là có thể quân bình hoá lại bằng những nhân tố khác hay không. Có ít bằng chứng cho thấy là điều này đang xảy ra. Colin Legum viết là “mất lòng tin vào công hiệu của những phương pháp cũ không luôn luôn đi đôi với sự thẩm định thực tế về xác suất là bạo động có thể cũng không thành công như thế mà thôi.”²

Có quá nhiều khó khăn và nguy hiểm liên quan đến việc chọn lựa đấu tranh bạo động ở tại Nam Phi nên bây giờ cần duyệt xét lại công hiệu của bạo động song song với việc khai phá xem có thể phát động được một cuộc đấu tranh bằng những phương tiện bất bạo động mà hữu hiệu hơn trong quá khứ hay không. Tuy mạnh hơn về quân sự không bảo đảm được chiến thắng -- nhất là trong chiến tranh du kích -- nhưng điều quan trọng cần lưu ý là Chính Quyền Nam Phi có một sức mạnh quân sự rất lớn -- vượt trội hẳn bất cứ những gì mà những người Nam Phi không thuộc gốc Âu châu có thể có hi vọng thu góp được -- ngăn chặn sự can dự rộng lớn và hết sức nguy hiểm của quốc tế.

Việc những người không thuộc gốc Âu châu sử dụng bạo động thực ra, trong nhiều phương diện, là một cái lợi cho Chính Quyền Nam Phi. Điều này đã cung cấp cái cơ cho việc đàn áp hết sức khắc nghiệt, điều có thể càng làm cho những người Phi châu, những người da màu thuộc tỉnh Cape, những người Ấn, và Á đông còn mất tinh thần hơn nữa. Có người cho rằng ít nhất là có một trường hợp chính quyền có thể đã cố tình tạo ra bạo động bằng cách sử dụng những nhân viên khiêu khích ở giai đoạn cuối của Chiến Dịch Thách Thức Bất Tuân Dân Sự năm 1952. Những vụ nổi loạn giữa ngày 18 tháng Mười và mồng 9 tháng Mười Một năm 1952 --

trong lúc chiến dịch đang ở đỉnh cao – đã đưa đến kết quả sáu người Âu châu và ba mươi ba người Phi châu chết. Sự kiện này đã giúp người Âu châu rất nhiều trong việc đồng hoá chiến dịch bất bạo động với phong trào bạo động của người Mau Mau châu Phi tại Kenya – và vì vậy đã đảo ngược khuynh hướng của một vài người Âu châu có thiện cảm với chiến dịch. Những vụ nổi loạn này cũng còn đập tan tinh thần đối kháng giữa những người không thuộc gốc Âu châu. Vào tháng Mười, năm 1952, chẳng hạn, có 2.534 người tình nguyện thách thức các luật phân biệt và kì thị chủng tộc, trong khi cả tháng Mười Một và Mười Hai cộng lại, chỉ có được 280 người mà thôi. Sự bạo động này không phải là nhân tố duy nhất gây nên sự sụp đổ của phong trào (Sự sợ hãi về những bản án càng lúc càng trầm trọng, cũng như, như vài người đã gợi ý, những hoạt động nội bộ của những người Cộng sản trong phong trào.) Tuy nhiên, như Leo Kuper nói trong nghiên cứu của ông về chiến dịch này, “Rõ ràng là những vụ nổi loạn này đã đóng một vai trò quyết định.” Chúng còn “tạo cơ hội cho chính quyền chụp lấy sáng kiến và bắt đầu sử dụng quyền lực quá mức mà phần nào có thể biện minh được.”³

Việc giết chết những người biểu tình Phi châu tại Sharpeville vào ngày 21 tháng Ba năm 1960 thường được nêu lên như một biện minh cho việc bỏ rơi đấu tranh bất bạo động. Quan điểm này, tuy nhiên, được dựa trên một sự thiếu hiểu biết về những động năng của hành động bất bạo động. (Cũng không có nhiều người nhớ là những vụ bắn ở Sharpeville bắt đầu sau khi người Phi châu đã phá kỉ luật bất bạo động, liệng đá vào cảnh sát, và trước sự kiện này đã có một vụ nổi loạn tại Cato Manor không lâu trước đó, một diễn biến có thể đã làm cho cảnh sát trở nên bồn chồn hơn, và có thể làm gia tăng sự tàn ác tại Sharpeville.) Tuy nhiên, chính vì những vụ bắn giết này bị xem như là được thi hành chống lại những người biểu tình hoà bình không vũ trang nên đã khơi động được những cảm xúc sâu xa và phản đối mạnh mẽ tại Nam Phi và khắp toàn thế giới. Nếu cũng cùng một số người Phi châu bị cảnh sát bắn chết vì chống lại một đám đông vô kỉ luật xâm chiếm một khu vực cư trú của người Âu châu nhằm mục đích đốt phá và giết người thì hẳn sẽ không có được một phản ứng như vậy. Hãy so sánh, chẳng hạn, sự lưu tâm và phản đối được khơi động bởi cái chết của ít hơn một trăm người tại Sharpeville với sự lãnh đạm đối với cái chết của bất cứ trăm người dân Algérie nào khác trong cuộc đấu tranh Algérie.

Những vụ giết người tại Sharpeville đã phát hiện, đối với những người còn chưa nhận thức được điều này, bản chất thực sự của Chính Quyền Nam Phi và những chính sách của Chính Quyền này. Ngay sau khi vụ này xảy ra thì đã có rất nhiều hỗ trợ quốc tế đối với những chương trình tẩy chay. Tại Na- Uy, cờ khắp toàn quốc đã được treo nửa cột sau vụ

Sharpeville. Điều này biểu tượng cho tác dụng của vụ này -- một tác dụng mà nếu Chính Quyền Nam Phi có thể chứng minh những người bị bắn là những người khủng bố, thì sẽ bị giảm đi rất nhiều. Hãy chứng kiến, chẳng hạn, phản ứng tương đối yếu ớt đối với những vụ hành quyết những tên khủng bố Poqo.

Tồn Phí Và Hiệu Quả Của Đấu Tranh Bất Bạo Động

Có một vài quan niệm rất ngây thơ về bản chất của đối kháng bất bạo động nổi bật cả giữa những người ủng hộ lẫn những người chống đối. Không phải nếu những đối thủ của một chế độ hành động bất bạo động thì chế độ áp bức cũng sẽ bất bạo động, và lặng lẽ chịu nghe theo. Không phải cứ bất bạo động là người ta sẽ tránh được đau khổ và hi sinh. Không phải nếu đối phương phản ứng bằng đàn áp bạo động, tàn ác, thì cuộc đấu tranh đã tan rã và phong trào đã bị đánh bại. Không phải phương cách bất bạo động là một phương cách dễ dàng.

Hoàn toàn ngược lại. Người ta phải thấy là nếu những người không phải gốc Âu châu đối kháng bằng những phương tiện bất bạo động nhưng mang tính đấu tranh, thì sẽ có đau khổ và chết chóc. Điều này một phần là hậu quả của chính sự bạo động của hệ thống xã hội và chính trị đang bị tấn công. Và sự đàn áp bằng bạo lực một phần là chỉ dấu của sức mạnh của đấu tranh bất bạo động và một sự thừa nhận mối đe dọa mà đấu tranh bất bạo động đã mang đến cho sự tiếp tục tồn tại của hệ thống đó.

Vào lúc đối phương gia tăng cường độ đàn áp thì những người đối kháng phải chứng tỏ nhiều can đảm và không những phải tiếp tục mà còn phải gia tăng đối kháng nữa. Điều này không luôn luôn xảy ra ở Nam Phi. Sự sẵn lòng kiên quyết dù bị đàn áp sẽ tạo được thể nhu thuật chính trị. Nghĩa là, quyền lực lẽ ra hùng mạnh hơn của chính quyền sẽ bị vô hiệu hoá và trở thành bất lợi cho chính mình. Việc đàn áp những người bất bạo động có khuynh hướng làm mất đi thiện cảm và hỗ trợ cho chính quyền – trong số những người có thể đi theo phong trào đối kháng, những người thường ủng hộ chính quyền, và trên khắp thế giới – khi mà chế độ đã bị xem như là lệ thuộc vào, và sẵn sàng sử dụng bạo lực ác độc, không che đậy chống lại những con người bất bạo động. Điều này có thể đưa đến sự gia tăng số người quyết định chống lại một chế độ như thế. Nó cũng có thể đưa đến những chia rẽ ngay trong phe của chính quyền. Khi tăng lên đủ số người, thì sự lớn lao của thách thức bởi những người đối kháng can đảm, ở giai đoạn cao điểm, có thể mạnh đến mức làm mất tinh thần ngay cả những cơ quan đàn áp.

Cái giá của thay đổi vì vậy có thể kinh khủng, nhưng không mắc hơn cái giá phải trả vì bạo lực. Có những dấu hiệu cho thấy là mặc dầu trong phong trào đối kháng bất bạo động có nhiều đau khổ, nhưng ít đau khổ hơn rất nhiều so với một phong trào đối kháng bạo động. Tỷ lệ theo số người tham gia, thì phong trào đấu tranh bất bạo động tại Ấn Độ có ít người chết hơn rất nhiều so với chiến dịch của người Mau Mau ở Kenya - cả hai đều đấu tranh chống nền cai trị của Anh. Thông tin mà chúng ta có được về những loạt đình công trong các trại tù Nga, xảy ra chủ yếu vào năm 1953, thì ở những nơi nào mà những cuộc đình công được điều động phần lớn là bất bạo động thì con số tổn thất thấp hơn rất nhiều so với những nơi có nhiều bạo động. Tương tự như thế, trong số những chiến dịch của người Ấn, những chiến dịch nào có ít hay là không có bạo động thì có ít thương tích hay tử vong hơn là những chiến dịch có nhiều bạo động. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập của người Ấn, có không quá tám ngàn người chết trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi những vụ bắn giết và những thương tích khác gây ra trong tiến trình của cuộc đấu tranh trong một thời gian lâu dài. Con số tổn thất vĩ đại ở tại Algérie -- được phỏng định cao đến mức một triệu người trong một dân số không quá mười triệu -- một phần nhỏ của dân số Ấn Độ -- thật là kinh hãi. Điều này không thể cắt nghĩa được bằng cách kết án là người Pháp tự bản chất dã man hơn người Anh.

Cái giá của nổi dậy bạo động cao hơn rất nhiều so với cái giá của nổi dậy bất bạo động. Sự thiếu kiên nhẫn về sự chậm trễ thấy trước của thay đổi do đấu tranh bất bạo động đem lại (chỉ dựa trên kinh nghiệm Nam Phi) không nên làm người ta mù quáng về chiều dài của thời gian mà đấu tranh bạo động cần có. Những thất bại và bế tắc vẫn xảy ra khi sử dụng những phương tiện bạo động, và đôi khi những phương tiện bất bạo động lại thành công nhanh chóng. Cả hai kỹ thuật đấu tranh bạo động lẫn bất bạo động đều đòi hỏi hi sinh và thời gian để có thể vận hành. Trong một vài hoàn cảnh thì kỹ thuật này có thể tỏ ra là nhanh hơn kỹ thuật kia. Nhưng, ngay cả lúc đó, những nhân tố khác cần phải được duyệt xét, như là con số những tổn thất có thể có và loại xã hội mà cuộc đấu tranh có thể đem lại.

Cuộc đấu tranh Nam Phi là một phong trào gạt bỏ chuyên chế và tranh thủ tự do. Do đó, điều quan trọng là kỹ thuật đấu tranh được sử dụng có làm được điều này hay không, hay là, trong những điều kiện tốt đẹp nhất, cuộc đấu tranh có hát đi được một thiểu số thống trị và thay thế bằng một nhóm khác hay không. Những cuộc đấu tranh bạo động có khuynh hướng được tiếp nối bởi sự tập trung quyền lực vào tay những người kiểm soát những phương tiện bạo động, thường là quân đội hay cảnh sát. Dân chúng lúc bấy giờ bị tước khí giới và không biết phương tiện đấu tranh

nào khác, tương đối bất lực trước những nhà cai trị có những phương tiện đàn áp như thế. Chỉ đơn giản huỷ bỏ một hình thái chuyên chế tự nó không mang lại tự do. Điều đó thường đòi hỏi phân tán -- chứ không phải tập trung thêm -- quyền lực. Chỉ đơn thuần phá vỡ sự thống trị của người Âu châu tại Nam Phi mà không phân tán quyền lực trong dân chúng và các tổ chức và cơ chế của họ sẽ có nghĩa là ít nhất sẽ có nhiều quyền lực được tập trung vào tay của chính quyền mới cũng như trường hợp hiện tại. Có lẽ còn nhiều hơn, vì có những áp lực liên tục về trung ương tập quyền tại những quốc gia mới được giải phóng. Điều này nghiêm trọng, vì chúng ta biết rằng những người lãnh đạo phong trào đối kháng thường không ở lại để trở thành những nhà cai trị sau khi chiến thắng, mà chỉ một đảng duy nhất hay ngay cả chỉ một người duy nhất thường trở thành nổi bật. Ngay cả nếu điều này không phát khởi dưới những hình thái cực đoan ngay tức khắc, thì chính sự tập trung quyền lực vào trong tay ngay cả của một nhà cai trị hết sức tự kiềm chế và khoan dung cũng có thể đưa đến việc một nhà độc tài tiềm quyền áp đặt một nền chuyên chế rất ráo và toàn vẹn, nếu có một cuộc đảo chánh xảy ra.

Ngược lại, đấu tranh bất bạo động có khuynh hướng phân tán quyền lực vào trong toàn thể dân chúng. Ngay cả chính tiến trình của cuộc đấu tranh cũng tùy thuộc vào sự hỗ trợ và tham dự phổ biến tự nguyện của dân chúng. Sau khi thành công kết thúc cuộc đấu tranh, việc tập trung sức mạnh quân đội vào tay của các vị chỉ huy (điều có thể được sử dụng để chống đỡ một nền độc tài mới) không xảy ra, và dân chúng được huấn luyện trong những phương tiện đấu tranh hữu hiệu theo đó họ có thể duy trì và nới rộng tự do chống lại những người tiềm quyền mới. Những xét định này hết sức quan trọng vì nếu chúng ta thực sự quan tâm đến việc tranh thủ tự do, chứ không phải chỉ thay thế một hệ thống chuyên chế này bằng một hệ thống chuyên chế khác. Những hậu quả thảm hại của bạo động cho những mục đích chính trị phải thúc đẩy chúng ta đi tìm những giải pháp, bất bạo động, khác cho ngay cả những vấn đề khó khăn nhất.

Đấu Tranh Bất Bạo Động Không Thoả Đáng

Những chỉ trích về bạo động không có ý ám chỉ là phong trào bất bạo động ở Nam Phi là thoả đáng. Trước tiên, đấu tranh chưa đủ. Nghĩa là, không hành động, không đối kháng, và sự thiếu vắng bạo động không có nghĩa là đồng nghĩa với hành động bất bạo động.

Thiểu số người Ấn ở Nam Phi, sử dụng đấu tranh bất bạo động, dưới sự lãnh đạo của Mohandas K. Gandhi giữa 1906 và 1914, đã đạt được những cải tiến lớn lao cho hoàn cảnh của họ. Tuy nhiên, đấu tranh bất

bạo động đã không được sử dụng một lần nữa tại Nam Phi ở một tầm mức tương tự để chống lại sự phân biệt và kì thị mãi cho đến năm 1946, lại một lần nữa bởi người Ấn tranh thủ giảm khinh “Đạo Luật Khu Ổ Chuột [Ghetto Act].” Kể từ lúc đó đã có nhiều vụ tẩy chay xe buýt Phi (một vài vụ thành công), Chiến Dịch Thách Thức 1952 (trong đó có hơn 8.500 người bị giam tù vì bất tuân dân sự của luật phân biệt và kì thị chủng tộc), sự thách thức của những người Liên-Phi châu đối với luật đi lại vào năm 1960 dẫn đến vụ Sharpeville, và những nỗ lực tổ chức những vụ đình công khắp nơi (tổ ra là thành công hơn là Chính Quyền thừa nhận vào lúc đó – ví dụ, vụ ba ngày tổng đình công năm 1961). Có những hoạt động khác tương tự như thế. Nhưng rõ ràng là hành động bất bạo động không đều đặn, và có những khoảng thời gian dài không có hoạt động. Điều này xảy ra vì những lí do cần thiết và hết sức dễ hiểu. Nhưng nơi nào mà những giai đoạn không hoạt động này là cần, thì sự cần thiết này lại do sự yếu kém của phong trào hay do dân chúng không thuộc gốc Âu châu gây nên. (Hãy tưởng tượng một quân đội mà chỉ đánh những trận phục kích lẻ tẻ sau những quãng cách hằng tuần hay hằng tháng trong một cuộc chiến tranh, hay là chỉ đánh những trận lớn sau quãng cách hằng tháng hay hằng năm!)

Tuy nhiên, không hành động, ngay cả trong những hoàn cảnh như Nam Phi, đôi khi có khuynh hướng không làm tăng sức mạnh mà lại làm suy yếu những thuộc cấp hơn nữa. Niềm tin là bao giờ còn tránh được bạo động thì người ta sẽ thực hiện được những bước tiến là một điều sai lầm. Nếu một phong trào đối kháng trong những hoàn cảnh như Nam Phi mà chỉ thỉnh thoảng mới có đấu tranh bất bạo động, thì phong trào sẽ không đạt được những kết quả có ý nghĩa trừ phi những thuộc cấp được tăng gia sức mạnh rất nhiều và tổ chức của họ phát triển trong những giai đoạn “yên lặng” đó.

Đấu tranh bất bạo động cũng sẽ không thành công nếu những người tham gia và dân chúng không sẵn lòng trả cái giá của đối kháng. Điều này cũng hết sức tương tự như trường hợp đấu tranh bạo động. Nếu trong một cuộc chiến theo lối cổ mà bộ binh suy sụp dưới hoả lực mạnh của địch, thì cánh này không thể thắng được. Cái lỗi trong hoàn cảnh như thế không phải vì chiến tranh, mà vì khả năng của quân lính thi hành cuộc chiến. Tương tự như thế, trong một cuộc đấu tranh bất bạo động, khi đối phương áp dụng đàn áp và gia tăng đàn áp, thì để có cơ hội chiến thắng, những người hoạt động bất bạo động phải có sức mạnh kiên quyết để hứng chịu những hình phạt nặng nề hơn vì sự thách thức của mình. Nếu họ không đủ sức mạnh để làm điều này thì lỗi không phải ở kĩ thuật mà ở chính những người hành động.

Vì vậy vào năm 1952, khi Chính Quyền định chế hoá những hình phạt nặng nề cho bất tuân dân sự, không gia tăng thách thức là một lỗi lầm nghiêm trọng về chiến thuật. Những người Liên-Phi châu lễ ra cũng không bị bắt ngờ khi Chính Quyền tuyên bố tình trạng khẩn trương để đương đầu với sự thách thức của họ. Rút lui ở một thời điểm như thế sẽ cho phép Chính Quyền chiếm thế thượng phong và để cho một bầu không khí sợ hãi và tuân phục bao trùm dân chúng một lần nữa. Tuy nhiên, còn có một nhược điểm khác trong những phong trào đối kháng bất bạo động trong quá khứ. Có một phương tiện khôn lanh mà Chính Quyền thường xuyên sử dụng để đương đầu với đấu tranh bất bạo động là loại bỏ những người lãnh đạo không thuộc gốc Âu châu ra khỏi đấu tranh chính trị mà không biến họ thành những liệt sĩ và nguồn cảm hứng cho dân chúng bằng cách bỏ tù họ. Ví dụ, một người có thể bị “nêu danh” hay “thanh toán” bằng Đạo Luật Đẹp Bỏ Cộng Sản, và do đó bị cấm duy trì hay làm thành viên của một số tổ chức chính trị nào đó, lãnh đạo những tổ chức này, hay tham dự những buổi họp chính trị. Những nhà lãnh đạo cấp quốc gia đôi khi bị xử theo Đạo luật này, bị kết tội, và chịu án nhiều năm tù, bị “treo giò” trừ phi không phạm một điều khoản nào đó trong Đạo luật này nữa. Theo Đạo Luật Hội Hẹp Về Nổi Loạn và Tu Chính Hình Luật, một người có thể bị đày đến một nơi xa nhà, xa công ăn việc làm, và xa các sinh hoạt. Sự lựa chọn cho những nhà lãnh đạo không thuộc gốc Âu châu là những năm tù tội. Giải pháp chọn lựa này nghiêm trọng đối với bản thân, nhưng những hậu quả của việc chấp nhận rút lui khỏi những sinh hoạt chính trị hay ngay cả sự lưu đày cũng có thể nghiêm trọng.

Một trong những hậu quả của việc những nhà lãnh đạo chấp nhận những giới hạn này, thay vì từ chối tuân theo và từ chối đi tù, đưa ra một cái gương phương hại đến công việc đối kháng trong tương lai. Một người bình thường chống đối phân biệt và kì thị chủng tộc có lẽ sẽ không mạo hiểm một hình phạt nặng hơn hình phạt mà người ta thấy các nhà lãnh đạo đang gánh chịu. Tuy nhiên sự sẵn lòng chịu tù tội và những đau khổ khác là điều kiện chính yếu của thay đổi. Thật là ý nghĩa việc Robert Sobukwe, người thành lập Đại Hội Liên-Phi, đã lựa chọn mình làm một trong những người đầu tiên đi tù vì bất tuân dân sự.⁴ Albert Luthuli, trái lại, ám chỉ trong hồi kí của ông ta là ông ta có ý định tuân theo lệnh cấm chỉ cho đến khi lệnh này mãn hạn vào tháng Năm năm 1964 (dù cũng khó tin là trong những hoàn cảnh như thế mà ông được phép tái sinh hoạt chính trị).⁵ Chính Quyền vì vậy đã thủ đắc được những cái lợi khi bỏ tù các nhà lãnh đạo không thuộc gốc Âu châu mà không gây ra những cái hại nào cả.

Tất cả những điều này và những ảnh hưởng khác đã có khuynh hướng làm giảm thiểu tính đấu tranh và sinh hoạt của phong trào đấu tranh bất

bạo động. Tuy nhiên trong một hoàn cảnh như thế, nếu không có đối kháng và thách thức bất bạo động mạnh mẽ, không có một phong trào nào đủ mạnh để đem lại nguồn hi vọng (nếu không đem lại những chiến thắng lớn lao), thì vì tuyệt vọng, một sự chuyển hướng qua phương thức bạo động hẳn sẽ là một điều chắc chắn sẽ xảy ra.

Công Tác Chính: Tăng Sức Mạnh Cho Những Người Bị Áp Bức

Chính Quyền Nam Phi – như mọi chính quyền bất kì dân chủ hay chuyên chế như thế nào – cũng đều phải lệ thuộc sự tồn tại tiếp diễn của mình vào sự sẵn lòng của người dân tiếp tục hợp tác và khuất phục. Sự hợp tác và khuất phục này có thể mang nhiều hình thái, như là giúp điều hành hệ thống kinh tế, phục vụ như là nhân viên của chính quyền, và đơn thuần vâng theo những luật lệ và mệnh lệnh của chế độ.

Sự thoả thuận này đôi khi mang tính “tự do” -- dựa trên cơ sở hỗ trợ chế độ hay khuất phục thụ động đối với chế độ. Những lúc khác thì sự thoả thuận này có thể bị “ép buộc” – nghĩa là sự chấp thuận có thể có được vì người ta sợ bị tù hoặc bị những hình phạt khác có thể được áp đặt lên họ nếu họ từ chối hợp tác. Nhưng ngay cả sự “thoả thuận bị ép buộc” cũng phản ánh sự lựa chọn là tốt hơn nên khuất phục và tránh bị trừng phạt thay vì thách thức và gánh chịu đau khổ. Trong cả hai trường hợp, kết quả là sự tiếp tục tồn tại của chế độ, chứ không phải chỉ của những mong muốn và quyết tâm của những người hay nhóm người trực tiếp kiểm soát guồng máy Nhà Nước, nhưng chủ yếu là của sự khuất phục và hợp tác của người dân như là một tổng thể. Cái giá của thách thức có thể biến đổi. Trong một vài hoàn cảnh, như trường hợp Nam Phi, thì cái giá này có thể cao kinh khủng. Khả năng của dân chúng rút lui sự thoả thuận cũng có thể biến đổi, tùy thuộc vào sự quyết tâm, vào sức mạnh, và sự sẵn lòng của họ chịu trả cái giá của sự thay đổi.

Vấn đề thay đổi chính quyền hiện hành hay đạt được cuộc cách mạng, do đó, không phải chỉ là vấn đề tấn công những nhà cai trị đương nhiệm và những nhân viên trực thuộc họ. Trách nhiệm chính yếu -- về việc tiếp tục hệ thống hiện tại và về việc tạo thay đổi -- thuộc về đại đa số quần chúng; không có sự khuất phục và hợp tác của họ, thì hệ thống – sau một nỗ lực đẫm máu nhằm ép buộc hợp tác trở lại -- sẽ sụp đổ. Việc tranh thủ được thay đổi ở Nam Phi vì vậy tùy thuộc vào sự gia tăng sức mạnh cho những người không thuộc gốc Âu châu, nhất là những người Phi châu.

Thay đổi vì vậy vẫn có thể đạt được ngay cả dù cho những nhà cai trị hiện tại không bao giờ được thuyết phục đó là một điều tốt đẹp. *Công tác*

chính yếu là tăng cường khả năng cho dân chúng. Sự quyết tâm xoá bỏ hệ thống cần phải được gia tăng. Sức mạnh và khả năng tổ chức để hành động đoàn thể cần phải được cải tiến. Sự sẵn lòng kiên quyết trong thách thức dù bị đàn áp cần phải được tăng cường.

Điều kiện của tự do thực sự hay của chuyên chế trong bất cứ xã hội chính trị nào vì vậy cũng phần lớn là phản ánh của sức mạnh trong quá khứ và hiện tại hay là sự yếu hèn của người dân như là một tập thể. Nếu người dân hiện tại yếu hèn và sợ hãi, không có khả năng hay không sẵn lòng trả cái giá của đau khổ vì rút lui sự thoả thuận của mình, thì sẽ không thể đạt được tự do thực sự và lâu bền được. Tự do thực sự không phải là cái gì được cho, mà là cái cần phải đòi hỏi công lao tranh thủ, và do đó là điều có thể được bảo vệ và nói rộng ngay cả khi phải đương đầu với những tấn công mới.

Do đó những người – gồm có những người lãnh đạo quan trọng không thuộc gốc Âu châu – mà đang tìm cách giải phóng Nam Phi duy nhất chỉ bằng sự can dự từ bên ngoài, đang cố bỏ qua vấn đề cách mạng duy nhất quan trọng hơn cả và cố tranh thủ một con đường tắt dẫn đến tự do trong khi không có con đường tắt nào cả. Ngay cả nếu Chính Quyền Quốc Gia Phi bị xoá bỏ bởi sự can dự từ bên ngoài đi nữa, và sự thống trị của người Âu châu theo đó bị chấm dứt, thì điều này cũng không khẩn thiết đem lại sự chấm dứt của áp bức ở Nam Phi. Nếu trong tiến trình này mà dân chúng như là một tổng thể không được tăng thêm sức mạnh và khả năng của chính họ trong việc tranh thủ và bảo vệ tự do không được gia tăng, nếu sự phân tán hữu hiệu về quyền lực giữa họ không xảy ra, nếu không có một sự gia tăng về khả năng của họ trong việc kiểm chế chính những nhà cai trị của họ, thì Chính Quyền kế tiếp – bất kì dưới màu cờ nào – sẽ chuyên chế ít nhất cũng giống như chính quyền vừa mới được thay thế. Đã phải lệ thuộc vào sự giúp đỡ từ bên ngoài để chấm dứt một hệ thống, người dân hẳn vẫn sẽ thiếu khả năng đạt được tự do thực sự.

Các phong trào khủng bố và du kích thường công nhận ở một mức độ đáng kể tầm quan trọng của việc rút lui hợp tác và thoả thuận khỏi chính quyền. Điều này cốt nghĩa tại sao rất thường xuyên khủng bố nhắm vào, không phải “kẻ địch” như người ta mong đợi, mà chủ yếu là vào người dân của chính mình, để buộc họ phải đối kháng (Có những dấu hiệu cho thấy là điều này đã bắt đầu xảy ra tại Nam Phi.) Vì vậy, đây là một nỗ lực ép buộc người dân phải tự do, một nỗ lực nhằm đạt một điều không thể đạt được. Ngay cả nếu thành công về phương diện chính trị trong việc làm sụp đổ chính quyền hiện hành, thì loại xã hội và loại giải phóng vì thế được tạo ra sẽ có một giá trị chứa chất hết sức nhiều nghi vấn.

Có bằng chứng là đấu tranh bất bạo động có thể giúp làm gia tăng sức mạnh của những người bị áp bức. Mohandas K. Gandhi luôn luôn lí luận

là mục đích chính yếu của những cuộc đấu tranh bất bạo động mà ông ta lãnh đạo tại Ấn Độ không phải là để tấn công người Anh, một yếu tố quan trọng nhưng thứ yếu trong hoàn cảnh đó, mà là để tăng cường sự quyết tâm, sự độc lập, và khả năng đối kháng của người Ấn. Những điều này là yếu tố quan trọng hơn cả.

Điều này đã được chứng minh tại Nam Phi năm 1952 qua Chiến Dịch Thách Thức; trong Chiến Dịch này con số thành viên của Đại Hội Quốc Gia Phi đã nhảy vọt từ 7.000 lên đến 100.000. Con số thành viên không phải chỉ là tiêu chuẩn duy nhất của sức mạnh được gia tăng, mà còn là một chỉ dấu của sự đóng góp của đấu tranh bất bạo động vào sự gia tăng khả năng đối kháng, và sự gia tăng sức mạnh tổ chức. Cũng tương tự như thế, ở Ấn Độ, Đại Hội Quốc Gia Ấn theo chương trình của Gandhi đã được biến đổi từ một nhóm nhỏ bé thông qua những nghị quyết hằng năm thành một tổ chức đấu tranh quần chúng có khả năng lay chuyển cả Đế Quốc Anh.

Trong số những nhân tố có thể giúp tăng cường khả năng đối kháng của người dân là:

- tự trọng được gia tăng;
- tăng sức mạnh cho những tổ chức của dân chúng và khả năng hành động trong liên đới;
- phổ biến kiến thức về việc sử dụng đấu tranh bất bạo động và về việc làm thế nào để tổ chức hành động theo nhóm;
- biết được điều những người khác đã làm ở những nơi khác trong tình thế khó khăn;
- gương của một vài người trong nhóm chống lại chuyên chế -- điều có thể gây cảm hứng cho những người khác và lan truyền rộng rãi;
- một lãnh đạo có óc sáng tạo và được chấp nhận để thấp sáng tình hình;
- một ý tưởng mới mẻ (hay một nhận định mới cho một ý tưởng cũ) có thể bỗng nhiên đem lại một niềm tin mới, nhất là nếu ý tưởng liên quan đến điều mà người ta có thể làm để giúp giải quyết vấn đề;
- những hành động không được chuẩn bị trước, phá vỡ bầu không khí tuân thủ và còn thúc đẩy được những người khác hành động nữa; và
- tham gia vào đấu tranh bất bạo động ở tầm mức nhỏ: điều này có thể đóng góp vào việc gia tăng lòng tin vào khả năng thay đổi hoàn cảnh, nhất là khi tranh thủ được những mục tiêu giới hạn.

Thường thường – dù không phải là luôn luôn – khi người ta bắt đầu hành động, thì những phẩm chất của sự can đảm, của sự sẵn lòng phục vụ tha nhân, và của sự quan tâm đối với những tệ đoan xã hội và chính trị chung quanh họ phát huy trong bản thân họ. Hơn nữa, gương của họ thường sẽ giúp những người khác thủ đắc được những phẩm chất này.

Điều này, cùng với những hiệu quả khác của đấu tranh bất bạo động, sẽ giúp cải tiến khả năng của xã hội trong việc tranh thủ tự do.

Người ta, như Patrick Duncan chẳng hạn, đã lí luận là bởi vì Chính quyền Nam Phi đã làm cho tất cả những nỗ lực tạo thay đổi của những người không thuộc gốc Âu châu trở nên bất hợp pháp và cấm việc sử dụng đấu tranh bất bạo động để thay đổi phân biệt và kì thị chủng tộc, cho nên bạo động bây giờ có thể biện minh được. Tuy nhiên, đó là một lí luận rất hời hợt để đi đến kết luận là bởi vì đấu tranh bất bạo động không hợp pháp, cho nên bây giờ phải sử dụng bạo động. Đối kháng bạo động cũng bất hợp pháp vậy, và luận điệu này không đề cập đến vấn đề hiệu lực theo ý nghĩa thực tiễn.

Sự đàn áp của chính quyền càng ngày càng gia tăng hiện nay làm cho việc tổ chức đối kháng bất bạo động khó khăn hơn rất nhiều -- nhất là một cách công khai hơn là vào năm 1952. Nhưng tổ chức đối kháng bạo động cũng không dễ gì hơn. Đúng là đối kháng bất bạo động thường hữu hiệu nhất khi tổ chức công khai. Tuy nhiên, trong một phong trào bạo động, những điệp viên và điểm chỉ viên làm cho bí mật không được hữu hiệu hoàn toàn. Và, trong lúc chúng ta phải ghi nhớ những nguy hiểm liên hệ, nhưng đấu tranh bất bạo động đã từng được tổ chức hữu hiệu một cách bí mật trong lúc thực hành thì công khai -- như phần lớn cuộc đối kháng của người Na-Uy chống lại sự chiếm đóng của Đức Quốc Xã. Hơn nữa, không phải tất cả mọi đối kháng bất bạo động đều cần phải được tổ chức trước mới hữu hiệu. Đôi khi, đối kháng hết sức hữu hiệu lại do đột phát. Những lúc khác thì những hành động được thiết kế và khởi động bởi một nhóm người rất nhỏ lại có thể đánh động được tàn số, và tấm gương của họ có thể được rất nhiều người noi theo.

Những Nhân Tố Trong Chiến Lược Tạo Thay Đổi

Thiết kế được chiến lược và các chiến thuật khôn ngoan cho cuộc đấu tranh ở Nam Phi thì hết sức khó, nhưng điều rất quan trọng là cần phải những có nỗ lực đứng đắn để thực hiện cho được điều này. Chỉ như thế thì một giải pháp thay thế cho chiến tranh khủng bố và du kích và cho xâm lược bằng quân sự mới được người ta nghe theo một cách nghiêm chỉnh. Tiếc thay, chúng ta không có tất cả kiến thức mà chúng ta cần phải có để thiết lập chiến lược khôn ngoan, một lí do là vì thiếu sự quan tâm, và tài nguyên, cho loại nghiên cứu và phân tích có thể đã phát huy kiến thức của chúng ta.

Ít nhất có năm công tác chính cần được duyệt xét cẩn thận khi thiết kế chiến lược đó:

1. Xét định tình hình hiện tại của Nam Phi, những dấu hiệu chứng tỏ sự cứng nhắc hay mềm dẻo, những ưu điểm và nhược điểm, và đặc biệt là tình hình và những tiềm năng của các nhóm khác nhau có thể ngăn cản hay hỗ trợ đối kháng, nhất là:

- a) Chính Quyền;
- b) đối lập của người Âu châu và đối lập có thể có đối với Chính Quyền;
- c) các nhà hoạt động và các tổ chức của những người không thuộc gốc Âu châu;
- d) đối kháng tiềm năng của những người không thuộc gốc Âu châu; và
- e) số còn lại trong dân chúng.

2. Nghiên cứu kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, lí thuyết về quyền lực, các phương pháp, các động năng, điều kiện để thành công, và kinh nghiệm liên hệ có thể có từ những nơi khác.

3. Giảm thiểu các nhược điểm nơi những người không thuộc gốc Âu châu, điều có thể gia tăng khả năng xoá bỏ áp bức của họ. Đặc biệt, điều này bao gồm những câu hỏi như sau:

- a) làm thế nào để nâng cao lòng tự tin vào giá trị của bản thân;
- b) làm thế nào để xoá bỏ sợ hãi và gia tăng sự sẵn lòng kiên trì trong đối kháng dù bị đàn áp;
- c) làm thế nào để gia tăng kiến thức và khả năng đối kháng được hữu hiệu hơn cả;
- d) làm thế nào để tranh thủ được lòng tin vào khả năng thay đổi tình huống (như bằng những chiến thắng nhỏ, như đã được thực hiện trong những vụ tẩy chay xe buýt trước kia); và
- e) làm thế nào để chọn những vấn đề rõ rệt (như những vấn đề kinh tế có giới hạn) để tạo thay đổi tức khắc.

4. Cách li những khu vực dân chúng Nam Phi gốc Âu châu để họ không hỗ trợ Chính quyền, bao gồm nhất là những người phóng khoáng, các nhóm tôn giáo, thiểu số người Anh, và các nhà kĩ nghệ. Thật là ý nghĩa khi Chiến Dịch Thách Thức năm 1952 hữu hiệu trong chiều hướng này, đưa đến việc thành lập cả Đảng Tự Do lẫn Đại Hội các nhà Dân Chủ, và cũng đưa đến việc tôn giáo chống đối có giới hạn.

5. Khích động sự hỗ trợ tối đa của quốc tế và tận dụng hữu hiệu điều này được chừng nào hay chừng đó. Có một vài phương cách cụ thể mà theo đó người ta có thể cung cấp sự hỗ trợ quốc tế cho phong trào đấu tranh bất bạo động. Những gợi ý sau đây chỉ có tính minh hoạ mà thôi:

- a) truyền đạt tin tức, sự khuyến khích, những kế hoạch đối kháng, v.v. cho người dân Nam Phi bằng, chẳng hạn như, đài phát

- thanh đặt bên ngoài Nam Phi, nhật báo và những tài liệu khác in ấn bên ngoài Nam Phi để được phân phối trong nước;
- b) cải tiến hiệu lực của việc phổ biến và những chiến dịch giáo dục nhắm đến thế giới về tình hình tại Nam Phi và phong trào đối kháng ở đó;
 - c) cung cấp tài liệu tuyển chọn về các đặc tính, các điều kiện, và các giải pháp trong đấu tranh bất bạo động và những phương tiện phụ thêm để huấn luyện người dân trong việc sử dụng kĩ thuật này;
 - d) gây áp lực kinh tế hữu hiệu hơn chống lại Nam Phi, như là tẩy chay và phong trào cấm vận cần nghiêm ngặt hơn là như người ta đã thực hiện từ trước cho đến nay (Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc khuyến cáo đã lâu từ tháng Mười Một, năm 1962);
 - e) tạo áp lực ngoại giao và văn hoá hữu hiệu hơn, như là cắt đứt quan hệ ngoại giao (cũng đã được khuyến cáo bởi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc và từ chối hợp tác văn hoá, trừ phi ở nơi nào xoá bỏ hành động phân biệt và kì thị chủng tộc);
 - f) cắt tất cả mọi cung cấp về vũ khí quân sự, đồ phụ tùng thay thế, và đạn dược cho Nam Phi (cũng do Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc khuyến cáo) và những cung cấp có thể được dùng trong việc chế tạo tại Nam Phi;
 - g) rút lui tất cả mọi đầu tư của nước ngoài, ngoại trừ những kĩ nghệ nào sẵn lòng trả lương vừa phải cho những người không thuộc gốc Âu châu và từ bỏ hành động phân biệt và kì thị chủng tộc; và
 - h) áp dụng trên khắp thế giới đủ loại đấu tranh bất bạo động, cũng như những phương tiện quy ước, để đạt những mục tiêu này.

Dĩ nhiên vai trò chính yếu của những người ở ngoài Nam Phi là phải ủng hộ và tham gia những hành động bất bạo động quốc tế này. Tuy nhiên, đấu tranh quốc tế và đấu tranh quốc nội liên hệ hỗ tương, và một vài loại đấu tranh ở trong Nam Phi có thể khích động sự hỗ trợ quốc tế hơn là những loại hành động khác hay không hành động.

Những biện pháp này có thể hỗ trợ rất nhiều trong việc (1) tăng sức mạnh cho tinh thần, sự quyết tâm, và khả năng đối kháng của những người không thuộc gốc Âu châu; (2) làm suy yếu tinh thần, sự quyết tâm, và khả năng của chính quyền tiếp tục đường hướng hiện tại; và (3) làm sòn lòng dân chúng gốc Âu châu nói chung trong việc hỗ trợ chính quyền hiện hành và hỗ trợ phân biệt và kì thị chủng tộc.

Giải pháp thay thế cho đường hướng hoạt động tổng quát này hẳn là một hình thức chiến tranh nào đó, có lẽ liên quan đến hoặc một chiến dịch khủng bố lâu dài hay là đấu tranh du kích dựa trên mô thức Algérie hay

là sự can thiệp quân sự lớn lao bởi quân đội Liên Hiệp Quốc, một đồng minh quân sự toàn người Phi, hay là sự hỗ trợ quân sự trực tiếp của Nga hay Tàu. Tất cả những điều này đều hết sức nguy hiểm, nhất là nơi nào liên quan đến sự tranh chấp quyền lực giữa Đông và Tây và nơi nào mà sự tranh chấp này có thể biến thành chiến tranh hạt nhân.

Ở giai đoạn này thì xác suất không lớn cho cuộc đấu tranh có thể biến chuyển thành đấu tranh bất bạo động được áp dụng hữu hiệu ở trong nước, với sự hỗ trợ hùng mạnh từ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu đấu tranh bất bạo động không xảy ra thì bởi vì thiếu mạo hiểm, thiếu hiểu biết, sức mạnh, và sáng kiến -- chứ không phải vì đấu tranh bất bạo động, nếu được áp dụng một cách thông minh và can đảm, có thể đã không hữu hiệu. Nếu đấu tranh bất bạo động không xảy ra, thì thảm cảnh của Nam Phi trong tương lai có thể làm cho thảm cảnh của Nam Phi trong quá khứ và trong hiện tại tỏ ra là không có nghĩa lí gì cả. Tuy nhiên, vẫn còn hi vọng và cơ hội. Nếu giành lấy cơ hội này, thì thế giới có thể nhận lãnh được một bài học về cách làm thế nào để đương đầu với chuyên chế và thiết lập một nền tự do đích thực và lâu bền.

Ghi Chú

1. **The Observer** (Luân Đôn) 5 tháng Năm 1963.
2. Như trên.
3. Leo Kuper, **Đối Kháng Thụ Động Tại Nam Phi** (New Haven, Conn.: Yale University Press, 1957, và London: Jonathan Cape, 1956), t.145.
4. **Robert Sobukwe (1924-1978)** trở thành Tổng Thư Kí của liên minh thanh niên của Đại Hội Quốc Gia Phi trong thời gian theo học Đại Học Fort Hare. Ông bỏ Đại Hội năm 1958 và thành lập Đại Hội Liên-Phi có mục đích điều động hành động bất bạo động có tính đấu tranh hơn chống phân biệt và kì thị chủng tộc mà không bị ảnh hưởng của Cộng sản mà ông cảm nhận được trong Đại Hội Quốc Gia Phi. Dưới sự lãnh đạo của ông, Đại Hội Liên-Phi đã tổ chức những cuộc biểu tình bất bạo động lớn và bất tuân dân sự và năm 1959 và 1960 chống lại các luật về đi lại. Ông tin chắc là đối kháng bạo động là tự vẫn và hành động bất bạo động có tính đấu tranh là giải pháp thay thế hữu hiệu.
Sobukwe bị bắt vào ngày 21 tháng Ba, năm 1960 vì những tội khích động. Ông bị kết án ba năm tù, bị lưu giữ thêm sáu năm, rồi được thả vào giữa năm 1969 và đưa đến Kimberly. Ông mất tại đây vào ngày 27 tháng Hai, năm 1978 sau một cơn bệnh dài.
 Ông được xem là một người nhu hoà, khiêm nhường, và có nhiều sức mạnh trí tuệ, một trong những người quốc gia Phi châu vĩ đại. Sobukwe bị tố cáo sai lầm là một người kì thị chủng tộc. Ông đã thúc dục người Phi châu phải đứng dậy, nhìn về phía trước vào một Nam Phi mà trong đó mọi người thuộc mọi màu da đều có thể sống trong bình đẳng.
5. **Albert Luthuli (1898?- 1967)** được bầu làm Trưởng Khu Truyền Giáo Umvoti vào năm 1936, sau khi phục vụ với tư cách là Thư Kí và Chủ Tịch của Hiệp Hội Giáo Chức Phi. Năm 1952, vào lúc Chiến Dịch Thách Thức chống các luật về phân biệt chủng tộc, ông là

Chủ Tịch Toàn Quyền của Đại Hội Quốc Gia Phi. Khi năm đó ông từ chối từ chức Chủ Tịch Đại Hội, Chính Quyền đã tước chức vụ Chủ Tịch của ông.

Luthuli là một trong số 155 người bị bắt năm 1956 vì chống đối phân biệt và kì thị chủng tộc, nhưng sau Vụ Án Phán Quốc kéo dài ông được thả. Theo Đạo Luật Xoá Bỏ Cộng Sản, ông bị quản chế ở một khu vực tại gia gần Stanger, khoảng 30 dặm về phía Bắc của Durban. Vào tháng Ba, năm 1960, sau khi những người Liên-Phi đã khởi động thách thức các luật về đi lại, Luthuli đã đốt thông hành của mình ở Praetoria và thúc dục tất cả mọi người Phi đều làm như vậy. Chính Quyền Nam Phi đã cho phép ông đi Oslo, Na-Uy vào năm 1961 để nhận lãnh giải Nobel, nhưng Luthuli đã bị cấm ra khỏi nước sau đó. Trong lúc bị lưu đày như thế, ông đã bị cấm không được diễn thuyết và tham dự hội họp công cộng. Những lời nói của ông bị cấm phát hành tại Nam Phi. Hồi kí của ông, **Hãy Để Cho Dân Tôi Đi**, bị cấm trong quốc gia này.

12

Tăng Khả Năng Quản Chúng

Nhu Cầu Của Con Người Và Sự Phân Phối Quyền Lực

Mọi người trong xã hội chúng ta* đều không tham gia nhiều vào những quyết định và hành động hình thành cuộc sống và các cơ chế của mình. Điều này là một chỉ dấu quan trọng là chúng ta chưa thực thi những lí tưởng của gia tài của chúng ta một cách thoả đáng.

* Xã hội của chúng ta ở đây nói rõ là xã hội Mỹ, nhưng cuộc thảo luận cũng áp dụng cho những xã hội Tây phương khác, và còn áp dụng – đôi khi còn ở một mức độ lớn hơn – cho những hệ thống chính trị hiện đại tầm cỡ khác nữa.

“Chúng ta” -- hầu hết những thành viên của xã hội của chúng ta – nói rằng chúng ta tin vào giá trị của con người, của tự do, công lí, hoà bình, sự sung túc về kinh tế, và vào những nguyên tắc liên hệ. Nếu như thế, thì chúng ta có bổn phận phải cả cố gắng thực thi những nguyên tắc này trên thế giới trong đó chúng ta đang sống, lẫn làm những gì mà chúng ta có thể làm được để xây dựng một xã hội mô phỏng được những lí tưởng đó nhiều hơn cho những thế hệ kế tiếp. Đôi khi những nỗ lực thực thi những lí tưởng của chúng ta có nghĩa là bảo toàn những phần tốt đẹp nhất của xã hội hiện tại đang thực hành những nguyên tắc đó. Tuy nhiên, điều này vẫn chưa đủ bởi vì mặc dù đã đạt được những thành quả tích cực này, nhưng xã hội của chúng ta vẫn có những khuyết điểm quan trọng cần phải được sửa sai. Trong những trường hợp này, thực thi những lí tưởng của chúng ta có nghĩa là tìm những thay đổi nền tảng.

Xét Định Các Nhu Cầu Của Con Người

Xã hội của chúng ta không đáp ứng được những nhu cầu căn bản của con người, và ngay cả những nhu cầu này cũng bị hiểu một cách quá hạn hẹp. Cái nhìn hết sức giới hạn của chúng ta về những nhu cầu này là nguyên nhân chính yếu của những thất bại của những nỗ lực trong quá khứ nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Đĩ nhiên là đúng nếu không có lương thực, quần áo, và nơi trú ẩn khỏi nắng mưa, và nhiên liệu để sưởi ấm và nấu ăn – và công ăn việc làm để sản xuất hay tậu mãi các thứ ấy, thì sự sống không tồn tại được. Thật là tội tệ khi những nhu cầu này không được đáp ứng cho tất cả mọi người, và sự kiểm soát những thứ này không nằm trong tay của những người cần chúng. Sự kiện này làm chúng ta cảm phần còn hơn là đói và những hậu quả khác của bần cùng, bởi vì nắm được quyền kiểm soát trong tay, người ta có thể tự cung cấp những nhu cầu vật chất cho chính mình.

Tuy nhiên, các nhu cầu vật chất không phải chỉ là những nhu cầu căn bản duy nhất của con người và đáp ứng những nhu cầu này mà thôi sẽ không tạo được một xã hội lí tưởng. Những nhu cầu này có thể được cung ứng một cách hữu hiệu trong các nhà tù. Ngoài những nhu cầu vật chất căn bản của chúng ta, con người còn có những nhu cầu về sinh lí, tâm lí, xã hội, và ngay cả “chính trị” nữa. Chúng ta hãy nhìn sơ qua những nhu cầu này. Những nhu cầu này trông có vẻ đơn giản, hay là không thích hợp cho một phân tích có tính cấu trúc. Tuy nhiên, Nếu không có được nhận thức khoáng đạt này thì có lẽ chúng ta sẽ vấp phải những lỗi lầm của quá khứ trong những nỗ lực của chúng ta trong việc xây dựng một xã hội có thể đáp ứng những nhu cầu của con người một cách đầy đủ hơn --

những lỗi lầm phát xuất từ những quan tâm đến việc chỉ cung cấp lương thực, nhà cửa, và công việc, chẳng hạn, mà quên đi những nhu cầu khác ít cụ thể hơn.

Như là những con người, chúng ta cần yêu thương và được yêu thương. Chúng ta cần chia sẻ, cần dịu dàng, và cần được người khác cần đến mình. Như là một chủng loại, chúng ta cần sinh con để cái và nuôi dưỡng chúng. Chúng ta cần học hỏi những lễ thói của xã hội của chúng ta, và hi vọng là của những xã hội khác nữa, và học hỏi và chia sẻ những gia tài quá khứ của chúng ta. Chúng ta cần học hỏi để biết chúng ta là ai, để phát huy tự trọng và tán thưởng những khả năng và giá trị của mình. Chúng ta cần có những niềm vui, cần thư giãn, cần sáng tạo, cần những cơ hội để phát triển và thay đổi, và để thoả mãn những hiếu kì trong lúc chúng ta đi tìm kiến thức, những nhận định sáng suốt, và các chân lí mới. Chúng ta cần phát triển trí óc, những khả năng trí tuệ, khả năng suy tư và lí luận của chúng ta. Những khả năng tiếp xúc giữa chúng ta với nhau, với những hình thái khác của sự sống, và với thế giới và vũ trụ mà chúng ta là một thành phần, tất cả những thứ này đều cần phát triển. Chúng ta cần đồng cảm với người khác, cần là thành viên của nhóm, và cần hãnh diện về nhóm của mình. Chúng ta cần được che chở khỏi những nguy hiểm và tấn công và những đe dọa đến sự sống của mình. Các nhóm của chúng ta cần phải tồn tại chống lại những đe dọa về cả văn hoá lẫn thể xác.

Hết sức quan trọng là, như là những cá nhân và nhóm, chúng ta còn cần có khả năng sức mạnh để quyết định chúng ta phải sống như thế nào. Chúng ta cần sức mạnh để kiểm soát đời sống của mình, để chống lại những lực lượng uốn nắn chúng ta, làm hại chúng ta, hay hủy hoại chúng ta, một khả năng tạo dựng cuộc sống và tương lai của chúng ta, dù ngay cả đang phải đương đầu với những lực lượng thù nghịch. Hầu hết những sửa đổi được đề nghị cho những tệ hại xã hội quá ít chú trọng đến những nhu cầu rộng lớn của con người này và nhất là nhu cầu về sức mạnh hữu hiệu này.

Trừ phi đáp ứng được những nhu cầu vượt quá những nhu cầu vật chất này, chúng ta vẫn thiếu những phẩm chất và khả năng của con người. Do đó, những nỗ lực đáp ứng những nhu cầu của con người một cách đầy đủ hơn cần phải được nhắm đến đáp ứng tất cả mọi nhu cầu, chứ không phải chỉ những nhu cầu vật chất mà thôi. Những nỗ lực đáp ứng những nhu cầu vật chất không được ảnh hưởng tiêu cực đến việc thoả mãn những đòi hỏi ít cụ thể hơn hay nhu cầu của chúng ta về sức mạnh để kiểm soát đời sống của mình. Ngược lại, những nỗ lực nhằm đáp ứng – và ở nơi nào có thể được nhằm tích cực trợ giúp đáp ứng -- bất cứ nhu cầu nào của con người cũng phải phù hợp với việc thoả mãn tất cả mọi nhu cầu. Điều này trên phương diện phẩm sẽ đem lại những

kết quả khác từ những nỗ lực dựa trên một sự quan tâm có giới hạn hơn. Đáp ứng những nhu cầu rộng lớn hơn này của con người một cách đầy đủ hơn sẽ còn giúp chúng ta giải quyết những vấn đề của độc tài, của diệt chủng, của chiến tranh, và của những hệ thống áp bức xã hội đã được thảo luận trong các chương trước.

Những Vấn Đề Của Chúng Ta Và Việc Tập Trung Quyền Lực

Tất cả mọi vấn đề trầm trọng về xã hội, kinh tế, và chính trị một lúc nào đó sẽ có liên quan đến sự sai lạc nghiêm trọng trong việc phân phối quyền lực.* Điều này có nghĩa là quyền lực hữu hiệu đã trở nên quá bị tập trung vào một số thành phần nào đó trong dân chúng và trong các cơ chế, và, nghiêm trọng hơn cả, là vào trong tay của guồng máy nhà nước. Các nhóm khác, hay là ngay cả quần chúng nói chung, so với những nhóm hay cơ chế đó thì yếu kém, và do đó sẽ thua thiệt trước ý chí của nhóm quyền lực.

Khả năng quyền lực của những nhóm nào đó trong một xã hội vào một lúc nào đó hoàn toàn không phải là hiển nhiên và không thay đổi được. Đó là kết quả của: (1) những mức độ mà các nhóm này huy động được các nguồn sức mạnh để sử dụng – nghĩa là, tiềm năng quyền lực của họ; (2) những mối tương quan giữa những mức độ khác nhau về sức mạnh mà mỗi nhóm riêng rẽ hiện đang có; (3) mức độ những cơ cấu xã hội, kinh tế, và chính trị uyển chuyển và đáp ứng ý nguyện của mọi thành phần dân chúng. Sự phân phối quyền hành hiện tại rất thực, nhưng không phải là vĩnh cửu, và nó sẽ không được duy trì trong tất cả mọi tình huống. Thực vậy, có lúc quyền lực biến đổi một cách triệt để. Một sự thay đổi như thế xảy ra khi những nguồn sức mạnh trong tay những nhóm tương đối yếu được huy động mạnh mẽ hơn trước kia, để cho quyền lực hữu hiệu của họ được gia tăng và tới gần việc đạt được tiềm năng quyền lực của họ. Một sự thay đổi lớn trong việc phân phối quyền lực cũng xảy ra khi những nguồn sức mạnh trong tay những nhóm mạnh đã được ổn định bị làm suy yếu đi hay bị rút lui, do đó giảm thiểu quyền lực hữu hiệu của họ một cách triệt để. Trừ phi những nguồn sức mạnh của các nhóm yếu được huy động, hoặc những nguồn sức mạnh của các nhóm mạnh đã ổn

* “Quyền lực” ở đây có nghĩa là khả năng của người dân hành động nhằm tranh thủ các mục tiêu dù cho bị chống đối: sự tổng hợp của tất cả ảnh hưởng và áp lực mà họ có thể gây nên. Những điều này bao gồm cả những chế tài lẫn khả năng cùng làm việc với nhau, cũng như những ảnh hưởng khác như là quyền hành.

định bị làm suy yếu đi, hay là cả hai; các nhóm nô thuộc và bị áp bức hiển nhiên là khẩn thiết sẽ vẫn ở trong những vị thế tương đối y như cũ, dù có bất cứ những thay đổi nào khác trong xã hội. (Những thay đổi này có thể ngay cả bao gồm sửa sai những bất bình, cung cấp các dịch vụ mới, và đặt để một người mới hay nhóm mới vào vị thế cai trị.)

Ở nơi nào mà người ta nhìn vào một hoàn cảnh mà một nhóm này hoặc nhóm kia xem như là một “vấn đề,” thì nơi đó người ta đang gặp phải vấn đề phân phối quyền lực thực sự hay là được nhận thấy là không công bằng. Những nhóm người này có thể bao gồm, chẳng hạn: những tầng lớp bị bóc lột về kinh tế, những nhóm thiểu số tôn giáo bị sách nhiễu, dân chúng của những quốc gia bị tấn công hay bị chiếm đóng, các nạn nhân của những nỗ lực diệt chủng, các dân tộc bị những nhà độc tài quốc nội đè bẹp, các quốc gia dưới những đế quốc thực dân, các nhóm sắc tộc hay chủng tộc bị khinh rẻ, và một số lớn những nhóm khác nữa. Trong tất cả những trường hợp này vấn đề là ở chỗ một nhóm có quyền lực áp đặt ý muốn của mình lên một nhóm khác yếu kém. “Bởi vì nhà chuyên chế có quyền lực để bắt ép chúng ta chỉ chịu đựng những gì mà chúng ta không có đủ sức mạnh để chống cự lại mà thôi,” như Krishnalan Shridharani đã viết.¹ Sự phân phối quyền lực không công bằng đã làm cho những vấn đề này có thể xảy ra được.

Vì vậy, nếu chúng ta không những chỉ lưu tâm đến việc sửa sai một vấn đề nào đó mà thôi, mà còn lưu tâm đến việc ngăn chặn sự phát lộ, tiếp theo sau vấn đề này, của những vấn đề khác còn trầm trọng hơn; thì sự phân phối quyền lực cần phải được thay đổi tự căn bản.

Xã hội của chúng ta hình như đang tiến đến cả việc gia tăng tập trung quyền lực hữu hiệu vào Nhà Nước và một số cơ chế, lẫn việc gia tăng quyền lực cho một số nhóm mà theo truyền thống có ít quyền lực. Rõ ràng là đang có những khuynh hướng đối nghịch. Một mặt thì, chẳng hạn, công nhân có thể tổ chức, đình công, và tẩy chay, những người Mỹ gốc Phi châu có thể biểu tình và sử dụng lá phiếu của mình, và phụ nữ bắt đầu cởi bỏ lớp vỏ áp bức, thách thức những khuôn thước cũ, và thiết lập những tập quán xã hội mới. Một kết quả của hành động như thế là những nhóm này và các nhóm khác nữa hiện đã có nhiều quyền lực hơn là một vài thập kỉ trước đây. Tuy nhiên, mặt khác, phần lớn sự thay đổi trong xã hội của chúng ta từ lâu nay đã được đẩy mạnh về hướng ngược lại, đặc biệt là trong đời sống kinh tế và chính trị. Khuynh hướng chung là những tổ chức lớn, gia tăng trung ương tập quyền, kiểm soát mạnh hơn bởi thành phần ưu tú. Hơn nữa, như đã được thảo luận trong nhiều chương trước đây, ở cấp độ thế giới, thế kỉ này đã chứng kiến một sự tăng trưởng của những nền độc tài, thường dưới những hình thái rất nghiêm trọng, sự gia tăng và thâm nhập của bạo động trong khắp cùng xã hội, một sự thất

bại trong việc kiến tạo một xã hội thịnh vượng về kinh tế và tự do về chính trị, một sự gia tăng khả năng diệt chủng, sự không tôn trọng đời sống của con người và nhân phẩm, những nỗ lực kiểm soát đầu óc con người, và một sự tăng vọt về vũ khí quân sự và khả năng huỷ hoại. Hầu hết mọi người đều cảm thấy bất lực trong việc đảo ngược những phát triển này.

Những Sửa Sai Trong Quá Khứ Không Thoả Đáng

Suốt hàng thập kỉ và thế kỉ, người ta đã trở nên ý thức hơn về trách nhiệm của mình trong việc làm giảm bớt những khuyết điểm của xã hội khi đáp ứng những nhu cầu của con người, và họ đã ủng hộ và cơ chế hoá nhiều thay đổi trong chiều hướng những mục đích này. Thường thường đã có những biện pháp khẩn cấp – như cung cấp thực phẩm trong những nạn đói, chỗ trú ẩn sau những trận lụt và đánh bom, và áo quần để chống lạnh. Những biện pháp này vẫn quan trọng, và cần được đánh giá theo khả năng giải quyết được những nhu cầu khẩn cấp. Nhưng những chương trình nhằm đáp ứng các nhu cầu dài hạn hơn, đều đặn hơn, của con người thì đòi hỏi phải có một sự đánh giá dựa trên những tiêu chuẩn khắt khe hơn.

Trong chiều hướng này thì nhiều chương trình, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, đã tỏ ra là không thoả đáng. Thứ nhất, những chương trình và chính sách hiện có thường không để ý đến những nhu cầu tâm lí, xã hội, và “chính trị”. Thứ hai, một chương trình hay chính sách có thể, vì nhiều lí do khác nhau, không đạt được mục đích dự tính. Thứ ba, nỗ lực này có thể chỉ làm vơi được những hậu quả cấp bách nhất của vấn đề một cách tạm bợ và có giới hạn mà thôi, trong lúc chính vấn đề thì lại không được giải quyết. Có lúc, những thay đổi căn bản đòi hỏi phải có lại không được chú trọng. Thứ tư, ngay cả những chương trình được thiết kế tốt đẹp cũng có thể bị áp dụng hỏng bét thành vô hiệu. Phẩm chất của chương trình có thể bị hi sinh cho những cân nhắc khác, như cho các nhóm quyền lợi mạnh, hay cho những mục đích chính trị không thích hợp.

Trong một vài trường hợp, những phương cách đáp ứng các nhu cầu của con người hiện nay bị những thiếu sót căn bản. Có lẽ thiếu sót trầm trọng nhất là sự thất bại của hầu hết các chương trình và chính sách trong việc tăng cường khả năng cho người dân để họ có thể thủ đắc được sự kiểm soát tích cực về cuộc sống của chính họ và về xã hội. Thực ra, dù cho những “sửa sai” hiện tại có đưa ra điều gì khác đi nữa, thì hầu hết những sửa sai này vẫn chỉ đóng góp trong dài hạn vào việc làm mất đi khả năng của người dân mà thôi.

Những Vấn Đề Trong Việc Trông Cậy Vào Guồng Máy Nhà Nước

Nhiều người muốn giải quyết những vấn đề của con người và đáp ứng các nhu cầu của con người một cách thoả đáng hơn cho rằng cách hành động cơ bản là phải có sự can dự của cấp cao trong chính quyền. Điều này có thể mang nhiều hình thái: các sắc lệnh, một luật mới, một thay đổi về hiến pháp, một chính sách do chính phủ tài trợ và quản lí, Quốc doanh, hay những phương tiện khác. Mục đích thông thường là tạo sửa sai đúng đắn bằng cách làm một cái gì đó cho người dân. Phương cách này hoàn toàn trái ngược với phương cách năng động lôi cuốn chính người dân độc lập và trực tiếp giải quyết những vấn đề của chính mình.

Hành động đủ loại của Nhà Nước khác nhau về hiệu quả khi giải quyết một vấn đề hay một nhu cầu nguyên thủy nào đó. Ngay cả khi những chương trình như thế của chính quyền khá thành công trong việc đáp ứng một nhu cầu cấp thời nào đó – như nạn đói, nhà cửa, vãn vãn – thì đó là do quyền lực của Nhà Nước hay của tổ chức trách nhiệm, còn dân chúng thụ hưởng dịch vụ thì chính họ, tẻ nhất, thì cũng vẫn bất lực như trước. Trong những điều kiện tốt đẹp nhất thì họ là những người thừa hưởng những quyết định và hành động của người khác; họ đã không tự mình tạo dựng nên cuộc đời của mình và xã hội bằng những nỗ lực của chính mình. Sự phân phối quyền lực sai lầm gây ra tình trạng này đã không được sửa chữa, mà thường được làm cho tồi tệ hơn. Kết quả có thể là những vấn đề mới, trầm trọng hơn.

Trái lại, những thay đổi đem lại do những nỗ lực của chính mình có thể đóng góp rất nhiều vào việc gia tăng tự trọng, khả năng làm việc với nhau để cung cấp cho những nhu cầu của mình, và khả năng tự bảo vệ -- tóm lại là khả năng sử dụng quyền lực hữu hiệu để kiểm soát đời sống của mình và xã hội. Thay đổi làm tăng khả năng có thể giúp người ta đương đầu với những vấn đề khác trong tương lai, và bảo đảm là những thắng lợi mà họ đạt được không bị đảo ngược trừ phi họ chọn lựa làm như vậy.

Mặt khác, trông nhờ vào các nhóm khác hay vào thượng cấp trong chính quyền, vào các sắc lệnh, vào lập pháp, vào những quyết định của toà án để thực hiện những thay đổi mong muốn sẽ chịu một cái bất lợi rất trầm trọng: cái gì được cho như thế thì cũng sẽ bị lấy đi một cách dễ dàng như vậy, và ngay cả còn nhanh chóng hơn nữa. Vào một lúc nào đó trong tương lai khi tình hình đất nước biến chuyển, những vấn đề mới chiếm ưu tiên, hay những lực lượng mới giành phần kiểm soát lập pháp, toà án, hay hành pháp, thì chính sách cũng bằng một cách như thế bị đảo ngược. Guồng máy nhà nước có thể bị dẹp bỏ trong vai trò cung cấp và bảo vệ.

Nhà Nước ngay cả có thể trở nên đối nghịch với những người trước kia đã từng thụ hưởng các phúc lợi của chính sách vừa mới bị huỷ bỏ.

Sự Tăng Trưởng Quyền Lực Nhà Nước

Có thể không phải là tình cờ mà những vấn đề của độc tài, của diệt chủng, của chiến tranh, của những hệ thống áp bức, và của sự bắt lực của dân chúng đã gia tăng sự nghiêm trọng trong cùng chung một khung thời gian với sự kiện các cơ chế chính trị, kinh tế, và ngay cả nhiều tổ chức xã hội của chúng ta tăng trưởng về tầm cỡ, bị sự kiểm soát của nhóm ưu tú nặng nề hơn, và trở nên hết sức trung ương tập quyền. Việc trung ương tập quyền vào những cơ chế này thường cực đoan và có những hậu quả phổ biến trầm trọng. Những khuynh hướng trung ương tập quyền này còn rõ nét hơn trong cơ chế đặc biệt của Nhà Nước. Một cái nhìn cơ bản nhất về chính trị của thế kỉ thứ hai mươi hẳn phải phát lộ rằng chính sự tập trung quyền lực và bành trướng kiểm soát của Nhà Nước là nguồn gốc chính yếu của khả năng gây nên những vấn đề đã làm tan nát bao nhiêu người và xã hội. Suy nghĩ lại về chính trị và tạo ra những biện pháp thực tiễn để đương đầu với những vấn đề trọng đại nhất của chúng ta đòi hỏi là chúng ta phải tái duyệt xét và tái thẩm định sự bành trướng của Nhà Nước ngõ hầu đáp ứng những nhu cầu chính đáng khác nhau của người dân và của xã hội.

Sự bành trướng của Nhà Nước đang tiếp diễn ở hầu hết mọi nơi trên thế giới, nhưng chỉ có một số ít khuynh hướng ngược lại có giới hạn mà thôi. Nhà Nước, dĩ nhiên, không phải là xã hội như là một tổng thể. Nhà Nước là một cơ chế đặc biệt, một cơ cấu chính quyền đặc biệt – có thể có những cơ cấu khác bao gồm, như là những bộ phận của hệ thống kiểm soát chính trị, một guồng máy hành chánh thường trực quản lí các chương trình và các biện pháp của guồng máy đó, một hệ thống cảnh sát và hình luật để trừng phạt những người phản xã hội và thường là những người bất đồng ý kiến, và một hệ thống quân sự thường trực để đe dọa và đánh kẻ thù ngoại bang và dẹp nổi loạn trong nước. Tất cả những thứ này đều dưới quyền chỉ huy của người hay nhóm người chiếm giữ vị thế của “nhà cai trị” đứng đầu Nhà Nước.

Sự tăng trưởng này của Nhà nước, về tầm cỡ tuyệt đối và tương đối, về kiểm soát bởi nhóm ưu tú và trung ương tập quyền, đã mang đủ loại hình thái, và là kết quả của nhiều ảnh hưởng khác nhau. Sự tăng trưởng này thường là phản ứng lại những nhu cầu cấp bách, và những nhược điểm và thiếu sót của những cơ chế ít trung ương tập quyền hơn. Những lúc khác, thì sự tăng trưởng của những kiểm soát trung ương bởi những

cơ chế càng lúc càng lớn mạnh xảy ra mà không có một sự lựa chọn có chủ ý, và như là một phản ứng lại các thay đổi khác.

Tầm mức, kĩ thuật, và sự nghiêm trọng của chiến tranh hiện đại, kết hợp với những đòi hỏi của một hệ thống quân sự hữu hiệu, đã đóng góp rất nhiều vào sự lớn mạnh của trung ương tập quyền chính trị. Nhu cầu chỉ huy hữu hiệu, kiểm soát tài nguyên, vận chuyển, nhân lực, và bí mật quân sự nằm trong số những nhân tố quan trọng đã từng vận hành để đem lại hệ quả này. Ở Hoa Kỳ cuộc Nội Chiến rõ ràng đã đóng góp vào việc trung ương tập quyền chính trị mà sau này lại được gia tăng nhanh chóng bởi Đệ Nhất và Đệ Nhị Thế Chiến. Hai nhân tố chính yếu đã từng đóng góp vào việc tập trung quyền lực tổng quát và sự tăng trưởng của những cơ chế tập trung là những kĩ thuật tầm cỡ được chọn lựa để phát triển thay cho những kĩ thuật nhỏ, và những loại năng lượng được chọn để sử dụng thay vì những giải pháp tản quyền khác. Cả hai nhân tố này đã đóng góp vào sự tăng trưởng lớn mạnh của những cơ chế kinh tế tầm cỡ tập trung, được kiểm soát bởi những nhóm ưu tú khác nhau của những công ti quốc gia hay liên quốc gia, hay là bởi các đầu não của những văn phòng, bởi những lãnh đạo Đảng, và những giới chức Nhà Nước. Thông thường, khi sự bành trướng của trung ương tập quyền và của quyền lực Nhà Nước đã xảy ra như là kết quả của những nhân tố khác nhau, thì chính các nhân tố này, và đôi khi ngay cả tiến trình trung ương tập quyền, đã không được người ta nhận thấy, hay là được xem là cần thiết. Vì vậy, kết quả là sự tăng trưởng của trung ương tập quyền và quyền lực Nhà Nước đã ít kích động chống đối.

Phần lớn sự bành trướng quyền lực của Nhà Nước và sự làm suy yếu sức mạnh hữu hiệu của quần chúng còn là kết quả của những động lực ghê tởm và những nỗ lực có chủ ý của Nhà Nước trong việc thiết lập hay vĩnh viễn hoá sự thống trị của họ. Hơn nữa, Nhà Nước thường hay trở nên liên kết với những cơ chế khác trong việc kiểm soát xã hội. Khi bị nhìn ra, thì sự bành trướng của Nhà Nước như thể thường được xem là đe dọa, và khi mà quần chúng có khả năng kháng cự lại sự bành trướng của những kiểm soát của Nhà Nước và của những cơ quan có trách nhiệm đoàn ngũ hoá và đàn áp, thì sự bành trướng này của quyền lực của Nhà Nước có thể khơi động chống đối nhân danh tự do hay công lí.

Quyền Lực Nhà Nước Để Tạo Thay Đổi

Ngược lại với những tình trạng này, phần lớn sự tăng trưởng của guồng máy Nhà Nước thường đã xảy ra như là kết quả của những động lực cao thượng, ngay cả nhân bản. Nhiều người từng tìm cách thay đổi xã hội đã

xem một cơ chế duy nhất kết hợp được một guồng máy hành chính thường trực với khả năng bạo động chính trị chính đáng là rất hữu ích cho họ -- chỉ khi nào họ giành được quyền kiểm soát guồng máy đó và sử dụng nó cho những mục đích riêng của họ. Nhà Nước do đó đã được sử dụng để đáp ứng những nhu cầu vật chất khác nhau của con người một cách thoả đáng hơn, và thường là để kiểm soát những cơ chế kinh tế tầm cỡ, hay những hành động đàn áp một thành phần của xã hội chống lại một thành phần khác. Khi những nhà cải cách hay những nhà cách mạng đã tìm cách áp đặt kiểm soát lên các nhóm kinh tế mạnh, các tầng lớp xã hội, hay các tổ chức, thì thường thường họ làm như thế bằng cách thiết lập các lề luật của Nhà Nước hay là bằng cách chuyển quyền sở hữu thực sự về kinh tế vào tay Nhà Nước.

Khi sự bành trướng của những kiểm soát của Nhà Nước và của chính Nhà Nước được thực hiện vì mục đích nhân bản bởi một nền dân chủ, và ngay cả bởi những hệ thống độc đoán, thì chống đối mạnh có thể không xảy ra. Sự bành trướng này lúc đó thường nhắm đến, hay là được xem như là nhắm đến, việc cải tiến đời sống của người dân; lúc bấy giờ sẽ có ít người muốn mình là, hay bị xem là những người ủng hộ những bất công trong quá khứ và là đối thủ của những dịch vụ xã hội và kinh tế mới. Sự bành trướng này do đó có thể gặp rất ít chống đối -- ngoại trừ từ những nhóm đặc quyền đặc lợi bị tổn hại, và từ những người chống đối "bộ máy chính quyền quá lớn" nhiều hơn là chống những bất công và nghèo đói. Tuy nhiên, điều này cũng chưa phải là toàn thể câu chuyện.

Có lúc những người ủng hộ thay đổi xã hội bằng hành động của Nhà Nước trông cậy vào những tiến trình dân chủ phóng khoáng. Những nhà cải cách này đã chấp nhận dân chủ tự do hiến định, cùng với những thủ tục, hạn chế, và quyền cá nhân của nền dân chủ này. Những người này cho rằng tự do chính trị và sử dụng Nhà Nước để thực hiện thay đổi xã hội phù hợp với nhau. Do đó trong xã hội Mĩ hay nhiều xã hội khác người ta cho là một điều thông thường khi gặp phải một vấn đề, chúng ta phải tìm kiếm sự can dự của chính quyền hay là giao hoàn toàn trách nhiệm cho cấp càng cao càng tốt trong chính quyền đang có cả một guồng máy kiểm soát, một cơ chế pháp luật, những tài nguyên tài chính, và những hệ thống cảnh sát và quân đội, để sử dụng cho lí tưởng tốt đẹp đó.

Những người ủng hộ cực đoan cho thay đổi đã nhờ đến đảo chánh và chiến tranh du kích để cướp Chánh Quyền. Một khi nắm đã nắm được quyền kiểm soát Nhà Nước, những người cổ vũ thay đổi xã hội này hiếm khi áp dụng kiểm chế trong việc sử dụng những khả năng của Nhà Nước và tôn trọng những thủ tục dân chủ và quyền của những người bất đồng ý kiến với họ. Trái lại, thường thường không có những thủ tục, những giới hạn, hay những lịch trình nào được phép can thiệp vào sứ mạng mà họ

nhận thức được: đạt được thay đổi toàn diện bằng cách tận dụng quyền lực của Nhà Nước.

Có những khác biệt hết sức quan trọng về các hậu quả của hai phương thức này; những hậu quả không nên được làm nhẹ đi. Tuy nhiên, cả hai phương thức đều đóng góp vào sự tăng trưởng quyền lực của Nhà Nước -- cả hai đều không tăng cường khả năng cho quản chúng. Một nhân tố chính yếu nằm bên dưới những thiếu sót của cả hai phương thức là việc không đánh giá cao đủ tầm quan trọng của tất cả những nhu cầu của con người như đã được trình bày trước đây trong chương này, không chỉ những nhu cầu vật chất về lương thực, nơi trú ẩn, quần áo, và che chở khỏi nắng mưa. Đôi khi – không phải luôn luôn -- về vấn đề đáp ứng các nhu cầu vật chất của con người, những dịch vụ và các thay đổi do sự can thiệp của Nhà Nước đem lại đã được cải tiến rất nhiều về lượng cũng như phẩm so với những dàn xếp trước đó. Điều này không thể phủ nhận được. Nhưng chúng ta cũng không thể hài lòng về sự nghèo đói, bất công, và sự cung cấp không đầy đủ cho những nhu cầu vật chất của người dân. Điểm muốn nói đúng ra là ngay cả khi một kế hoạch nhằm giải quyết những vấn đề như thế do hành động của Nhà Nước thành công trong việc sửa sai những hậu quả bên ngoài của những vấn đề cụ thể đi nữa, thì vẫn có một cái gì khác rất nghiêm trọng xảy ra ngoài dự tính: đó là đã có thêm một bước nữa trong việc chuyển sức mạnh hữu hiệu từ chính người dân và từ những tổ chức phi chính phủ của xã hội đến guồng máy Nhà Nước. Do đó, người dân vốn đã quá yếu – vấn đề xảy ra tự nó là bằng chứng của điều này – nay trở nên còn yếu hơn trước nữa, và các tổ chức phi Nhà Nước vốn có khả năng kiểm chế quyền lực của nhà cai trị nay bị làm suy yếu mà không được bù lại bằng cách tăng cường cho những *tụ điểm* quyền lực khác.

Chiến lược trông cậy vào Nhà Nước để thực hiện những thay đổi xã hội và kinh tế cần có, thay vì sử dụng vài phương tiện hành động khác và những tổ chức khác, không những đã không tăng khả năng cho người dân vốn đã yếu sẵn; chiến lược này còn tích cực đóng góp vào việc làm gia tăng tập trung quyền lực hữu hiệu vào tay Nhà Nước. Như đã thảo luận ở Chương Hai, “Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị,” điều này có thể làm cho việc tạo nên những nền độc tài trở nên hết sức dễ dàng. Hành động của Nhà Nước cũng đã không đóng góp vào việc dân chủ hoá ngay cả trong những tổ chức kinh tế. Trong lúc những kiểm soát bởi các nhóm ưu tú và việc công nhân và giới tiêu thụ không tham dự là những đặc tính của những công ti lớn suốt nhiều thập kỉ nay, và đã từng được đánh nổi trong những công ti liên quốc gia, những điều này không được sửa sai bởi sự can thiệp của Nhà Nước. Các điều lệ của Nhà Nước và quốc doanh hoá các cơ chế kinh tế đã không giảm thiểu tầm cỡ của

những cơ chế này, mức độ trung ương tập quyền, cũng như những kiểm soát bởi các nhóm ưu tú trong những cơ chế đó. Ngược lại, sự can thiệp của Nhà Nước đã gia tăng cả ba điều này ở trong những doanh nghiệp cụ thể và trong nền kinh tế nói chung. “Giải pháp” áp dụng cho những nhu cầu đích thực về xã hội và kinh tế đã đưa đến kết quả là sự củng cố, gia tăng trung ương tập quyền, và tăng thêm một cấp độ quản trị khác nữa, tước đi cái quyền kiểm soát của công nhân, của giới tiêu thụ, và của các chuyên gia nhiều hơn nữa. Những người này càng ngày càng trở nên ít tham dự vào trong các cơ chế này, và càng lúc càng là những “công nhân,” những “nhân viên,” những “người tiêu thụ,” những “khách hàng” của những người “chỉ huy” – là những người “biết” cần phải làm gì.

Trên bình diện chính trị, việc gia tăng trung ương tập quyền và kiểm soát bởi các nhóm ưu tú liên hệ một cách phổ quát với sự suy giảm thực sự hay được nhận thấy về mức độ, phẩm chất, và hiệu năng của việc quản chúng tham gia và kiểm soát những cơ chế chính trị và các chính sách công cộng. Điều này thường được đi kèm theo bởi sự gièm pha chủ thuyết địa phương, và sự giải thể triệt để các tổ chức và dịch vụ cỡ nhỏ -- ngay cả trường học, vận chuyển hoả xa, các cơ sở y tế, và các nhà bưu điện. Sự tăng trưởng của các kiểm soát của Nhà Nước đối với nền kinh tế đã đưa đến kết quả là sự bành trướng lớn lao về tầm cỡ của chính Nhà Nước, sự tăng trưởng về tầm vóc của các tổ chức, phong phú hoá sự kiểm soát của các nhóm ưu tú, trung ương tập quyền các quyết định, gia tăng công việc giấy tờ, gia tăng các khu vực thuộc quyền kiểm soát của Nhà Nước hoặc thu hút bởi Nhà Nước, và gia tăng sự lệ thuộc bất lực của người dân. Tuy nhiên, lí thuyết và các khẩu hiệu về kiểm soát dân chủ vẫn được người ta theo.

Những Nguy Hiểm Cho Tự Do Chính Trị

Chiến lược đó nguy hiểm cho tự do chính trị, cũng như cho khả năng đáp ứng một cách thoả đáng các nhu cầu của con người ngoài những đòi hỏi vật chất căn bản của đời sống. Trong chiến lược này các *tụ điểm* quyền lực càng lúc càng đi vào dưới sự kiểm soát của Nhà Nước, hay là bị triệt tiêu. Hậu quả trực tiếp là toàn thể xã hội sẽ trở nên yếu kém so với guồng máy Nhà Nước. Tiến trình này có thể tiếp diễn trong cái vòng lẩn quẩn. Trong lúc việc làm suy yếu các tổ chức độc lập của xã hội và của những cấp thấp trong chính quyền tiếp diễn, thì sự tập trung quyền lực hữu hiệu trong tay Nhà Nước trung ương tăng trưởng. Khả năng được định chế hoá của Nhà Nước về bạo động chính trị và về công việc bàn giấy thường cũng bành trướng. Kết quả là sức mạnh tương đối và tuyệt

đổi của người dân sút giảm. Dân chúng trở nên càng lúc càng bất lực và phải chịu sự thao túng và kiểm soát của những người chỉ huy guồng máy Nhà Nước. Không có những ảnh hưởng khác để đảo ngược tiến trình này, thì việc phân phối sai quấy về quyền lực hữu hiệu vẫn sẽ tiếp tục gia tăng gấp bội. Quyền lực của Nhà Nước cứ tăng trưởng, trong lúc khả năng hành động để tự cứu của người dân thì lại cứ suy giảm.

Khi điều này đã xảy ra thì bất cứ ai có thể kiểm soát được guồng máy Nhà Nước đều có lẽ sẽ gặp ít khó khăn trong việc kiểm soát xã hội cho những mục đích riêng của mình. Điều này xảy ra ngay cả khi những mục đích này rất khác với những mục đích của những nhà cải cách xã hội và những nhà cách mạng trước đây sử dụng Nhà Nước trung ương chỉ để đáp ứng những nhu cầu của con người một cách thoả đáng hơn và để xây dựng một xã hội tốt lành hơn. Một Nhà Nước mạnh đủ để giải phóng chúng ta thì cũng đủ mạnh để bắt chúng ta làm nô lệ.

Một khi các *tụ điểm* quyền lực của xã hội bị làm suy yếu đi hay bị hủy diệt, thì những chế độ quan liêu sẽ được thiết lập và bành trướng, còn dân chúng thì bị thu nhỏ lại trong sự lệ thuộc vào Nhà Nước để thoả mãn các nhu cầu vật chất của mình. Một khi những hệ thống cảnh sát được tập trung lại và lớn mạnh, và hệ thống quân sự bành trướng thành một cơ chế biệt lập với xã hội có thể quay trở lại chống chính người dân của nước mình, thì guồng máy Nhà Nước đã được chuẩn bị cho tiềm năng được sử dụng hữu hiệu bởi các nhà chuyên chế. Vào lúc này thì Nhà Nước có thể được sử dụng cho nhiều mục tiêu khác nhau, và với nhiều tàn bạo hơn là được dự tính từ lúc đầu, và có thể được áp dụng để áp bức chính dân chúng mà họ tuyên bố là sẽ phục vụ. Guồng máy chính trị có thể bị những kẻ tiếm quyền giành lấy từ tay những người đã được chọn lựa một cách dân chủ. Trong tay kẻ ác, Nhà Nước có thể hết sức nguy hiểm, bởi vì nó có thể áp đặt chuyên chế, gây chiến tranh, tạo nên hoặc bênh vực áp bức xã hội, kiểm soát đầu óc con người, và hành động diệt chủng. Chính guồng máy này đã làm cho chuyên chế hiện đại có thể xảy ra. Bertrand de Houvenel, một triết gia chính trị người Pháp, đã có nhận định về điểm này sắc bén hơn hầu hết chúng ta:

Nếu trước đây giả dụ Hitler kế vị Mẹ Maria Theresa trên ngai vàng, thì có ai cho rằng ông ta đã có thể tạo ra được bao nhiêu là vũ khí chuyên chế cập nhật như thế hay không? Việc ông ta hẳn phải đã tìm thấy những vũ khí này đã được chuẩn bị sẵn sàng rồi còn chưa rõ ràng hay sao? Càng suy nghĩ về những dòng này, chúng ta càng hiểu rõ hơn vấn đề đang trực diện với thế giới Tây phương của chúng ta.²

Dĩ nhiên là có thể những phát triển như thế có thể không xảy ra; Nhà Nước có thể không chuyển đổi qua những mục đích độc đoán. Những rào cản của Hiến Pháp, những giới hạn pháp lí, và truyền thống có thể được tôn trọng. Có thể không có khủng hoảng tạo cơ hội dễ dàng xảy ra, và

không có sẵn một vị cứu tinh chính trị, một vị lãnh đạo tham quyền, hay là một đảng phái cứu thế nổi dậy. Những nhân tố ngăn chặn sự chuyển đổi qua độc tài hết sức quan trọng, và chúng ta cần phải không được sao nhãng hoặc không thấu hiểu. Tuy nhiên, cũng không được để chúng ru ngủ chúng ta đi vào quên lãng vấn đề.

Những cách thức Nhà Nước được điều hành và kiểm soát khác nhau rất nhiều. Những thủ tục hiến định phóng khoáng có thể rất chính xác về các điều khoản cho phép sự tham gia của dân chúng trong việc chọn lựa những người sẽ làm các quyết định và đưa ra những chỉ thị nhân danh Nhà Nước. Những hiến pháp và luật pháp như thế cũng có thể vạch ra những lần ranh ngăn chặn Nhà Nước xâm soi vào một số sinh hoạt hay lãnh vực của cá nhân hay đời sống xã hội, và đưa ra những bảo đảm về tự do riêng tư khỏi bị sự can dự của Nhà Nước. Những hệ thống khác kiểm soát guồng máy Nhà Nước không những có thể không có những thủ tục, những hạn chế, và những bảo đảm như thế, mà lại còn bác bỏ tất cả những giới hạn này để hoàn toàn đeo đuổi những mục tiêu của nhà cai trị. Những mục tiêu này có thể bao gồm nói rộng quyền hạn và lợi nhuận của hệ thống, tái cấu trúc các tổ chức của xã hội, diệt trừ một nhóm không được cần đến, đuổi bắt kẻ thù ngoại bang, hay ngay cả tái tạo bản chất của con người. Những khác biệt giữa những hệ thống giới hạn gắt gao sự kiểm soát hữu hiệu bởi Nhà Nước với những hệ thống khước từ những giới hạn như thế là một điều hết sức quan trọng.

Sự tăng trưởng quyền lực Nhà Nước và sự gia tăng trung ương tập quyền và những kiểm soát trên khắp toàn cầu đã xảy ra ở một mức độ đáng kể, ngay cả tại Hoa Kỳ. Điều này đúng dù rằng hệ thống chính trị nguyên thủy được thiết lập với chủ ý tản quyền và một bộ máy Nhà Nước rất yếu. Hệ thống chính trị của Mỹ trước kia là một thí dụ cực đoan của chế độ liên bang có nhiều tầng lớp với một chính quyền liên bang tương đối yếu. Hình thức chính quyền này được cấu trúc nhằm mục đích gia tăng tối đa những phẩm chất dân chủ và tránh những nguy hiểm của chuyên chế được nhận thấy là tự tại trong chính quyền được tập trung nhiều, có khả năng đàn áp quần chúng bằng bạo lực.

Ngay cả nếu những nguy hiểm nghiêm trọng nhất do việc làm suy yếu xã hội và làm tăng sức mạnh cho Nhà Nước không xảy ra đi nữa, thì xã hội chính trị, nói nhẹ nhất, cũng không phải là một nền dân chủ được hành sử một cách năng động. Người dân vẫn là những người nhận lãnh thụ động các ân huệ của những nhà quản trị, mà không có được sự sinh động và tham dự trong việc quản lí đời sống của chính mình và xã hội.

Những Hiến Pháp Dân Chủ Yếu Thế

Khi xã hội yếu và Nhà Nước mạnh thì những biện pháp pháp lí dân chủ tự do và hiến định không đủ để ngăn chặn sự phá huỷ hiến pháp. Không thể có bảo đảm nào ngăn chặn được những ý đồ như thế. Thiết lập các thủ tục bầu cử và hành chính về sự sòng phẳng, hay tìm cách thuyết phục tất cả mọi cơ quan chính trị là phải tuân thủ các nguyên tắc và hành sử dân chủ thì không đủ. Luật pháp và các hạn chế hiến định là những rào cản không đủ đối với những người muốn vi phạm luật lệ và phá huỷ hiến pháp.

Những hành động của chính phủ Nixon trong vụ Watergate đã chứng minh là các giới chức cao cấp Hoa Kỳ đã cố ý không tuân thủ luật pháp hiện hành, và tuyên bố là mình có quyền làm như vậy, để thực thi ý đồ của mình, và ngay cả để tiếm dụng các thủ tục bầu cử đã được thiết lập. Do đó, đề cương thông qua những sắc luật mới cấm các hành động như thế của các vị dân biểu và thượng nghị sĩ bị bối rối chứng tỏ là ngay cả họ cũng không hiểu được bản chất và tính trầm trọng của vấn đề: làm thế nào để ngăn chặn sự tiếm dụng bởi những người sẵn sàng bất tuân các đạo luật và hiến pháp và thao túng các cuộc bầu cử, để tại chức. Muốn làm điều này thì hiển nhiên là đòi hỏi cần phải có một cái gì hơn là một đạo luật mới.

Cần phải làm thế nào để không thể xảy ra được việc những ai muốn trở thành những nhà độc tài sẵn sàng xếp lại một bên các cơ chế dân chủ và những ý tưởng nhân đạo để giành cho kì được và duy trì việc kiểm soát Nhà Nước một cách hữu hiệu, và qua những phương tiện này, kiểm soát toàn thể xã hội.

Trong số những phương cách mà theo đó guồng máy đã được bành trướng của Nhà Nước có thể chuyển đổi qua áp đặt chuyên chế là những phương cách sau đây: Thứ nhất, có thể sẽ không có một sự chuyển đổi đột ngột, nhưng thay vì như vậy guồng máy chính quyền và xã hội sẽ được đem đặt dưới sự kiểm soát tiệm tiến toàn vẹn và nghiêm ngặt của nhóm ưu tú, và từng bước một thay đổi hiến pháp bằng thực hành để trở thành một hệ thống càng lúc càng độc đoán. Thứ nhì, những người được chọn vào những chức vụ hành pháp bằng phương tiện hiến định, như tổng thống, thủ tướng, hay quốc trưởng có thể cố ý vượt quá hay nới rộng những lần ranh của hiến pháp. Dù có hay không có tuyên bố tình trạng khẩn trương, lập pháp cho phép, hay tu chính hiến pháp, vị này vẫn có thể thi hành việc tiếm dụng quyền hành sử. Trong một vài điều kiện, điều này vẫn có thể thực hiện được tại Hoa Kỳ do một vị tổng thống dân cử -- có lẽ bởi một "Richard Nixon" nhấn tâm và thông minh hơn -- muốn được tự do khỏi bị những ràng buộc hiến định và muốn được tại chức mà

không thể bị lật đổ đi được. Thứ ba, một đảng phái chính trị, một nhóm quân nhân, một cơ quan cảnh sát hay tình báo, hay là một sự hỗn hợp của những thành phần này, có hay không có sự hỗ trợ của ngoại bang, có thể điều động một cuộc đảo chánh, loại trừ nhà cai trị cũ và đặt mình vào vị thế chỉ huy guồng máy Nhà Nước. Thứ tư, những nhà quân sự xâm lược ngoại bang thành công có thể hoặc tự đặt mình hay đặt bù nhìn của họ vào vị thế lãnh đạo Nhà Nước tại quốc gia bị chiếm đóng, và sử dụng quốc gia này cho những mục đích riêng của họ.

Sự hỗn hợp của chế độ quan liêu, cảnh sát, nhà tù, và những lực lượng quân đội, tất cả đều nằm dưới một sự chỉ đạo duy nhất, làm cho việc biến cái quyền lực hỗn hợp này của Nhà Nước từ phục vụ những thành viên của xã hội đến kiểm soát, đàn áp, và đôi khi, chiến tranh chống lại chính người dân của mình có thể xảy ra được. Trong thời buổi hiện đại, Nhà Nước luôn luôn mạnh hơn bất cứ một tổ chức nào khác của xã hội. Nơi nào mà những xã hội này đã bị làm suy yếu đi vì bị bỏ rơi, bị làm tiêu hao, hoặc bị tấn công trực tiếp, hay ngay cả vì một sự bành trướng có dự tính về những kiểm soát xã hội, kinh tế, và các cấp thấp của chính quyền, thì những người đã tranh thủ được sự kiểm soát của guồng máy Nhà Nước do đó sẽ giành được quyền lực để duy trì sự kiểm soát này. Họ lúc bấy giờ sẽ có thể sử dụng Nhà Nước cho những mục đích riêng của họ. Những giải pháp thay thế duy nhất có thể có được là một cuộc nội chiến đẫm máu hay là một cuộc đấu tranh bất hợp tác vĩ đại. Cướp Chính Quyền là một nguy hiểm hiển nhiên và thường trực cho bất cứ gì gọi là dân chủ, tự do, và dân quyền. Một xã hội yếu đang đương đầu với một guồng máy Nhà Nước Mạnh do một nhà cai trị tham quyền chỉ huy là một hoàn cảnh nguy hiểm nhất. Những người cổ võ thay đổi xã hội do đó cần phải đảo ngược chính sách luôn luôn sử dụng Nhà Nước để đáp ứng các nhu cầu của con người, để sửa đổi sai lầm, và để xây dựng một xã hội mới.

Tăng Khả Năng Để Có Thay Đổi Chấp Nhận Được

Từ các thảm trạng của những thập kỉ vừa qua, và những nguy hiểm trong tương lai, chúng ta ít nhất có ba trách nhiệm căn bản cần phải được hoàn thành nếu chúng ta muốn đáp ứng các nhu cầu của con người một cách thoả đáng hơn: (1) sửa đổi những sai lầm, dẹp bỏ áp bức, và tạo những điều kiện tích cực cho đời sống của con người; (2) giúp chúng ta trở nên có khả năng hơn để tự giải phóng bản thân và xã hội, và, (3) dẹp bỏ bạo lực chính trị ra khỏi xã hội loài người, điều không những chỉ làm hại và giết người mà còn, như đã được thảo luận trong các chương trước, tạo

khả năng được định chế hoá làm tiền điều kiện cho một số vấn đề nghiêm trọng nhất của chúng ta. Nếu chúng ta nên hoàn thành các trách nhiệm này, thì chúng ta có thể không lặp lại những chương trình trong quá khứ, nhưng thay vào đó, phải tìm những phương cách mới để đáp ứng các nhu cầu của con người ngày nay, và của con người của xã hội ngày mai.

Chúng ta cần hiểu tại sao sự phân phối quyền lực sai lạc gây nên những hậu quả tai hại cho xã hội xâm phạm đến những lí tưởng mà hầu hết mọi người trong xã hội chúng ta đều đeo đuổi. Chúng ta cũng cần hiểu cái gì đã tạo nên sự phân phối quyền lực sai lạc này. Không hiểu những nguyên nhân đưa đến những hậu quả đó, chúng ta không thể sửa sai chúng được. Tương tự như thế, nếu chúng ta muốn có khả năng đạt được một sự phân phối quyền lực đồng đều hơn trong xã hội, thì chúng ta cần phải xem xét kĩ lưỡng hơn những yếu tố nào liên quan đến việc phân phối quyền lực hữu hiệu trong dân chúng và giữa các tổ chức.

Một sự phân phối quyền lực hết sức không đồng đều có thể là kết quả của nhiều nhân tố khác nhau đem lại. Hai nhân tố, liên kết chặt chẽ với nhau, là: những loại nhóm người nào sử dụng quyền lực, và loại quyền lực nào? Ở một mức độ nhiều hơn là người ta thường nghĩ, đôi khi loại quyền lực có thể ảnh hưởng mạnh mẽ, hay ngay cả quyết định, loại nhóm người nào sử dụng quyền lực đó. Chúng ta sẽ tìm hiểu điều này đầy đủ hơn về sau trong chương này. Cả hai, các loại quyền lực lẫn những nhóm người sử dụng quyền lực, đều liên quan đến loại chế tài tối hậu sẽ được áp dụng như là một nguồn sức mạnh. Do đó, chủ đề về chế tài đòi hỏi nhiều chú tâm trong bất cứ việc xét định nào về cách làm thế nào để tranh thủ được sự thay đổi xã hội có thể chấp nhận được, và làm thế nào để thực hiện những lí tưởng của chúng ta một cách vẹn toàn hơn trong đời sống xã hội và chính trị của chúng ta.

Các Chế Tài Và Xã Hội

Các điều khoản của hiến pháp chính thức về việc tuyển chọn những thành viên cho nhóm cai trị và quyền hưởng những tự do cá nhân không phải là những yếu tố quyết định tối hậu cho sự phân phối quyền lực hữu hiệu trong hệ thống chính trị, càng ít hơn nhiều trong xã hội chính trị như là một tổng thể, như chúng ta đã thấy ở Chương Hai, “Sức Mạnh Xã Hội Và Tự Do Chính Trị.” Con số và sự sinh động của những *tụ điểm* quyền lực của xã hội, dù quan trọng, tự một mình chúng cũng không quyết định được sự phân phối đó. Loại chế tài tối hậu mà người ta trông cậy vào cũng giúp rất nhiều vào việc quyết định sự phân phối quyền lực hữu hiệu trong xã hội.

Các chế tài rõ ràng là một trong những nguồn sức mạnh chính trị quan trọng.³ Bởi vì như vậy, và bởi vì chế tài đối với bạo lực chính trị đã được cơ chế hoá là tiền điều kiện cho những vấn đề nghiêm trọng như là các nền độc tài, nạn diệt chủng, chiến tranh, và các hệ thống áp bức xã hội, nên chúng ta phải có một sự chú trọng thoả đáng về những tác dụng có thể có của các loại chế tài khác nhau đối với việc phân phối quyền lực hữu hiệu trong hệ thống xã hội và chính trị. Việc chúng ta không làm được như vậy trong quá khứ có thể cắt nghĩa một phần khá lớn tại sao chúng ta không có khả năng giải quyết những khó khăn trầm trọng nhất của mình.

Mọi xã hội đều đòi hỏi những chế tài thuộc một loại nào đó*. Chế tài ở đây có nghĩa là các hình phạt, các áp lực, và những phương tiện hành động dùng để trừng phạt, ngăn cản, hay thay đổi hành vi của những người, tổ chức, hay Nhà Nước. Đối nội, các chế tài được sử dụng để duy trì sự ổn định và trật tự trước những hành vi thù nghịch hay tác hại, để duy trì sự khuất phục của một nhóm thuộc cấp, để chống lại sự thách thức đối với hệ thống đã được thiết lập, để điều hành những cuộc đấu tranh lớn tại quốc nội, và để đạt được sự tuân thủ đối với hành vi tối thiểu có thể chấp nhận được do xã hội định đoạt, nhất là khi những câu thúc có tính phạm trù đã không còn công hiệu nữa. Đối ngoại, chế tài được sử dụng để tranh thủ những mục đích chống lại một kẻ thù ngoan cố, và để đẩy lui các đe dọa và tấn công từ bên ngoài. Nghĩa là, chế tài được áp dụng như là một phương tiện hành động tối hậu để sử dụng sức mạnh, một cách tự vệ hay để tấn công, trong những cuộc xung khắc nghiêm trọng mà từ trước đến nay vẫn chưa có cách giải quyết với những thời hạn và điều kiện có thể chấp nhận được. Người dân và các tổ chức sử dụng chế tài để gây áp lực và để tiến hành đấu tranh. Chế tài về hình thức có thể bạo động hay là bất bạo động.

Những Hậu Quả Có Tính Hệ Thống Của Các Chế Tài Khác Nhau

Thường thường thì chế tài không được nhận thấy là có tác dụng xã hội và chính trị xa hơn những ảnh hưởng cấp thời đối với cá nhân, đối với hoàn cảnh xã hội, và những mục tiêu được nêu ra. Bản chất của chế tài mà xã hội trông cậy vào – dù là bạo động hay bất bạo động – cũng chưa từng

* Xem các thảo luận về chế tài ở Chương Mười, “Đi Tìm Một Giải Pháp Cho Vấn Đề Chiến Tranh,” và Chương Mười Một, “Phạm Trù Xã Hội.”

được xem như là một nhân tố quan trọng hun đúc nên đặc tính lâu dài của chính xã hội, bao gồm các tổ chức và sự phân phối quyền lực hữu hiệu trong xã hội đó. Thỉnh thoảng ảnh hưởng của những hệ thống quân sự và của chiến tranh đối với việc tập trung chính trị đã được người ta ghi nhận, hay ngay cả những tác dụng của chúng lên việc tạo dựng nên và tăng trưởng của Nhà Nước như là một cơ chế đặc thù. Tuy nhiên, hầu hết người ta thường cho rằng vì bạo động được tin là chế tài tối hậu hữu hiệu duy nhất, cho nên điều tốt nhất mà người ta có thể thực hiện trước những ảnh hưởng như thế là áp dụng những biện pháp cải tiến để giới hạn, điều chỉnh, và quy định việc sử dụng bạo lực, như qua các thủ tục và cấm chỉ hợp pháp và hợp hiến. Những hậu quả chính trị của việc trông cậy vào các chế tài bạo động hay là vào những giải pháp thay thế hữu hiệu có thể có thường chưa được từng tìm hiểu xa hơn như thế.

Tuy nhiên, càng lúc càng nhiều, niềm tin phổ quát vào các chế tài bạo động đã bị thách thức bởi những chỉ trích là chính những chế tài này đã gây ra hay làm nặng thêm một số vấn đề nghiêm trọng. Ví dụ, đôi khi một số người lí luận là: (1) khả năng huỷ diệt của những chế tài bạo động đã vươn đến những mức độ không thể còn chấp nhận được nữa; (2) những phương cách thoả đáng để giải quyết một số loại bạo động chính trị -- như là khủng bố, diệt chủng, vũ khí hạt nhân -- đã không tìm thấy được; (3) trông cậy vào bạo động để đấu tranh chống lại một đối thủ có một khả năng bạo lực luôn luôn cao hơn mình sẽ có khuynh hướng ép nhóm của mình phải khuất phục, tự huỷ, hay đi vào một cuộc đấu tranh tiêu hao cho cả hai phe; và (4) hình như có những hậu quả dài hạn có tính cơ cấu của bạo động chính trị như một hình thức chế tài tối hậu của xã hội mà người ta không mong muốn. Những tranh cãi này chỉ có tính minh họa cho những luận cứ khác mà chúng ta cần nghiên cứu.

Đến một mức độ mà mãi cho đến nay vẫn chưa được thừa nhận, đó là bản chất của hình thức chế tài tối hậu mà một xã hội sử dụng có thể quyết định bản chất của xã hội đó, sự phân phối quyền lực hữu hiệu trong xã hội này, và các hình thái và đặc tính của hệ thống chính trị của xã hội đó. Các hình thức chế tài bạo động được định chế hoá tỏ ra có đóng góp như là nguyên nhân đưa đến sự gia tăng tập trung quyền lực hữu hiệu. Điều này xảy ra dưới hình thức gia tăng tập trung quyền làm các quyết định, cơ cấu của hệ thống chính trị, và việc kiểm soát khả năng áp dụng các chế tài. Mặt khác, các chế tài bất bạo động tỏ ra đã đóng góp như là nguyên nhân đưa đến tản quyền và phân tán quyền lực hữu hiệu. Điều này xảy ra dưới hình thức phân tán quyền lực về quyền làm quyết định, về cơ cấu xã hội như là một tổng thể, cũng như về hệ thống chính trị, và về việc kiểm soát khả năng áp dụng các chế tài -- ngay cả bởi những thành viên của xã hội mà từ lâu vẫn thấy mình bất lực. Nếu điều này đúng thì sự lựa chọn

những hình thức chế tài bạo động hay bất bạo động sẽ có những hậu quả dài hạn có ý nghĩa sâu xa cho xã hội đó.

Tuy nhiên, đối với hầu hết mọi người thì câu hỏi về sự lựa chọn giữa hai loại chế tài tối hậu không bao giờ xảy ra. Người ta cho rằng những chế tài nghiêm trọng và hữu hiệu nhất chỉ có thể là bạo động. Chế tài tối hậu đã được nhận thức, hầu như bằng định nghĩa, phải là bạo động, đối với guồng máy Nhà Nước cũng như đối với người dân và những nhà cách mạng; đối với các nhà cách mạng thì người ta tin rằng đây là *ultima ratio populi*, luận cứ tối hậu của người dân. Chúng ta ngay cả hiếm khi lưu ý đến sự hiện hữu phổ biến của những hình thức chế tài bất bạo động thay thế, cũng không hề xét xem những hình thức chế tài này có thể là phương tiện hữu hiệu cho việc đáp ứng nhu cầu chế tài nhằm đạt được những mục tiêu có lợi cho con người hay không, khác với những hình thức chế tài làm hại và áp bức họ. Kết quả của những giả định và nhận thức này về thực tế chính trị là người ta hiếm khi nêu lên câu hỏi là không biết những chế tài bạo động và những chế tài bất bạo động có đem lại những hậu quả khác nhau về cơ cấu và đặc tính của xã hội như là một tổng thể hay không.

Những Vấn Đề Của Giải Phóng Bằng Bạo Động

Trong những thế kỉ trước, khi đương đầu với một nhà cai trị áp bức, dân chúng được vũ trang bằng những khí giới bạo động có cơ hội thắng khả quan bằng cách tiến hành một cuộc cách mạng bạo động quần chúng hay một cuộc nội chiến, sử dụng những chiến lược khả dĩ quy ước. Karl Mannheim, một nhà xã hội học chính trị người Đức, lí luận rằng bản chất của những vũ khí này trước khi có những phát triển của thế kỉ hai mươi đã phân tán quyền lực một cách hữu hiệu trong xã hội, và rằng điều này nằm ngay tâm điểm của sự phát triển dân chủ xã hội:

Bí mật của việc dân chủ hoá xảy ra ở thế kỉ thứ mười tám và mười chín nằm trong sự kiện đơn giản là một người có nghĩa là một cây súng, sự đối kháng của một ngàn cá nhân có nghĩa là của một ngàn cây súng.⁴

Sự bảo đảm cho việc dân chủ hoá tổng quát của thế kỉ trước không chỉ nằm trong việc kĩ nghệ hoá mà còn trong sự kiện tổng động viên, điều có thể trở thành phương tiện cho tổng nổi dậy, nhất là sau khi thất trận.⁵

Khả năng của người dân đương đầu với những nhà cai trị trong nước thường làm người dân tức giận, hay là với kẻ ngoại xâm, do đó rất lớn. Quyền của mỗi người được vũ trang bằng những khí giới chiến tranh được xem như liên hệ rất nhiều đến việc bảo toàn tự do và việc dân

chúng kiểm soát nhà cai trị. Ví dụ, người Thụy Sĩ có một truyền thống vững chắc là mỗi gia đình đều có một khẩu súng gác trên lò sưởi, và những người Hoa Kỳ thời thuộc địa và mới độc lập đều quyết đòi quyền người dân được “mang súng.”

Trong những thập niên chuyển tiếp đã có những thay đổi lớn xảy ra về vấn đề vũ khí đấu tranh bạo động, về kĩ thuật vận chuyển và truyền tin, và về tổ chức chính trị. Khả năng sử dụng sức mạnh quân sự đã được tập trung vào trong tay nhà cai trị. Điều này có khuynh hướng phục hồi sự phân phối quyền lực trở lại tình trạng tương tự như tình trạng của một số xã hội trước thời gian dân chủ hoá như đã được mô tả trước đây. Trong một số trật tự xã hội trước đây, Mannheim viết, nơi mà những nhóm thiểu số có thể tranh thủ được sự kiểm soát các phương tiện của sức mạnh quân sự, thì họ có thể độc quyền sở hữu quyền lực hữu hiệu trong xã hội. Ông lí luận là chuyện trước đây có thể xảy ra trong một số hoàn cảnh này, cùng với những thay đổi về vũ khí, kĩ thuật, và về tổ chức chính trị, nay đã trở thành phổ biến. Không phải con số những người sẵn lòng lâm trận trong một cuộc nổi dậy bạo động của quần chúng hay một cuộc nội chiến, hay trong một cuộc chiến chống ngoại xâm là quan trọng nhất. Mà chính là những vũ khí có được. Những vũ khí này thông thường được tập trung hữu hiệu dưới sự kiểm soát của nhà cai trị. Do đó, Mannheim lí luận vào năm 1949: “Trong những cuộc xung đột chính trị có tính quyết định trong tương lai gần ... ý nghĩa lớn nhất cần phải được gán cho *sự tập trung những phương tiện của sức mạnh quân sự*.”⁶ Điều này có nghĩa là những phương tiện truyền thống của phiến loạn bạo động nhằm đạt được giải phóng đã trở thành những gì còn sót lại của những phản ứng đối với một giai đoạn kĩ thuật quân sự và tổ chức chính trị trước kia, những gì còn sót lại này có ít liên hệ với những thực tế quân sự và chính trị hiện nay.

[N]hững kĩ thuật cách mạng theo sau quá xa các kĩ thuật Chính Quyền. Những rào cản, các biểu tượng của cách mạng, là những di tích của một thời đại mà những thứ này được dựng lên để chống lại đoàn kị binh.⁷

Cũng dễ hiểu là để phản ứng lại một hoàn cảnh như thế này những nhóm muốn lật đổ các nhà cai trị đã ăn sâu bén rễ thất nhân tâm đã chuyển qua những phương tiện khác để thực hiện việc lật đổ thay vì cách mạng quần chúng bạo động và nội chiến sử dụng những chiến lược tương đối quy ước. Những giải pháp thay thế này, đã từng được phát triển nhiều hơn trước đây rất nhiều về cách sử dụng cũng như về sự tinh vi của chúng, là đảo chánh, chiến tranh du kích, và đấu tranh bất bạo động. Trước khi những giải pháp này được phát triển đầy đủ hơn thì Mannheim đã tiên đoán là việc tập trung sức mạnh quân sự sẽ “được nối tiếp bởi một loại chiến lược cách mạng mới...”⁸ Sự quan tâm và thực

hành về những mục tiêu này đã gia tăng vì nhiều lí do chính trị. Điều này đặc biệt đúng đối với đảo chánh và chiến tranh du kích. Cả những nhóm cách mạng lẫn những chính quyền đã ổn định, bao gồm chính quyền của Liên Bang Xô-viết và chính quyền của Hoa Kỳ, đều hết sức quan tâm đến cả hai kĩ thuật này để thúc đẩy các chính sách ngoại giao của họ. Những người sử dụng đảo chánh đã chấp nhận việc tập trung vũ khí, nhưng lại nhanh chóng tìm cách giành quyền kiểm soát vũ khí cũng như những giới chức Nhà Nước vậy. Mặt khác, những người đấu tranh du kích thì lại hỗn hợp đấu tranh chính trị tranh thủ lòng trung thành và sự hợp tác của người dân với những chiến lược quân sự không chính thống. (Những chiến lược này được sử dụng ít ra cũng ở những giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh cho đến khi du kích đã gom góp được đầy đủ vũ khí quân sự và binh sĩ có kỉ luật để chuyển qua chiến tranh đối đầu có tính quy ước.)

Những Giới Hạn Của Đảo Chánh

Khi nhanh chóng cướp Chính Quyền từ tay của nhóm người cai trị trước đây, đảo chánh tỏ ra là có những lợi điểm. Nó tránh được đấu tranh trường kì và những tổn thất lớn lao. Một khi sự kiểm soát Nhà Nước đã được củng cố, thì guồng máy cùng với các ngành hành chánh, cảnh sát, và quân đội có thể được sử dụng một cách năng động để kiểm soát người dân và xã hội. Không những chỉ những người hăng say ủng hộ nhóm này mà cả những người đơn giản chỉ muốn tránh một cuộc nội chiến dai dẳng cũng đều chịu khuất phục chế độ mới. Muốn thành công thì đòi hỏi chỉ cần có một con số tương đối nhỏ những người có mưu đồ và những đơn vị quân sự hay bán quân sự, cùng với một sự khuất phục động phổ biến của nhân viên chính quyền, của những giới chức cấp thấp, và của tập thể quần chúng. Tuy nhiên, đảo chánh không phải là một công cụ làm tăng khả năng quần chúng.

Khi thành công, đảo chánh sẽ đặt một người hay một nhóm người vào vị thế của nhà cai trị chỉ huy guồng máy Nhà Nước. Nhà cai trị này có thể không hành sử quyền lực này với nhiều tự chế hơn hay cho những mục đích khác hơn là nhà cai trị trước đó. Cuộc đảo chánh có thể có hay có thể không đi kèm hay theo sau những phản ứng bất mãn của người dân đối với nhà cai trị trước. Đảo chánh có thể xảy ra ngược lại nguyện vọng của người dân và thiết lập một chế độ còn độc đoán hơn. Rõ ràng là một chế độ được đưa vào vòng quyền lực bởi một cuộc đảo chánh thì sẽ lệ thuộc vào bạo lực chính trị đã được cơ chế hoá để tồn tại và như là một phương tiện chế tài tối hậu. Đảo chánh duy trì, và có lúc ngay cả thúc đẩy, việc tập trung quyền lực chính trị và quân sự, thay vì phân tán quyền

lực trong khắp xã hội. Kỹ thuật này không có những đặc tính nội tại vận hành trong ngắn cũng như dài hạn để gia tăng sự kiểm soát của dân chúng đối với nhà cai trị hay tăng cường khả năng của quân chúng. Trái lại, khuynh hướng mạnh mẽ là để tiếp tục sự tập trung quyền lực hữu hiệu vào tay của những người đã chiếm giữ vị thế của nhà cai trị.

Hậu Quả Trung Ương Tập Quyền Của Chiến Tranh Du Kích

Chiến tranh du kích khác với đảo chánh theo nhiều cách khác nhau, và trong chiến tranh du kích lại có nhiều khác biệt. Chiến tranh du kích đòi hỏi nhiều hỗ trợ từ dân chúng dân sự, và trong những giai đoạn đầu thường gồm có những đám nhỏ những chiến sĩ du kích sử dụng các chiến thuật đánh rồi chạy theo một phương cách hết sức là tản quyền. Do đó có người nghĩ rằng chiến tranh du kích đóng góp vào việc tăng cường khả năng của người dân và phân tán quyền lực trong xã hội. Hiệu quả này có thể xảy ra ở những giai đoạn đầu, mặc dù cũng rất dễ được phóng đại ngay cả ở thời điểm đó.

Những hậu quả dài hạn rõ ràng là tập trung quyền lực hữu hiệu vào tay của chế độ. Nếu đấu tranh du kích thất bại, thì chế độ cũ sẽ đã bị ép buộc phải trở nên càng lúc càng độc đoán và đoàn ngũ hoá hơn trong cuộc xung đột quân sự chống lại kẻ tấn công. Nếu du kích thành công, thì lúc bấy giờ ở những giai đoạn sau này của đấu tranh quân sự, khả năng quân sự của quân phiến loạn gia tăng rất nhiều về nhân số, về vũ khí, và về tổ chức trung ương tập quyền; du kích đã được biến thành những lực lượng quân sự quy ước có khả năng chiến tranh địa diện và chinh phục và giữ đất và các thành thị. Mao Trạch Đông viết về “công tác chiến lược lớn lao trong việc phát triển chiến tranh du kích thành chiến tranh lưu động” như sau:

Chiến tranh du kích không giữ mãi như cũ suốt cuộc chiến dai dẳng và tàn bạo này, mà sẽ trỗi lên ở một bình diện cao hơn và phát triển thành một cuộc chiến lưu động. Vì vậy vai trò của chiến tranh du kích gồm có hai mặt, hỗ trợ chiến tranh quy ước và trở thành chiến tranh quy ước.¹¹

Giai đoạn cuối của một cuộc chiến tranh du kích thành công là chiến tranh quy ước trực diện, như đã xảy ra tại Việt Nam. Điều này đòi hỏi sự phát triển và bành trướng của những cơ chế quân sự có tổ chức và kỉ luật. Những cơ chế này vẫn tiếp tục sau khi thành công chống kẻ thù, dù cho dưới những hình thái được tái tạo. Điều này có nghĩa là tạo dựng nên một hệ thống quân sự hùng mạnh và lâu bền, hùng mạnh trong tương

quan với những tổ chức khác của xã hội và những ngành khác của hệ thống chính trị. Chúng trở thành một phần của khả năng về bạo lực chính trị đã được định chế hoá của trật tự mới để thúc đẩy các mục tiêu của trật tự này và để bảo vệ trật tự đó chống lại những kẻ tấn công từ bên trong cũng như từ bên ngoài. Vì vậy, cơ chế quân sự thường có khả năng tạo áp lực hữu hiệu, kiểm soát, và ngay cả cướp chính quyền bằng đảo chánh sau khi chiến thắng.

Một kết quả của một cuộc chiến tranh du kích thành công hầu như không thể tránh được: đó là sau cách mạng sẽ có một tổ chức quân đội, so với các tổ chức dân sự của xã hội, hùng mạnh hơn là tổ chức quân đội mà kẻ áp bức cũ sử dụng. Như đã thảo luận trong chương trước, bạo lực chính trị vừa được định chế hoá có thể được chuyển qua những mục đích mới mà bạo lực này từ nguyên thủy chưa bao giờ được dự tính phục vụ. Những mục đích này có thể bao gồm việc đàn áp dân chúng để phục vụ hoặc chế độ cách mạng mới hoặc nhóm người đã cướp Chính Quyền hay thao túng sự kiểm soát Nhà Nước. Dù sao thì khả năng đấu tranh hữu hiệu bây giờ cũng đã được tập trung vào cơ chế Nhà Nước, thay vì được phân tán trong dân chúng nói chung. Một cuộc đấu tranh du kích khác chống lại áp bức bởi chế độ mới tốt lắm thì cũng tốn nhiều thời giờ và -- cũng như trong hầu hết chiến tranh du kích -- sẽ có những tổn thất rất lớn lao và những đổ nát xã hội. Thêm vào đó, bao giờ dân chúng còn tin là sức mạnh thoát thai từ bạo lực, thì dân chúng sẽ nhận thấy mình bất lực đối với Nhà Nước mới với khả năng bạo lực chính trị được tăng cường vừa được định chế hoá.

Do đó, cả đảo chánh lẫn chiến tranh du kích đều là những loại bạo động chính trị đã được định chế hoá và, về dài hạn, sẽ tập trung quyền lực hữu hiệu vào tay của bất cứ nhà cai trị nào có thể giành được quyền chỉ huy của guồng máy nhà nước. Aldous Huxley lí luận là:

Một cuộc cách mạng bạo động không đem lại kết quả thay đổi nền tảng về những tương giao giữa người với người; mà chỉ đem lại kết quả là sự khẳng định những quan hệ cũ, xấu xa, giữa kẻ áp bức và người bị áp bức, hay là giữa chuyên chế vô trách nhiệm và tuân phục thụ động vô trách nhiệm. Theo như câu nói của de Ligt, "càng nhiều bạo lực, càng ít cách mạng."¹²

Khi đảo chánh hay chiến tranh du kích thành công trong việc lật đổ một nhà độc tài, thì đó là tất cả những gì đã xảy ra; những kĩ thuật đó không có khả năng xoá bỏ chính sự độc tài, hay thiết lập được những kiểm soát lâu bền đối với quyền lực của các nhà cai trị. Muốn làm được như vậy thì đòi hỏi cần phải có những thay đổi về điều kiện xã hội nằm bên dưới, đó là sự phân tán quyền lực hữu hiệu trong khắp xã hội, và sự tăng cường khả năng của dân chúng trong việc kiểm soát những nhà cai trị và bất cứ nhóm lãnh đạo nào bằng cách sở hữu những biện pháp chế tài và những

phương tiện đấu tranh, và khả năng sử dụng những thứ này, để bảo vệ và làm thăng tiến bản thân, các nguyên tắc, và các tổ chức của mình.

Những Hậu Quả Của Bạo Động Chính Trị Được Định Chế Hoá

Sự thất bại của những biện pháp chế tài bạo động trong việc tăng cường khả năng cho dân chúng nói chung, và trong việc làm mất khả năng của sự thống trị của trung ương và của nền độc tài, có vẻ bắt gốc từ bản chất của chính những chế tài đó, nhất là trong những hình thái được định chế hoá của chúng. Chỉ có bạo động rời rạc bởi những cá nhân riêng rẽ, gây ra vì bất cứ lí do gì, là có thể nói được đã phân tán quyền lực và tăng khả năng cho cá nhân, và ngay cả lúc đó cũng chỉ cho những cá nhân đã gây ra bạo động mà thôi. Tuy nhiên, việc tăng khả năng này rất giới hạn, bởi vì cái quyền lực được tích tụ nơi những cá nhân đặc biệt này chỉ là thứ quyền lực giết người và phá huỷ, chứ không phải sức mạnh sáng tạo và xây dựng.

Khi những chế tài bạo động được dự tính để ép buộc một hệ thống đã được ổn định phải hành động, để lật đổ một chế độ hiện hành, để tấn công kẻ địch trong nước hay ngoại bang, hay để tự vệ chống lại những cuộc tấn công, thì sự bạo động này không thể bột phát, bừa bãi, rời rạc, và phân tán được. Nó không thể là một biểu lộ bốc đồng của sự bực bội và hận thù được. Nó cũng không thể ngay cả bị điều hướng bởi nhiều ý đồ chính trị khác nhau. Muốn thành công trong những mục đích này, thì sự bạo động này phải được tổ chức và phối hợp, và có một hệ thống chỉ huy. Bạo động như thế cần phải được định chế hoá. Đòi hỏi cần phải có chuẩn bị trước, một cơ cấu, một hệ thống chỉ huy không những chỉ để tránh sự hỗn loạn của nhiều hành động không được phối hợp của bạo động có tầm cỡ nhỏ, mà còn để đem lại phương tiện đưa đến hiệu lực tối đa.

Các cơ chế dùng để áp dụng bạo lực chính trị thật độc đáo trong xã hội, chính chỉ vì chúng được liên tục trang bị để áp dụng bạo lực chống lại các tổ chức khác và chống lại dân chúng của xã hội, nghĩa là, chúng có thể quay trở lại tấn công và đè bẹp toàn thể xã hội. Do đó, bạo lực chính trị, không phải là một kĩ thuật trung lập như người ta thường nghĩ – có thể được sử dụng cho bất cứ hay tất cả những lí tưởng nào mà không gây nên những phản ứng phụ đặc biệt đóng góp vào việc định hình cho xã hội đã sử dụng nó, cũng như cho nhóm người hay xã hội mà bạo lực này đã được sử dụng để chống lại.

Bạo lực chính trị đã được định chế hoá ở Nhà Nước giúp quyết định ai là người cai trị và ai là người bị cai trị. Nghĩa là khả năng áp dụng các biện pháp chế tài bạo động quyết định sự phân tầng bằng giai cấp chính trị.* Những hậu quả của biện pháp chế tài tối hậu đối với việc phân phối quyền lực hữu hiệu trong xã hội do đó mang một ý nghĩa sâu xa cho những người hay nhóm người muốn chấm dứt áp bức và phát huy tự do và công lí.

Có nhiều lí do quan trọng cắt nghĩa tại sao khả năng bạo lực chính trị được định chế hoá có khuynh hướng cấu tạo xã hội theo hướng bị thống trị bởi một nhóm nhỏ lãnh đạo, có những cơ cấu tập trung về xã hội, kinh tế, và nhất là chính trị, và theo hướng làm người dân bất lực và phải cần sự giúp đỡ của người khác. Áp lực cho trung ương tập quyền và tiềm lực áp bức trong nước được tạo ra bởi việc định chế hoá bạo lực chính trị có thể được chuyển đổi qua những mục đích khác hơn là được dự tính từ đầu, như đã được thảo luận ở chương trước, bởi hệ thống chỉ huy và những yêu cầu khác của những cơ chế đó (nhất là trong những cơn khủng hoảng), và bởi khả năng quyền lực hữu hiệu quá lớn của những cơ chế này đối với các tổ chức dân sự. (Yếu tố cuối cùng này có thể thay đổi được nếu người dân không chấp nhận bạo động như là nguồn sức mạnh tối hậu và nếu họ học cách biến đổi tiềm năng sức mạnh của họ thành sức mạnh hữu hiệu bằng tổ chức và bằng cách sử dụng hữu hiệu những hình thức chế tài bất bạo động, như là bất hợp tác kinh tế và chính trị.)

Những đòi hỏi về công hiệu của bạo động chính trị được định chế hoá đóng góp trực tiếp và gián tiếp vào việc trung ương tập quyền và đoàn ngũ hoá một cách phổ quát hơn. Ví dụ, trong thời gian chiến tranh thực sự, những đòi hỏi về vũ khí quân sự, về nhân lực, về hiệu năng, về việc làm những quyết định trung ương, về bảo mật, về các kiểm soát kinh tế, về việc bịt miệng đối phương, và về những ranh giới hành động rõ rệt bắt kể những điều khoản pháp lí, tạo nên những ảnh hưởng trung ương tập quyền hết sức mạnh. Đối với phe thua trận, thì những kết quả có thể trắng trợn hơn dưới hình thức một chính quyền quân đội bị áp đặt bởi kẻ chiến thắng. Nhưng ngay cả đối với phe thắng trận, những hệ quả tương tự cũng được tạo ra cho xã hội và cho hệ thống chính trị. Một số nhà xã hội học chính trị và nhân chủng học, như là Bronislaw Malinowski đã từng nêu lên những tương quan có vẻ nhân quả giữa chiến tranh và độc tài, và

* Cũng cần phải chú ý đến những động năng của giai cấp xã hội và giai cấp kinh tế và các tương giao, và các vai trò của chúng trong chính trị. Tuy nhiên, sự phân tầng không phải chỉ về xã hội và kinh tế mà còn về chính trị nữa, và có lí khi nói về "giai cấp chính trị" ngoài những hình thái khác. (Xem Gaetano Mosca, *Giai Cấp Cai Trị* [New York và London: McGraw Hill, 1939], và Ralph Dahrendorf, *Giai Cấp Và Xung Đột Giai Cấp Trong Xã Hội Kỹ Nghệ* [Stanford: Stanford University Press, 1959].)

các khuynh hướng của những nền độc tài thường trở nên bành trướng và hiếu chiến, và ngược lại, của chiến tranh thường xói mòn và huỷ hoại những tiến trình dân chủ và gia tăng những đặc tính độc tài của xã hội đó.¹³ Những phát triển về các kĩ thuật về vũ khí quân sự hiện đại, về vận chuyển, truyền thông, máy vi tính, về các phương pháp của cảnh sát, và về các ngành khác tiếp tục làm cho vấn đề này càng trầm trọng thêm. Những phát triển này hỗn hợp với nhau để gia tăng khả năng của bạo lực chính trị trong việc áp đảo, thống trị, và đè bẹp toàn thể xã hội.

Có thể có những lực lượng chống lại tác dụng trung ương tập quyền của bạo lực chính trị được định chế hoá. Những lực lượng này sửa đổi và kiểm chế các khuynh hướng trung ương tập quyền và bành trướng của hệ thống chỉ huy, và có thể ngay cả ngăn chặn những hậu quả cực đoan của khả năng đã được định chế hoá về bạo động. Tiềm lực về hành động bạo động trong nước chống lại xã hội, hay là ngay cả chống lại cả chính quyền vững chắc, có thể không được sử dụng trong một hoàn cảnh nào đó. Tuy nhiên, tiềm năng và các áp lực thì sẵn có ở đó; chúng luôn luôn hiện hữu khi mà xã hội trông cậy vào bạo lực chính trị được định chế hoá để cung cấp biện pháp chế tài tối hậu. Những điều kiện thuận lợi sẽ gia tăng xác suất là tiềm năng và các áp lực đó sẽ thắng thế. Những điều kiện này hiện hữu khi các tổ chức độc lập (*tự điểm quyền lực*) của xã hội yếu, khi khả năng đối kháng của các tổ chức này không đáng kể, khi cơn khủng hoảng trong xã hội trầm trọng, và khi tầm cỡ và mức độ của bạo lực chính trị đi đến cùng cực. Khi mà tất cả những điều này đều xảy ra cùng một lúc thì những nguy hiểm về sự tăng trưởng của trung ương tập quyền và của sự bành trướng của hệ thống chỉ huy sẽ trầm trọng. Những điều này sẽ áp đảo toàn bộ xã hội và sửa đổi đặc tính của xã hội như là một tổng thể một cách đáng kể.

Sự nguy hiểm trở nên rất thực khi những người chỉ huy các cơ chế của bạo lực không chịu tuân thủ những thủ tục ấn định và các tiêu chuẩn hợp pháp. Hầu hết những vụ đảo chánh xảy ra trong những thập kỉ vừa qua đã được thực hiện một cách tích cực bởi một số đơn vị quân sự, trong lúc những đơn vị khác chỉ không phản đối cuộc đảo chánh mà thôi.

Trong những bối cảnh khác, cũng vậy, những tác dụng phụ thuộc của việc sử dụng và bành trướng bạo lực chính trị được định chế hoá đã gây nên tác hại cho những mục tiêu nguyên thủy. Ở tại Liên Bang Sô-viết, chẳng hạn, những nỗ lực đem lại công lí bằng con đường độc tài chính trị của giới vô sản được chỉ đạo bởi một nhóm tuyển chọn của một Đảng lãnh đạo, trông cậy một phần vào quân đội, vào cảnh sát chính trị, vào nhà tù, các trại [tập trung], và vào những vụ hành quyết, đã đưa đến kết quả chuyên chế và khủng bố chính trị dưới thời Joseph Stalin, còn cực đoan hơn bất cứ Nga hoàng nào rất nhiều trong khả năng áp đặt khủng

bố. Sự khủng bố này bao gồm hàng triệu người chết vào những năm 1930 trong chiến dịch tập thể hoá và các chương trình khác, và trong việc tạo nên một trong những tổ chức quân sự vĩ đại nhất thế giới, và trong việc tiếp tục sự kiểm soát bởi lãnh đạo và việc đoàn ngũ hoá hệ thống kinh tế và chính trị.

Tính Khuất Phục Và Chủ Thuyết Bạo Động

Ngoài những hậu quả có tính cơ cấu, trông cậy vào bạo lực chính trị được định chế hoá còn có những hệ quả nghiêm trọng khác đối với xã hội. Đây là những hệ quả về tâm lí – đúng ra là chính trị/tâm lí. Chúng ảnh hưởng đến thái độ và cảm xúc của người dân đưa đến kết quả là người dân có những hành vi gây nên những hậu quả sâu xa về chính trị. Nếu người dân tin rằng sức mạnh “thực sự” phát sinh từ bạo lực, rằng sức mạnh “đến từ nòng súng” thì bất cứ ai có súng sẽ thấy công việc kiểm soát dân chúng dễ dàng hơn nhiều. Lúc đó những người sử dụng súng sẽ được xem hầu như là có sức mạnh toàn năng bởi những người không có súng – hay ít ra là có ít súng hơn, súng nhỏ hơn, súng không được sử dụng bởi quân đội nhà nghề hoặc không được hậu thuẫn và bởi những phương tiện hỗn hợp của cảnh sát, nhà tù, và những hệ thống quân đội. Đúng là *tiềm năng* sức mạnh của người dân không súng có thể rất mạnh, và trong những điều kiện thích hợp họ có thể huy động tiềm năng này thành khả năng sức mạnh hữu hiệu bằng bất hợp tác và thách thức để đánh sụp một nền độc tài được trang bị đầy đủ. Tuy nhiên bao giờ người dân còn *tin* vào sự toàn năng của những người sử dụng bạo lực mạnh hơn, thì chắc họ sẽ không huy động được tiềm năng sức mạnh của chính mình. Chủ thuyết cho rằng “sức mạnh đến từ nòng súng” do đó sẽ đưa đến sự khuất phục của người dân trước những nhà cai trị sử dụng bạo lực.

Hậu quả về tâm lí gây nên bởi sự khuất phục của người dân trước bạo lực đối với người sử dụng bạo lực cũng hết sức quan trọng. Khuất phục trước bạo lực dạy cho người sử dụng bạo lực là lần sau lại phải dùng bạo lực nữa. Điều này có những hậu quả chính trị nghiêm trọng, đóng góp vào sự bành trướng và gia tăng cường độ bạo lực bởi những người muốn thực hiện ý đồ của mình. Cả Mohandas K. Gandhi lẫn B.F. Skinner đều nêu lên hậu quả này. Mặt khác, cả hai người cũng đều nhấn mạnh là giữ đừng phản công lại bằng bạo lực và đừng khuất phục theo ý muốn của kẻ tấn công mình thì sẽ giảm thiểu được những cuộc tấn công trong tương lai. Phản ứng này sẽ dạy cho kẻ tấn công bài học là những mục tiêu mong

muốn không thể đạt được bằng các phương tiện bạo động.* Tuy nhiên, trừ phi điều này xảy ra, việc tiếp tục áp dụng bạo lực, sự khuất phục trước bạo lực, và sự áp dụng được tái diễn của một tập quán bạo lực được thành công trong việc đạt các mục tiêu lại sẽ đóng góp vào những hậu quả trung ương tập quyền có tính cơ chế mà chúng ta đã thảo luận ở trên.

Với những khuynh hướng có tính cơ cấu của bạo lực được định chế hoá trong tay Nhà Nước như thế, thì bất cứ ai sử dụng toàn vẹn mọi khả năng của Nhà Nước với ý nguyện kiến tạo một xã hội bình đẳng cũng sẽ thất bại. Tối thiểu, nếu *năng lượng* của bạo lực chính trị định chế hoá vẫn ở mức độ gần như trước, thì những lực tạo ra trung ương tập quyền, giai cấp trị, những kiểm soát bởi nhóm nhỏ lãnh đạo, và khả năng thống trị người dân phát sinh từ nguồn gốc bạo lực này vẫn tồn tại. Nếu *năng lượng* của bạo lực chính trị định chế hoá gia tăng – vì những lí do như là sử dụng nhiều bạo lực để cướp chính quyền hay để duy trì sự kiểm soát Nhà Nước, hay bành trướng các hệ thống cảnh sát hay quân sự để đương đầu với những cơn khủng hoảng từ trong nước hay từ bên ngoài – và nếu những *tụ điểm* quyền lực đã bị làm suy yếu trong lúc quyền lực hữu hiệu đã được chuyển cho Nhà Nước, thì việc phân phối quyền lực trong xã hội do việc sử dụng guồng máy Nhà Nước đem lại chắc sẽ không công bằng hơn là ở dưới hệ thống trước kia. Dù ai là người lãnh đạo đi nữa thì khả năng của Nhà Nước áp đặt thống trị lên người dân cũng sẽ tăng trưởng, ngay cả dưới lá cờ chính trị mới mà một lần đã từng biểu tượng cho ý dân. Rõ ràng là trông cậy vào bạo lực để tăng cường khả năng cho người dân không thể thực hiện được.

Do đó thật là hài hước và thảm hại khi chủ thuyết “sức mạnh đến từ nòng súng”-- một chủ thuyết phù hợp với một hệ thống áp bức do một nhóm nhỏ lãnh đạo -- lại được sử dụng bởi những người muốn làm cách mạng chống lại áp bức nhân danh người dân. Chủ thuyết này là phản ánh thô thiển về bản chất của quyền lực chính trị đến độ ngay cả Adolf Hitler cũng không theo. Chủ thuyết này không hề để ý đến các nguồn quyền lực khác nhau và các loại sức mạnh khác nhau. Nó cũng không lưu ý đến câu hỏi hết sức quan trọng là ai là người sẽ sử dụng quyền lực, và những hậu quả của chủ thuyết này đối với xã hội và hệ thống chính trị là gì. Chủ thuyết này trực tiếp đưa đến sự bành trướng của bạo lực chính trị được định chế hoá và của quyền lực Nhà Nước có thể được áp dụng để đem lại độc tài, diệt chủng, chiến tranh, và áp bức xã hội. Chủ thuyết này, khi áp dụng vào chính trị, tự nó sẽ đưa đến sự thiết lập một nhóm nhỏ lãnh đạo chỉ huy khả năng bạo lực chính trị được định chế hoá. Dù cho có bao

* Xem Phụ lục C, “Skinner và Gandhi Về Đánh Bại Bạo Lực.”

hiều là từ ngữ tốt đẹp dành cho “người dân” thường đôi khi đi kèm theo chủ thuyết này, nhưng bản chất của những chế tài chính trị bạo động, một khi đã được định chế hoá như hiệu năng đòi hỏi phải có, sẽ thực sự loại bỏ quần chúng ra khỏi việc tích cực hành sử quyền lực của mình.

Bằng cách chọn chủ thuyết sức mạnh phát sinh từ bạo lực, những người gọi là những nhà cách mạng đã chọn một sự tinh lọc những đặc tính xấu xa nhất của một hệ thống xã hội mà họ đã tố cáo là phi nhân, và muốn đánh đổ, làm nền tảng cho một trật tự mới mà họ muốn xây dựng. Do đó không cần gì phải thắc mắc là hệ thống chính trị hệ quả giống hệ thống cũ nhiều như thế, chỉ khác ở điểm có những hình thái cực đoan hơn mà thôi. Một sự kiện làm choáng váng, nhưng thường ít được để ý đến, là mọi quốc gia đã từng có một cuộc cách mạng xã hội được thừa nhận là đã xảy ra nhờ phương tiện đấu tranh bạo động hay một nền độc tài chính trị đều có một tổ chức và một hệ thống quân đội, và một hệ thống cảnh sát và nhà tù, hùng mạnh một cách tuyệt đối về vũ khí, về sức mạnh chiến đấu, và về các khả năng theo dõi và kiểm soát hơn là những khả năng của *chế độ cũ*. Khả năng được định chế hoá về bạo lực chính trị so với các tổ chức dân sự của xã hội và những ngành khác của hệ thống chính trị thì tương đối cũng mạnh hơn là trường hợp của trật tự cũ. Điều đó tạo ra một xã hội rất giống với xã hội cũ, chỉ tệ hơn thôi.

Trong bất cứ xã hội nào, bạo lực chính trị được định chế hoá tự bản chất đều nguy hiểm cho những tổ chức độc lập và cho dân chủ. Ở mức hết sức tối thiểu thì người ta cũng cần phải hết sức cẩn thận về nó. Nếu muốn kiến tạo một xã hội mà trong đó người dân thực sự quản lí, và trong đó không thể có áp bức, thì người ta phải khai phá những phương cách thay thế hầu đáp ứng nhu cầu căn bản của xã hội về các biện pháp chế tài.

Điểm chỉ bạo động như là tội phạm chính yếu về cội nguồn của những vấn đề nghiêm trọng của chúng ta không phải là một phương cách ngây ngô đầy cá nhân tính xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về chính trị và từ lãng mạn. Hoàn toàn ngược lại: việc này đã đem đến chìa khoá cắt nghĩa tại sao xã hội của chúng ta là như thế mặc dù chúng ta có lí tưởng, và có thể cung cấp chìa khoá để khám phá ra cách làm sao để xã hội có thể được thay đổi ngõ hầu thực thi những lí tưởng của chúng ta một cách toàn vẹn hơn.

Những Đòi Hỏi Của Giải Phóng Lâu Bền

“[B]ạo lực có thể đánh đổ một hay nhiều nhà cai trị xấu,” Gandhi viết, “nhưng...nhiều nhà cai trị khác sẽ nổi lên thay thế, bởi vì gốc rễ nằm ở

nơi khác.”¹⁴ Giải phóng thực sự và lâu bền đòi hỏi những thay đổi từ bên trong những tương quan nội tại của quyền lực trong xã hội. Những thay đổi này không thể đem lại được bằng bạo lực; bạo lực chỉ cản trở những thay đổi này mà thôi. Những người cổ vũ giải phóng mà không để ý đến những hệ quả dài hạn có thể có do kĩ thuật đấu tranh của mình gây ra cho xã hội mà họ đang tìm cách giải thoát chỉ có thể được xem như là thiên cận và vô trách nhiệm.

Phải rõ ràng ai là người có trách nhiệm giải phóng người dân khỏi áp bức, và loại áp bức nào, cũng là một điều đặc biệt hết sức quan trọng. Miễn sao chế độ hay hệ thống cũ được thay đổi hay bị xoá bỏ, ngoài ra chúng ta thường cho là phương tiện tương đối ít quan trọng. Tuy nhiên, những khác biệt quan trọng về kết quả thường tiếp nối các câu trả lời khác nhau cho câu hỏi đó. Không có sự tham dự trực tiếp của chính dân chúng trong nỗ lực thay đổi, thì chắc sẽ không có những thay đổi thực sự về những vị thế quyền lực tương đối giữa dân chúng và bất cứ người nào đang chiếm giữ vị thế nhà cai trị. Tốt lắm thì một nhóm mới sẽ thay thế nhóm cũ trong vai trò cai trị. Nhà cai trị mới có thể có hoặc có thể không xử lí với nhiều tự chế và quan tâm hơn về lợi ích và về các tự do của người dân *theo thiện ý của ông*. Do đó, giải phóng người dân bị áp bức, nếu điều này sẽ phải xảy ra, khẩn thiết phải là tự giải phóng bằng những phương tiện phù hợp với khả năng lâu bền của người dân trong việc tự quản lí và kiến tạo xã hội của chính mình. Nếu không thì e rằng họ sẽ gặp phải một nhà cai trị mới, tương lên một lá cờ khác, còn áp bức hơn nữa.

Rommanohar Lohia, người Ấn trú danh theo chủ thuyết xã hội khuynh hướng Gandhi, đã viết là ông ta đã chán vì chỉ nghe nói đến nhu cầu cần thay đổi tâm hồn của những kẻ áp bức. Điều này tốt, nhưng quan trọng hơn rất nhiều là nhu cầu cần thay đổi tâm hồn của những người bị áp bức, để họ không còn muốn chấp nhận áp bức nữa, và trở nên quyết định kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn. Chính sự yếu đuối trong sự quyết định và khả năng hành động của người dân làm cho áp bức và sự khuất phục có thể tiếp tục được. Thay đổi được điều này, họ có thể không bao giờ còn bị áp bức nữa. Việc tự giải phóng như thế chỉ có thể thực hiện được bằng cách tăng sức mạnh cho thuộc cấp qua nỗ lực của chính họ mà thôi.*

* Trái ngược với sự tin tưởng của Lenin vào một đảng lãnh đạo nhỏ gồm những “nhà cách mạng chuyên nghiệp,” Rosa Luxemburg và Karl Liebknecht lí luận: “Cách mạng xã hội và tái thiết không cần phải được lo liệu và thực hiện ngoại trừ bởi chính quần chúng....Quần chúng vô sản được kêu gọi xây dựng chủ nghĩa xã hội từ từng viên đá một bằng nỗ lực của chính họ. Chính quyền tự quản, tự do [chỉ có thể đạt được bởi]...công việc của chính người lao động, chứ không phải bởi hành động vô vọng của một thiểu số.” (Trích bởi Barthelemy de Ligt, *Thắng Bạo Lực* [New York: E.P. Dutton, 1938, và London: Geo. Routledge & Sons, 1937, và New York: Garland Publishing, 1972]).

Theo sự hiểu biết của chúng tôi về bản chất của mọi quyền lực chính trị, thì người dân có *tiềm năng quyền lực* vĩ đại bởi vì rốt cuộc thái độ, hành vi, và sự hợp tác của họ cung cấp những nguồn sức mạnh cho tất cả mọi nhà cai trị và hệ thống hệ đảng. Tuy nhiên, tiềm năng sức mạnh không luôn luôn được chuyển thành *sức mạnh hữu hiệu*. Đòi hỏi cần phải có điều gì thì chuyện này mới có thể xảy ra. Một khi những người bị trị muốn thay đổi, và một khi họ sẵn sàng hành động để thay đổi, thì họ cần phải có một loại nào đó của các biện pháp chế tài. Rồi họ phải có một kĩ thuật đấu tranh để duy trì và tăng sức mạnh cho các tổ chức độc lập hiện hành của họ, tạo ra và bảo vệ những tổ chức mới, và, rất quan trọng, kháng cự, đối đầu, và xói mòn quyền lực của nhà cai trị. Một kĩ thuật như thế tốt hơn cũng nên là một kĩ thuật mà, trong dài hạn, khi được lặp đi lặp lại, sẽ đem lại cho người dân một khả năng lâu bền trong việc kiểm chế bất cứ nhà cai trị hay kẻ tiếm quyền nào, và bảo vệ khả năng tự quản lí của mình. Chọn lựa biện pháp chế tài tối hậu để duy trì và thay đổi xã hội hết sức quan trọng trong kết quả định hướng xã hội. Ngược lại với những hậu quả trung ương tập quyền của những chế tài bạo động, mà trong dài hạn sẽ làm suy yếu quần chúng, các chế tài bất bạo động có khuynh hướng phân tán và chuyển giao quyền lực trong toàn xã hội, và nhất là giúp tăng sức mạnh cho những kẻ bị áp bức và bất lực. Do đó, chúng ta hãy duyệt xét những hậu quả có tính cơ cấu của các chế tài bất bạo động.

Những Nguồn Quyền Lực Không Chắc Chắn

Đến đây thì đòi hỏi chúng ta cần phải có một sự hiểu biết về bản chất của những chế tài bất bạo động, dù là chúng ta không thể lặp lại ở đây.* Những biện pháp chế tài này có những tác dụng lớn lao đối với việc phân phối quyền lực hữu hiệu trong các xã hội chính trị vì hai nhân tố chính yếu: (1) bản chất quyền lực của những hệ thống hệ đảng và của những nhà cai trị làm cho các xã hội này dễ bị các chế tài bất bạo động tấn công, (2) tác dụng của đấu tranh bất bạo động, nhất là khi thành công, đối với những người và nhóm sử dụng kĩ thuật đấu tranh này. Tác dụng tổng hợp của hai nhân tố này đối với sự phân phối quyền lực hữu hiệu không còn nghi ngờ gì nữa đã thiết lập những tương quan giữa quyền lực chính trị và các hình thức chế tài bất bạo động.

* Xem những thảo luận ngắn gọn về kĩ thuật đấu tranh bất bạo động ở Chương Chín, "Tương Đương Về Chính Trị Với Chiến Tranh- Phòng Vệ Trên Căn Bản Dân Sự," Chương Mười Một, "Phạm Trù Xã Hội," và sự duyệt xét rõ ràng trong tác phẩm trước đây của tôi, *Chính Trị Của Đấu Tranh Bất Bạo Động* (Boston: Porter Sargent Publisher, 1973).

Quyền lực mà những nhà cai trị sử dụng, khả năng hành động, làm việc tốt hay việc xấu, thực thi chánh sách và trừng phạt, chinh phục và cướp bóc, phục vụ, thống trị, và áp bức, không phải là quyền lực của họ. Quyền lực này không đến từ bản thân họ. Quyền lực của nhà cai trị cũng không đến từ nòng súng. Đúng ra, nó đến từ các nguồn trong xã hội có thể nhận diện được. Những nguồn này gồm có: quyền hành, nhân lực, các kĩ năng và kiến thức, các nhân tố không nắm bắt được, vật lực và các chế tài. Tất cả những nguồn này đều bắt rễ từ chính xã hội, từ trong các tổ chức của xã hội, và rút cuộc là từ người dân. Người dân phải chấp nhận tính hợp pháp của người sử dụng quyền lực, và hợp tác trong việc cung cấp những nguồn sức mạnh cần có. Họ phải chịu khuất phục trước mệnh lệnh và ngay cả trước sự đàn áp nhằm đe dọa quản chúng phải tuân phục nếu nhà cai trị muốn duy trì sự kiểm soát của mình.

Những nguồn sức mạnh của nhà cai trị phát xuất từ những người tin rằng họ nên chịu khuất phục vì đạo đức bắt họ làm như vậy, hay là họ tin là mình quá yếu nên không thể kháng cự; từ những người thường cung cấp những tài nguyên kinh tế, trả thuế, và trở nên những chuyên gia, những nhà quản trị, và những trợ tá viên; cũng như từ những nhân sự trong quân đội, trong toà án, và trong các nhà tù. Tất cả những người này, và còn nhiều người khác nữa, đã cung cấp các nguồn quyền lực cho mọi nhà cai trị, cả thiện lẫn ác.

Vì vậy, một vấn đề có tính quyết định đối với tất cả mọi nhà cai trị là: người dân không luôn luôn làm những gì được sai bảo hay được chờ đợi phải làm. Nếu người dân chối bỏ tính hợp pháp của nhà cai trị, thì quyền hành của nhà cai trị sẽ không còn nữa. Nếu người dân rút lui sự hợp tác của họ bằng cách bất tuân, bất hợp tác kinh tế, không cung cấp kiến thức và chuyên môn cần phải có, khước từ sinh hoạt bàn giấy và hợp tác với hành chánh, thì tất cả những nguồn sức mạnh đó sẽ bị làm suy yếu đi hoặc bị cắt đi.

Nếu người dân sẵn sàng thách thức cả những đe dọa lẫn đàn áp để đổi lấy sự thay đổi, nếu cảnh sát và quân đội trở nên ái ngại về chính những hành động đàn áp của mình và nghi ngờ tính hợp pháp của chế độ đã sẵn bị làm suy yếu bởi sự thách thức ồ ạt, và, sau cùng, nếu lúc bấy giờ họ lại từ chối vâng theo mệnh lệnh trừng phạt hay giết những người trong quản chúng thách thức, thì chế độ đang chứng kiến ngày tàn của nó. Người dân phải tiếp tục kiên quyết và thách thức, ngay cả khi bị đàn áp, mãi cho đến khi những nguồn sức mạnh đều khô cạn, và do đó chế độ sẽ bị làm suy yếu đến giãy chết và tan rã.

Không có quyền hành được ban cho, không có sự chính danh ý thức hệ, không có những trợ tá viên và các tay chân, không có những nhà quản trị, các công chức và vô số những người trợ lực, không có tài sản và

những tài nguyên kinh tế, không có sự ủng hộ của các cơ chế và hành chính, không có cảnh sát, nhà tù, và quân đội, không có dân chúng tuân phục, thì ngay cả một nhà cai trị độc đoán nhất hay một nhà chuyên chế tàn nhẫn nhất cũng trở nên bất lực về chính trị.

Một sự giải thể quyền lực của nhà cai trị bằng cách rút lui những nguồn sức mạnh như thế minh chứng là quyền lực của những nhà cai trị, của nhóm lãnh đạo thống trị, và của những giai cấp áp bức không phải là của họ, mà đến từ chính những con người mà họ chế ngự. Quyền lực của những nhà cai trị do đó nội tại rất mong manh. Chỉ nhận định này không mà thôi cũng đã mở đường cho một sự lựa chọn có ý thức của người dân là có nên vâng phục và hợp tác hay không, và ý thức được sự lựa chọn này sẽ chuẩn bị con đường cho một sự thay đổi triệt để về những tương quan sức mạnh. Tất cả những nguồn của quyền lực chính trị do đó sẽ dễ trực tiếp bị tấn công bởi các biện pháp chế tài bất bạo động.

Tác Dụng Tàn Quyền Của Chế Tài Bất Bạo Động

Chế tài bất bạo động thường sử dụng sự từ chối của người dân làm những công việc mà họ thường làm và hành động như người ta nghĩ họ sẽ hành động, và sự quyết tâm của họ hành xử theo những cách thức thường bị cấm đoán và khác với sự trông đợi của mọi người, như là những vũ khí. Những phương tiện hành động này thường xuyên sử dụng những vai trò thông thường của người dân và những chức vị của họ trong xã hội như là những căn cứ của sức mạnh, và các chức năng của họ như là những đòn bẩy của sức mạnh. Loại vũ khí này, trong những điều kiện thích hợp, có thể hữu hiệu hơn súng ống rất nhiều vì nó đánh trực tiếp vào các nguồn sức mạnh của các cơ chế và của các nhà cai trị. Đấu tranh bất bạo động do đó chủ yếu là một kĩ thuật sử dụng sức mạnh và là một tập hợp những biện pháp chế tài có khả năng vừa kiềm chế được sức mạnh chính trị của người khác vừa biểu dương được sức mạnh của chính mình. Những kẻ áp bức và những nhà chuyên chế lo sợ nhận định soi sáng vào bản chất của mọi quyền lực chính trị này trở nên phổ cập.

Các chế tài bất bạo động có nhiều đặc tính đóng góp vào việc tàn quyền và phân tán khả năng quyền lực hữu hiệu trong xã hội. Những đặc tính này liên hệ đến năm nhân tố chính yếu:

- bản chất của lãnh đạo trong những áp dụng các chế tài bất bạo động;
- các phẩm chất của những phương pháp hay là “vũ khí” bất bạo động;

- các thay đổi về tự giác và về những thái độ của các thành viên thuộc nhóm đấu tranh bất bạo động;
- gia tăng tự lực nơi những người sử dụng các chế tài bất bạo động; và
- sự tăng trưởng của những tổ chức phi chính phủ của xã hội.

Khi so sánh với lãnh đạo của những cuộc đấu tranh bạo động, thì các lãnh đạo trong các phong trào áp dụng các chế tài bất bạo động thường ít có khuynh hướng sử dụng bạo lực để kiểm chế nhóm của mình, nếu có sẵn những phương tiện như thế hay là những phương tiện này, vì lí do nào đó, được chấp nhận. Nhân tố này không những chỉ ảnh hưởng đến cuộc tranh đấu hiện tại mà còn có ảnh hưởng tiếp tục trong xã hội thời hậu đấu tranh bởi vì sự liên kết của nhân tố này với sự cam kết chân chính lớn lao hơn đối với những mục đích và nguyên tắc nhân đạo. Những nhà lãnh đạo này, sau này, cũng ít có khuynh hướng sử dụng các chế tài bạo động một cách độc đoán để duy trì và nới rộng vị thế quyền lực của họ, ngay cả nếu họ nắm giữ những chức vụ trong guồng máy Nhà Nước. Một vài nhà lãnh đạo bất bạo động trước kia – như Jawarharlal Nehru, Kwame Nkrumah, và Kenneth Kaunda – đã nhận lãnh các chức vụ thủ tướng và tổng thống và đã có dùng những biện pháp chế tài bạo động trong lúc những người khác như Mohandas K. Gandhi và Jayaprakash Narayan – đã từ chối hoặc không nhận lãnh những chức vụ như thế.

Trong những phong trào đấu tranh bất bạo động lãnh đạo tự bản chất không vững bền, và thường có khuynh hướng phân tán đi xuống theo hệ cấp, di chuyển đến càng lúc càng nhiều người. Điều này xảy ra bởi vì trong hầu hết mọi hoàn cảnh, lãnh đạo đều được cố tình đặt để ngay ở “tiền tuyến” của cuộc đấu tranh và thường bị bắt bớ và bỏ tù, hay chịu đựng những đàn áp khác. Vì điều này xảy ra, và vì truyền thông và vận chuyển có thể bị giới hạn, nên đòi hỏi phải cần có những lớp lãnh đạo mới, và cần phải có nhiều người lãnh đạo hơn vì họ sinh hoạt tại địa phương nhiều hơn. Điều này vừa sản xuất ra nhiều nhân viên ở cấp lãnh đạo vừa tăng số người lãnh đạo theo cấp số nhân. Ở nơi nào mà phong trào đấu tranh mạnh và đàn áp khắc nghiệt, và khi mà con số những nhà lãnh đạo bị bắt càng lớn, thì sự phân tán lãnh đạo có thể bành trướng tới mức độ là phong trào trở nên thực sự “không có lãnh đạo.” Kinh nghiệm này có thể có những hiệu quả dài hạn quan trọng đối với xã hội, gia tăng tự lực phi tập trung, và giảm thiểu quan niệm cho rằng lãnh đạo tập trung là cần thiết. (Dĩ nhiên nhân tố này sẽ không có, trong những trường hợp chế tài bất bạo động được khởi động và áp dụng bởi quyết định và các mệnh lệnh của Nhà Nước trung ương, như trong các vụ cấm vận kinh tế quốc tế.)

Ngược lại với điều thường xảy ra trong việc áp dụng các chế tài bạo động trong các cuộc nội chiến lẫn chiến tranh quốc tế, các hình thức chế tài mà lãnh đạo bất bạo động có thể áp dụng đối với những thành viên của nhóm mình để duy trì đoàn kết và để ngăn chặn đào ngũ về phe địch phải, và rất có thể, là những hình thức bất bạo động. Hơn nữa, vì chế tài bạo động không được sử dụng trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ địch, cho nên khả năng tăng thêm để áp dụng loại chế tài này sẽ không được phát triển để tiếp tục có ảnh hưởng đối với giai đoạn hậu đấu tranh ngõ hầu được sử dụng vào những mục tiêu khác. Vì cả hai lí do này, ngay cả những nhà lãnh đạo bất bạo động cũng sẽ không có sẵn trong tay cái khả năng *đã được gia tăng* nhờ thu thập được trong thời gian đấu tranh để áp dụng những biện pháp chế tài bạo động. Họ vẫn có thể sử dụng khả năng thường có sẵn về các chế tài bạo động của Nhà Nước; tuy nhiên, khả năng này sẽ bị giới hạn hơn là trường hợp sau một cuộc đấu tranh bạo động. Sự giới hạn này sẽ đưa ra một số gò bó đối với việc đàn áp quốc nội.

Sau những cuộc đấu tranh bạo động chế độ mới có thể nhằm ngăn chặn những thách thức mà họ không muốn bằng cách chiếm giữ khí giới và kiểm soát việc cung cấp khí giới và đạn dược. Trong những trường hợp này, với niềm tin của dân chúng đặt đẽ vào hiệu năng của những chế tài bạo động, thì ngay cả những cực đoan nghiêm trọng nhất của chế độ cũng có thể không bị thách thức bởi hành động thuộc loại không thể làm ngơ được. Tuy nhiên, trong trường hợp của những chế tài bất bạo động, vũ khí không phải là những vũ khí vật chất không thể bị lấy đi được, bị kiểm soát bởi điều lệ cung cấp, hoặc làm cho không sử dụng được bằng cách hạn chế đạn dược. Kiến thức về các vũ khí bất bạo động – ít nhất cũng có gần hai trăm vũ khí -- một khi thủ đắc được thì không dễ gì bị kiểm soát như là vũ khí và đạn dược vật chất. Kinh nghiệm trước đó về việc sử dụng những vũ khí này cũng vận hành như là “huấn luyện tại mặt trận.” Kinh nghiệm này sẽ đóng góp đáng kể vào cả khả năng thực sự của họ trong việc tiến hành những cuộc đấu tranh như thế trong tương lai lẫn vào sự tin tưởng của họ ở khả năng này. Cả hai điều này đều có thể rất quan trọng trong việc quyết định sự phân phối sức mạnh hữu hiệu tiếp theo sau một cuộc đấu tranh nào đó. Những người có, và biết là mình có, khả năng đấu tranh độc lập hữu hiệu, có khuynh hướng được lãnh đạo cai trị coi trọng hơn là những người bất lực về chính trị trong những cơn khủng hoảng. Kinh nghiệm trong việc áp dụng những biện pháp chế tài bất bạo động, nhất là khi thành công, sẽ võ trang quần chúng với khả năng tiếp tục làm như vậy nữa nếu nhu cầu đòi hỏi, ví dụ như khi nhà cai trị mới làm mất đi sự ủng hộ của đại đa số quần chúng về những vấn đề tối quan trọng .

Khi các chế tài bất bạo động được áp dụng thành công, thì những người sử dụng chúng có khuynh hướng kinh nghiệm một cảm nhận thăng hoa về những phẩm chất và khả năng của chính mình phản ánh những thay đổi thực sự ở trong họ. Trước khi những người thuộc cấp trong mỗi quan hệ có thể bắt đầu sử dụng các chế tài bất bạo động, họ phải thay đổi những thái độ khuất phục và chấp nhận yếu hèn của họ trước đó. Rất có thể là trước đó nhóm người này đã từng thụ động và tin là mình bất lực trước những sai quấy mà họ nhận thấy. Khi họ bắt đầu hành động để sửa sai những bất công thì họ có khuynh hướng kinh nghiệm một sự giải thoát khỏi ý tưởng bất lực này. Sự thay đổi này có khuynh hướng tăng trưởng khi phong trào tiếp diễn và gom góp sức mạnh. Lúc ban đầu của cuộc đấu tranh, những người hoạt động có thể cần phải chú tâm kiềm chế sự sợ hãi của mình đối với những trừng phạt của đối phương, nhưng càng về sau họ càng khám phá ra rằng họ không còn sợ hãi nữa. Sự thay đổi này không những quan trọng đối với những cá nhân, mà còn quan trọng về chính trị nữa, bởi vì nó xói mòn những hệ thống hệ đẳng tầng lệ thuộc vào sự sợ hãi những hình phạt bạo động để đưa những người bị trị vào “nếp.” Việc họ sẵn sàng hành động và kiên quyết dù bị nguy hiểm, việc đối phương và những người khác công nhận sức mạnh mới của họ đều có khuynh hướng đóng góp vào sự gia tăng lòng tự trọng của nhóm. Nhóm sẽ nhìn thấy những phẩm chất và khả năng của chính mình có nhiều ý nghĩa hơn là họ nhận thấy trước kia. Biết được rằng mình có sức mạnh đích thực, ngay cả đối chọi với sức mạnh của Nhà Nước, có lẽ sẽ nuôi dưỡng được một tinh thần mới và khơi động niềm hi vọng là họ có thể giúp kiến tạo nên tương lai của chính mình.

Có phần nào ít chắc chắn hơn là những người hoạt động bất bạo động có thể trở nên tôn trọng đời sống và bản thân những người khác hơn, ngay cả kẻ địch của họ trong những cuộc đấu tranh cực đoan. Những người hoạt động cũng có thể trở nên có khả năng tự suy nghĩ thông suốt các vấn đề, đạt được việc tự làm lấy những quyết định, và theo sát những quyết định này ngay cả trong những trường hợp khó khăn. Dù rằng đây là những phẩm chất rất là riêng tư cho cá nhân, nhưng với mức độ phát triển của chúng, về dài hạn chúng sẽ gián tiếp tác động lên sự phân phối sức mạnh hữu hiệu trong khắp xã hội.

Các chế tài bất bạo động thường có khuynh hướng tăng khả năng cho nhóm người sử dụng chúng, một cách tuyệt đối lẫn đối chiếu với nhóm đối phương. Sự đoàn kết nội bộ của nhóm và khả năng làm việc với nhau đều có khuynh hướng tăng trưởng. Hợp tác nội bộ gia tăng trong nhiều trường hợp vừa là đòi hỏi để áp dụng hữu hiệu các chế tài bất bạo động, và vừa là kết quả của hành động này. Cần có hợp tác nội bộ mới áp dụng chế tài bất bạo động hữu hiệu được, và cũng để cung ứng cho các nhu

cầu mà trước kia được đáp ứng bởi đối phương nay đã bị người ta rút lui hợp tác. Những nhu cầu này có thể bao gồm những phương cách thay thế để duy trì trật tự xã hội ngay cả giữa lúc đang đấu tranh, cũng như các nhu cầu kinh tế và chính trị khác. Để cung ứng cho các nhu cầu này, những thành viên của nhóm sẽ cần phải gia tăng sự độc lập và tự lực, điều sẽ càng đóng góp thêm vào việc gia tăng khả năng của bản thân. Những tổ chức hiện hành có thể được tăng cường, chúng có thể được sửa đổi để đáp ứng các nhu cầu một cách đầy đủ hơn, hay là thay đổi trong cách điều hành nội bộ. Những tổ chức mới cũng có thể được tạo dựng nên. Các tổ chức này là những đối tác xây dựng của bất hợp tác với đối phương. Chúng có thể giúp thay đổi những tương quan lực lượng hiện hành rất nhanh chóng trong thời gian xung đột đang diễn tiến. Kết quả có thể là những thay đổi có tính cơ cấu lâu bền.

Đôi khi sự cân bằng giữa bất hợp tác và hợp tác được thiết kế và tổ chức một cách có chủ ý, trong khi những lúc khác thì sự cân bằng này xảy ra một cách bột phát và nhanh chóng mà không có kế hoạch hay chuẩn bị gì cả. Khi những thay đổi về cơ chế chỉ có tính cách tạm thời thì chúng sẽ đóng góp vào những thay đổi trong những tương quan lực lượng giữa các nhóm tranh chấp khi cuộc xung đột đang tiếp diễn. Khi những thay đổi về cơ chế tồn tại sau cuộc xung đột vừa qua, thì chúng có thể có những hiệu quả sâu xa về cơ cấu đóng góp vào việc phân tán quyền lực hữu hiệu trong các hình thái tổ chức và chế tài của quyền lực này.

Một nhân tố nữa có thể một cách gián tiếp có những hiệu quả dài hạn về việc phân phối quyền lực trong xã hội. Việc sử dụng các chế tài bất bạo động sẽ giảm thiểu khuynh hướng của nhóm đấu tranh trở nên hung bạo vì hậu quả của chính cuộc đấu tranh. Những chế tài bạo động trong một cuộc đấu tranh giải phóng, một cuộc cách mạng, hay là một nỗ lực tự vệ tiếp diễn có nghĩa là một chuỗi những bạo tàn, trả thù, và chống trả thù liên tục gia tăng. Nhân cách trở thành cứng nhắc và xơ cứng, cho đến khi rốt cuộc cảm xúc của con người và khả năng phản ứng đối với sự đau khổ của nhân loại khô héo, và tất cả chỉ còn là chết chóc. Người đã một lần từng tranh đấu chống lại những điều vô nhân đạo, thì nay lại đeo đuổi một cách hăng say nồng nhiệt những phương pháp mà khi được đối phương sử dụng thì bị chê trách, để đi đến một mục đích mà chất liệu đã bị quên lãng. Hiện tượng này chắc sẽ không xảy ra với những cuộc đấu tranh bất bạo động. Những cuộc đấu tranh này cung cấp những biện pháp chế tài khác đòi hỏi không được có những hành động bạo động và tàn nhẫn. Sự khác biệt này có thể có những hiệu quả quan trọng về bản chất của xã hội hậu đấu tranh và trật tự chính trị.

Liên hệ với sự biến thành hung bạo này, còn có một nhân tố khác, quan trọng cho xã hội tương lai nhưng có lẽ không có nhiều hiệu quả

trong việc phân phối quyền lực quan trọng về chính trị. Sử dụng một loại bạo lực chính trị nào đó như là biện pháp chế tài tối hậu của xã hội, và các biểu lộ của sự thực hành loại chế tài này qua những hình thức bắn giết được hợp thức hoá của cảnh sát, qua những vụ hành quyết, và chiến tranh, hẳn sẽ dạy cho các thành viên riêng biệt của xã hội, bao gồm cả những người phản xã hội lẫn những người bị tâm thần bất ổn, rằng bạo lực đích thực là biện pháp chế tài tối hậu. Thật hết sức khó mà tin được là những nỗ lực của chúng ta nhằm hạn chế việc sử dụng loại chế tài này chỉ cho một số cơ chế của Nhà Nước, và rồi chỉ cho một số mục đích được chỉ định mà thôi, và khi được chấp thuận bởi những thủ tục đã được thiết lập – lại có thể hữu hiệu khi mà một số người nào đó, dù đúng dù sai, cảm thấy là mục tiêu riêng của họ là hợp lí và cũng chỉ có thể tranh thủ được bằng bạo lực mà thôi. Những hành động bạo động được hợp thức hoá nhân danh hệ thống do đó có thể vô tình đóng góp cho những hành động bạo động không được hợp thức hoá bởi những cá nhân hay nhóm người có những vấn đề và mục tiêu riêng của họ. Việc sử dụng các chế tài bất bạo động nhân danh hệ thống không gây nên hiệu quả đó; thay vì như vậy, việc sử dụng này có lẽ có thể đóng góp vào việc sử dụng các chế tài bất bạo động bởi những cá nhân hay nhóm người tự động hành động, ngay cả để chống lại những tiêu chuẩn và nguyên tắc của tất cả những người khác trong xã hội. Điều này có thể không phải là lí tưởng, nhưng hẳn là một sự tiến bộ so với sự tăng trưởng của bạo động bởi những cá nhân và nhóm người, theo cấp số nhân.

Như là một hệ quả của những tác dụng của đấu tranh bất bạo động đối với chính khả năng quyền lực của đối phương cũng như đối với khả năng quyền lực của nhóm áp dụng các chế tài bất bạo động, một sự thay đổi căn bản trong các tương quan quyền lực sẽ xảy ra trong những điều kiện thích hợp. Điều này tự căn bản khác với việc thiết lập những thay đổi bằng những phương tiện hoà bình khác, bao gồm hoà giải, pháp chế, phán quyết của toà án, hoặc sắc lệnh hành chính. Trong những trường hợp này, ngoại trừ những thay đổi về quyền lực đã được thực hiện trước một cách độc lập bởi những lực lượng khác, sự phân phối tương đối về quyền lực sau mỗi lần thay đổi như thế sẽ gần như cũ. Không có gì sẽ xảy ra để thay đổi sự phân phối này, và người dân sẽ không thu thập được các khả năng được gia tăng để hạn chế quyền lực của đối phương và ngay cả để sử dụng chính các chế tài. Ngay cả khi một đòi hỏi hay một mục tiêu quan trọng có giới hạn được chấp thuận theo lối đó, người dân vẫn không có đủ khả năng để đạt được ý muốn của mình chống lại một đối thủ hay một nhà cai trị không sẵn lòng chấp thuận những nguyện vọng của họ. Tương tự như vậy, điều vừa được chấp thuận, khi cơ hội thích hợp, thì cũng có thể bị rút lui một cách dễ dàng như thế. Cái gì được cho

mà có, chứ không phải do tranh thủ mà được, thì có thể được nhận lãnh cũng như bị lấy đi một cách dễ dàng. Điều tranh thủ được nhờ việc làm và đấu tranh sẽ bền bỉ, và có khả năng được bảo vệ và phát triển thêm bởi những người đã được gia tăng khả năng trong thời gian tranh thủ điều đó.

Tạo “Hoàn Cảnh Chính Trị” Của Một Xã Hội

Những tác dụng có tính cơ cấu của những chế tài bạo động và bất bạo động đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định hoàn cảnh chính trị của xã hội đó như là một tổng thể. “Hoàn cảnh chính trị” của một xã hội có thể được định nghĩa bằng sự sắp xếp của ba nhân tố chính yếu: (1) cách thức vận hành của hệ thống chính trị; (2) hệ thống này làm những gì; và (3) hệ thống này không thể làm được những gì. Hoàn cảnh chính trị bao gồm những yếu tố cụ thể như là: mức độ tập trung và phân tán của quyền lực hữu hiệu; những lí tưởng và mục đích của xã hội; những đặc tính và thành quả nhân bản của hệ thống; khả năng của hệ thống áp đặt độc tài, thực thi diệt chủng, gây chiến tranh, và áp đặt hoặc hỗ trợ áp bức xã hội, và xác suất của hệ thống này thực hiện bất cứ điều nào trong số những điều vừa kể; ngược lại là khả năng của hệ thống này nuôi dưỡng và hỗ trợ tự do, dân chủ, công lí xã hội, và những quan hệ hoà bình trong và ngoài nước; mức độ xã hội phục vụ con người hay là vô hiệu hoá và hãm hại con người; và mức độ hệ thống này đáp ứng những nhu cầu khác nhau của con người (hoặc để cho những nhu cầu này được đáp ứng) như đã được phác hoạ trước đây trong chương này. Rõ ràng là những hoàn cảnh chính trị khác nhau rất nhiều, cả trong một xã hội duy nhất từ thời điểm này đến thời điểm khác, lẫn giữa những xã hội khác nhau.

Những nhân tố này không phải là những đặc tính cụ thể tách rời và không dính líu gì với nhau, chúng liên hệ với nhau theo nhiều phương cách khác nhau. Dựa trên cơ sở những phân tích trong chương này và các chương trước, thì hình như hoàn cảnh chính trị của một xã hội liên hệ mật thiết với: (1) sự phân phối thực sự về quyền lực hữu hiệu trong xã hội (khác với sự phân chia quyền hành làm quyết định có tính cách pháp chế và hiến định); và (2) loại chế tài tối hậu mà xã hội trông cậy vào và mức độ loại chế tài này được phát triển thành những khả năng được định chế hoá. Cần phải lưu ý thêm về những tương quan giữa hai nhân tố này.

Trong Chương Hai, “Sức Mạnh Xã Hội Và Tự Do Chính Trị,” có lí luận là những loại phân phối quyền lực hữu hiệu khác nhau của các tổ chức trong việc làm các quyết định, liên kết với con số và sức mạnh của những *tụ điểm* quyền lực, vượt trội sự phân chia quyền hành hiến định chính

thức về tầm quan trọng. Sự phân phối thực sự về quyền lực trong xã hội chính trị và những thực thi của của xã hội đó có thể khác với, hay ngay cả không phù hợp với, hiến pháp chính thức hay là những lí tưởng và chủ thuyết mà xã hội đó đeo đuổi. Cả hai điều này đều quan trọng, nhưng rõ ràng là thứ yếu đối với những phương cách vận hành của xã hội. Những *tụ điểm* quyền lực mạnh có thể áp đặt những giới hạn thực sự cho ngay cả một nhà độc tài mà trên lí thuyết là toàn năng. Ngược lại, những *tụ điểm* quyền lực yếu hoặc không đáng kể sẽ cho phép một nhà cai trị của một Nhà Nước có hiến pháp chính thức cai trị một cách độc đoán, và ngay cả xé bỏ hiến pháp, đúng ra là tùy thích.

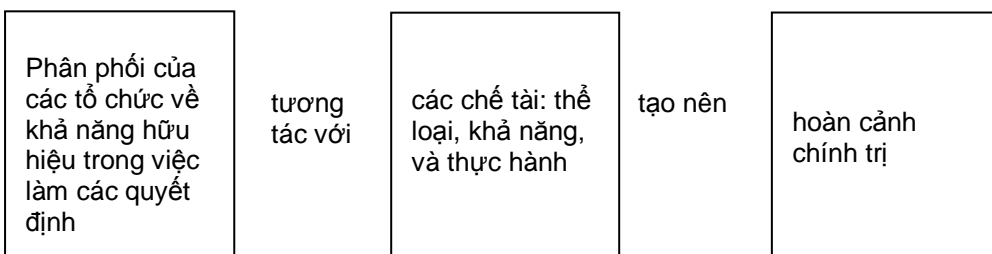
Trong Chương Mười Một, “Phạm Trù Xã Hội,” chúng tôi cũng đã lí luận rằng khả năng bạo động chính trị được định chế hoá, một khi đã được thiết định cho một mục đích nào đó, có thể được chuyển đổi qua những mục đích khác không hề được dự tính từ lúc đầu, và rằng sự chuyển đổi này có thể được thực hiện chủ yếu là tùy ý của những người chỉ huy những tổ chức đó (trừ phi có sự can dự của những lực lượng khác). Vì vậy, độc tài, diệt chủng, chiến tranh, và những hệ thống áp bức xã hội đã từng được xem như là liên hệ mật thiết với nhau, vì chúng là bốn áp dụng của bạo động chính trị được định chế hoá; không có khả năng này, chúng không thể xảy ra. Bạo động chính trị được định chế hoá được xem như là điều kiện cần, chứ chưa phải là điều kiện đủ, cho sự phát triển của bốn hiện tượng đó. Mặt khác, không có khả năng được định chế hoá như thế hẳn phải cho phép những hoàn cảnh tích cực hơn phát triển. Thêm nữa, những hiệu quả của những chế tài bất bạo động về tản quyền và về việc tăng cường khả năng cho người dân, như đã được thảo luận ở chương này, sẽ có khuynh hướng tạo ra những hoàn cảnh và những đặc tính mới cho xã hội chính trị; những hoàn cảnh và đặc tính này sẽ vượt trội những hoàn cảnh và đặc tính mà chúng ta gọi là tự do, tôn trọng sự sống, hoà bình, và công lí xã hội.

Cả những tổ chức lẫn các chế tài, do đó, đều được xem là hết sức quan trọng cho việc tạo nên hoàn cảnh chính trị cho một xã hội nào đó trong mọi thời điểm, và chúng liên hệ với nhau. Ví dụ, trong một xã hội có những *tụ điểm* quyền lực mạnh thì người dân sẽ có nhiều khả năng sử dụng những chế tài bất bạo động hữu hiệu hơn bởi vì họ có những căn cứ tổ chức dành cho việc đấu tranh tập thể. Những *tụ điểm* này có lẽ sẽ đặc biệt quan trọng khi chúng kiểm soát được các nguồn sức mạnh chính trị. Mặt khác, những *tụ điểm* quyền lực này có khuynh hướng được tăng cường và khả năng tổ chức của người dân gia tăng trong thời gian của những cuộc đấu tranh bất bạo động quan trọng, nhất là khi những cuộc đấu tranh này mạnh đủ để thành công.

Trong phần thảo luận kế tiếp chúng ta sẽ đặc biệt lưu tâm đến những ảnh hưởng của sự phân phối quyền lực hữu hiệu và của các chế tài đối với hoàn cảnh chính trị của xã hội. Như là một yếu tố then chốt trong bất cứ khả năng quyền lực nào, các chế tài sẽ được thảo luận như là một hiện tượng riêng biệt, và chúng ta sẽ thu hẹp phần còn lại của những yếu tố của quyền lực hữu hiệu thành “sự phân phối của các tổ chức về khả năng hữu hiệu của việc làm quyết định.”

Một Công Thức Xã Hội

Giả thuyết căn bản cần được tìm hiểu ở đây là sự tương tác giữa sự phân phối của các tổ chức về khả năng hữu hiệu trong việc làm những quyết định và các chế tài của xã hội – bao gồm các thể loại, khả năng, và thực hành – là những nhân tố chính yếu mà với thời gian sẽ có khuynh hướng tạo nên “hoàn cảnh chính trị” của xã hội.” Vì thỉnh thoảng hai nhân tố này sẽ biến đổi, và có lúc lại thay đổi rất nhiều; vì vậy, như là một kết quả, hoàn cảnh chính trị cũng sẽ thay đổi. Chúng tôi nói đến hoàn cảnh của cả hai nhân tố trong xã hội chính trị như là một tổng thể -- bao gồm quảng đại quần chúng, các tổ chức và cơ chế độc lập (những *tụ điểm* quyền lực), và các cơ quan chính quyền (bao gồm Nhà Nước). Trong lúc điều khó nhất hay là không thể thực hiện được là đo lường từng nhân tố một cách chính xác, nhưng điều này không cần thiết cho những mục đích của chúng ta; chúng ta đang nói đến những đặc tính chính yếu của việc phân phối việc làm các quyết định và các chế tài được sử dụng. Phát biểu sự tương tác này bằng một công thức có thể giúp ích được phần nào:

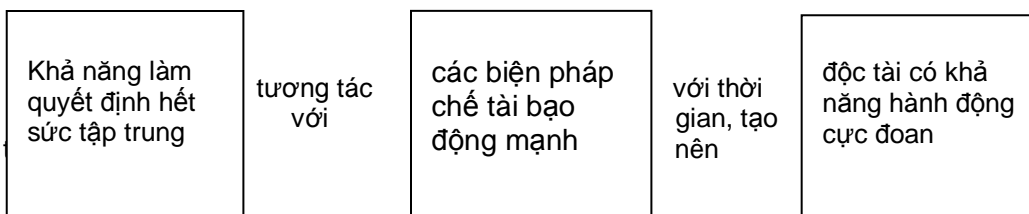


Về dài hạn, hoàn cảnh chính trị sẽ được tạo nên và sửa đổi bởi sự tương tác của sự phân phối tương đối của các tổ chức về khả năng hữu hiệu trong việc làm những quyết định với thể loại của các chế tài được trồng cấy vào, bao gồm khả năng và sự thực hành của những chế tài này. Những nhân tố khác cũng có thể tác động lên hoàn cảnh chính trị, nhưng hai nhân tố này được xem là chính yếu.

Sự vận hành của công thức này có thể được minh họa bằng cách cho thấy ảnh hưởng của những hỗn hợp của những phân phối bởi các tổ chức về việc làm những quyết định và các chế tài, trong những trường hợp mà những hỗn hợp này tương đối rõ ràng. Chúng tôi sẽ trình bày điểm này cho năm hoàn cảnh khác nhau; năm hoàn cảnh này, dù là những mô thức phân tích, nhưng lại rất gần với những hoàn cảnh chính trị thực sự.

Hoàn Cảnh Một: Trong loại hoàn cảnh này, các *tụ điểm* quyền lực cực kì yếu, hoặc đã bị xói mòn một cách có hệ thống và bị phá huỷ. Quyền làm những quyết định hữu hiệu đã được tập trung rất nhiều vào trong tay của một nhóm lãnh đạo nhỏ chỉ huy guồng máy Nhà Nước, và cũng kiểm soát mọi tổ chức hiện hành khác. Các chế tài của xã hội toàn là những chế tài hết sức bạo động. Một khả năng hết sức phát triển được định chế hoá đã được tạo nên dưới hình thức cảnh sát và quân đội. Những chế tài bạo động được áp dụng phổ cập bằng đe dọa hoặc bằng thực hành để kiểm soát trong nước và các quan hệ quốc tế.

Khi có một sự hỗn hợp của những loại làm quyết định với các chế tài xảy ra trong xã hội chính trị thì hoàn cảnh chính trị hệ quả sẽ là một loại độc tài có khả năng áp bức xã hội, gây nên chiến tranh, và thực hiện diệt chủng nếu nhà cai trị của hệ thống muốn như vậy. Điều này đúng dù những lí tưởng được đeo đuổi và những mục đích tối hậu của hệ thống là nhân bản, và ngay cả dù có một hiến pháp thành văn mệnh danh là đang được áp dụng thiết lập những thủ tục và thực hành hoàn toàn khác. Trong trường hợp sau này, nhà cai trị có thể dễ dàng xoá bỏ hiến pháp chính thức và đưa cơ cấu chính thức vào cho phù hợp với hệ thống chính trị thực sự. Hoàn Cảnh Một có thể được minh họa qua biểu đồ sau đây:



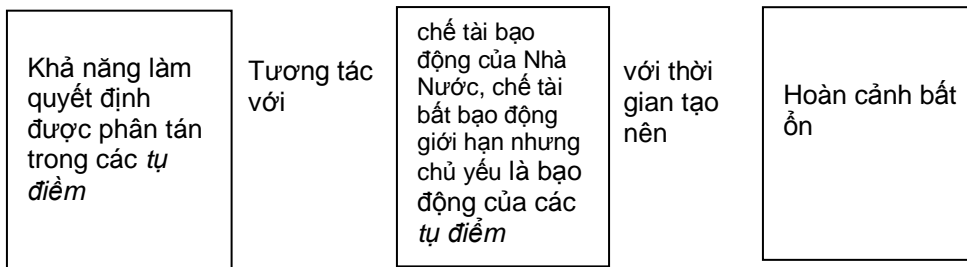
Hoàn Cảnh Hai: Trong loại hoàn cảnh này các *tụ điểm* quyền lực rất mạnh so với cơ cấu của Nhà Nước và có khả năng làm những quyết định độc lập, ngay cả đối lập với nhà cai trị đang chỉ huy guồng máy Nhà Nước. Những chế tài của Nhà Nước là những chế tài bạo động, còn những chế tài của các *tụ điểm* quyền lực bao gồm các chế tài bất bạo động trong những hoạt động nội bộ và trong các tương giao với nhau. Tuy nhiên, những *tụ điểm* quyền lực trong những cơn khủng hoảng cùng tốt

cũng trông cậy vào các chế tài bạo động. Hoàn cảnh chính trị hệ quả sẽ có khuynh hướng bất ổn.

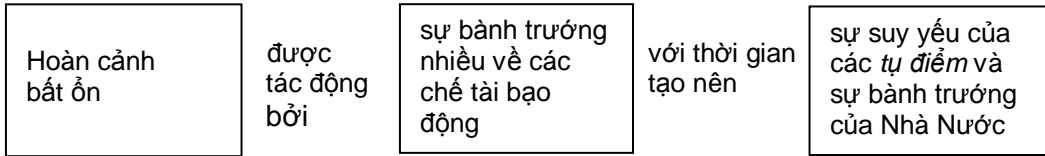
Hoàn cảnh chính trị bất ổn sẽ bao gồm một mức độ cao về tự do và dân chủ, một sự vắng bóng của tình trạng áp bức xã hội có hệ thống, v.v. Tuy nhiên, nếu xảy ra một cơn khủng hoảng có tầm mức hệ trọng thì kết quả sẽ là một sự bành trướng tầm cỡ về khả năng và về thực hành của những biện pháp chế tài bạo động. Những hiệu quả tập trung của những chế tài bạo động như thế sẽ có khuynh hướng đem lại những tác dụng về cơ chế. Vì những yêu cầu quân sự về hiệu năng đòi hỏi, và vì khả năng được định chế hoá về bạo lực chính trị trong tay Nhà Nước được bành trướng và áp dụng, sức mạnh tương đối của những *tự điểm* quyền lực so với Nhà Nước thì có khuynh hướng sa sút. Điều này có lẽ cũng xảy ra dù cho cuộc đấu tranh bạo động, như là để chống ngoại xâm chẳng hạn, được khởi động bằng chiến tranh du kích; trong những cuộc đấu tranh quan trọng, những giai đoạn tản quyền lúc ban đầu của chiến tranh du kích sẽ được thay thế ở những giai đoạn sau bằng trung ương tập quyền càng lúc càng gia tăng và bằng sự chuyển qua những lực lượng và chiến đấu quân sự quy ước.

Mặt khác, dù hoàn cảnh ban đầu bất ổn, nhưng nếu trong một cơn khủng hoảng lớn mà người ta trông cậy vào các chế tài bất bạo động thay vì bạo động để chống nguy hiểm, với hiệu quả bành trướng khả năng và thực hành của họ, thì những tác dụng đối với hoàn cảnh chính trị chắc hẳn sẽ khác xa với những tác dụng tiếp theo sau các chế tài bạo động. Thay vì những tác dụng này, những đặc tính tản quyền của các tổ chức của xã hội, giả sử thành công, không những chắc sẽ được bảo toàn mà còn được bành trướng nữa, do đó tránh được nhiều hậu quả của các chế tài bạo động, và đưa vào những hiệu quả của các chế tài bất bạo động như chúng ta đã thảo luận. Những tình trạng của Hoàn Cảnh Hai có thể được minh hoạ theo biểu đồ sau đây:

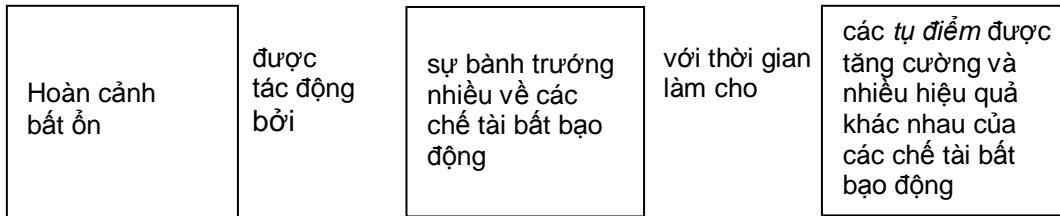
Tình Trạng Cơ Bản



Giải Pháp A



Giải Pháp B

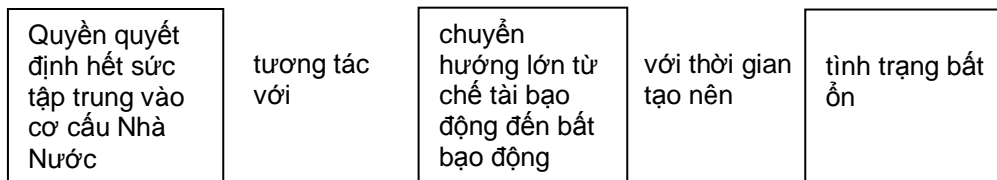


Hoàn Cảnh Ba: Trong loại hoàn cảnh này cơ cấu của các tổ chức xã hội hết sức trung ương tập quyền; những *tỵ điểm* quyền lực thì ít hoặc yếu kém, và khả năng làm quyết định lại tập trung vào một nhóm lãnh đạo nhỏ chỉ huy bộ máy Nhà Nước. Nhà Nước trong quá khứ đã từng trông cậy vào những biện pháp chế tài bạo động được định chế hoá, nhưng nay không còn như thế nữa gây nên bởi những hoàn cảnh và những phản ứng đặc biệt. Tình trạng này không được ổn định.

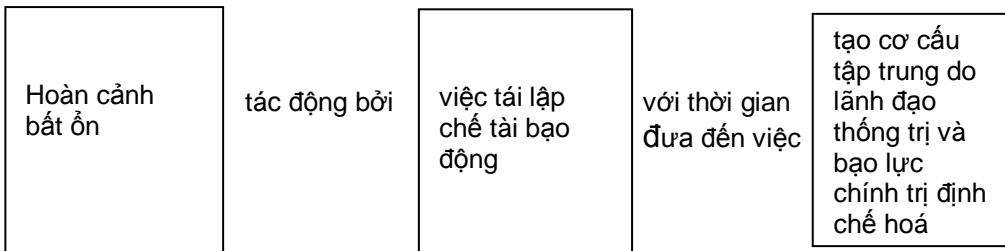
Kết quả có thể có của hoàn cảnh bất ổn này sẽ biến đổi tùy theo một số nhân tố, bao gồm những lí do của sự chuyển hướng qua các biện pháp chế tài bất bạo động và sự rớt ráo và lâu bền của sự thay đổi. Sự chuyển hướng này có thể là kết quả của một sự thay đổi quan trọng về chánh sách bởi những người đang chỉ huy bộ máy Nhà Nước do nhận định là chống lại một cuộc tấn công sắp xảy ra bởi một kẻ địch quá mạnh hơn mình về quân sự, thì kháng cự lại bằng quân sự chỉ là tự vẫn. Hay là, sự chuyển hướng có thể đã xảy ra bởi vì một cuộc cách mạng bất bạo động chống lại hệ thống trước đó thành công. Trong trường hợp đầu, một sự chuyển giao quyền làm các quyết định, được chuẩn bị hay không được chuẩn bị, từ Nhà Nước tập trung về địa phương, sẽ là một điều cần thiết cho cuộc đấu tranh bất bạo động hữu hiệu, kiên cường chống lại kẻ tấn công. Trong trường hợp sau, sự chuyển giao quyền làm quyết định có lẽ đã xảy ra rồi: hoặc các tổ chức độc lập hiện hành đã được dân chủ hoá và đã tự đảm nhiệm nhiều quyền hành làm các quyết định, hay là các *tỵ điểm* sức mạnh với khả năng làm các quyết định đã được tạo nên trước hoặc trong thời gian của cuộc cách mạng.

Những hiệu quả dài hạn của sự chuyển hướng qua các chế tài bất bạo động đối với hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ có lẽ sẽ được quyết định bởi mức độ những thay đổi kéo dài được bao lâu. Nếu những thay đổi chỉ tạm thời, và các chế tài bạo động lại bắt đầu trở lại và lại trở thành những chế tài tối hậu hết sức tội bạt của xã hội, thì một cơ cấu trung ương tập quyền do một nhóm lãnh đạo nhỏ thống trị sẽ có cơ tái xuất hiện. Mặt khác, nếu sự chuyển hướng qua các biện pháp chế tài bất bạo động lâu bền, và trở nên những chế tài chính yếu của xã hội thay vì những chế tài bạo động, thì hoàn cảnh chính trị hệ quả có lẽ sẽ là một hoàn cảnh của khả năng quần chúng được phát triển, đáp ứng nhu cầu quần chúng một cách đầy đủ hơn, và tránh được những hậu quả của bạo lực chính trị được định chế hoá. Những tình trạng của Hoàn Cảnh Ba có thể được minh họa qua biểu đồ sau đây:

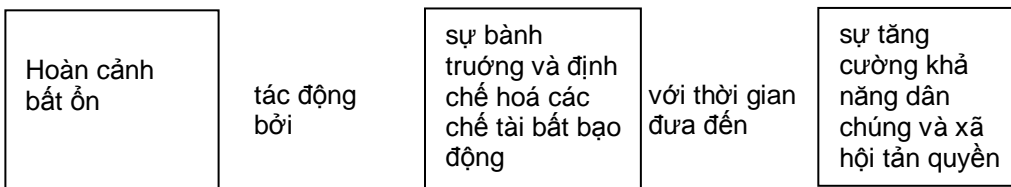
Tình Trạng Cơ Bản



Giải Pháp A

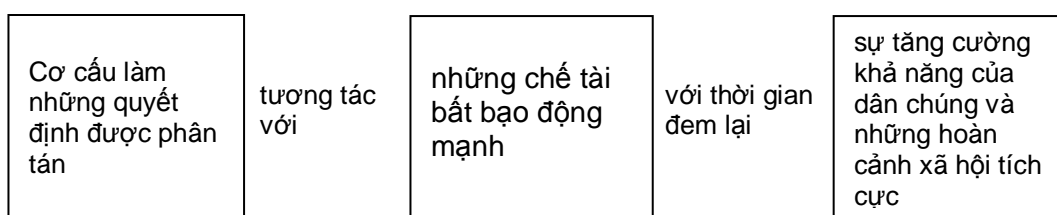


Giải Pháp B



Hoàn Cảnh Bốn: Trong loại tình trạng này khả năng quyết định được phân tán rất nhiều trong các tụ điểm quyền lực còn bộ máy Nhà Nước

trung ương thì yếu. Các chế tài bất bạo động đã được chấp nhận một cách có hệ thống và đã được định chế hoá thay cho các chế tài bạo động, và đã được phát triển rất nhiều với khả năng hùng mạnh để sử dụng khi cần đến như là những chế tài tồn trữ hoặc ứng dụng. Hoàn cảnh chính trị hệ quả có khuynh hướng tương đối ổn định; khả năng của dân chúng được tăng cường rất nhiều, mà không có những nguy hiểm của bạo lực chính trị được định chế hoá, và có nhiều đóng góp mạnh mẽ cho tự do, dân chủ, sự tôn trọng đời sống, hoà bình quốc nội và quốc tế, và công lí xã hội. Tình trạng của Hoàn Cảnh Bốn có thể được minh hoạ qua biểu đồ sau đây:



Trừ phi có những nhân tố hoàn toàn mới được đưa vào, Hoàn Cảnh Một và Bốn nói trên tương đối ổn định, cho nên khi người ta biết được sự phân phối quyền làm những quyết định và loại chế tài thì người ta có thể tiên đoán khá chính xác hậu quả của những hoàn cảnh chính trị. Mặt khác, Hoàn Cảnh Hai và Ba thì hết sức bất ổn. Trong những trường hợp này khi nào sự phân phối quyền làm quyết định hữu hiệu và sự lựa chọn và thiết lập các chế tài tối hậu còn chưa được giải quyết thì người ta sẽ không thể tiên đoán được với độ chính xác những hoàn cảnh chính trị sau đó như thế nào.

Hoàn Cảnh Năm: Bốn hoàn cảnh trên liên hệ đến sự trông cậy nhiều vào hoặc một trong các loại chế tài hay một thời gian chần chừ trong lúc xã hội do dự giữa loại chế tài này hay loại chế tài khác. Trong hoàn cảnh thứ năm, quyền làm các quyết định cơ chế được chia sẻ, theo những tỉ lệ khác nhau, giữa Nhà Nước và các *tụ điểm* quyền lực. Sự phát triển và sử dụng các chế tài bất bạo động hết sức giới hạn và không đáng kể; tuy nhiên, trong lúc đó, các chế tài bạo động, mặc dù được chấp nhận như là loại chế tài tối hậu của xã hội, lại yếu kém và tương đối ít được phát triển. Điều này có thể xảy ra khi không có hay có ít những nguy hiểm và đe dọa, mà người ta cảm nhận được, đòi hỏi cần có những chế tài mạnh thuộc bất cứ loại nào. Hoàn cảnh chính trị hệ quả có khuynh hướng có một mức độ tự do vừa phải nhưng quan trọng, có sự tôn trọng đời sống, không có áp bức xã hội quá mức, và có ít xung đột bạo động lớn và ít chiến tranh, nếu có. Sẽ không có những áp lực từ những chế tài bất bạo động về tẩn

quyền và chuyển giao quyền lực, dù những áp lực này có thể đến từ những nguồn khác như là niềm tin, triết lí, và nhu cầu của các tổ chức.

Hoàn cảnh chính trị này có khuynh hướng ổn định chỉ khi nào không xảy ra những cơn khủng hoảng gây nên một nhu cầu lớn đòi hỏi cần phải có chế tài. Nếu khủng hoảng xảy ra thì khả năng chế tài bạo động có thể bùng nổ rất nhanh chóng. Sự phát triển và sử dụng các chế tài này ở tầm mức lớn sẽ gây áp lực tập trung quyền làm quyết định và kiểm soát các tổ chức, và đem lại những hậu quả của bạo lực chính trị được định chế hoá ở tầm mức lớn. Hoàn cảnh này có thể được phác hoạ như sau:



Cần phải nghiêm túc duyệt xét lí thuyết này về những vai trò của các loại phân phối quyền làm các quyết định và các chế tài trong việc kiến tạo nên hoàn cảnh chính trị của một xã hội. Tuy nhiên, nếu lí thuyết này vững thì sẽ có nhiều ý nghĩa cơ bản cho việc thiết kế những đại chiến lược mới thay đổi xã hội được thoả đáng hơn là những chiến lược trong quá khứ.

Thiết Kế Những Chiến Lược Tăng Cường Khả Năng

Nhiều người sẵn sàng chấp nhận rằng thay đổi nhiều các cơ chế chính trị của chúng ta bằng sự lựa chọn có chủ ý là một việc làm có thể thực hiện được. Khả năng có những lựa chọn để tái thiết xã hội chính trị cũng áp dụng cho việc lựa chọn loại chế tài mà xã hội trông cậy vào và cho quyết định là các hệ thống chính trị của chúng ta sẽ hết sức trung ương tập quyền hay là nên có một hệ thống mà quyền quyết định được phân tán. Những phân tích trong các chương trước gợi ý là những phương cách hiện hữu dùng để đáp ứng các chức năng của xã hội không phải là những phương cách duy nhất có thể có được. Nếu người ta có thể tìm ra

và phát triển được những phương cách khác hữu hiệu thì chúng có thể thay thế cho những phương cách hiện tại như là những thay thế thực dụng.* Nhận định này, Robert K. Merton viết, “làm sáng tỏ bản chất của những gì đang hiện hữu và những gì không thể tránh được.”¹⁵ Khi nhấn mạnh về việc có thể có những thay thế thực dụng, loại phân tách này trở thành chìa khoá cho sự thay đổi cơ bản, hơn là một phương thức giữ nguyên trạng như một vài người đã từng kết án. Cho nên phương thức này trở nên một công cụ trí tuệ giúp phát triển những cách nhằm đạt đến một sự thay đổi nền tảng, bao gồm cả việc giải quyết vấn đề phức tạp về bạo lực chính trị không những chưa bao giờ được giải quyết mà còn hiếm khi được đặt vấn đề một cách toàn vẹn.

Công Nhận Những Giải Pháp Thay Thế Như Là Chìa Khóa Cho Sự Thay Đổi Cơ Bản

Sự thất bại của chúng ta trong việc giải quyết những vấn đề của bạo lực chính trị được định chế hoá, và những vấn đề phụ thuộc như chiến tranh, phần lớn bắt gốc từ sự thất bại của chúng ta về việc nhìn nhận rằng các chế tài bạo động không phải là những chế tài duy nhất có thể có được, và rằng chúng ta có thể khai phá tiềm năng của các chế tài bất bạo động để thay thế. Sự thất bại này là một thất bại về nhận thức của những người từng ủng hộ mạnh mẽ nền dân chủ phóng khoáng và tư bản của Tây phương lẫn của những người chống đối lại và chỉ ủng hộ một trong những hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, loại phân tách này cho thấy cách thức duyệt xét các giải pháp khác, hay là những thay thế thực dụng, mà nếu hữu hiệu như là một phương tiện, thì có thể làm được những công việc thay thế cho những cách thức đang được thực hiện. Điều này có thể là chìa khoá cho sự thay đổi cơ bản về các chế tài chính trị. Như chúng ta đã từng thấy trong các chương trước, các chế tài bất bạo động đã được dùng thay cho các chế tài bạo động trong nhiều hoàn cảnh trong quá khứ trong những xã hội hết sức khác biệt. Do đó thực sự có những chế tài bất bạo động để thay thế. Điều này mở đường cho sự thay đổi cơ bản đến mức độ chế tài bất bạo động có thể thay thế được cho chế tài bạo động. Nếu chế tài bất bạo động có thể được làm cho hữu hiệu, và nếu được chấp nhận như là một loạt những thay thế cụ thể như đã được thảo luận trong chương trước, thì những chế tài bạo động có thể được loại bỏ như không còn cần đến nữa. Một loạt những thay thế như thế sẽ đóng góp vào sự thay đổi có tính hệ thống liên hệ đến việc tăng cường khả năng cho quần chúng và dân chủ

* Xem Chương Chín, “Tương Đương Về Chính Trị Với Chiến Tranh – Phòng Vệ Trên Căn Bản Dân Sự,” và Chương Mười, “Tìm Một Giải Pháp Cho Vấn Đề Chiến Tranh.”

hoá các tổ chức.

Tuy nhiên, sự phân tích những cách thức thay thế nhằm đáp ứng những nhu cầu của xã hội không bị giới hạn trong việc áp dụng cho các chế tài mà thôi, mà còn có thể được áp dụng cho những cơ chế tập trung tầm cỡ có những thủ tục làm các quyết định bởi một nhóm lãnh đạo nhỏ cùng với khả năng làm suy nhược người dân đang bị các cơ chế này ảnh hưởng hoặc kiểm soát. Những cơ chế này bao gồm cả những tổ chức kinh tế tầm cỡ lẫn bộ máy Nhà Nước. Cho đến mức độ nào có thể thực hiện được, nếu chúng ta có thể, cứ từng bước một, thổi luồng sinh khí vào, bành trướng, và ngay cả tạo nên những tổ chức phi chính phủ khác và các cấp thấp của chính quyền tham dự để đáp ứng các nhu cầu xã hội, kinh tế, và chính trị của xã hội, thì chúng ta có thể đảo ngược lại được sự tập trung phi thường về quyền lực hữu hiệu vào tay những công ti lớn và bộ máy Nhà Nước trung ương.

Trong lúc chiêm nghiệm những vấn đề của xã hội của chúng ta và sự tăng trưởng quyền lực tập trung của Nhà Nước, chúng ta cần phải làm nhiều hơn là chỉ bảo tồn những khía cạnh tốt của xã hội có nguồn gốc trong quá khứ mà nay vẫn còn có giá trị, và nhiều hơn là tạo những thay đổi chỉ để sửa sai những sai lầm nào đó mà thôi. Chúng ta phải chú ý hành động theo những phương cách tăng cường các tổ chức phi chính phủ của xã hội, và chủ tâm tránh gia tăng sự tập trung quyền lực hữu hiệu vào tay Nhà Nước.

Chỉ vạch trần những nguy hiểm của chính quyền trung ương mạnh, sự vô cảm của chế độ quan liêu, hay là thuế má cao không đem lại giải pháp lâu bền cho vấn đề kiểm soát bởi một nhóm lãnh đạo nhỏ, trung ương tập quyền, và sự bành trướng liên tục của những công ti kéch xù và của bộ máy Nhà Nước. Cần phải có thay đổi về cơ chế. Một cách để thực hiện điều này là tạo nên những tổ chức khác thay thế để đáp ứng các chức năng mong muốn và cần thiết hiện đang được cung ứng bởi những tổ chức tập trung lớn.

Một vài công tác hiện đang được thi hành bởi guồng máy Nhà Nước thực ra không cần có, hay ngay cả không thích hợp cho một xã hội thường hay đề cập đến tự do và dân chủ. Các chức năng này, và những bộ phận của Nhà Nước chăm lo những chức năng đó có thể đơn giản được huỷ bỏ đi vì phúc lợi và an sinh của xã hội. Tuy nhiên, hầu hết các chức năng tổng quát được Nhà Nước thi hành (hay lẽ ra phải thi hành), và nhiều chức năng đề nghị khác nữa, đều được hầu hết mọi người xem như là được mong muốn hay là cần thiết. Sự can dự của Nhà Nước trong việc đáp ứng các nhu cầu này sẽ không bị giảm thiểu cực độ hoặc chấm dứt cho đến khi hay trừ phi các chức năng này được thực hiện khác đi một cách thành công bởi những cơ chế khác. Do đó, nếu muốn chặn

đứng sự bành trướng thêm của bộ máy Nhà Nước trung ương, thì người ta cần phải tạo ra những phương cách khác để đáp ứng những nhu cầu đích thực về xã hội, kinh tế, và chính trị đã từng bị xao lãng mà các nhà cải cách đề nghị Nhà Nước có thể chăm lo. Sự bành trướng của Nhà Nước vào trong xã hội và kinh tế không thể ngăn chặn lại được bằng cách tránh trách nhiệm xã hội hay bằng sự lơ là. Điều này cũng không thể thực hiện được bằng cách giao phó tất cả cho những công ti tập trung, kénh xù của quốc gia và liên quốc gia được. Trừ phi có những tổ chức và những giải pháp thay thế khác được thiết lập, sự bành trướng tiệm tiến của bộ máy Nhà Nước cứ tăng dần vào trong xã hội là một điều không thể tránh được.

Để giảm bớt một cách tiệm tiến kích cỡ của Nhà Nước trung ương hiện hành, và do đó những nguy hiểm của nó, thì cần phải tạo ra hoặc tăng cường các tổ chức (những *tự điểm* quyền lực) tầm cỡ nhỏ với khả năng làm quyết định được phân tán để cung ứng cho những nhu cầu đích thực, và rồi dần dà chuyển những tổ chức này qua đảm trách những công tác hiện đang được Nhà Nước thi hành. Chúng ta phải nhắm đến một con số rất lớn những tổ chức, mỗi tổ chức sinh hoạt riêng rẽ ở tầm mức nhỏ với sự tham gia dân chủ cao, hợp tác với những tổ chức khác khi cần thiết về những dự án ở tầm mức vùng hay quốc gia.

Không có gì ở đây ngụ ý là các tổ chức, các cơ chế tầm cỡ nhỏ, và các cấp thấp của chính quyền luôn luôn là những trường hợp an lành của nhân bản và của dân chủ đại chúng. Nhưng, trong những trường hợp tệ hại nhất, những cơ chế nhỏ vẫn gây tai hại ít hơn là những tổ chức lớn. Với những cơ quan nhỏ thì những người tham dự và các thành viên dễ dàng hành động trực tiếp để sửa sai các vấn đề. Những cơ chế nhỏ tạo được sự tham dự và kiểm soát bởi những người trực tiếp quan tâm nhiều hơn là những cơ chế lớn.

Ở cấp độ chính quyền, mặc dù hay ngay cả bởi vì những phát triển về chính trị trong thế kỷ vừa qua, chúng ta cần phải duyệt xét cẩn thận những phương cách khác nhau để gia tăng sự tham dự và kiểm soát dân chủ. Những ý kiến của Hannah Arendt, đã được thảo luận ở Chương Sáu, "Tự Do Và Cách Mạng," đáng được duyệt xét một cách đặc biệt. Ở nơi nào mà những cơ sở của dân chủ trực tiếp còn tồn tại ngay cả dưới những hình thái rách nát như là những buổi họp dân phố ở New England hay như các tổ chức nông dân vùng Trung Tây [Hoa Kỳ], thì chúng ta cần phải tìm cách nào để bảo tồn và đem lại cho những cơ sở này nguồn sinh khí và những trách nhiệm mới. Ở nơi nào không có những cơ sở này, thì chúng ta phải tìm cách khởi động những thí nghiệm có trách nhiệm trong việc đưa những cơ sở này vào để, lúc ban đầu, giải quyết những vấn đề giới hạn nhưng quan trọng.

Sự hỗn hợp của việc từ từ phát triển và chấp thuận cả các chế tài bất bạo động để thay thế lẫn những tổ chức độc lập nhỏ trong một chương trình thay đổi có trách nhiệm theo từng giai đoạn một, sẽ giúp kiến tạo một hoàn cảnh chính trị thực thi được những lí tưởng mà xã hội chúng ta đeo đuổi ở một mức độ cao hơn rất nhiều so với hiện tại.

Những Cuộc Đấu Tranh Giải Phóng Bất Bạo Động

Những hệ quả cơ cấu dài hạn của cả những chế tài bạo động lẫn bất bạo động đều mang những ý nghĩa sâu xa đối với những cuộc đấu tranh giải phóng chống lại đủ loại áp bức. Có hai điểm rõ ràng:

1. Giải phóng chủ yếu phải là tự giải phóng; và
2. Chỉ có giải phóng bằng những phương tiện tăng cường khả năng của nhóm thuộc cấp mới có thể đóng góp vào những thay đổi dài hạn trong những tương quan lực lượng, do đó ngăn cản áp bức trong tương lai.

Đây không phải là một viễn tượng đem lại thoải mái. Sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu người ta tìm được một “vị cứu tinh” đơn thân độc mã đánh đổ áp bức, mà không cần đòi hỏi những người bị áp bức phải nỗ lực hay chịu đựng tổn thất gì cả. Mặc dù niềm tin vào viễn tượng này phổ biến, nhưng nguy hiểm. Niềm tin này được đặt nền tảng trên sự thất bại trong việc phân biệt giữa một kẻ áp bức với tình trạng tổng quát của sự áp bức. Trong tình trạng này quân chúng liên tục dễ bị tổn thất, do sự yếu kém của mình, bởi bất cứ người nào có thể tranh thủ được vị thế của nhà cai trị và sử dụng vị thế này để áp bức họ. Trong hoàn cảnh này thì một kẻ áp bức chỉ đơn giản được thay thế bằng một kẻ áp bức khác mà thôi. “Giải phóng” mà được kẻ áp bức ban cho trong một phút rộng lượng hay vì những động lực thầm kín khác, hoặc “giải phóng” mà được một thành phần thứ ba đã can dự và đánh bại kẻ áp bức cũ trao cho những người bị áp bức mà không đòi hỏi họ phải có nhiều nỗ lực, thì sẽ không tăng cường khả năng của thuộc cấp và các tổ chức của họ, và có thể bị cất đi một cách dễ dàng như khi được ban cho vậy. Mặt khác, giải phóng mà do chính những người bị áp bức tranh thủ được, như là kết quả của những nỗ lực tự tăng cường sức mạnh của mình và của việc sử dụng bất hợp tác và thách thức, thì sẽ thay thế tình trạng áp bức bằng một hoàn cảnh sức mạnh xã hội tự lực cánh sinh và do đó không bị lấy đi một cách dễ dàng được. Tình trạng sau này sẽ đem lại những hiệu quả dài hạn hữu ích và lâu bền hơn rất nhiều.

Bao giờ mà người ta còn có thể tự suy nghĩ lấy cho mình và duy trì tự trọng, thì người ta sẽ tranh đấu để đạt cho kì được, để bảo tồn, và nói

rộng tự do của họ. Tuy nhiên đáng tiếc là tại nhiều quốc gia và trong nhiều hệ thống, quyền lực của nhà cai trị và của nhóm lãnh đạo kinh tế quá rộng lớn và không được kiểm đến độ tình trạng chịu đựng bởi quảng đại quần chúng chỉ có thể được mô tả như là áp bức. Loại hệ thống có thể có nhiều hình thái khác nhau. Nó có thể là những gì còn sót lại của nền cai trị thực dân, của đô hộ ngoại bang, của bóc lột kinh tế, của thống trị xã hội (như đối với phụ nữ và tiện dân), của những hệ thống kì thị chủng tộc, của độc tài quốc nội, hay của một danh xưng nào khác. Khi người ta tìm cách lật đổ áp bức, thiết lập sự kiểm chế của dân chúng đối với quyền lực chính trị, đối với thống trị xã hội, và đối với lãnh đạo đủ loại, tức là người ta đấu tranh để giải phóng.

Do đó, vấn đề giải phóng không biến mất chỉ vì các chế độ thuộc địa Âu châu cũ đã được thay thế bởi các chế độ bản địa. Tự do – trong ý nghĩa rộng lớn về xã hội, kinh tế, và chính trị -- vẫn còn là một mục đích, tốt lắm thì, cũng chưa đạt được toàn vẹn, và trong nhiều trường hợp lại còn bị vi phạm trắng trợn bằng những phương cách cực đoan dưới nhiều chiêu bài và hệ thống khác nhau.

Những câu hỏi quan trọng do đó trở nên là *làm thế nào* để những người bị áp bức tiến hành được cuộc đấu tranh để đạt được thay đổi, không biết họ có thành công hay không, sẽ có những tổn thất nào, không biết về lâu về dài có có được một xã hội tốt đẹp hơn nhiều hay không, một xã hội gần như là tự do.

Câu hỏi phải đấu tranh như thế nào thường được trả lời bằng những cảm xúc phát sinh từ niềm đau bị áp bức trong quá khứ. Những cuộc đấu tranh giải phóng thuộc bất cứ loại nào cũng luôn luôn chứa đựng những yếu tố cảm xúc và hết sức chủ quan. Bất cứ hoàn cảnh cách mạng nào cũng đều có một cái gì không nắm bắt được khó mà phân tích một cách khách quan. Đưa ra được yếu tố không nắm bắt được này bằng cách phân tích kĩ lưỡng và bằng quyết định lí trí lại còn khó hơn.

Đó là cái tinh thần của một dân tộc đứng lên chống lại những hoàn cảnh mà họ không còn chịu đựng được nữa và đồng thời vẫn trung thực với chính mình, với những niềm tin của mình, và với những ước mơ của mình cho ngày mai. Đó là sự sẵn lòng đánh liều mặc những thua lỗ không thể tính toán được, vì sợ rằng trí óc sẽ ngăn cản con tim mà thực ra chính là nguồn sáng tạo của những cuộc cách mạng. Đó là sự can đảm giáng xuống nhát búa đầu tiên để giành tự do trong lúc những người khác đứng chờ dấu hiệu. Đó là sự sẵn lòng cứ tiếp tục, mặc dù biết rằng nếu tính toán xác suất hơn thua, thì mình không thể thắng được. Đó là một người sẵn lòng chết cho một tương lai mà chỉ có người khác mới thấy được.

Dù rằng yếu tố xúc cảm do đó mạnh trong tất cả mọi loại phong trào thay đổi xã hội, nhưng mục đích tuyên bố công khai không đơn giản chỉ là

thoả mãn nhu cầu tâm lí riêng tư của mình, mà là tạo thay đổi. Nhất là trong những phong trào giải phóng và cách mạng chính yếu, nếu chỉ để bị hướng dẫn bởi cảm xúc không mà thôi, thì người ta có thể vấp phải những lỗi lầm nghiêm trọng trong việc chọn lựa các công cụ -- cả những chế tài lẫn các tổ chức -- cho việc tranh thủ các mục tiêu của mình. Nếu có được ý thức trách nhiệm về kết quả thực sự đã đạt được, điều sẽ ảnh hưởng nhiều người hiện đang sống cũng như những thế hệ tương lai, thì người ta cần phải duyệt xét kĩ lưỡng việc làm thế nào để đạt được những mục đích của mình như là phương tiện để tranh thủ những mục tiêu khác, đồng thời đáp ứng được những nhu cầu cảm xúc riêng tư của mình.

Sự chọn lựa này không đơn giản chỉ là ở giữa những cách thức dễ và khó. Thường thường thì dễ và khó về phương tiện thì khó mà tiên đoán được, và nếu người ta muốn có sự thay đổi cơ bản, thì thường không có phương cách dễ dãi. Người ta cũng không thể tính toán chỉ dựa trên căn bản của những khác biệt tiên đoán về sự đau khổ giữa việc sử dụng những chế tài bạo động và những chế tài bất bạo động được. Những khác biệt này cần phải được duyệt xét, và các chế tài bất bạo động tỏ ra là tạo ít đau khổ hơn nhiều và ít tổn thất hơn nhiều so với các chế tài bạo động. Điều này quan trọng, nhưng không phải là nhân tố duy nhất được xét định. Dù ta chọn đấu tranh hay không làm gì cả, thì những nạn nhân của áp bức cũng sẽ phải chịu đau khổ.

Trong tất cả mọi trường hợp áp bức, vấn đề duy nhất quan trọng hơn cả của những phong trào giải phóng là làm thế nào để hành động bằng những phương tiện thay đổi được tình hình, chấm dứt những hoàn cảnh bất công, và thiết lập được sự kiểm soát bởi dân chúng về đời sống của chính họ và về xã hội. Mức độ của sự thay đổi được đòi hỏi, dù nhỏ bé hay căn bản, sẽ ảnh hưởng mạnh đến loại và tính cực đoan của hành động này. Trong những hoàn cảnh cách mạng, vấn đề chỉ là nghiêm trọng hơn, nhưng chủ yếu vẫn là cùng một vấn đề.* Đó là vấn đề chiến lược: làm thế nào hành động ngõ hầu đạt được hiệu lực tối đa để chấm dứt áp bức tức khắc và để thiết lập một hệ thống thay thế có nhiều công lí, nhiều kiểm soát bởi dân chúng, và nhiều tự do hơn. Vấn đề này đòi hỏi sự lưu tâm của tất cả những ai muốn chống lại áp bức và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

* Barthelemy de Ligt viết: "Vấn đề lớn của đấu tranh cách mạng của quần chúng nằm trong điểm này: làm thế nào để tìm ra những phương pháp đấu tranh vừa xứng đáng với con người vừa đồng thời làm cho những quyền lực phản động được vô trang hùng mạnh nhất vẫn không thể chịu đựng nổi." (Barthelemy De Ligt, *Chinh Phục Bạo Lực: Một Luận Đề Về Chiến Tranh và Cách Mạng* [New York: E.P. Dutton, 1938, và London: Geo. Routledge and Sons, 1937, và New York: Garland Publishing, 1972], t.163)

Những Nhân Tố Then Chốt Cho Giải Phóng Bất Bạo Động

Có một vài trong số những nhân tố chính yếu cần phải được duyệt xét bởi những người hay nhóm người muốn thực hiện giải phóng bằng đấu tranh bất bạo động:

1. Họ sẽ cần phải hiểu càng đầy đủ càng tốt bản chất của địch và của hệ thống, và của hoàn cảnh rộng lớn trong đó cả địch lẫn nhóm đấu tranh sẽ hành động. Thiếu hiểu biết, hay là những sai lầm về nhận định, có thể đưa đến những lỗi lầm chiến lược hoặc chiến thuật nghiêm trọng. Hiểu được đối thủ và xã hội chính xác và đầy đủ hơn sẽ làm cho việc chọn lựa đường hướng hoạt động hữu hiệu nhất có thể thực hiện được.

2. Loại chế tài -- tức là kĩ thuật đấu tranh -- được sử dụng trong cuộc đấu tranh cần phải được lựa chọn một cách có ý thức với sự duyệt xét những hệ quả của cả ngắn hạn lẫn dài hạn, những ưu điểm và nhược điểm của nhóm đấu tranh và của địch, và bối cảnh rộng lớn trong đó cuộc xung đột đang xảy ra. Sự lựa chọn này không nên để mặc cho rủi may, cho sự quyết định của những nhóm nhỏ, cho những kết quả của đấng cay, hoặc cho những giả định không được thẩm định về quyền lực.

Trong quá khứ, việc thể loại các chế tài không được chọn lựa một cách có ý thức xảy ra rất thường xuyên, và những người nổi loạn công khai quá thường xuyên vào bạo lực chính trị, điều mà đối phương được trang bị tốt hơn để sử dụng. Sự lựa chọn này thường bất lợi ngay, và đã đóng góp về dài hạn cho một xã hội khác hơn là mong ước, như đã thảo luận ở trên.

3. Các chế tài bất bạo động -- tức những phương pháp của kĩ thuật đấu tranh bất bạo động -- cần phải được hiểu một cách thấu triệt. Điều này bao gồm lí thuyết về quyền lực của kĩ thuật, các phương pháp, các động năng, và những phương thức tạo thay đổi, các yêu cầu, các điều kiện để có hiệu lực, các nguyên tắc về chiến lược, những phản ứng đối với đàn áp, và những phương tiện khác kết thúc những cuộc đấu tranh riêng rẽ.

4. Kiến thức rộng về đại chiến lược đấu tranh và về bản chất và về các đòi hỏi về những nhu cầu của các chế tài bất bạo động cần phải được phổ biến rộng rãi trong xã hội. Điều này sẽ giúp quảng đại quần chúng có khả năng hành động ăn nhịp với những nhu cầu đó, bất kì những điểm đấu tranh và mức độ tham dự của họ là gì.

5. Những chiến lược cá biệt, cùng với những chiến thuật hỗ trợ, cần phải có cho mỗi hoàn cảnh riêng, phải được thiết kế với quá trình kiến thức về những nhân tố nói trên và những nhân tố khác thêm nữa.

6. Cần phải thành lập một nhóm người càng lớn càng tốt, tận tâm với lí tưởng giải phóng, có một sự hiểu biết thấu đáo về các chế tài bất bạo động, và sự sẵn lòng sử dụng những chế tài này một cách có kỉ luật.

7. Đòi hỏi cần phải liên tục chú trọng đến tình trạng của phong trào đấu tranh trong một hoàn cảnh xung đột liên tục biến đổi. Sẽ cần phải có những nỗ lực sửa đổi các khuyết điểm. Các chiến dịch cần phải được đánh giá để làm thành những bài học.

8. Ở nơi nào mà cuộc đấu tranh bùng nổ một cách tự phát thì có thể được tăng cường bằng sự hiểu biết vừa có tính trực giác vừa trí tuệ về kĩ thuật đã đang được sử dụng, và cũng bằng những sáng kiến đã được phát triển trong thời gian đấu tranh bởi những người có sự hiểu biết rộng lớn hơn về loại các chế tài này.

9. Trong một cuộc đấu tranh quan trọng, đòi hỏi cần phải có những sáng kiến chiến đấu và những chiến lược đấu tranh đến mức độ cuộc đấu tranh này còn phù hợp với kỉ luật bất bạo động, cùng với những nhận định chính xác là các chế tài bất bạo động hữu hiệu như là một phương tiện để đạt đến những mục tiêu khác. Nếu những điều này không xảy ra, thì mất tinh thần hay là một sự chuyển đổi qua bạo động sẽ xuất hiện, cùng với những hậu quả tai hại của chúng.

10. Giả sử có đủ sức mạnh, thì phong trào đấu tranh bất bạo động phải kiên quyết trước đàn áp và hăm dọa, và khước từ chịu khuất phục. Những người lãnh đạo phải nêu gương này cho tất cả mọi người tham dự: lãnh đạo không nên để cho đối phương làm cho người ta hiểu như là mình đã chấp nhận một hình phạt giảm khinh để đánh đổi một sự đối kháng nhẹ nhàng hơn. Hành xử như thế sẽ làm mất tinh thần dân chúng hay chuyển đổi qua bạo lực chính trị; hành vi này chỉ có thể được sửa sai bằng cách loại bỏ những người lãnh đạo này và bằng cách tung ra những sáng kiến bất bạo động có tính chiến đấu hơn.

11. Trừ phi quần chúng và các *tụ điểm* quyền lực quá sức mạnh so với bộ máy Nhà Nước, giải phóng thường không thể đạt được trong một cuộc đấu tranh ngắn ngủi duy nhất. Thay vì như vậy, giải phóng thường xảy ra theo từng giai đoạn. Trong những giai đoạn này, sức mạnh của người dân gia tăng, khả năng áp dụng các chế tài bất bạo động của họ tăng trưởng, trong lúc các nguồn sức mạnh của đối phương bị hạn chế hay bị cắt đứt, và trong lúc các thành phần thứ ba có thời giờ để chuyển đổi lòng trung thành và sự hỗ trợ của họ. Vào một số thời điểm, chia rẽ và những khuyết điểm có thể xuất hiện trong hàng ngũ đối phương. Mặt khác, nhóm đấu tranh bất bạo động có thể gia tăng khả năng sức mạnh hữu hiệu để tranh thủ các mục tiêu của mình.

12. Khẩn thiết phải nhớ là loại đấu tranh giải phóng này là một cuộc đấu tranh của phát triển và thay đổi liên tục, không có gì ở thể tĩnh vĩnh viễn. Có lúc, có những thay đổi rất nhanh chóng xảy ra.

13. Những hình thái của chiến thắng cuối cùng cũng khác nhau, từ một thoả hiệp trang nhã đến sự sụp đổ toàn diện của vị thế và quyền lực của đối phương trong trường hợp cực đoan.

Cần phải chú trọng đến những nhân tố như thế vì những nhân tố này sẽ làm cho người ta lưu tâm đến cả những tổ chức lẫn các chế tài trong thời gian của tiến trình đấu tranh ngõ hầu xã hội mà họ muốn kiến tạo phù hợp với những lí tưởng mà những người tìm kiếm sự thay đổi đã đeo đuổi từ lúc ban đầu.

Chế Tài Bất Bạo Động Cho Những Mục Đích “Không Công Chính”

Chế tài bất bạo động đã từng được sử dụng cho những mục đích mà nhiều người gọi là không công chính, và có khi những thách thức bất bạo động chống lại cấp lãnh đạo đã được ổn định lại bị những chế tài bất bạo động phản hay những phản ứng không đòi hỏi đàn áp bạo động phản công. Những phát triển này làm cho một vài người khó chịu, nhất là những người cho rằng chỉ những người tin vào một hệ thống đạo đức và tôn giáo rao giảng luân lí bất bạo động mới nên hay có khả năng sử dụng hành động bất bạo động mà thôi. Như đã thấy rõ là những người khác cũng *có khả năng* sử dụng chế tài bất bạo động, thường có hiệu lực lúc ban đầu. Có phải là những người đeo đuổi những ý đồ “không công chính,” hay là những người và nhóm người tìm cách đánh bại một thách thức bằng hành động bất bạo động, mới *nên* sử dụng các chế tài bất bạo động cho mục đích đó hay không là một câu hỏi phức tạp hơn là mới được nhìn thấy lần đầu. Những câu trả lời của chúng tôi cho những câu hỏi này sẽ ảnh hưởng đến đề cương đưa ra trong cuốn sách này về những thay thế có hệ thống của chế tài bất bạo động cho các chế tài bạo động.

Điều ưa thích nhất của nhóm dân thân vào đấu tranh bất bạo động dĩ nhiên là những nhóm theo đuổi những ý đồ “không công chính”, hay tìm cách đánh bại một phong trào đấu tranh bất bạo động, nên chấp thuận những mục đích mà nhóm bất bạo động đeo đuổi. Những loại đấu tranh bất bạo động tìm cách cải hoá những thành viên riêng rẽ của nhóm đối phương, khác với những người tìm cách giàn xếp bằng phương thức thích nghi hay cưỡng ép bất bạo động, thì có dự định đạt mục đích này. Tuy nhiên, không phải mọi người sử dụng đấu tranh bất bạo động đều có

thể hoặc nên đeo đuổi thay đổi duy nhất chỉ bằng phương thức cải hoá mà thôi. Dù sao thì cũng thật là ngây thơ nếu trông chờ tất cả mọi nhóm bị thách thức bằng những phương tiện bất bạo động từ bỏ những niềm tin bền vững, những thực hành, và những mục đích của họ một cách dễ dàng. Đôi khi, nhờ họ làm như vậy thật thì vẫn không hay. Ví dụ, trước con mắt của nhiều người, nhóm bất bạo động có thể đứng về “phía sai lầm” của vấn đề; dù sao, vào một thời điểm nào đó, những người thuộc Đức Quốc Xã tổ chức những vụ tẩy chay người Do Thái về kinh tế, và những người ủng hộ hội nhập tại vùng Cực Nam đôi khi phải chịu những vụ tẩy chay về xã hội và kinh tế bởi những người chủ trương đối xử phân biệt. Ngay cả khi nhóm bất bạo động đứng về phía “đúng”, thì vẫn đòi hỏi cần phải có một cái gì hơn là chỉ một sự thay đổi nhanh chóng về những niềm tin của đối phương. Có thể đòi hỏi cần phải có những thay đổi về những tương quan lực lượng, chẳng hạn, và những thay đổi này cần thời gian và nỗ lực mới đạt được.

Hiện thực sự kiện là những người, những nhóm người, các nhóm nhỏ lãnh đạo hùng mạnh, và các giai cấp trong xã hội sẽ tiếp tục có những niềm tin, kiên trì trong cách hành xử, và đeo đuổi những mục đích mà nhiều người trong chúng ta bác bỏ vì lí do “không công chính,” bất chấp sự kiện là những điều này đang bị thách thức bởi các chế tài bất bạo động. Cũng là một sự kiện nữa khi các cơ quan này bị thách thức bởi những phương tiện bất bạo động thì những nhóm người này thông thường sẽ từ chối đầu hàng và sẽ phản ứng bằng cách áp dụng các chế tài. Đây là một nhân tố căn bản “cố định” của hoàn cảnh xung đột mà những người muốn khác đi không thể mơ ước là không xảy ra được.

Chính trong bối cảnh này mà câu hỏi của những nhóm sử dụng các chế tài bất bạo động cần phải được xem xét. Tùy theo những niềm tin và hoàn cảnh của họ mà họ sẽ sử dụng các chế tài thuộc một loại nào đó: câu hỏi duy nhất là *loại nào*. Người ta có muốn những nhóm như thế sử dụng bạo lực hay không? Bởi vì các chế tài tối hậu thuộc hai loại, chế tài bạo động và chế tài bất bạo động, loại này hoặc loại kia sẽ được dùng. Không có sự chọn lựa thứ ba. Do đó, trong vòng những hạn chế của hoàn cảnh, người ta phải hỏi xem là sử dụng những chế tài bạo động hay là những chế tài bất bạo động thì “tốt đẹp” hơn – theo những tiêu chuẩn đo lường nào.

Khi những nhóm và những tổ chức ủng hộ những ý đồ “không công chính” bỏ rơi các chế tài bạo động để tranh thủ các mục đích của họ và thay thế bằng các chế tài bất bạo động, thì những bộ phận này vẫn là một “vấn đề.” Ví dụ, nếu nhân quan của họ, như kì thì chủng tộc chẳng hạn, động cơ thúc đẩy những hành động của họ, được thay thế bởi những quan điểm và những niềm tin thừa nhận nhân phẩm của tất cả mọi người thì có lẽ sẽ tốt đẹp hơn rất nhiều. Tuy nhiên, khi điều này không xảy ra, thì

việc những nhóm này chuyển đổi từ các chế tài bạo động sang các chế tài bất bạo động để tranh thủ các mục tiêu của họ sẽ tốt hơn rất nhiều cho xã hội như là một tổng thể, và cả cho nhóm người mà họ trút lên tất cả hận thù nữa. Ví dụ, nếu một nhóm người “da trắng” kì thị chủng tộc, để ủng hộ niềm tin của họ, sẵn lòng tuân hành với kỉ luật bất bạo động, trong mọi hoàn cảnh trong thời gian của cuộc biểu tình có tổ chức và trong tương lai, thì điều này có thể là một tiến bộ lớn lao trong việc nhân bản hoá phương cách tiến hành những xung đột cực đoan trong một xã hội kì thị chủng tộc. Biến cố này cần phải được so sánh không những chỉ với cái lí tưởng mà theo đó sự kì thị chủng tộc được huỷ bỏ, mà còn phải được so sánh với những phương pháp trước đây của những nhóm kì thị chủng tộc, bao gồm việc treo cổ mà không cần xét xử, đánh đập, đánh bom, và những bạo hành thân xác khác nhằm làm hại, giết, hoặc hãm dọa người ta.

Thỉnh thoảng khi người ta lần đầu tiên ý thức được là những chế tài bất bạo động có thể không những chỉ có sức mạnh mà còn có thể được chấp nhận bởi những nhóm kì thị chủng tộc hoặc những nhóm khác có những nhân quan và chánh sách mà họ ghét, thì họ đặt câu hỏi: “Nếu Hitler trước đây sử dụng hành động bất bạo động thì thế nào?” Nếu Hitler và những người đồng thời Đức Quốc Xã của ông chuyển đổi từ những phương tiện bạo động sang những phương tiện bất bạo động, thì họ vẫn là một đe dọa nghiêm trọng, nhưng toàn bộ bản chất của Đức Quốc Xã sẽ thay đổi. Kì thị chủng tộc, chống Do Thái, chủ nghĩa ưu tú hân vẫn hiện hữu và sẽ đòi hỏi những biện pháp phản công gắt gao từ những người và những nhóm người chối bỏ những thứ này và muốn xoá bỏ những ảnh hưởng của chúng. Tuy nhiên, không có bạo lực thì những người Đức Quốc Xã đã không bao giờ có thể lập nên được các trại tập trung, tra tấn và hành quyết những đối thủ chính trị, tận diệt những người Gypsies, những người Do Thái, những người đồng Âu, và những người khác nữa, hay là xâm lược và thả bom những nước khác. Nếu những người Đức Quốc Xã chỉ tự hạn chế mình vào những cuộc tẩy chay kinh tế, những buổi tuần hành, và những cuộc đình công nhịn đói, chẳng hạn, thì trong bầu không khí của thời bấy giờ họ vẫn đã có thể gây nên nhiều tai hại, nhưng hẳn sẽ không có cuộc Tàn Sát [người Do Thái] và không có chiến tranh. Những vấn đề kì thị chủng tộc, chống Do Thái, chủ nghĩa ưu tú, và nguyên tắc lãnh đạo đã có thể là những đối tượng để tấn công cho những đối thủ của Đức Quốc Xã -- đối chiếu với những gì thực sự đã xảy ra vào Đệ Nhị Thế Chiến. Sự chấp nhận các chế tài bất bạo động và bỏ rơi các chế tài bạo động bởi những nhóm có những quan điểm và những mục đích mà chúng ta xem như là không công chính là một sự thay đổi cần

được đón mời như là một bước rất giới hạn nhưng quan trọng tiến đến những thay đổi cơ bản hơn cần phải có.

Nếu những nhóm sử dụng các chế tài bất bạo động cho những ý đồ “không công chính” và áp dụng những chế tài này đối với một phong trào đòi thay đổi cũng đang sử dụng những chế tài bất bạo động thì tốt đẹp hơn là những nhóm đó sử dụng những chế tài bạo động để đạt cùng những mục đích như vậy. Lí do là vì những hậu quả riêng rẽ và xã hội của ngay cả việc sử dụng các chế tài bất bạo động như thế vẫn tốt hơn là những hậu quả của các chế tài bạo động.

Những Tác Dụng Của Các Chế Tài Bất Bạo Động

Chế tài bất bạo động, so với chế tài bạo động, sẽ có khuynh hướng:

- đem lại ít đau khổ, thương tích, và chết chóc hơn rất nhiều;
- về phương diện tâm lí ít tác hại hơn đối với những người tham dự (Franz Fanon thu thập tài liệu về tác hại tâm lí đối với những người sử dụng bạo lực cho những mục đích cách mạng,¹⁶ và những tổn thương như thế của những quân nhân Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng được nhiều người biết đến);
- tác động sâu xa lên tiến trình của cuộc đấu tranh bằng cách giảm thiểu sự leo thang của sự phá huỷ vật chất và xã hội, và đưa vào những động năng đem lại những kết quả không những ít gây tác hại mà ngay cả còn có lợi nữa;
- giúp duy trì sự chú trọng vào những vấn đề được nêu ra trong cuộc đấu tranh, hơn là đi lệch theo những việc khác, do đó mở đường cho một giải pháp lâu dài cho những vấn đề nói trên;
- đóng góp vào những chuyển đổi quan trọng về các tương quan lực lượng theo chiều hướng phân tán quyền lực và tăng cường khả năng cho quần chúng; và
- đóng góp vào việc phát triển một giai đoạn mới cho việc áp dụng chế tài trong các xã hội chính trị mà trong đó người ta đang tiến hành những cuộc xung đột gắt gao chưa được giải quyết bằng cách cả hai phe đều sử dụng những chế tài bất bạo động, thay vì bạo động chống bạo động.

Nhân tố cuối cùng này có khuynh hướng đưa đến việc làm cho các chế tài bất bạo động được tinh xảo theo nhiều phương cách khác nhau. Những phương cách này bao gồm gia tăng việc duyệt xét các nhân tố đóng góp vào thành công, những nhân tố liên quan đến con người liên hệ đến cuộc đấu tranh, và nhu cầu cải tiến sự thông cảm lẫn nhau. Có lẽ quan trọng nhất là những việc sử dụng các chế tài bất bạo động cho

những mục đích “không công chính” và như là những chế tài để chống lại những thách thức của đấu tranh bất bạo động sẽ đóng góp vào việc tách rời ra khỏi tập quán cũ dùng các chế tài bạo động để chống lại chế tài bạo động với hậu quả tập trung quyền lực hữu hiệu, thu tóm ráo riết bạo lực chính trị được định chế hoá, và tiềm lực về những hậu quả trầm trọng.

Đảo Ngược Chiều Hướng

Những chính sách hiện tại nhằm giải quyết những vấn đề trọng đại của chúng ta không có cơ sở để được khuyến khích, và cũng không phải dễ dàng cũng như không phải không có nguy hiểm. Nếu không có một cái gì mới bắt đầu đảo ngược chiều hướng hiện tại của chúng ta, thì con đường đi vào tương lai của chúng ta thật là mờ tối. Những công cụ có sẵn cho các Nhà Nước tân tiến để điều hành những nền độc tài, thực hiện diệt chủng, tiến hành chiến tranh, và hỗ trợ áp bức xã hội cứ tiếp tục được làm cho tinh xảo hơn và tiếp tục tăng trưởng. Mệnh lệnh xã hội là chúng ta phải đảo ngược chiều hướng này.

Chúng ta cần không những chỉ những phương cách để lật đổ một nền độc tài nào đó mà thôi. Chúng ta cần phát triển khả năng ngăn chặn sự phát triển của bất cứ nền độc tài nào. Chúng ta không nên chỉ than vãn nạn diệt chủng trong quá khứ. Niềm danh dự lớn lao nhất đối với những nạn nhân của vụ Tàn Sát [người Do Thái], những người Armenians đã chết, và nhiều người khác nữa, sẽ là học hỏi được làm cách nào để ngăn chặn không cho nạn diệt chủng bao giờ xảy ra nữa. Nhu cầu của chúng ta không phải chỉ là những chính sách giúp chúng ta có khả năng sống còn hoặc giới hạn chiến tranh. Chúng ta cần ngăn chặn chiến tranh bằng cách kiếm một phương tiện chiến đấu khác và phát huy khả năng không cho những kẻ tấn công trong tương lai đạt được những mục tiêu của họ. Chúng ta không cần những loại chống đối áp bức xã hội hay những chương trình giải phóng chỉ đem lại sự bất lực liên tục của người dân, hoặc tệ hơn, một hệ thống nô lệ chính trị mới nhân danh người dân. Thay vì như vậy, chúng ta cần tái cấu trúc các cơ chế của con người và tạo dễ dàng cho khả năng tự cường để không có ai có thể áp bức chúng ta nữa.

Những phân tích trong tập sách này đã hướng đến một cái khung sườn tổng quát cho những thay đổi để giải quyết những vấn đề này và để đáp ứng những nhu cầu của con người một cách đầy đủ hơn, đòi hỏi cả những thay đổi về các tổ chức lẫn thể loại chế tài mà chúng ta trông cậy vào. Bây giờ chúng ta cần phát triển những điều này thành những thành phần then chốt của một chương trình toàn diện để tạo một sự thay đổi có thể chấp nhận được:

1. Một chương trình xây dựng¹⁷ để tạo nên những tổ chức mới và đổi mới và hồi sinh các tổ chức cũ hầu đáp ứng các nhu cầu của con người một cách đầy đủ hơn; và

2. Phát huy các khả năng áp dụng các chế tài bất bạo động thay cho các chế tài bạo động để đáp ứng những nhu cầu đặc biệt trong một loạt những thay thế tiệm tiến.

Những thành phần cốt yếu của một đại chiến lược chính trị cho công việc, cho giải pháp, và cho canh tân lệ thuộc vào những phương tiện có khả năng nội tại phân tán, thay vì tập trung quyền làm quyết định và quyền lực hữu hiệu, tăng cường các tổ chức độc lập của xã hội, và khích động tự lực. Bởi vì tăng cường khả năng cho dân chúng là một phần thiết yếu để chấm dứt áp bức, những phương tiện này, về dài hạn, có khuynh hướng hữu hiệu cho mục đích này hơn là bạo động chính trị công khai hay là trông cậy vào hành động của Nhà Nước trung ương, dù là bằng pháp lí, bằng các sắc lệnh, hay là bằng quyết định tư pháp. Kinh nghiệm về cả hai loại sinh hoạt cũng có thể gia tăng khả năng của dân chúng tự đương đầu với những vấn đề khác đang đe dọa họ và tự lực giải quyết những khó khăn trong tương lai.

Một Chương Trình Xây Dựng

Một chương trình xây dựng gồm có nhiều sinh hoạt khác nhau để sửa đổi những vấn đề xã hội và đáp ứng những nhu cầu của con người một cách thoả đáng hơn. Chương trình thực hiện điều này bằng cách thay đổi các thái độ, những cách hành xử của xã hội, và các tổ chức với những phương tiện hoạt động tự nguyện có tổ chức, bao gồm việc tạo dựng nên những tổ chức mới và đôi lúc cải tiến những tổ chức hiện hành. Chương trình xây dựng đã từng được mô tả như là cái giàn giáo mà trên đó cơ cấu của xã hội mới sẽ được xây dựng. Những lãnh vực khác nhau của một chương trình xây dựng được quan niệm như là một chương trình chòng chéo nhau về tái thiết xã hội, mà ở trong đó những sinh hoạt tự trị của nhiều tổ chức và nhóm đóng góp vào một chương trình phát triển xây dựng và thay đổi đồng bộ, nhưng uyển chuyển.

Xét định tiềm năng của sự đóng góp vào sự thay đổi khả thi này là một việc đáng làm, như là một thay thế cho cả những tình trạng hiện hành lẫn hành động liên tục bành trướng của Nhà Nước ngõ hầu sửa đổi những tệ đoan xã hội và đáp ứng các nhu cầu của con người. Việc thiết lập một chương trình xây dựng toàn diện đòi hỏi những nỗ lực lớn lao của nhiều người và nhóm người có những kinh nghiệm khác biệt, những khả năng phân tích, chuyên môn, và các kĩ năng. Những ngành bao quát thích hợp

của công việc sẽ gồm có những vấn đề cần phải được giải quyết, những vấn đề thắc mắc, và những giải pháp thay thế, về xã hội, văn hoá, giáo dục, chính trị, kinh tế, và môi sinh. Những lãnh vực cụ thể của công việc và những công tác để thực thi những lãnh vực này cần phải được chọn lựa từ trong những ngành bao quát này, tùy theo các nhu cầu của từng xã hội riêng biệt. Những công tác này sẽ được thực thi bởi sự hỗn hợp của hoạt động của những cá nhân, của các nhóm, và của các tổ chức, độc lập với cả những công ti kích xù lẫn bộ máy Nhà Nước, để vừa giải quyết nhu cầu cụ thể vừa đồng thời tăng cường khả năng của xã hội như là một tổng thể.

Tìm Hiểu Những Thay Thế Bất Bạo Động

Thành phần then chốt thứ hai của một chương trình toàn diện cho sự thay đổi có thể chấp nhận được là phát huy những khả năng dùng các chế tài bất bạo động thay thế cho các chế tài bạo động để đáp ứng đủ loại nhu cầu có tính xã hội và chính trị về chế tài. Điều này đòi hỏi một sự tìm hiểu nghiêm túc về tiềm năng của các chế tài bất bạo động, và, nơi nào mà những chế tài này khả thi hoặc có thể được làm cho khả thi, thì đòi hỏi sự thiết kế và thực thi những kế hoạch dùng các chế tài bất bạo động thay thế cho các chế tài bạo động để đáp ứng những nhu cầu, mà để thoả mãn những nhu cầu này, dân chúng thường trông cậy vào các chế tài bạo động. Thành phần này đôi lúc đi trước và có khi lại vận hành song song với chương trình xây dựng. Việc tìm hiểu và chấp thuận các chế tài bất bạo động không cần, và không nên, đợi cho đến khi sự thay đổi cơ chế đã đến giai đoạn tiên tiến.

Trách nhiệm của chúng ta ở đây gồm có ba công tác: (1) kiểm tra những tài nguyên mà chúng ta có thể rút ra được, nghĩa là, học hỏi thêm về bản chất, hiệu lực, và tiềm năng của các chế tài bất bạo động; (2) quyết định vào một thời điểm nào đó đâu là mức độ và phương tiện theo đó các chế tài bất bạo động có thể thay thế được cho các chế tài bạo động; và (3) tiến hành những bước này như là một phần của một loạt những thay thế khác. Trong mỗi một công tác này, cần có sự tham gia năng động của nhiều người trong việc điều tra, giáo dục, suy tư, thiết kế, việc làm và hành động. Do đó, mỗi một người trong chúng ta đều có công tác và trách nhiệm.

Công tác đầu tiên trong số những công tác này gồm có, ngoài những phần khác, giáo dục về bản chất của các chế tài bất bạo động thay thế và về các tổ chức phi tập trung. Sự giáo dục này bao gồm cả sự giáo dục được cung ứng bên trong những cơ chế giáo dục chính thức lẫn sự giáo

dục bằng những phương cách phân tán và ít được cơ chế hoá hơn, được cung cấp cho những thành viên của quảng đại quần chúng. Chúng ta hãy thảo luận từng điểm một.

Những cơ sở giáo dục không bao giờ được trở thành những công cụ cho việc nhồi sọ hoặc bóp méo bằng cách chọn lựa bộ môn học một cách thiên lệch. Tuy nhiên, sửa đổi những thiên lệch về lựa chọn của quá khứ trong việc chọn lựa môn học không những hợp lí mà còn cần phải làm nữa. Những thiên lệch này có thể đã phát xuất từ những tiên kiến mà người ta đã có và từ những quan điểm của những nhóm đặc biệt. Nhiều đề tài và ngành học đã từng bị xem thường, xuyên tạc, hoặc loại bỏ ra khỏi học trình. Những thiên lệch này cần phải được sửa sai bằng cách đưa vào thêm những môn học và kiến thức quan trọng. Ví dụ, đòi hỏi cần thêm một loạt những khoá học và sách giáo khoa về lịch sử của chúng ta, chẳng hạn. Ngành sử học đặc biệt quan trọng, bởi vì dựa trên căn bản sự hiểu biết của chúng ta về những gì đã xảy ra trong quá khứ, chúng ta có thể hun đúc nhận định của chúng ta về những gì đang xảy ra trong hiện tại và đâu là những giải pháp mà chúng ta có thể chọn lựa để kiến tạo xã hội của chúng ta trong tương lai. Vì vậy, việc quá nhiều sách giáo khoa và khoá học chủ yếu chỉ chú trọng đến các cuộc chiến tranh và những hành động của những vị vua, hoàng đế, và tổng thống nhiều quyền lực, mà sao nhãng hoặc xem thường những cuộc đấu tranh bất bạo động quan trọng, sự kiện nhân dân tự quản, những hình thái quản trị phi Nhà Nước, những đơn vị chính trị nhỏ, những phong trào quần chúng sửa sai những tệ đoan xã hội của thời đại và kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn, là một vấn đề nghiêm trọng và thực ra nguy hiểm về phương diện chính trị. Đòi hỏi cần phải có toàn bộ một loạt thêm học liệu vào những lịch sử của chúng ta để cân bằng tài liệu. Cũng cần phải bổ túc những bộ môn trong những ngành khác như thế.

Thường thì cũng sẽ có nhu cầu cho những khoá học đặc biệt. Những khoá học này bao gồm việc giúp học viên học làm thế nào để làm những quyết định nhóm, làm thế nào phát huy các kĩ năng để sự tham dự của nhóm có hiệu lực, làm thế nào để giải quyết xung khắc, làm thế nào để phân tách và giải quyết các vấn đề, và những điều khác nữa. Khẩn trương đòi hỏi cần phải có những khoá học đặc biệt về đấu tranh bất bạo động trong mọi cơ chế giáo dục của chúng ta ở mọi cấp từ bậc tiểu học đến bậc cao học tại các đại học.*

Quảng đại quần chúng phần lớn vẫn không biết được kĩ thuật bất bạo động này vận hành như thế nào, lịch sử của nó, các yêu cầu của nó, làm

* Xem Phụ Lục E, "Hai Mươi Bước Thiết Lập và Lượng Giá Các Chế Tài Bất Bạo Động."

thế nào để áp dụng kĩ thuật này để đạt được hiệu lực tối đa, và những hệ quả của nó. Có thể sửa sai sự sao nhãng trong quá khứ, và đem đến cho chế tài bất bạo động đủ loại công cụ để gia tăng kiến thức của chúng ta về các chế tài này. Kiến thức này và nhiều quan điểm khác về các giải pháp bất bạo động thay thế lúc bấy giờ có thể được cung cấp cho công chúng bằng nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm những khoá giáo dục tráng niên, nhật báo, báo định kì, đài phát thanh, truyền hình, và sách. Những phương tiện này còn có thể được sử dụng để khuyến khích thảo luận phê bình và đánh giá các giải pháp chọn lựa. Sự phổ biến kiến thức về các chế tài bất bạo động này sẽ làm cho người ta có khả năng duyệt xét chúng một cách thông minh. Đến mức độ mà người ta thấy được giá trị và tiềm năng của những giải pháp này, thì người ta có lẽ có thể có thiện cảm với việc tìm hiểu một cách nghiêm túc và chấp thuận các chế tài bất bạo động thay cho các chế tài bạo động. Đây là một điều cần thiết, chẳng hạn, trước khi hay trong thời gian có một cuộc duyệt xét nghiêm túc về tiềm năng của một chánh sách phòng vệ dựa trên căn bản dân sự, hay là bất cứ một sự chuyển đổi chính thức nào khác qua các chế tài bất bạo động thay thế.

Dù có hay không có cơ hội duyệt xét công khai và chính thức những giá trị có thể có được của việc chuyển đổi qua các chế tài bất bạo động, một sự hiểu biết được gia tăng của dân chúng về các chế tài này cũng có lẽ có thể đem lại những hiệu quả quan trọng cho việc phân phối quyền lực hữu hiệu trong xã hội chính trị. Kiến thức về bản chất và cách sử dụng của đấu tranh bất bạo động là một tiềm năng về quyền lực. Có kiến thức mới về giải pháp này và sự tin tưởng vào khả năng của nó, người ta, trong những hoàn cảnh mà họ, nếu không có kiến thức này, thường chịu khuất phục một cách thụ động, bị dẫm nát, hoặc sử dụng bạo lực, thì có lẽ sẽ có khuynh hướng áp dụng những chế tài bất bạo động nhiều hơn. Điều này sẽ vừa giúp họ đương đầu với những cuộc xung đột nghiêm trọng và đích thực của thời đại chúng ta bằng những hành động của họ, vừa đồng thời tránh được sự phá huỷ và các cạm bẫy của bạo lực chính trị.

Kiến thức về cách làm thế nào để hành động, làm thế nào để tổ chức, và làm thế nào để chuyển hoá một cách tài tình sức mạnh của mình thành sức mạnh hữu hiệu trong cuộc đấu tranh bất bạo động sẽ đem lại khả năng, ngay cả cho những người, mà nếu không có kiến thức này, hẳn đã bị tước quyền công dân, những người mà cánh cửa đưa đến tham dự vào các tổ chức ảnh hưởng đến đời sống của họ đã bị đóng kín và không bao giờ còn mở ra nữa, sử dụng sức mạnh hữu hiệu và tham gia vào việc quyết định đời sống và xã hội của chính họ. Khi có những cản trở ngăn chặn sự phát triển hoặc sự điều hành của những bộ phận của chương trình xây dựng, thì người ta có khả năng dẹp bỏ những cản trở này để

tiếp tục công việc trở lại ngõ hầu giải quyết những vấn đề hiện tại và xây dựng các cơ chế dân chủ.

Dùng Chế Tài Bất Bạo Động Để Thay Thế

Hiệu lực của loại chế tài này không phải chỉ là kết quả của tinh thần hay ý chí muốn thay đổi. Ngoài những thành tố cảm xúc, còn có một yếu tố gần như là kĩ thuật trong việc làm thế nào để áp dụng các chế tài bất bạo động để có được hiệu lực tối đa. Điều này bao gồm những vấn đề như là tổ chức, chiến lược và chiến thuật, chọn lựa những lợi thế chiến lược cụ thể, kỉ luật nhóm, và các phản ứng đối với các chế tài của đối phương. Về những điều này và các lãnh vực khác nữa, chúng ta có thể học hỏi làm thế nào để sử dụng chúng một cách tinh nhuệ hơn. Chúng ta có thể tạo ra các tài nguyên, chuẩn bị, và thiết lập những chương trình huấn luyện để áp dụng hữu hiệu các chế tài bất bạo động cho những mục đích khác nhau thay cho các chế tài bạo động. Những bước khác nhau này là vấn đề quan trọng trong việc dùng các chế tài bất bạo động để thay thế các chế tài bạo động.

Như đã thảo luận trước đây, các chế tài bất bạo động đã thay thế cho các chế tài bạo động trong nhiều hoàn cảnh. Những thay thế này do đó, trên nguyên tắc, có thể thực hiện được.* Với nền tảng của sự nghiên cứu đề nghị, của những tra cứu các chính sách, của huấn luyện, và của các chuẩn bị, thì những thay thế có chủ ý nhiều hơn nữa hẳn phải thực hiện được. Những thay thế này bao gồm những thay thế khởi đầu chưa được cơ chế hoá (như những cuộc đấu tranh đòi thay đổi trong xã hội và trong hệ thống chính trị), và những thay thế mà ngay từ lúc bắt đầu đã được cơ chế hoá (như là những chuyển đổi có chủ ý qua những chế tài bất bạo động để điều hành và duy trì hệ thống). Những thay thế này có thể bắt đầu một cách chậm rãi và với sự suy nghĩ có cân nhắc trong cùng hoàn cảnh. Những thay thế này có thể phát triển rất nhanh trong những trường hợp khác.

Với sự xuất hiện của những chế tài bất bạo động thay thế hữu hiệu, một con đường mới sẽ được mở ra cho việc giải quyết vấn đề bạo lực chính trị. Lúc bấy giờ người ta sẽ không còn phải chọn giữa việc sử dụng bạo lực và việc chấp nhận sự phi nghĩa lí về chính trị. Họ sẽ có giải pháp chế tài bất bạo động hữu hiệu. Những chế tài thay thế này sẽ bẻ gãy chu kì

* Xem Chương Chín, "Tương Đương Về Chính Trị Với Chiến Tranh – Phòng Vệ Dựa trên Căn Bản Dân Sự," và Chương Mười Một, "Phạm Trù Xã Hội," Cần tài liệu đầy đủ hơn, y/c xem Sharp, *Chính Trị Của Hành Động Bất Bạo Động*.

của sự cần thiết giả định là mỗi phe trong một cuộc xung đột sẽ phải dùng bạo lực để chống lại bạo lực của đối phương. Sẽ không còn cần phải hoãn lại cho đến khi một hoàn cảnh xa xăm nào đó của một niết bàn chính trị xuất hiện, hay là hoãn lại một cách vô vọng ngõ hầu tranh thủ cho được một số đông những người tân tòng theo những chủ thuyết có tính đạo đức cấm chỉ mọi hình thức bạo động. Người ta sẽ có thể bắt đầu những thay đổi cụ thể quan trọng trong cái thế giới hết sức là không toàn hảo và nguy hiểm này bằng cách tạo ra và dùng những chế tài bắt bạo động để thay thế cho các chế tài bạo động.

Một vài trong số những nhu cầu tổng quát mà để đáp ứng những nhu cầu đó, các chế tài bắt bạo động có thể thay thế cho các chế tài bạo động là:

- buộc thi hành những tiêu chuẩn tối thiểu về hành vi xã hội có thể chấp nhận được;
- điều động những cuộc xung đột mà cả hai phe đều tin là họ không thể thoả hiệp mà không vi phạm những nguyên tắc của mình;
- sửa đổi những sai lầm chống lại những nhóm nào đó;
- bảo vệ những quyền tự do căn bản;
- giải phóng và cách mạng chống lại áp bức;
- bảo vệ hệ thống hiến pháp chống lại những tiếm quyền tại quốc nội (như là một cuộc đảo chánh); và
- quốc phòng chống lại xâm lược và chiếm đóng của ngoại bang.

Một vài điều trên đây đã được thảo luận trong các chương trước.

Có hai câu hỏi quan trọng được đặt ra từ điểm này: Các chế tài bắt bạo động có thể hữu hiệu trong việc đáp ứng những nhu cầu cụ thể về chế tài cho mỗi một hoàn cảnh đặc biệt không? Có thể thực hiện được những thay thế một cách thành công hay không, nếu được thì bằng cách nào? Những câu hỏi này đòi hỏi rất nhiều chú tâm cho từng trường hợp một mà trong đó người ta dự định thực hiện một sự thay thế.

Sự thay đổi về chế tài do đó *không* phải là một sự chấp nhận hoàn toàn một lối sống mới bởi toàn thể dân chúng, cũng không phải là một sự biến thái đột ngột toàn bộ của toàn thể xã hội. Thay vì như vậy thì sẽ là một nỗ lực bao quát gồm nhiều giai đoạn trong suốt nhiều năm hay nhiều thập kỷ để tạo ra và dùng các chế tài bắt bạo động thay thế cho các chế tài bạo động, tiến từ thay thế này đến thay thế khác, thay thế cho những chức năng mà xã hội của chúng ta đòi hỏi phải có những chế tài hữu hiệu một cách hợp pháp và ngày nay đang trông cậy vào các chế tài bạo động. Đôi khi có nhiều hơn là một sự thay thế như thế có thể xảy ra cùng một lúc. Khi những thay đổi cụ thể như thế đang diễn tiến, thì sự năng động đã được chứng tỏ của những chế tài bắt bạo động thay thế được dùng cho một mục đích nào đó có thể tạo dễ dàng cho việc duyệt xét những thay

thể tương tự cho những mục đích khác. Tuy nhiên, đòi hỏi cần phải có những thích nghi và chuẩn bị rõ rệt cho mỗi một thay thế cụ thể ở nơi nào mà sự chuyển đổi sẽ phải được cơ chế hoá trong hệ thống. Theo đó, những thay đổi sẽ theo từng giai đoạn mà giảm thiểu sự trông cậy tổng quát vào bạo lực chính trị được định chế hoá và vào bạo lực chính trị không được định chế hoá được sử dụng cho tất cả mọi mục đích. Những hệ quả của điều này, như đã thảo luận trong chương trước, sẽ sâu xa.

Tăng Cường Khả Năng Dân Chúng

Các chế tài bất bạo động thay thế cho các chế tài bạo động ở một tầm mức lớn sẽ có khuynh hướng đưa đến những hệ quả nền tảng cho xã hội. Những hệ quả này sẽ vượt quá giới hạn của việc đáp ứng nhu cầu về chế tài và hiệu lực ngắn hạn của các chế tài bất bạo động đối với một vấn đề tranh cãi hay một cơ hội nào đó. Những hiệu quả phân tán quyền lực đối với cấu trúc của xã hội chính trị đã được thảo luận trước đây trong chương này. Các chế tài bất bạo động còn đóng góp vào việc quân phân quyền lực bằng cách tăng cường khả năng của dân chúng như là một tập thể học hỏi làm cách nào để áp dụng các chế tài này. Sự kết hợp của hai hiệu quả này của chế tài bất bạo động có thể đem lại những kết quả sâu đậm. Điều này trao cho chúng ta một cái “cán” để nắm lấy vấn đề làm thế nào để đưa xã hội của chúng ta đến gần với những lí tưởng mà xã hội hằng đeo đuổi.

Dân chúng được vũ trang bằng cả hai thứ, cả khả năng tổ chức và làm việc chung với nhau để tranh thủ những mục đích tích cực về các lãnh vực của chương trình xây dựng lẫn khả năng áp dụng kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, sẽ không cần phải tìm kiếm “ai đó” để cứu họ -- “chính quyền,” “Đảng,” hay là nhà “lãnh đạo” mới đây nhất. Thay vì như vậy, họ sẽ có khả năng để tự cứu lấy mình, ngay cả trong những hoàn cảnh cực đoan. Richard Gregg đã nêu lên hiệu quả này của chế tài bất bạo động vào những năm 1930 khi ông viết:

Cải cách sẽ chỉ tồn tại nếu quần chúng thủ đắc và duy trì được khả năng thực hiện một phủ quyết cứng rắn bằng cách đối kháng bất bạo động tập thể... Do đó, các nhà cải cách có lẽ sẽ khôn ngoan hơn nếu đặt ít chú trọng vào việc cổ võ những thay đổi đặc biệt của họ và nên tập trung vào việc giáo dục đối kháng bất bạo động. Một khi đã thông thạo với công cụ này rồi, thì chúng ta có thể thực hiện được đủ loại cải cách vững bền.¹⁸

Tăng cường khả năng cho dân chúng sẽ giúp người ta làm cho tự do được hồi sinh, lâu bền và đích thực hơn; sẽ làm cho họ có thể chấm dứt được áp bức xã hội bằng những nỗ lực trực tiếp của dân chúng biến

những nạn nhân bất lực thành các chủ nhân ông của sinh mệnh của chính mình. Khả năng này cũng còn có thể tăng cường khả năng cho những nạn nhân có thể có của nạn diệt chủng và những người khác kháng cự lại một cách thành công bất cứ nỗ lực tàn sát nào trong tương lai. Tăng cường khả năng cho dân chúng sẽ còn giúp người ta rũ bỏ, duy trì sự độc lập đối với, sự thống trị từ trong nước hay của một nhóm lãnh đạo nhỏ từ ngoài nước, bằng cách đánh bại những nỗ lực tiếm quyền quốc nội và xâm lược quốc tế bằng cách đấu tranh dân sự. Bởi vì các chế tài này được xây dựng trên bản chất căn bản của mọi quyền lực xã hội và chính trị, nên một khi được củng cố bởi huấn luyện và các chuẩn bị, thì chúng sẽ tạo nên khả năng thực hiện những thay đổi có thể chấp nhận được trong các xã hội chính trị một cách nhanh chóng mà người ta thường nghĩ là không thể thực hiện được ngoại trừ trong tương lai rất xa.

Loại thay đổi xã hội này không thể thực hiện được *giùm cho* người dân, dù bằng bất cứ phương tiện nào, dù ai là người đưa ra nỗ lực này – ‘những người tốt lành,’ ‘những người bảo thủ thực thụ,’ ‘Đảng,’ ‘những người theo chủ thuyết tự do đích thực,’ hay là ‘những người cấp tiến chính tông’ đi nữa. Thay vì thế, việc thực tập suy nghĩ lại về chính trị này dẫn đến một tiến trình mà đại bộ phận dân chúng, bao gồm nhiều người với những tài năng khác nhau cùng làm việc qua nhiều tổ chức, có thể khởi đầu và theo dõi trên căn bản dài hạn. Đây là một tiến trình mà theo đó người ta hành động để kiến tạo hiện tại, và đồng thời gia tăng khả năng hành động để quyết định tương lai của mình.

Quan niệm về thay đổi có thể chấp nhận được như đã được trình bày trong tập sách này không thể đưa ra một phương thuốc chữa bá bệnh được, không có con đường dễ dàng, không có sự an toàn được bảo đảm, không có bảo đảm về thành công trong mọi lãnh vực và mọi trường hợp. Tuy nhiên, vẫn có thể là chúng ta đóng góp được một cách có chủ ý vào việc tạo nên một kỉ nguyên mới cho lịch sử của nhân loại. Chúng ta có thể giải quyết được những vấn đề sắc nhọn mà chúng ta đã từng phải đối đầu từ lâu nay. Chúng ta có thể đang ở ngay ngưỡng cửa tìm thấy những khả năng mới của con người, mà chúng ta có thể phát huy nếu chúng ta muốn, để cho con người có thể chiếm lại, hay đối với nhiều người thì là lần đầu tiên đạt được, cái khả năng làm chủ sinh mệnh của chính mình.

Ghi Chú

¹Krishnalal Shridharani, *Chiến Tranh Không Bạo Lực: Một Nghiên Cứu Về Phương Pháp Của Gandhi và Các Thành Quả* (New York: Hartcourt Brace, 1939, và tái bản New York và London: Garland Publishing, 1972), t. 260.

²Bertrand De Jouvenel, *Về Quyền Lực: Bản Chất Và Lịch Sử Tăng Trưởng* (Boston: Beacon Press, 1962 [1948]), tt. 12-13.

³Gene Sharp, *Chính Trị Của Hành Động Bất Bạo Động* (Boston: Porter Sargent Publisher, 1973), tt.10-11.

⁴Karl Mannheim, *Con Người Và Xã Hội Trong Thời Đại Tái Thiết: Những Nghiên Cứu Về Cơ Cấu Xã Hội Tân Tiến* (New York: Hartcourt Brace, và London: Routledge & Kegan Paul, 1949), t.48.

⁵Như trên.

⁶Như trên. Những chữ nghiêng là của Mannheim.

⁷Karl Mannheim, *Chẩn Đoán Thời Đại Của Chúng Ta: Những Tiểu Luận Về Thời Chiến Của Một Nhà Xã Hội Học* (London: Routledge, 1966 [1943], t.10. Muốn có những thảo luận trước đây về các khó khăn của những cuộc đấu tranh bất bạo động trong những điều kiện tân tiến, xem thêm Aldous Huxley, *Cứu Cánh Và Phương Tiện: Một Điều Tra Về Bản Chất Của Các Lí Tưởng và Về Những Phương Pháp Được Sử Dụng Để Thực Hiện Các Lí Tưởng Đó* (London: Chatto & Windus, 1938), và Barthelemy De Ligt, *Chinh Phục Bạo Lực: Một Tiểu Luận Về Chiến Tranh Và Cách Mạng* (New York: E.P. Dutton, 1938, và London: Geo. Routledge & Sons, 1937, và New York: Garland Publishing, 1972), tt.70-85.

⁸Mannheim, *Con Người Và Xã Hội Trong Thời Đại Tái Thiết*, t.49, số 2.

⁹Về đảo chánh, xem D.J. Goodspeed, *Những Kẻ Âm Mưu: Một Nghiên Cứu Về Đảo Chánh* (Toronto: Mcmillan, 1962); William Andrews và Uri Ra'anan, *Chính Trị Của Đảo Chánh: Nghiên Cứu Về Năm Trường Hợp* (New York: Van Nostrand Reinhold, 1969); S.E. Finer, *Người Trên Lưng Ngựa: Vai Trò Của Quân Đội Trong Chính Trị* (Harmondsworth, Middlesex, and Baltimore, Maryland: Penguin Books, 1976 [1962]); Edward Luttwak, *Đảo Chánh: Một Cẩm Nang Thực Tiễn* (New York: Alfred A. Knopf, 1969); Ruth First, *Quyền Lực Ở Phi Châu: Quyền Lực Chính Trị Ở Phi Châu và Đảo Chánh* (New York: Pantheon Books, 1970); và Eric A. Nordlinger, *Binh Lính Trong Chính Trị: Những Vụ Đảo Chánh Quân Sự Và Các Chính Quyền* (Englewood Clifts, N.J.: Prentice Hall, 1977).

¹⁰Về chiến tranh du kích, xem Franklin Mark Osanka, bt., *Chiến Tranh Du Kích Hiện Đại* (New York: Free Press of Glencoe, 1962); Mao Tse Tung, *Tuyển Tập Quân Sự Của Mao Trạch Đông* (Peking: Foreign Languages Press, 1966); John Gerassi, bt., *Chúng Ta Sẽ Thắng! Các Diễn Văn Và Tác Phẩm Của Ernesto Che Guevara* (New York: Macmillan Co., 1968), Chương 2,7,9,21,23,31, và 35; Charles W. Theyer, *Du Kích* (New York: Harper & Row, 1963); George K. Tanham, *Chiến Tranh Cách Mạng Cộng Sản: Việt Minh Ở Đông Dương* (London: Methuen, 1962); và Peter Paret và John W. Shy, *Du Kích Trong Những Năm 1960* (Bản sửa đổi; New York: Frederick A. Praeger cho Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Tế, Đại Học Princeton, 1962).

¹¹Mao Tse Tung, "Về Chiến Tranh Trường Kỳ," trong *Tuyển Tập Quân Sự Của Mao Trạch Đông*, t.246, xem thêm tt.210-217 và t.247.

¹²Aldous Huxley, "Dẫn Nhập" cho Barthelemy de Ligt, *Chiến Thắng Bạo Lực*, t.x

¹³Xem Quincy Wright, *Một Nghiên Cứu Về Chiến Tranh* (Chicago: University of Chicago Press, 1942), Tập I, tt.232-242,302, và đặc biệt 311; Bronislaw Malinowski, "Một Phân Tích Nhân Chứng Học Về Chiến Tranh," *American Journal of Sociology*, Tập XLVI, số 4, đặc biệt là t.545; và B. Malinowski, *Tự Do Và Văn Minh* (New York: Roy Publishers,1944), đặc biệt là tt.265 và 305.

¹⁴Harijan, 21 tháng Chín, 1934, t.250; trích từ Gopi Nath Dhawan, *Triết Lí Chính Trị Của Mahatma Gandhi* (Bản sửa đổi thứ ba; Ahmedabad: Navajivan, 1962 [1957]), t.276.

¹⁵Robert K. Merton, *Lí thuyết Xã Hội Và Cơ Cấu Xã Hội* (Glencoe: Ill.: Free Press, 1949), t.52.

¹⁶Franz Fannon, *Những Kẻ Khốn Cùng Của Trái Đất* (chuyển ngữ bởi Constance Farrington; New York: Grove Press, Evergreen Black Cat Edition, 1968), "Chiến Tranh Thuộc Địa Và Những Rối Loạn Tâm Thần," tt.249-310.

¹⁷Về lí thuyết và các thành phần trong chương trình xây dựng của Gandhi, xem Gene Sharp, *Gandhi Như Là Một Chiến Lược Gia Chính Trị, Với Những Tiểu Luận Về Đạo Đức Học Và Chính Trị* (Boston: Porter Sargent Publishers, 1979), Chương Năm, "Lí Thuyết Về Chương Trình Xây Dựng Của Gandhi,"tt.77-86.

¹⁸Richard Gregg, *Sức Mạnh Của Bất Bạo Động* (Bản sửa đổi hai; New York: Schocken, 1966, và London: James Clark, 1960), t.146.

